



BỘ TƯ PHÁP



CHÍNH PHỦ THỤY ĐIỂN



CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN
LIÊN HỢP QUỐC

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ QUỐC GIA VỀ THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

05/2022



“Báo cáo đánh giá cơ sở quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm của doanh nghiệp tại Việt Nam” được thực hiện trong khuôn khổ Dự án Kinh doanh có trách nhiệm do Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) Việt Nam phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện dưới sự hỗ trợ của Chính phủ Thụy Điển.

Nhóm nghiên cứu

Ls. Nguyễn Hưng Quang, Trưởng nhóm nghiên cứu – Giám đốc VPLS NHQuang&Công sự
Ts. Bùi Thị Thanh Hằng, Thành viên - Giảng viên Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
Ths. Lê Thị Thúy Nga, Thành viên - Nghiên cứu viên Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp
Ths. Đoàn Thanh Huyền, Thành viên - Giảng viên Đại học Luật Hà Nội

Và các thành viên của Văn phòng luật sư NHQuang& Công sự tham gia nghiên cứu gồm: Từ Thị Phương Uyên, Lê Gia Khánh, Nguyễn Thị Kim Anh, Nguyễn Văn Hải Đăng, Nguyễn Quốc Khánh và Võ Thụy Xuân Diệp.

Quan điểm trong nghiên cứu này là của các tác giả và không đại diện cho Bộ Tư pháp cũng như bất kỳ cơ quan nào thuộc Chính phủ Việt Nam, Chính phủ Thụy Điển hoặc UNDP Việt Nam.

2022

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	7
GIỚI THIỆU	20
CHƯƠNG I. ĐẦU TƯ CHỌN LỌC	26
1.1 Các vấn đề bất cập hiện nay	28
1.1.1 Đầu tư gắn với sử dụng đất hiệu quả và hài hoà lợi ích cộng đồng	28
1.1.2. Đầu tư gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.....	32
1.1.3. <i>Đầu tư với tạo việc làm và chất lượng việc làm</i>	41
1.1.4 <i>Các cơ chế khắc phục còn chưa hiệu quả</i>	43
1.2 Đề xuất giải pháp.....	44
1.2.1 Đối với Nhà nước – Nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm	44
1.2.2 Đối với doanh nghiệp – Trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm.....	46
1.2.3 Đối với Nhà nước và doanh nghiệp – Cung cấp các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa, giảm thiểu, và đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động của doanh nghiệp	46
CHƯƠNG II. LAO ĐỘNG	48
2.1 Các vấn đề bất cập hiện nay	50
2.1.1 <i>Quan hệ lao động</i>	50
2.1.2 <i>Điều kiện lao động</i>	55
2.1.3. <i>Lao động phi chính thức</i>	65
2.1.4 <i>Lao động cưỡng bức</i>	67
2.1.5. <i>Lao động di cư</i>	68
2.1.6. <i>Lao động trẻ em</i>	72
2.1.7. <i>Các cơ chế khắc phục chưa hiệu quả</i>	73
2.2. Đề xuất giải pháp.....	75
2.2.1 Đối với Nhà nước – Nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm	76
2.2.2 Đối với doanh nghiệp – Trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm.....	78
2.2.3. Đối với Nhà nước và doanh nghiệp – Cung cấp các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa, giảm thiểu, và đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động của doanh nghiệp	79
CHƯƠNG III. BẢO VỆ QUYỀN CỦA NHÓM DỄ BỊ TỒN THƯƠNG.....	81
3.1 Các vấn đề bất cập hiện nay	81
3.1.1 Dân tộc thiểu số	81
3.1.2 Trẻ em	82

3.1.3 Người khuyết tật	85
3.1.4 Người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên tính.....	88
3.1.5 Các cơ chế khắc phục chưa hiệu quả.....	89
3.2 Đề xuất giải pháp.....	91
3.2.1 Đối với Nhà nước – Nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm	91
3.2.2 Đối với doanh nghiệp – Trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm.....	93
3.2.3. Đối với Nhà nước và doanh nghiệp – Cung cấp các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa, giảm thiểu, và đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động của doanh nghiệp	94
CHƯƠNG IV. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	96
4.1 Các vấn đề bất cập hiện nay	98
4.1.1 Ô nhiễm môi trường và trách nhiệm xử lý sự cố môi trường.....	98
4.1.2 Vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu.....	102
4.1.3 Công khai thông tin môi trường	108
4.1.4 Thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và công khai Báo cáo ĐTM.....	110
4.1.5 Các cơ chế khắc phục còn chưa hiệu quả.....	111
4.2 Đề xuất giải pháp.....	114
4.2.1 Đối với Nhà nước – Nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm ...	114
4.2.2 Đối với doanh nghiệp – Trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm.....	115
4.2.3 Đối với Nhà nước và doanh nghiệp – Cung cấp các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa, giảm thiểu, và đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động của doanh nghiệp	115
CHƯƠNG V. BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG	117
4.1 Các vấn đề bất cập hiện nay	117
4.1.1 Trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hoá đối với NTD, đặc biệt là các sản phẩm, hàng hoá ảnh hưởng tới trẻ em và sức khoẻ của NTD và các thông tin để kêu gọi NTD có trách nhiệm với một số chỉ tiêu phát triển bền vững	117
4.1.2 Bất cập trong quy định về bảo hành hàng hóa và thu hồi hàng khuyết tật.....	120
4.1.3 Bảo vệ thông tin người tiêu dùng.....	121
4.1.4 Hoạt động kinh doanh trực tuyến.....	121
4.1.5 Cơ chế khắc phục chưa hiệu quả.....	122
4.2 Đề xuất giải pháp.....	124
4.2.1 Đối với Nhà nước – Nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm ...	124
4.2.2 Đối với doanh nghiệp – Trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm.....	125

4.2.3 Đối với Nhà nước và doanh nghiệp – Cung cấp các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa, giảm thiểu, và đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động của doanh nghiệp	126
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	128
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	133
A- DANH MỤC VĂN BẢN THAM CHIẾU	133
A.1 - VĂN BẢN PHÁP LUẬT.....	133
A.2 - CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA.....	138
A.2.1 Quyền lao động và tiêu chuẩn lao động	138
A.2.2 Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương.....	139
A.2.3 Bảo vệ môi trường.....	141
A.2.4 Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.....	142
A.2.5 Cơ chế khắc phục.....	143
B- DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	143

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo Đánh giá cơ sở quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm được xây dựng trong khuôn khổ Đề án “Ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam” do Vụ Pháp luật dân sự kinh tế thuộc Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đầu mối thực hiện với sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNDP Việt Nam). Báo cáo được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu của Luật sư Nguyễn Hưng Quang và các cộng sự. Các nhận định và ý kiến đánh giá trình bày trong Báo cáo là của nhóm nghiên cứu, không đại diện hay phản ánh quan điểm của Vụ Pháp luật dân sự kinh tế của Bộ Tư pháp hay UNDP Việt Nam.

Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn các ý kiến đóng góp từ ông Nguyễn Thanh Tú, bà Nguyễn Chi Lan và bà Lưu Hương Ly từ Vụ Pháp luật dân sự kinh tế thuộc Bộ Tư pháp Việt Nam và bà Phùng Thị Thu Hà, bà Đặng Thị Huyền từ UNDP Việt Nam.

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn các ý kiến đóng góp trong quá trình nghiên cứu từ các thành viên của Tổ soạn thảo xây dựng Đề án “Ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam”, các cơ quan Nhà nước ở Trung ương và địa phương, các cán bộ và chuyên gia đến từ các cơ quan của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, bao gồm Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF), Tổ chức Di cư quốc tế (IOM) và các tổ chức quốc tế, gồm Viện Friedrich-Ebert-Stiftung (FES), Tổ chức AMFORI.

Cuối cùng, Báo cáo đánh giá này không thể hoàn thành nếu không có các ý kiến thực tế, chia sẻ tài liệu từ các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, luật sư về những vấn đề liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam hiện nay.

Nhóm nghiên cứu

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Báo Cáo Đánh Giá Cơ Sở	Báo cáo đánh giá cơ sở quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm của doanh nghiệp tại Việt Nam
Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ	Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BLDS 2015	Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 do Quốc hội ban hành
BLHS 2015	Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 do Quốc hội ban hành
BLLĐ 2019	Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 do Quốc hội ban hành
BLTTDS 2015	Bộ luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 ngày 25/11/2015 do Quốc hội ban hành
Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
BSCI	Bộ tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh (Business Social Compliance Initiative)
BVMT	Bảo vệ môi trường
BVNTD	Bảo vệ người tiêu dùng
BVQLNTD	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
CCN	Cụm công nghiệp
CIEM	Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
COP 26	Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu
CPTPP	Hiệp định đối tác và tiến bộ toàn diện xuyên Thái Bình Dương
CRC	Công ước về Quyền trẻ em
Cục CT&BVNTD	Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng
DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường

EPR	Cơ chế Mở rộng trách nhiệm nhà sản xuất
ESG	Môi trường, Xã hội và Quản trị
EVFTA	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên Minh Châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FES	Viện Friedrich Ebert Stiftung tại Việt Nam
FTA	Hiệp định thương mại tự do
GDP	Tổng sản phẩm nội địa
GHG	Khí nhà kính
GPMB	Giải phóng mặt bằng
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
HGVLD	Hòa giải viên lao động
HOSE	Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
ICCPR	Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị
ICERD	Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc
ICESCR	Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa
ICT	Công nghệ thông tin và truyền thông
IFC	Tập đoàn Tài chính Quốc tế
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
IOM	Tổ chức Di cư Quốc tế
IPCC	Ủy ban Liên minh Chính phủ về biến đổi khí hậu
IUCN	Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
KBT	Khu bảo tồn
KBTTN	Khu bảo tồn thiên nhiên
KCN	Khu công nghiệp
LĐCB	Lao động cưỡng bức
LĐTE	Lao động trẻ em

LGBTI	Người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên tính
Luật 69	Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14 ngày 13/11/2020 do Quốc hội ban hành
Luật BHXH 2014	Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014 do Quốc hội ban hành
Luật BVMT 2014	Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 do Quốc hội ban hành
Luật BVMT 2020	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 do Quốc hội ban hành
Luật BVQLNTD 2010	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 11/11/2010 do Quốc hội ban hành
Luật DSVH 2001	Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 do Quốc hội ban hành được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 32/2009/QH12 ngày 18/06/2009 do Quốc hội ban hành
Luật Đất đai 1993	Luật Đất đai số 24-L/CTN ngày 14/07/1993 do Quốc hội ban hành
Luật Đất đai 2013	Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 do Quốc hội ban hành
Luật ĐDSH 2008	Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008 do Quốc hội ban hành
Luật ĐTNN 1996	Luật Đầu tư nước ngoài số 52-L/CTN ngày 12/11/1996 do Quốc hội ban hành
Luật Khoáng sản 2010	Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 do Quốc hội ban hành
Luật Lâm nghiệp 2017	Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 do Quốc hội ban hành
Luật QHĐT 2009	Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009 do Quốc hội ban hành
Luật Quy hoạch 2017	Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 do Quốc hội ban hành
Luật TBVMT 2010	Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010 do Quốc hội ban hành
Luật ATTP 2010	Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010 do Quốc hội ban hành
Luật Thương mại 2005	Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 do Quốc hội ban hành

Luật Cạnh tranh 2018	Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 ngày 12/06/2018 do Quốc hội ban hành
Luật CLSPHH 2007	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007 do Quốc hội ban hành
Luật XLVPHC 2012	Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/06/2012 do Quốc hội ban hành
Luật Quảng cáo 2012	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/06/2012 do Quốc hội ban hành
NAP	Chương trình Hành động Quốc gia về Kinh doanh có trách nhiệm
NBA	Báo cáo đánh giá cơ sở về Kinh doanh có trách nhiệm
NKT	Người khuyết tật
NLĐ	Người lao động
NRGI	Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên
NSDLĐ	Người sử dụng lao động
NTD	Người tiêu dùng
Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020
Nghị định 25/2020/NĐ-CP	Nghị định 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/02/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư
Nghị định 54/2021/NĐ-CP	Nghị định 54/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/05/2021 quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường
Nghị định 52/2013/NĐ-CP	Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/05/2013 do Chính phủ ban hành về thương mại điện tử
Nghị định 64/2007/NĐ-CP	Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước
Nghị định 90/2010/NĐ-CP	Nghị định 90/2010/NĐ-CP ngày 18/08/2010 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
Nghị định 185/2013/NĐ-CP	Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
Nghị định 124/2014/NĐ-CP	Nghị định 124/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ sửa đổi khoản 6 Điều 31 Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

Nghị định 15/2020/NĐ-CP	Nghị định 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử
Nghị định 99/2011/NĐ-CP	Nghị định 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật BVQLNTD
Nghị quyết 10	Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/06/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
Nghị quyết 50	Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/08/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030
Nghị quyết 55	Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 11/02/2020 về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2045
ODR	Cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến (Online Dispute Resolution)
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PAPI	Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam
PPP	Đối tác công tư
SCMT	Sự cố môi trường
TLĐLĐVN	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
TNLĐ	Tai nạn lao động
TƯ'LĐTT	Thỏa ước lao động tập thể
UBND	Ủy ban nhân dân
UDHR	Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền 1948
UKVFTA	Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland
UNDP	Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc
UNICEF	Quỹ Nhi Đồng Liên Hợp quốc
UNGP	Các Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền con người
UNHRC	Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc
USD	Đô la Mỹ

UNWG	Nhóm công tác thực thi Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh
VAFIE	Hiệp hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, nay còn gọi là Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VINASME	Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam
VITAS	Hiệp hội Dệt may Việt Nam
VNSI	Chỉ số phát triển bền vững (Vietnam Sustainability Index)

BÁO CÁO TÓM TẮT

GIỚI THIỆU

Vấn đề kinh doanh có trách nhiệm đã được xác định trong các văn bản chính sách và pháp luật của Việt Nam từ rất sớm với việc chuyển định hướng tập trung từ chiến lược phát triển kinh tế thuần túy sang phát triển bền vững. Đặc biệt, giai đoạn bùng phát đại dịch COVID-19 trong thời gian qua đã làm gia tăng các vấn đề về bất bình đẳng xã hội làm trầm trọng hóa một số vấn đề liên quan đến quyền của người lao động, và quyền của các nhóm dễ bị tổn thương.

Vào ngày 30/08/2021, Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động 5 năm của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, theo đó, kế hoạch xây dựng Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam (NAP), được giao cho Bộ Tư pháp, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan.

Khung đánh giá cơ sở quốc gia về kinh doanh có trách nhiệm (NBA) được xây dựng dựa trên UNGP bao gồm các nguyên tắc nền tảng, 31 nguyên tắc của 03 trụ cột gồm Doanh nghiệp - Nhà nước - Cơ chế khắc phục và dựa trên phương pháp nghiên cứu tổng hợp thông tin từ (i) Báo cáo Đánh giá sơ bộ khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm và các tài liệu thứ cấp khác, quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nghiên cứu, (ii) 57 ý kiến bằng văn bản nhằm đóng góp thông tin của các cơ quan Nhà nước đối với việc xây dựng Đề án “Ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam”, (iii) 23 cuộc phỏng vấn sâu với các chuyên gia đến từ các tổ chức quốc tế, các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội hoạt động vì nhóm dễ bị tổn thương và các doanh nghiệp. Nghiên cứu cũng được góp ý từ các doanh nghiệp chuyên gia, luật sư có liên quan đối với nội dung nghiên cứu.

Báo Cáo Đánh Giá Cơ Sở có mục tiêu chính là xác định các vấn đề bất cập nổi cộm và đề xuất các ưu tiên khắc phục theo 5 lĩnh vực: (i) Đầu tư chọn lọc; (ii) Lao động; (iii) Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương; (iv) Bảo vệ môi trường; (v) Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Các đề xuất, khuyến nghị ưu tiên khắc phục sẽ tạo cơ sở giúp các cơ quan chức năng nghiên cứu khi xây dựng và hoàn thiện NAP theo kế hoạch đã được đề ra.

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ THÁCH THỨC

Thuận lợi

Chính sách và pháp luật của Việt Nam thúc đẩy phát triển kinh tế có nhiều quy định thúc đẩy các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm. Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước Việt Nam tăng cường cam kết quốc tế có liên quan đến các nội dung liên quan về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, như các hiệp định thương mại tự do (FTA), hiệp định đầu tư song phương, Nghị định thư Kyoto, Thỏa thuận Paris, Tuyên bố toàn cầu chuyển đổi từ điện than sang năng lượng sạch và Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất..., và các công ước quốc tế của Liên Hợp Quốc và bảo vệ quyền con người, như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế xã hội và văn hoá (CESCR), Công ước về xoá bỏ mọi phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước quốc tế về quyền người khuyết tật (CPRD), các công ước cơ bản of ILO...

Ở góc độ thực tiễn kinh doanh, nhiều doanh nghiệp hoạt động kinh doanh tại Việt Nam đang thực hành kinh doanh có trách nhiệm, như thực hành kinh doanh với trách nhiệm xã hội (CSR), môi

trường xã hội và quản trị (ESG), mục tiêu phát triển bền vững (SDG Compass), kinh doanh và nhân quyền (BHR), tín dụng xanh, tín dụng bền vững, chỉ số phát triển bền vững (CSI), chỉ số liên chính doanh nghiệp... Hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ đang thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam thực hành kinh doanh có trách nhiệm theo yêu cầu của thực tiễn kinh doanh quốc tế.

Thách thức

Nghiên cứu cho thấy nhiều thách thức đặt ra đối với nghĩa vụ của Nhà nước, như nhiều quy định pháp luật ở cả 5 lĩnh vực đều có sự chồng chéo, mâu thuẫn nên dẫn đến khó thực thi. Một số quy định mới có hiệu lực chưa có hướng dẫn tổ chức thực thi hoặc mới có văn bản hướng dẫn nên công tác thực thi chưa được thực hiện trên thực tế, như trong các lĩnh vực đầu tư, lao động, môi trường.

Nhà nước với nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Nhà nước cũng cần củng cố công tác theo dõi và thi hành pháp luật và công tác xử lý vi phạm ở mức độ xử lý bằng biện pháp hành chính cũng như xử lý bằng biện pháp hình sự trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động kinh doanh để bảo đảm pháp luật được thi hành nghiêm minh, công bằng. Công tác này sẽ tác động tới ý thức tuân thủ pháp luật nói chung và ý thức kinh doanh có trách nhiệm nói riêng của doanh nghiệp.

Nhiều chương trình hành động quốc gia có nội dung liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong các lĩnh vực môi trường, chống biến đổi khí hậu, lao động, bảo vệ quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo vệ người dân tộc thiểu số, bảo vệ người tiêu dùng chưa có sự kết nối có tính hệ thống về thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Nghĩa vụ của Nhà nước đối với công tác thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm là trách nhiệm của nhiều cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp ở các cấp mà không phải riêng một hay một vài cơ quan nhà nước nào.

Doanh nghiệp với trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Nhận thức về thực hành kinh doanh có trách nhiệm của nhiều doanh nghiệp còn thấp nên hiệu quả của thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở cả 5 lĩnh vực đều chưa cao. Nhiều doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm chỉ để bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, yêu cầu của đối tác kinh doanh trong chuỗi cung ứng mà chưa thực hiện hành vi kinh doanh có trách nhiệm thực chất.

Cơ chế khắc phục và sự phối hợp giữa Nhà nước và Doanh nghiệp

Các cơ chế khắc phục chưa hiệu quả ở nhiều lĩnh vực và đặc biệt là vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm sự hiệu quả của các cơ chế khắc phục. Thủ tục tố tụng tư pháp (Toà án) vẫn còn có nhiều khó khăn cho người dân tiếp cận, đặc biệt là nhóm dễ bị tổn thương. Khó khăn lớn nhất đối với thủ tục tố tụng tư pháp là thủ tục còn phức tạp, mất nhiều thời gian. Thủ tục tố tụng rút gọn chưa được áp dụng trên thực tế. Cơ chế khiếu kiện tập thể chưa được chấp nhận cho các loại vụ việc liên quan đến môi trường, đất đai và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng... Cơ chế giải quyết tranh chấp lựa chọn (trọng tài, hoà giải) ở các lĩnh vực môi trường, đất đai, bảo vệ người tiêu dùng, lao động chưa được Nhà nước hỗ trợ để phát triển.

Xu hướng các doanh nghiệp áp dụng ESG ngày một tăng với các chỉ tiêu, thống số và kế hoạch thực hiện rõ ràng. Vấn đề này đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải nắm bắt được các xu hướng

quản trị kinh doanh gắn với thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Các cơ quan nhà nước cần có các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp nắm bắt và thực hiện được các xu hướng này.

Công khai và minh bạch thông tin chưa được chú trọng ở nhiều lĩnh vực, bao gồm đầu tư, lao động, môi trường, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương, bảo vệ người tiêu dùng... Nhiều tranh chấp tập thể trong lĩnh vực đất đai, lao động, môi trường... gây bức xúc xã hội xuất phát từ thông tin liên quan đã không được công khai theo quy định của pháp luật hoặc do thiếu trách nhiệm của doanh nghiệp.

Bất cập từ thực tiễn thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở 5 lĩnh vực nghiên cứu

Nhiều quy định pháp luật ở cả 5 lĩnh vực đều có sự chồng chéo, mâu thuẫn nên dẫn đến khó thực thi. Một số quy định mới có hiệu lực chưa có hướng dẫn tổ chức thực thi hoặc mới có văn bản hướng dẫn nên công tác thực thi chưa được thực hiện trên thực tế, như trong các lĩnh vực đầu tư, lao động, môi trường. Nghiên cứu cho thấy *nhận thức về thực hành kinh doanh có trách nhiệm của nhiều cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và doanh nghiệp chưa tốt* nên dẫn đến hiệu quả của thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở cả 5 lĩnh vực đều chưa cao.

Nhiều doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm *chỉ để bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật*, yêu cầu của đối tác kinh doanh trong chuỗi cung ứng mà chưa thực hiện hành vi kinh doanh có trách nhiệm thực chất.

Công khai và minh bạch thông tin chưa được chú trọng ở nhiều lĩnh vực, bao gồm đầu tư, lao động, môi trường, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương, bảo vệ người tiêu dùng... Nhiều tranh chấp tập thể trong lĩnh vực đất đai, lao động, môi trường... gây bức xúc xã hội xuất phát từ thông tin liên quan đã không được công khai theo quy định của pháp luật hoặc do thiếu trách nhiệm của doanh nghiệp.

Các cơ chế khắc phục chưa hiệu quả ở nhiều lĩnh vực và đặc biệt là vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm sự hiệu quả của các cơ chế khắc phục. Cơ chế khắc phục bằng thủ tục tố tụng tư pháp (Toà án) không dễ cho người dân tiếp cận, đặc biệt là nhóm dễ bị tổn thương. Khó khăn lớn đối với cơ chế khắc phục bằng thủ tục tố tụng tư pháp là thủ tục còn quá phức tạp, thủ tục tố tụng rút gọn chưa được áp dụng trên thực tế, khởi kiện tập thể chưa được chấp nhận... Cơ chế giải quyết tranh chấp lựa chọn (trọng tài, hoà giải) ở các lĩnh vực môi trường, đất đai, bảo vệ người tiêu dùng, lao động chưa được Nhà nước hỗ trợ để phát triển.

Ngoài những bất cập xảy ra ở các lĩnh vực nêu trên, bất cập trong hoạt động đầu tư với ảnh hưởng môi trường và cảnh quan thiên nhiên, sử dụng đất đai, tài nguyên hiệu quả, bền vững và bảo đảm hài hoà lợi ích của người dân bị tác động, bảo đảm quyền lợi của người lao động, đặc biệt là lao động địa phương. *Chỉ có 28, 65% doanh nghiệp và 24, 92% người dân cho là việc bồi thường đất khi thu hồi là công bằng*. Chất lượng việc làm chưa cao, 87% lao động đang làm việc ở ngành dệt may, da giày và chủ yếu là những khâu đơn giản. Doanh nghiệp chưa chú trọng đào tạo tay nghề cho người lao động để họ có việc làm và thu nhập tốt hơn.

Trong lĩnh vực lao động, *thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT) không phải là kết quả của thương lượng thực chất*. Chỉ có khoảng 15% thỏa ước có quy định mức lương cao hơn lương tối thiểu. Đình công được sử dụng là phương án giải quyết tranh chấp lao động tập thể nhưng các vụ đình công bị coi là trái luật vì không đúng thủ tục. *Vấn đề làm thêm giờ cần được cải thiện*. Có nơi người lao động (NLĐ) làm việc liên tục từ 10 - 12 giờ/ngày trong thời gian dài, đặc biệt trong ba ngành hàng may mặc, giày dép và điện tử. *Tình trạng doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội (BHXH) cần phải khắc phục*, 175.004 doanh nghiệp với tổng số lao động là 3.406.520 người nợ BHXH năm 2019 với số tiền nợ BHXH là 5.380 tỷ đồng.

Cơ chế đảm bảo quyền của người dân tộc thiểu số còn nhiều bất cập. *Các quy định về đầu tư công, thu hút đầu tư tư nhân tại các vùng miền núi còn nhiều bất cập nên chưa thu hút được đầu tư vào khu vực này để nâng cao chất lượng cuộc sống.* Công tác đánh giá tác động các hoạt động đầu tư tại vùng người dân tộc, vùng miền núi cần cải thiện.

Chính sách khuyến khích thân thiện với trẻ em chưa được thực thi tốt, ví dụ chỉ có 70 doanh nghiệp có phòng vật sửa mẹ. Thiếu chính sách bảo đảm an sinh xã hội cho lao động nhập cư và con cái của họ. Trẻ em tiếp cận sớm với internet và các nền tảng mạng xã hội mà thiếu sự kiểm soát từ gia đình, nhà trường và xã hội, đặc biệt trong giai đoạn phòng, chống dịch COVID-19 nên có nhiều tác động tiêu cực. Nhiều sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ ở Việt Nam chưa chú trọng tới sự an toàn và thân thiện với trẻ em.

Phân biệt đối xử người khuyết tật trong khâu tuyển dụng, sử dụng lao động trong doanh nghiệp xảy ra phổ biến. Tỷ lệ người khuyết tật (NKT) từ đủ 15 tuổi trở lên được đào tạo tại các trường trung cấp còn thấp. Cơ chế hỗ trợ về tài chính và các chính sách khác cho doanh nghiệp khi tiếp nhận NKT làm việc chưa được thực thi hiệu quả. Các công trình được xây dựng không phù hợp với quy chuẩn về đường tiếp cận cho NKT hoặc không có đường tiếp cận cho NKT.

Người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên tính (LGBTI) gặp khó khăn trong lĩnh vực việc làm, bị từ chối việc làm trong khi đủ điều kiện. *Pháp luật chưa ghi nhận sự bình đẳng giữa các xu hướng tính dục, bản dạng giới, không có quy định đặc thù riêng đến quyền lao động của người LGBTI.* LGBTI gặp khó khăn do các giấy tờ tùy thân không khớp với hình thức bên ngoài.

Ô nhiễm môi trường phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh là một vấn đề rất lớn cần phải giải quyết (khoảng 25 triệu tấn chất thải rắn công nghiệp/năm; 1.133.077 tấn chất thải công nghiệp nguy hại năm 2019). Việc xử lý ô nhiễm môi trường còn nhiều bất cập. Tỷ lệ xử lý chất thải rắn ở hoạt động sản xuất ngành nghề nông thôn dưới 50%. Sự cố môi trường tiếp tục gia tăng qua các năm. Nhiều doanh nghiệp chưa nắm bắt được chính sách pháp luật về biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai.

như không cung cấp thông tin gây ảnh hưởng đến trẻ em hoặc sức khỏe người tiêu dùng đặc biệt trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm. Hoạt động truy xuất nguồn gốc hàng hóa chưa được áp dụng. Ngoài ra, các quy định về bảo hành hàng hóa và thu hồi hàng khuyết tật và bảo vệ thông tin người tiêu dùng chưa được đầy đủ và rõ ràng. Các quy định pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng còn nhiều quy định chưa thống nhất và chưa phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội.

ĐỀ XUẤT VÀ KHUYẾN NGHỊ

Một số đề xuất và khuyến nghị chung dưới đây để giải quyết những bất cập được phân tích trong Báo cáo này, bên cạnh các đề xuất và khuyến nghị ở từng chương. Các đề xuất được đưa ra tại Báo cáo này cần được xem xét với tính tổng thể của các đề xuất đã được đề ra tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ.

Đối với các cơ quan Nhà nước:

- Chính phủ và các cơ quan liên quan khẩn trương xây dựng và ban hành “Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam” (NAP) theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/08/2021 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025.

- Chính phủ và các cơ quan liên quan cần hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong việc thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm như: xây dựng và ban hành cơ chế chọn lọc, ưu đãi và khuyến khích hoạt động đầu tư có trách nhiệm (như xây dựng các điều kiện, tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư cho từng dự án, lĩnh vực, ưu đãi thu hút đầu tư, kinh doanh có trách nhiệm, vinh danh doanh nghiệp tại cộng đồng), hỗ trợ xây dựng cơ chế tự quản (như quy tắc ứng xử trong hoạt động kinh doanh, quy tắc đạo đức kinh doanh...), thực hiện cơ chế giám sát, thanh tra công bằng và hiệu quả, nâng cao hiệu quả cơ chế giải quyết khiếu nại về lao động, môi trường, bảo vệ người tiêu dùng... Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) xây dựng các chỉ số bên cạnh chỉ số phát triển bền vững (Vietnam Sustainability Index - VNSI) để đánh giá các công ty có các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm về lao động, môi trường...
- Các cơ quan nhà nước cần tăng cường thu thập, thống kê và hình thành các cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến các nội dung về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, đặc biệt là các thông tin về đầu tư, tình hình lao động, môi trường, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương và các hành vi xâm phạm về quyền lợi người tiêu dùng để Nhà nước và doanh nghiệp có căn cứ khoa học xây dựng được các biện pháp phòng ngừa và khắc phục.
- Chính phủ và các cơ quan nhà nước có liên quan cần tăng cường các hoạt động nâng cao nhận thức, phổ biến giáo dục pháp luật, truyền thông cho cán bộ Nhà nước, doanh nghiệp và người dân về thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở các 5 lĩnh vực đã được nghiên cứu và các lĩnh vực khác trong tương lai.

Đối với doanh nghiệp và các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề

- Nhà nước cần có các biện pháp khuyến khích doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp thuộc VN100, doanh nghiệp niêm yết trên HOSE, HNX, doanh nghiệp đại chúng...), hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề xây dựng kế hoạch, cơ chế về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong nội bộ doanh nghiệp và trong các chuỗi cung ứng.
- Xây dựng các cơ chế tự khắc phục và phòng ngừa, như thủ tục và nguyên tắc giải quyết khiếu nại của doanh nghiệp, các quy chế, quy tắc về quản trị nội bộ, ứng xử, đạo đức kinh doanh (như Bộ Quy tắc ứng xử về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc, Quy tắc về hoạt động quảng cáo, các tiêu chuẩn kỹ thuật về minh bạch thức phẩm, Bộ Quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng) để thực hành kinh doanh có trách nhiệm; thực hành phương pháp đánh giá tác động hoạt động kinh doanh tới việc bảo đảm kinh doanh có trách nhiệm; công khai thông tin..

Khuyến nghị đối với Toà án nhân dân tối cao, các cơ quan tham gia tố tụng, cơ quan và tổ chức tham gia vào hoạt động hỗ trợ tư pháp và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật

Để có thể phát huy hiệu quả của các biện pháp khắc phục nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu và đền bù cho những tác động tiêu cực từ các hoạt động kinh doanh không có trách nhiệm, các cơ chế khắc phục dưới đây cần được nghiên cứu và hoàn thiện như sau:

Cơ chế khắc phục tư pháp

- Bộ Tư pháp, TANDTC và các cơ quan liên quan cần nghiên cứu việc áp dụng cơ chế kiện tập thể trong lĩnh vực môi trường, đầu tư và bảo vệ người tiêu dùng.

- Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng các nguyên tắc về chứng cứ và trách nhiệm cung cấp chứng cứ trong hoạt động tố tụng dân sự và hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho bên yếu thế khi thực hiện quyền khiếu kiện tại Tòa án.
- TANDTC cần thúc đẩy việc áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp trong các lĩnh vực lao động, bảo vệ người tiêu dùng.
- TANDTC và các cơ quan có liên quan cần nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các mô hình, thủ tục tố tụng thân thiện, dễ tiếp cận đối với trẻ em, người khuyết tật, người thiểu số, LGBTI và lao động di cư.
- TANDTC và các cơ quan có liên quan cần có các hoạt động nâng cao năng lực giải quyết các vụ án có liên quan đến việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm, đặc biệt là nâng cao hiểu biết về các cam kết quốc tế của Việt Nam cho đội ngũ Thẩm phán.

Cơ chế khắc phục ngoài Tòa án

- Bộ Tư pháp, Bộ Lao động thương binh xã hội và các cơ quan có liên quan cần xây dựng chính sách và quy định pháp luật để thúc đẩy sự phát triển của các cơ chế đối thoại, trọng tài và hoà giải chuyên ngành lao động, thương mại, bảo vệ người tiêu dùng, đất đai và môi trường.
- Thanh tra chính phủ cần xây dựng các biện pháp để tăng cường tính hiệu quả của cơ chế giải quyết khiếu nại tại cơ quan nhà nước và thanh tra (bao gồm Thanh tra Nhà nước và Thanh tra chuyên ngành).
- Các cơ quan nhà nước cần chú ý xây dựng các cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh từ người dân và doanh nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước (như đường dây nóng, hộp thư tiếp nhận, hoạt động đối thoại...) đối với việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Khuyến nghị đối với tổ chức xã hội khác

- Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan cần chú ý tăng cường vai trò và năng lực của các trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức xã hội trong các hoạt động liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm, đặc biệt trong các lĩnh vực lao động, môi trường, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương, bảo vệ người tiêu dùng và đặc biệt là bảo vệ quyền lợi của người dân trong các dự án đầu tư có thu hồi đất.
- VCCI và các tổ chức xã hội cần chú ý xây dựng và tăng cường áp dụng các quy tắc tự quản của các hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp và nhóm doanh nghiệp, như Bộ Quy tắc ứng xử về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc, Quy tắc về hoạt động quảng cáo, các tiêu chuẩn kỹ thuật về minh bạch thực phẩm, Bộ Quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng...
- VCCI và các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề nghiên cứu các cơ chế khuyến khích thành viên, hội viên thực hành kinh doanh có trách nhiệm, như thông qua việc đánh giá Chỉ số phát triển bền vững (Vietnam Sustainability Index), Chỉ số kinh doanh liêm chính...
- Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Bộ Lao động thương binh xã hội và các cơ quan nhà nước có liên quan cần hoàn thiện các quy định liên quan đến việc hình thành và hoạt động của tổ chức của người lao động, tổ chức xã hội để phát huy vai trò đại diện cho các đối tượng thuộc nhóm dễ bị tổn thương trong thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Đối với công tác xây dựng NAP:

Bên cạnh các thông tin, khuyến nghị từ Báo cáo này và Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ, công tác xây dựng NAP của Việt Nam cần chú ý tới một số vấn đề sau:

- Các dự thảo NAP cần được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và các cơ quan nhà nước có liên quan hoặc trang thông tin điện tử chuyên dụng khác để thu thập các ý kiến góp ý rộng rãi từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.
- Tổ soạn thảo Đề án cần chú ý tổ chức các buổi tham vấn đối với các chủ thể hoạt động trong từng lĩnh vực ưu tiên xây dựng trong NAP.
- Tổ soạn thảo Đề án cần tham khảo ý kiến của các bên chịu trách nhiệm về việc thực hiện các hành động trước khi bổ sung vào bảng phụ lục, bao gồm: các hành động, các bên chịu trách nhiệm, và khung thời gian để thực hiện.
- NAP cần phải thống nhất và hài hoà với các chương trình hành động quốc gia có nội dung liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong các lĩnh vực môi trường, chống biến đổi khí hậu, lao động, bảo vệ quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo vệ người dân tộc thiểu số, bảo vệ người tiêu dùng để bảo đảm tính hệ thống về thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam, hạn chế được các hoạt động chồng chéo và hạn chế được các khoảng trống từ các chương trình.
- Tổ soạn thảo Đề án cần tham khảo các kinh nghiệm quốc tế có liên quan đến việc xây dựng NAP và những lĩnh vực được ưu tiên ở các NAP thuộc các quốc gia khác. Khi tham khảo bất kỳ NAP của quốc gia nào thì cần chú ý tới mức độ phát triển của quốc gia đó, đặc biệt chú ý tới các quốc gia có cùng mức độ phát triển với Việt Nam.

GIỚI THIỆU

A. BỐI CẢNH

Liên Hợp Quốc (LHQ) cũng như nhiều tổ chức khác đã xây dựng và thúc đẩy thực hiện nhiều sáng kiến, quy định và tiêu chuẩn về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, bao gồm trách nhiệm tôn trọng quyền con người, như Các Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm (2006), Các Nguyên tắc về quyền trẻ em và doanh nghiệp (2012), Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền con người (United Nations Guiding Principles on Business and Human rights, viết tắt là UNGP),... UNGP là khung tiêu chuẩn toàn cầu đầu tiên điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh có trách nhiệm. UNGP hướng dẫn về vai trò của Nhà nước và Doanh nghiệp trong việc bảo vệ, tôn trọng và thúc đẩy hoạt động kinh doanh có trách nhiệm đồng thời đưa ra các biện pháp khắc phục khi có tác động tiêu cực trong hoạt động kinh doanh.

Hiện nay, đã có 30 quốc gia công bố Chương trình hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm (NAP), 14 quốc gia đang trong quá trình soạn thảo NAP (bao gồm cả Việt Nam)¹. Các quốc gia xây dựng NAP có mức độ phát triển đa dạng, bao gồm những quốc gia có mức thu nhập cao và cả các quốc gia có mức thu nhập trung bình cao, trung bình thấp. Các quốc gia tự xây dựng NAP của riêng mình theo đặc điểm của từng quốc gia dựa trên khung “Bảo vệ - Tôn trọng - Khắc phục” của UNGP. Một số quốc gia xây dựng NAP dựa trên một số nội dung được khuyến nghị theo UNGP hoặc lồng ghép nội dung của kinh doanh có trách nhiệm vào các chương trình hành động hoặc quy định pháp luật khác của mình mà không ban hành NAP riêng².

Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ trưởng kinh tế cao so với các nước ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Từ một quốc gia có thu nhập thấp, Việt Nam đã trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình và đặt mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030 và trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại vào năm 2045³. Dòng vốn đầu tư ở khu vực tư nhân trong và ngoài nước vẫn giữ tốc độ tăng, mặc dù trong những năm 2020 trở lại đây có sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 tại Việt Nam và toàn cầu⁴. Sau 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, Việt Nam được đánh giá xếp thứ 49 trong số 166 quốc gia về chỉ số phát triển bền vững. Theo đánh giá, Việt Nam có thể đạt được 5/17 mục tiêu SDGs vào năm 2030, bao gồm Mục tiêu số 1 (Xoá nghèo), Mục tiêu số 2 (Không còn nạn đói), Mục tiêu số 4 (Giáo dục có chất lượng), Mục tiêu số 13 (Hành động về khí hậu) và Mục tiêu số 17 (Quan hệ đối tác vì các mục tiêu). Qua hoạt động tự rà soát đánh giá, Việt Nam cũng nhận thấy gặp nhiều thách thức để hoàn thành các mục tiêu SDGs còn lại, đặc biệt là Mục tiêu số 12 (Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm) và Mục tiêu số 14 (Tài nguyên và Môi trường biển)⁵. Những thách thức đối với việc thực hiện các mục tiêu này xuất phát từ nhiều chủ thể và cơ chế, bao gồm thách thức đến từ khu vực nhà nước trong việc hoàn thiện khung chính sách và pháp luật liên quan; thách thức đến từ khu vực doanh nghiệp do các hoạt động kinh doanh chưa bảo đảm về bảo vệ môi trường, sức khỏe và những tác động tiêu cực khác đối với con người; thách thức từ cơ chế khắc phục những yếu tố bất lợi cho các bên liên quan.

¹ Nghị quyết 99/NQ-CP ngày 30/08/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

² Các Kế hoạch hành động quốc gia về kinh doanh và quyền con người. Thông tin có tại: <https://globalnaps.org/country/>. Truy cập ngày 12/12/2021.

³ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/03/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁴ Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), 'Báo cáo Đầu tư Thế giới 2021: Đầu tư phục hồi bền vững', (2021). Thông tin có tại: https://unctad.org/system/files/official-document/wir2021_en.pdf. Truy cập ngày 25/01/2022. Trang 5.

⁵ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 'Hội thảo công bố Báo cáo quốc gia năm 2020: Tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững', (2021). Thông tin có tại: <https://www.mpi.gov.vn/pages/tinbai.aspx?idTin=51916>. Truy cập ngày 25/01/2022.

Sau hơn 35 năm Đổi mới, các thách thức và áp lực về môi trường sinh thái và các vấn đề xã hội ngày một gia tăng. Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/06/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (Nghị quyết 10) nhận định “vi phạm pháp luật và cạnh tranh không lành mạnh trong kinh tế tư nhân còn khá phổ biến. Tình trạng sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường, không bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm; gian lận thương mại... diễn ra nghiêm trọng, phức tạp. Nhiều doanh nghiệp của tư nhân không bảo đảm lợi ích của người lao động, nợ bảo hiểm xã hội...”⁶.

Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, chất lượng môi trường nhiều nơi suy giảm mạnh; đa dạng sinh học (ĐDSH) và chất lượng rừng đang tiếp tục bị suy thoái, mất cân bằng; hạn hán và xâm nhập mặn gia tăng; sự cố môi trường xảy ra nhiều, gây hậu quả nghiêm trọng, an ninh sinh thái bị đe dọa⁷. Những vấn đề nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, như doanh nghiệp chưa chú trọng vào công tác bảo vệ môi trường (BVMT), công tác lập quy hoạch, xây dựng pháp luật và bảo đảm thực thi các vấn đề BVMT chưa được đồng bộ, thống nhất. Cơ chế giải quyết tranh chấp và khắc phục sự cố môi trường chưa được hoàn thiện trong một thời gian dài nên nhiều vụ việc không được xử lý triệt để gây ảnh hưởng tới quyền lợi của người dân⁸. Bên cạnh các vấn đề về môi trường, yêu cầu bảo đảm các quyền của người lao động cũng là vấn đề cần phải được giải quyết để hạn chế các doanh nghiệp theo đuổi lợi ích kinh tế mà chưa chú trọng tới các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội⁹. Luật BVMT mới được sửa đổi toàn diện năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đã cố gắng khắc phục những thách thức trong công tác BVMT và nhằm thúc đẩy Việt Nam đạt được các mục tiêu SDGs liên quan đến môi trường.

Vấn đề kinh doanh có trách nhiệm đã được Việt Nam nhận định từ rất sớm với việc chuyển định hướng tập trung từ chiến lược phát triển kinh tế thuần túy sang phát triển bền vững. Ngay từ năm 1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 36-CT/TW về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngày 11/10/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1362/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân. Một trong những quan điểm chủ chốt được nêu trong Quyết định là “phát triển doanh nghiệp khu vực tư nhân hiệu quả, bền vững, đảm bảo kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường”¹⁰. Ngày 01/02/2021, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII cũng đã đề cập đến việc “hoàn thiện thể chế thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường, cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động và tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”, “xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh”; “Khuyến khích doanh nhân thực hiện trách nhiệm xã hội và tham gia phát triển xã hội”¹¹. Việt Nam đã ký kết và phê chuẩn một số công ước và hiệp định quốc tế quan trọng, theo đó cam kết

⁶ Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/06/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-quyet-10-NQ-TW-2017-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-351478.aspx>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁷ ‘Những vấn đề môi trường cấp bách của Việt Nam: Thực trạng, xu thế, thách thức và giải pháp’, Tạp chí Tuyên giáo, (2021). Thông tin có tại: <https://tuyengiao.vn/khoa-giao/moi-truong/nhung-van-de-moi-truong-cap-bach-cua-viet-nam-thuc-trang-xu-the-thach-thuc-va-giai-phap-137173>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁸ ‘Tranh chấp môi trường: Cần lấp đầy những lỗ hổng chính sách’, Vietnam Plus, (2015). Thông tin có tại: <https://www.vietnamplus.vn/tranh-chap-moi-truong-can-lap-day-nhung-lo-hong-chinh-sach/300148.vnp>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁹ Bộ Tư pháp – UNDP Việt Nam, ‘Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm’ (2020). Trang 12.

¹⁰ Quyết định 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/ 2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030. Điều 1, Mục I, khoản 2.

¹¹ Xem thêm Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.

đưa các tiêu chuẩn tối thiểu về thực hành kinh doanh có trách nhiệm vào nội dung pháp luật trong nước và nâng cao trách nhiệm thực hiện theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA), như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (UKVFTA)¹²... Việt Nam đã sửa đổi, xây dựng các quy định pháp luật cho phù hợp với các cam kết quốc tế về thương mại, như Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Đầu tư 2020, Luật BVMT 2020, BLLĐ 2019, Luật Đất đai 2013, Luật Trẻ em 2016, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010....

Trong khu vực đầu tư tư nhân đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, xu hướng các doanh nghiệp chú trọng đầu tư gắn với môi trường (environmental), xã hội (social) và quản trị (governance) (ESG) ngày một tăng. Theo Báo cáo đặc biệt đo lường chỉ số niềm tin của Edelman, 88% các nhà đầu tư tin rằng các công ty chú trọng đến sáng kiến về ESG sẽ đem lại cơ hội về lợi nhuận trong dài hạn tốt hơn so với các công ty không chú trọng ESG¹³. Vấn đề này đòi hỏi các quốc gia, các doanh nghiệp cần phải nắm bắt được các xu hướng phát triển mới.

Những vấn đề nêu trên đòi hỏi cần phải có các giải pháp đồng bộ từ trung ương tới địa phương nhằm hạn chế các tác động tiêu cực, như chọn lọc đầu tư, tăng cường bảo vệ quyền của người lao động và các nhóm dễ bị tổn thương, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Giai đoạn bùng phát đại dịch Covid-19 trong thời gian qua đã làm gia tăng các vấn đề về bất bình đẳng xã hội làm trầm trọng hóa một số vấn đề liên quan đến quyền của người lao động, và quyền của các nhóm dễ bị tổn thương. Việc soạn thảo Chương trình hành động quốc gia về Kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam là vô cùng cần thiết, từ đó làm cơ sở để phát triển các cơ chế giám sát các hoạt động kinh doanh với khuôn khổ hướng dẫn của UNGP.

Theo Báo cáo “Nghiên cứu về mức độ nhận thức và tình hình thực hiện kinh doanh có trách nhiệm của các doanh nghiệp tại Việt Nam”, chỉ có 56% doanh nghiệp khảo sát đồng ý với khái niệm về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, khoảng 42% doanh nghiệp cho rằng kinh doanh cần có trách nhiệm. Nhận thức của các doanh nghiệp chủ yếu ở phạm vi hẹp hơn là tuân thủ luật pháp quốc gia mà chưa mở rộng thêm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh có trách nhiệm. Việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế còn hạn chế khi 67% doanh nghiệp không áp dụng bất kỳ tiêu chuẩn quốc tế nào; 04% số doanh nghiệp áp dụng UNGP; 09% doanh nghiệp vận dụng Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc và trên 09% áp dụng Khung phát triển bền vững của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC)¹⁴.

Việc phân tích, đánh giá cụ thể sự phù hợp giữa chính sách, pháp luật của Việt Nam với các Nguyên tắc hướng dẫn tại UNGP và các cam kết quốc tế khác liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm đã được thực hiện thông qua báo cáo “Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm” (Báo cáo Đánh giá sơ bộ)¹⁵. Đây là tài liệu nằm trong khuôn khổ Dự án kinh doanh có trách nhiệm do Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện như bước đầu trong việc rà soát chính sách và pháp luật hướng đến xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về Kinh doanh có trách nhiệm. Theo đó, Báo cáo nhận định “Việt Nam đã có hệ thống quy định chặt chẽ về thực hành kinh doanh

¹² Tính đến tháng 11/2021, Việt Nam đã ký 15 hiệp định thương mại tự do (FTA). Xem thêm website của Bộ Công thương, ‘Bộ Công thương là cơ quan đầu mối triển khai nhiều Hiệp định thương mại tự do’, (2021). Thông tin có tại: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/bo-cong-thuong-la-co-quan-dau-moi-trien-khai-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do.html>. Truy cập ngày 25/01/2022.

¹³ PwC, ‘Báo cáo Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) – Tại sao Báo cáo ESG đóng vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp?’, Thông tin có tại: <https://www.pwc.com/vn/vn/services/risk-assurance/sustainability.html>. Truy cập ngày 25/01/2022. Xem thêm tại: <https://globalnaps.org/country/> (Ct. 2).

¹⁴ ‘Nhận thức và thực thi các thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong doanh nghiệp tại Việt Nam’, (2021). Thông tin có tại: <http://phapluatkinhdoanh.vn/nhan-thuc-va-thuc-thi-cac-thuc-hanh-kinh-doanh-co-trach-nhiem-trong-doanh-nghiep-tai-viet-nam-2198.html>. Truy cập ngày 30/12/2021.

¹⁵ Bộ Tư pháp - UNDP Việt Nam, ‘Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm’ (Ct. 9).

*có trách nhiệm, tuy nhiên một số lĩnh vực cần được tiếp tục củng cố, tăng cường để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế được chỉ ra trong đánh giá này*¹⁶. Phát triển bền vững đã được Chính phủ thông qua vào năm 2020 với 17 mục tiêu của Việt Nam gắn với 17 mục tiêu của Liên Hợp Quốc đến năm 2030¹⁷.

B. ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Bên những động lực thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm đã được phân tích tại Báo cáo Đánh giá sơ bộ, vào ngày 30 tháng 8 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động 5 năm của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025¹⁸, theo đó, kế hoạch xây dựng Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam (NAP), được giao cho Bộ Tư pháp, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan. Bộ Tư pháp đóng vai trò là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm soạn thảo NAP và thúc đẩy việc thực hiện NAP. NAP này dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ năm 2023.

Để có thể xây dựng được NAP, Việt Nam tiến hành các hoạt động nghiên cứu, khảo sát và đánh giá từ pháp lý đến thực tiễn để xây dựng một báo cáo cơ sở quốc gia (National Baseline Assessment - NBA). NBA được thực hiện theo hai giai đoạn tương ứng hai báo cáo (i) Đánh giá sơ bộ đã được công bố cuối năm 2020 nhằm mục tiêu đánh giá sự phù hợp khung pháp lý Việt Nam với việc thực hiện UNGP và các cam kết quốc tế khác liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm; và xác định những vấn đề cần khắc phục từ chính sách, pháp luật để có thể giải quyết tại NAP riêng của Việt Nam, và (ii) Báo cáo đánh giá cơ sở quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm của doanh nghiệp tại Việt Nam (Báo Cáo Đánh Giá Cơ Sở) năm 2021 - 2022 nhằm mục tiêu đánh giá vấn đề cần khắc phục từ thực tiễn.

C. PHẠM VI, PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU

Như đã nêu trong Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ, Khung đánh giá NBA được xây dựng dựa trên UNGP bao gồm các nguyên tắc nền tảng, 31 nguyên tắc hành động của 03 trụ cột Doanh nghiệp - Nhà nước - Cơ chế khắc phục. Trong đó Nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và thực hiện các cơ chế để bảo đảm việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm thông qua các chính sách, quy định và xét xử thích hợp. Doanh nghiệp có trách nhiệm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm, tuân thủ tất cả các quy định pháp luật hiện hành. Cơ chế khắc phục là một phần nghĩa vụ của Nhà nước trong việc bảo vệ chống lại hành vi xâm phạm, Nhà nước phải có những biện pháp phù hợp về tư pháp, hành pháp, lập pháp hoặc các biện pháp thích hợp khác để đảm bảo khi những hành vi ngược đãi, xâm phạm xảy ra thì những người bị ảnh hưởng có khả năng tiếp cận những biện pháp xử lý hiệu quả¹⁹.

Báo Cáo Đánh Giá Cơ Sở tập trung vào đánh giá các vấn đề bất cập trong 05 lĩnh vực đã được xác định tại cuộc hội thảo tổng nhất của các cơ quan Nhà nước tại Hạ Long vào tháng 11 năm 2020, gồm: (i) Đầu tư chọn lọc; (ii) Lao động; (iii) Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương; (iv)

¹⁶ Nt. Trang 8.

¹⁷ Nghị quyết 136/NQ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ về Phát triển bền vững.

¹⁸ Nghị quyết 99/NQ-CP ngày 30/08/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Thông tin có tại: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=203971>. Truy cập ngày 25/01/2022.

¹⁹ Văn phòng Cao ủy Nhân quyền LHQ (OHCHR), 'Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh và quyền con người: Thực hiện khuôn khổ "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của LHQ' (UNGP), (2011). Thông tin có tại: https://www.ohchr.org/sites/default/files/documents/publications/guidingprinciplesbusinesshr_en.pdf. Nguyên tắc 25.

Bảo vệ môi trường; (v) Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trong khuôn khổ của lần đánh giá này, các nội dung sẽ chỉ tập trung vào các vấn đề phát sinh trong nước.

Báo Cáo Đánh Giá Cơ Sở được thực hiện dựa trên phương pháp nghiên cứu tổng hợp thông tin từ:

- (i) Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ, quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nghiên cứu hoặc các quy định đã hết hiệu lực nhưng có ảnh hưởng tới ý thức và hành vi thi hành pháp luật và các tài liệu thứ cấp khác;
- (ii) Ý kiến đóng góp thông tin bằng văn bản của 57 cơ quan Nhà nước và tập đoàn kinh tế Nhà nước, trong đó có 18 cơ quan Nhà nước ở Trung ương và tập đoàn kinh tế Nhà nước, 39 ý kiến đóng góp từ UBND cấp tỉnh, đối với nội dung xây dựng Đề án “Ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam”²⁰;
- (iii) 23 cuộc phỏng vấn sâu với các chuyên gia đến từ các tổ chức quốc tế, như UNDP, UNICEF, ILO, IOM, FES, AMFORI, ...; các cơ quan nhà nước, như Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công thương; các tổ chức chính trị xã hội, như Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ Việt Nam và một số tổ chức xã hội hoạt động vì nhóm dễ bị tổn thương, các doanh nghiệp và luật sư.
- (iv) Nghiên cứu cũng thực hiện lấy ý kiến góp ý từ các chuyên gia tại 3 cuộc tọa đàm với các thành viên của Tổ soạn thảo Đề án “Ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam”, các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quốc tế và các chuyên gia, doanh nghiệp và luật sư.

Nội dung nghiên cứu của Báo Cáo Đánh Giá Cơ Sở nhằm (i) thống nhất và củng cố các khuyến nghị có từ Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ; (ii) xác định các vấn đề ưu tiên cần khắc phục và đề xuất các giải pháp cần thiết. Các đề xuất, khuyến nghị ưu tiên khắc phục sẽ là cơ sở giúp các cơ quan chức năng nghiên cứu khi xây dựng và hoàn thiện NAP theo kế hoạch đã được đề ra.

Các tài liệu thứ cấp được nghiên cứu là những tài liệu liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại nhiều quốc gia, các tài liệu của các tổ chức quốc tế ở Việt Nam như Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF), Tổ chức Di cư quốc tế (IOM) và các tổ chức quốc tế, gồm Viện Friedrich-Ebert-Stiftung (FES), Tổ chức AMFORI... và các báo cáo, phân tích của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội của Việt Nam, các kế hoạch hành động về thực hành kinh doanh có trách nhiệm và quy tắc ứng xử, quy chế nội bộ, hợp đồng mẫu của các doanh nghiệp Việt Nam và các tập đoàn đa quốc gia. Nhóm nghiên cứu cũng phân tích các kế hoạch hành động quốc gia về kinh doanh có trách nhiệm (NAP) của 30 quốc gia đã ban hành NAP. Việc phân tích được tiến hành theo mức độ phát triển của các quốc gia (quốc gia có thu nhập thấp, quốc gia có thu nhập trung bình cao và quốc gia có thu nhập cao) để tham khảo cho các hoạt động ở Việt Nam²¹.

Báo Cáo Đánh Giá Cơ Sở có một số các hạn chế sau:

- Số lượng các cuộc phỏng vấn sâu chưa được nhiều do một số nguyên nhân, như: (i) nghiên cứu được thực hiện trong thời kỳ còn áp dụng các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 nên nhiều cuộc phỏng vấn phải thực hiện trực tuyến, không hiệu quả như phỏng vấn trực tiếp; (ii) số lượng các cuộc phỏng vấn các doanh nghiệp chưa được nhiều do một số doanh nghiệp không từ chối phỏng vấn vì cho rằng chủ đề nhạy cảm hoặc bị áp lực công việc kinh

²⁰ Các ý kiến đóng góp căn cứ theo Công văn số 2514/BTP-PLDSKT của Bộ Tư pháp ngày 28/07/2021 về đề nghị phối hợp đánh giá quy định pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

²¹ Xem thêm <https://globalnaps.org/country/> (Ct. 2).

doanh trong giai đoạn phòng, chống dịch. Nhóm nghiên cứu đã cố gắng khắc phục vấn đề này trong suốt quá trình nghiên cứu để có thể đạt được số lượng các cuộc phỏng vấn nêu trên.

- Nhiều số liệu trong 5 lĩnh vực còn chưa được cập nhật sát với thời điểm nghiên cứu để làm cơ sở xác định vấn đề bất cập cũng như theo dõi việc thực thi NAP sau này. Do đây là một báo cáo được thực hiện bởi các chuyên gia độc lập nên số liệu nghiên cứu chỉ có thể sử dụng khi được công bố chính thức của cơ quan có số liệu, cơ quan nhà nước hoặc đơn vị nghiên cứu khoa học, đơn vị báo chí chính thức viện dẫn số liệu. Một số số liệu được công bố từ trước khi thực hiện Nghiên cứu này đến 05 năm nhưng vẫn được cơ quan nhà nước sử dụng trong thời gian gần đây thì cũng có thể được Nhóm nghiên cứu tham chiếu nếu sử dụng đó vẫn có tính tin cậy và không làm thay đổi xu hướng hay hành vi.
- Nội dung của bảng hỏi phỏng vấn sâu trong một số lĩnh vực chưa sát với các vấn đề thực tế. Thực tế, các bảng hỏi được hình thành từ những nội dung nghiên cứu sơ bộ và ý kiến thảo luận ban đầu với Tổ soạn thảo Đề án “Ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam” và khảo ý kiến đóng góp thông tin bằng văn bản của 57 cơ quan Nhà nước và tập đoàn kinh tế như đã nêu. Khi phỏng vấn thực tế và qua quá trình nghiên cứu tài liệu thứ cấp mà Nhóm nghiên cứu nhận thấy có những vấn đề mới phát sinh, Nhóm nghiên cứu đã bổ sung thêm các câu hỏi phụ để có thể lấy được nhiều thông tin.
- Nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn Việt Nam sửa đổi, ban hành nhiều quy định pháp luật liên quan đến 5 lĩnh vực được lựa chọn hoặc một số quy định pháp luật mới có hiệu lực nên chưa có các đánh giá về những vấn đề bất cập đối với việc thực hiện các quy định pháp luật mới, như Luật BVMT 2020, Luật Đầu tư 2020, BLLĐ 2019, Luật số 69... Nhóm nghiên cứu đã phải thông qua các cuộc phỏng vấn sâu, nghiên cứu tài liệu thứ cấp để xác định bất cập có thể còn tồn tại sau khi các quy định mới được ban hành hoặc có hiệu lực.

D. CẤU TRÚC BÁO CÁO

Báo cáo được cấu trúc thành 5 chương : (i) Đầu tư chọn lọc; (ii) Lao động; (iii) Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương; (iv) Bảo vệ môi trường; (v) Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Cấu trúc chung của từng lĩnh vực sẽ được phân tích khái quát những vấn đề bất cập nổi cộm liên quan đến việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại lĩnh vực đó và đề xuất các biện pháp khắc phục, bao gồm trách nhiệm của Nhà nước về bảo đảm cơ chế thực hành kinh doanh có trách nhiệm, trách nhiệm của doanh nghiệp về thực hành kinh doanh có trách nhiệm và các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa, giảm thiểu, và đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động của doanh nghiệp.

E. QUY TRÌNH

Như đã mô tả tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ về hướng dẫn chính thức khi xây dựng NAP của Nhóm công tác thực thi Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh (UNWG) và đề cập ở trên, Báo Cáo Đánh Giá Cơ Sở được xây dựng dựa trên một quy trình minh bạch và có sự tham gia của các bên ở mọi giai đoạn. Kể từ sau khi chương trình xây dựng Đề án được chính thức thông qua năm 2021 và Tổ soạn thảo Đề án được thành lập, các thông tin liên quan đến quá trình nghiên cứu và nội dung nghiên cứu của Báo cáo này được tham vấn với các cơ quan Nhà nước, tổ chức quốc tế, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội như đã đề cập.

CHƯƠNG I. ĐẦU TƯ CHỌN LỌC

Vốn đầu tư ở khu vực tư nhân được coi là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế. Kinh tế tư nhân liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng, chiếm tỷ trọng 39-40% GDP, thu hút khoảng 85% lực lượng lao động của nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, cải thiện đời sống nhân dân và góp phần vào việc bảo đảm an sinh xã hội²². Mặc dù chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, vốn đầu tư thực hiện của toàn xã hội theo giá hiện hành năm 2021 vẫn đạt 2.891,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm 2020²³ với xu hướng khả quan. Khu vực vốn đầu tư ngoài Nhà nước đạt 1.720,2 nghìn tỷ đồng, bằng 59,5% tổng vốn đầu tư và tăng 7,2% so với năm trước²⁴. Việt Nam là một trong những điểm đến hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài (ĐTNN) trong giai đoạn gần đây, thường nằm trong top 20 nền kinh tế tiếp nhận dòng vốn FDI lớn nhất thế giới²⁵. Tính đến ngày 20/12/2021, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà ĐTNN trong năm 2021 đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020²⁶. Vốn ĐTNN được xác định là có vị trí quan trọng trong nền kinh tế của Việt Nam, góp phần không nhỏ trong việc tạo việc làm, thu nhập cho người lao động; nâng cao trình độ, năng lực sản xuất; tăng thu ngân sách nhà nước, ổn định kinh tế vĩ mô; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; nâng cao vị thế và uy tín Việt Nam trên trường quốc tế²⁷. Vốn FDI đóng góp khoảng 25,7% cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2011-2019, chiếm khoảng 13% GDP năm 2010, 15,6% năm 2011, lên tới 18,59% năm 2016 và đạt 20,34% vào năm 2019²⁸.

Cùng những kết quả đạt được, Việt Nam luôn chú trọng phát triển kinh tế bền vững, đi đôi với bảo vệ môi trường, tiến bộ và công bằng xã hội. Việt Nam đặt ra mục tiêu về phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới “có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại, đạo đức kinh doanh và tinh thần trách nhiệm đối với quốc gia, dân tộc”²⁹ cùng với việc “nâng cao các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, bảo vệ môi trường, tài nguyên và tiết kiệm năng lượng phù hợp với tiêu chuẩn của khu vực và thế giới. Không xem xét mở rộng, gia hạn hoạt động đối với những dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên...”³⁰ đối với các dự án có vốn FDI. Việt Nam xác định sẽ “sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về lao động, việc làm và tiền lương, bảo đảm hài hoà lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động theo hướng minh bạch, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Điều chỉnh hợp lý khoảng cách lương tối thiểu giữa các vùng để hạn chế tập trung lao động tại các đô thị lớn, giảm áp lực về cơ sở hạ tầng. Quy định rõ trách nhiệm của nhà đầu tư hạ tầng, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, trường mẫu giáo, cơ sở y tế, văn hoá, thể thao,... phục vụ người lao động.... Quy định rõ trách nhiệm

²² Nghị quyết số 10-NQ/TW (Ct. 6).

²³ Bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 713,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,7% tổng vốn và giảm 2,9% so với năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 1.720,2 nghìn tỷ đồng, bằng 59,5% và tăng 7,2%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 458,1 nghìn tỷ đồng, bằng 15,8% và giảm 1,1%. Theo Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ‘Báo cáo tình hình kinh tế xã hội Quý IV và năm 2021’, (29/12/2021). Thông tin có tại: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2021/>. Truy cập ngày 01/03/2022.

²⁴ Nt.

²⁵ UNCTAD, ‘Báo cáo Đầu tư Thế giới 2021: Đầu tư phục hồi bền vững’, Trang 5 (Ct. 4)

²⁶ Cục Đầu tư nước ngoài, ‘Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2021’ (24/12/2021). Thông tin có tại: <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/f3cb5873-74b1-4a47-a57c-a491e0be4051/NewsID/5d476094-8272-4d9d-b810-1609ce7b67b3/MenuID>. Truy cập ngày 25/01/2022.

²⁷ Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/08/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

Ngân hàng Thế giới, ‘Chiến lược và Định hướng Chiến lược Thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030’, (2018). Trang 6.

²⁸ Đinh Ngọc Linh, Hoàng Như Quỳnh, ‘Chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020’, (2021). Thông tin có tại: https://vst.mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/r/m/nckh/ctnc/nckhctnc_chitiet?dDocName=MOFUCM200973&dID=209744. Truy cập ngày 21/01/2022.

²⁹ Nghị quyết số 10-NQ/TW (Ct. 6).

³⁰ Nghị quyết số 50-NQ/TW (Ct. 27).

của nhà đầu tư về bảo vệ môi trường trong quá trình đầu tư, triển khai dự án và hoạt động của doanh nghiệp trong suốt thời gian thực hiện dự án theo quy định của pháp luật³¹.

Để tăng cường thúc đẩy dòng vốn đầu tư trong nước và nước ngoài cho phát triển kinh tế, Chính phủ xác định mở cửa để hội nhập vào nền kinh tế thế giới một cách sâu rộng và toàn diện. Trong giai đoạn gần đây, Việt Nam ký kết và tham gia 15 FTA và tham gia hơn 60 hiệp định đầu tư song phương mà nội dung có các điều khoản liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm³², bảo đảm tốt hơn các vấn đề môi trường và quyền lao động. Điển hình như các nội dung liên quan đến quyền và tiêu chuẩn lao động tại Chương 19 của CPTPP³³ và Chương 13 EVFTA, quyền được hưởng một môi trường an toàn, trong sạch, lành mạnh và bền vững, thể hiện tại Chương 20 của CPTPP và Chương 13 của EVFTA³⁴, quyền của các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là bảo đảm quyền của phụ nữ như tạo thêm cơ hội cho phụ nữ trên lãnh thổ các thành viên được tham gia vào nền kinh tế quốc gia và toàn cầu cũng góp phần vào sự phát triển kinh tế³⁵, củng cố môi trường thương mại và đầu tư cởi mở nhằm cải thiện phúc lợi, giảm đói nghèo, nâng cao tiêu chuẩn sống và tạo thêm cơ hội việc làm để hỗ trợ phát triển³⁶. Tại COP 26, Việt Nam cam kết xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, khí mê-tan; hướng tới đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, giảm 30% lượng phát thải khí mê-tan vào năm 2030; tham gia Tuyên bố toàn cầu chuyển đổi từ điện than sang năng lượng sạch và Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất³⁷...

Những cam kết quốc tế nêu trên hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của UNGP như đã phân tích ở Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ³⁸.

Những cam kết quốc tế và chủ trương phát triển nêu trên đòi hỏi cần phải xây dựng những chương trình hành động cụ thể để thu hút và thúc đẩy hoạt động đầu tư chọn lọc. Trong 30 quốc gia, vùng lãnh thổ đã xây dựng và ban hành NAP³⁹, 27 quốc gia, vùng lãnh thổ có hoạt động đầu tư vào Việt Nam, bao gồm cả nhiều đối tác lớn, có quan hệ hợp tác chiến lược như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Đài Loan, Thái Lan, Hà Lan,...⁴⁰. Trong bối cảnh nền Việt Nam phát triển, định hướng hội nhập sâu rộng, việc xây dựng và ban hành chương trình hành động quốc gia cụ thể do nhu cầu từ dòng vốn đầu tư nước ngoài ảnh hưởng là xu hướng và nhu cầu tất yếu để tăng cường, thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và các nước đối tác.

Theo rà soát tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ, hoạt động đầu tư trong nước và nước ngoài được quy định chủ yếu bởi Luật Đầu tư⁴¹. Luật Đầu tư 2020 quy định chi tiết về thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, cấp phép dự án đầu tư, danh mục các lĩnh vực cấm đầu tư, đầu tư có điều kiện và khuyến khích đầu tư, trong đó có nhiều lĩnh vực đầu tư kinh doanh có liên quan đến đầu tư có trách nhiệm. Luật Đầu tư 2020 quy định cụ thể hơn so với các Luật Đầu tư trước đây về trách nhiệm

³¹ Nt.

³² Xem thêm Bộ Công thương, 'Bộ Công thương là cơ quan đầu mối triển khai nhiều Hiệp định thương mại tự do', (2021). Thông tin có tại: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/bo-cong-thuong-la-co-quan-dau-moi-trien-khai-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do.html>. Truy cập ngày 25/01/2022.

Bộ Tư pháp - UNDP Việt Nam, 'Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm', Trang 28-29 (Ct. 9).

³³ Xem thêm Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Điều 19.3 và Điều 19.4.

³⁴ Nt. Điều 20.3. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Điều 13.3.

³⁵ CPTPP. Điều 23.4 (Ct. 33).

³⁶ Nt, Điều 23.1.

³⁷ Bộ Tài nguyên môi trường - Cục Biến đổi khí hậu, 'Tranh thủ tốt nhất cơ hội hiện nay để thực hiện quyết liệt, hiệu quả, thực chất các cam kết tại COP 26', (2022). Thông tin có tại: <http://www.dcc.gov.vn/tin-tuc/3764/Tranh-thu-tot-nhat-co-hoi-hien-nay-de-thuc-hien-quyet-liet-hieu-qua-thuc-chat-cac-cam-ke-tai-COP26.html>. Truy cập ngày 25/01/2022.

³⁸ Bộ Tư pháp - UNDP Việt Nam, 'Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm', Trang 28-29 (Ct. 9).

³⁹ Xem thêm: <https://globalnaps.org/country/> (Ct. 2).

⁴⁰ Cục Đầu tư nước ngoài, 'Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2021' (Ct. 26).

⁴¹ Bộ Tư pháp - UNDP Việt Nam, 'Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm'. Trang 29 (Ct. 9).

của nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với các hoạt động đầu tư, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương đối với việc quản lý hoạt động đầu tư và các cơ chế khuyến khích đầu tư.

1.1 Các vấn đề bất cập hiện nay

Mặc dù đạt được những thành tựu đáng kể trong thời gian qua, hoạt động đầu tư còn có những tác động tiêu cực liên quan đến phát triển bền vững tại Việt Nam nói chung, trong đó bao gồm các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm. Theo nhận định tại Nghị quyết 10 và Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/08/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 (Nghị quyết 50), hoạt động đầu tư kinh doanh của các doanh nghiệp còn có những vấn đề cần khắc phục như gây ô nhiễm môi trường, không bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm; gian lận thương mại, không bảo đảm lợi ích của người lao động⁴². Một số doanh nghiệp, dự án có vốn FDI sử dụng lãng phí tài nguyên, đất đai, vi phạm chính sách, pháp luật về lao động, tiền lương, thuế, bảo hiểm xã hội, môi trường...⁴³. Những vấn đề nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Theo đánh giá tại Nghị quyết 50, nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Nhận thức của các cấp, các ngành và của xã hội còn chưa đầy đủ, nhất quán; thu hút đầu tư nước ngoài còn thiếu chọn lọc. Tư duy và định hướng đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, thiếu đồng bộ, nhiều quy định còn chông chéo, mâu thuẫn. Năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài nhiều nơi còn hạn chế, thiếu tính chủ động, sáng tạo; khả năng phân tích, dự báo còn bất cập. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm có lúc, có nơi chưa nghiêm⁴⁴.

1.1.1 Đầu tư gắn với sử dụng đất hiệu quả và hài hoà lợi ích cộng đồng

Đất đai được coi là nguồn tư liệu sản xuất quý giá cho sự phát triển của doanh nghiệp. Kể từ Luật Đất đai 1993, pháp luật đã khẳng định nguyên tắc giao đất sử dụng ổn định lâu dài cho tổ chức, hộ gia đình cá nhân; giao quyền sử dụng đất và kèm theo các quyền khác như: quyền chuyển đổi, quyền thừa kế, quyền thế chấp, quyền cho thuê, quyền chuyển nhượng nhằm tăng cường tính tự chủ và lợi ích kinh tế được đảm bảo về mặt pháp lý cho những người sử dụng đất. Quy định này mang tính đột phá quan trọng vì nó đặt nền tảng pháp lý cần thiết cho sự ra đời của thị trường đất đai thứ cấp cũng như là cơ sở cho việc vốn hóa giá trị đất đai, bổ sung nguồn lực sản xuất cho nền kinh tế⁴⁵.

Tuy nhiên, một số quy định của Luật Đất đai, Luật Đầu tư còn chưa thống nhất với nhiều luật khác nên đã gây khó khăn trong việc thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất cũng như bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư cũng như người dân ở những nơi thực hiện dự án đầu tư⁴⁶. Đặc biệt, công tác đền bù, bồi thường cho người dân trong quá trình giải phóng mặt bằng (GPMB) cũng tồn tại nhiều vướng mắc.

⁴² Nghị quyết số 10-NQ/TW (Ct. 6).

⁴³ Nghị quyết số 50-NQ/TW (Ct. 27).

⁴⁴ Nt.

⁴⁵ Ban Kinh tế Trung ương – USAID, 'Chuẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam', Nhà xuất bản thông tin và truyền thông, (2017).Trang 89.

⁴⁶ Đinh Văn Minh, 'Vi phạm pháp luật về đất đai qua công tác thanh tra và một số giải pháp hoàn thiện', Trang thông tin điện tử Ban Nội chính Trung ương, (2021). Thông tin có tại: <https://noichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/202108/vi-pham-phap-luat-ve-dat-dai-qua-cong-tac-thanh-tra-va-mot-so-giai-phap-hoan-thien-309902/>. Truy cập ngày 30/01/2022.

Viện Quản lý kinh tế trung ương, '37 khó 28ang, vướng mắc phổ biến của doanh nghiệp trong chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư do các quy định thiếu cụ thể, thiếu rõ 28ang, bất hợp lý, chông chéo, mâu thuẫn trong pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, nhà ở và kinh doanh bất động sản, đấu thầu, và quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp', (2018).

a. Đầu tư sử dụng đất đai gây ảnh hưởng tới quyền lợi của người dân

Hiến pháp 2013 quy định tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất. Người sử dụng đất được chuyển quyền sử dụng đất, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật. Quyền sử dụng đất được pháp luật bảo hộ⁴⁷. Luật Đất đai 2013 cũng đưa ra nguyên tắc sử dụng đất phải không làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của người sử dụng đất xung quanh, cấm lấn, chiếm đất⁴⁸.

Đất đai đối với người dân là nơi sinh sống, là nguồn thu nhập và là nơi lưu giữ những nét văn hoá truyền thống, giá trị lịch sử của cộng đồng dân cư. Việc khai thác, sử dụng đất có nguyên tắc, tuân thủ đúng quy định của pháp luật là một trong những yêu cầu quan trọng theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và hạn chế ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể khác. Trong quá trình cấp phép đầu tư, chủ đầu tư phải giải trình cụ thể về địa điểm và thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có). Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư⁴⁹.

Mặc dù đã có những quy định ràng buộc, cùng với chế tài hành chính, hình sự cụ thể về những hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, nhưng trên thực tế tình trạng các hoạt động đầu tư gây ảnh hưởng tới việc thực hiện quyền sử dụng đất, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong xã hội, vẫn tồn tại. Việc tổ chức thi hành pháp luật ở nhiều nơi còn chưa nghiêm, trong khi công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật chưa thực sự có hiệu quả. Ở một số địa phương chưa quan tâm đúng mức, chỉ đạo cụ thể, sát sao và thường xuyên; việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai chưa được thực hiện tốt. Cụ thể, tình trạng các dự án đầu tư, doanh nghiệp lấn chiếm đất trái phép gây ảnh hưởng tới cộng đồng nhưng chưa được ngăn chặn, xử lý kịp thời⁵⁰.

Có những dự án đầu tư có sử dụng đất không thực hiện các hoạt động thẩm định, đánh giá tác động một cách toàn diện, hoặc bất chấp bỏ qua các rủi ro có thể nhận biết để thực hiện khai thác đất đai phục vụ cho dự án đầu tư. Công tác tham vấn giữa Nhà nước - Doanh nghiệp - Người dân bị ảnh hưởng từ hoạt động đầu tư không được tổ chức triển khai một cách kịp thời và hiệu quả, dẫn đến hệ quả việc phê duyệt kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất, hay việc triển khai khai thác sử dụng đất ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống, văn hoá của người dân, cộng đồng dân cư, thậm chí là không thể khắc phục⁵¹.

b. Cơ chế chuyển dịch đất đai, bồi thường, giá đất bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất chưa phù hợp với cơ chế thị trường

Luật Đầu tư nước ngoài 1996 quy định UBND địa phương tạo điều kiện mặt bằng kinh doanh khi dự án được duyệt. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi có dự án đầu tư tổ chức thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và hoàn thành các thủ tục cho thuê đất đối với nhà đầu tư nước ngoài⁵². Tuy nhiên, một số quy định của Luật Đất đai, Luật Đầu tư còn chưa thống nhất với nhiều luật khác nên đã gây khó khăn trong việc thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất cũng như bảo đảm

⁴⁷ Hiến Pháp của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Quốc hội ban hành ngày 28/11/2013. Điều 54.2.

⁴⁸ Luật Đất đai 2013. Luật số 45/2013/QH13. Điều 6.2, Điều 12.

⁴⁹ Luật Đầu tư 2020, Luật số 61/2020/QH14. Điều 33.1.d.

⁵⁰ Tổng Cục quản lý đất đai – Bộ Tài nguyên và Môi trường, 'Định hướng hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả về quản lý, sử dụng đất đai theo tinh thần văn kiện Đại hội XIII của Đảng và giải pháp tổ chức thực hiện', (26/11/2021). Thông tin có tại: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2609>. Truy cập ngày 13/03/2022.

⁵¹ Luật Đầu tư 2020, Luật số 61/2020/QH14. Điều 33.1.d.

⁵² Mặt trận tổ quốc Việt Nam, 'Xác định giá đất bảo đảm nguyên tắc thị trường và có sự tham vấn ý kiến từ nhân dân', (08/10/2021). Thông tin có tại: <http://mattran.org.vn/hoat-dong/xac-dinh-gia-dat-dam-bao-nguyen-tac-thi-truong-va-co-su-tham-van-y-kien-tu-nhan-dan-40514.html>. Truy cập ngày 13/03/2022.

quyền lợi của nhà đầu tư cũng như người dân ở những nơi thực hiện dự án đầu tư⁵³. Đặc biệt, công tác đền bù, bồi thường cho người dân trong quá trình GPMB cũng tồn tại nhiều vướng mắc.

Các quy định hiện hành cũng chưa tạo điều kiện để Doanh nghiệp - Nhà nước - Người dân có thể hợp tác với nhau trong các dự án đầu tư có sử dụng đất. Theo quy định hiện hành, trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng sẽ được bồi thường về đất, hỗ trợ và tái định cư nhằm đảm bảo đời sống của người dân bị ảnh hưởng do thu hồi đất. Việc không thực hiện có hiệu quả công tác bồi thường về đất, hỗ trợ, tái định cư gây khả năng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân bị thu hồi đất⁵⁴, không đảm bảo cơ chế thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Những vụ việc tranh chấp đất đai giữa người dân và doanh nghiệp trong thời gian vừa qua chủ yếu liên quan đến mức bồi thường giữa doanh nghiệp và người dân, như tranh chấp đất đai ở Văn Giang tại tỉnh Hưng Yên, Thủ Thiêm tại thành phố Hồ Chí Minh, Cần Giuộc tại Long An... Tính từ năm 2009 - 2011 đã có 700.000 khiếu kiện liên quan đến đất đai, chiếm đến 70% các vụ khiếu kiện về hành chính ở Việt Nam⁵⁵. Từ giai đoạn 2013 - 2020, số đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, vi phạm pháp luật về đất đai chiếm từ 60% - 70% tổng số đơn khiếu nại, tố cáo mà nội dung chủ yếu là về bồi thường, hỗ trợ GPMB, thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội⁵⁶. Theo Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam 2020 (PAPI), 18,23% người dân được thông báo về kế hoạch sử dụng đất của địa phương, 27,2% người dân được đóng góp ý kiến về dự thảo kế hoạch sử dụng đất của địa phương⁵⁷. Những hạn chế về quyền tiếp cận thông tin về đất đai liên quan đến các dự án đầu tư, hay nói cách khác, là công khai minh bạch thông tin về đất đai còn hạn chế ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người dân cũng như hoạt động của doanh nghiệp.

Cơ chế đền bù trong thu hồi đất đai chưa hợp lý

Theo phản ánh của người dân tại dự án Khu dân cư tại xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, Tp. Hồ Chí Minh do Công ty CP Phúc Long Vân làm chủ đầu tư theo Quyết định số 9414/QĐ-UBND ngày 6/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc thì việc giá đền bù đất tại Dự án là quá thấp. Thay vì để chủ đầu tư tự thỏa thuận với người dân việc đền bù giải tỏa, UBND huyện lại giao hết cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cần Giuộc thực hiện đo đạc, áp giá, lập bảng giá... Người dân chỉ nhận được khoản tiền đền bù ít ỏi không đủ để tìm nơi ở mới hoặc địa điểm sản xuất mới.

Người dân bị thu hồi đất cho rằng, họ sẵn sàng nhường đất cho dự án vì sự phát triển kinh tế địa phương nhưng mức bồi thường đất, hỗ trợ tái định cư phải hợp lý, phải xem xét đến yếu tố giá cả thị trường, tình hình thực tiễn tại địa phương, những khó khăn thực tế của người dân. Ví dụ như đơn giá bồi thường chỉ có 580.000 đồng/m², thấp hơn rất nhiều so với giá đất thực tế tại địa phương nên người dân không đồng ý nhận tiền bồi thường⁵⁸.

⁵³, Đinh Văn Minh, 'Vi phạm pháp luật về đất đai qua công tác thanh tra và một số giải pháp hoàn thiện', Trang thông tin điện tử Ban Nội chính Trung ương, (2021). Thông tin có tại: <https://noichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/202108/vi-pham-phap-luat-ve-dat-dai-qua-cong-tac-thanh-tra-va-mot-so-giai-phap-hoan-thien-309902/>. Truy cập ngày 30/01/2022.

Viện Quản lý kinh tế trung ương, '37 khó 30ang, vướng mắc phổ biến của doanh nghiệp trong chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư do các quy định thiếu cụ thể, thiếu rõ 30ang, bất hợp lý, chồng chéo, mâu thuẫn trong pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, nhà ở và kinh doanh bất động sản, đấu thầu, và quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp', (2018).

⁵⁴ Nt.

⁵⁵ UNDP Việt Nam, 'Tranh chấp thu hồi đất ở Đông Á: Phân tích so sánh và khuyến nghị với Việt Nam', (2014). Trang 69.

⁵⁶ Đặng Hùng Võ, 'Chuyển dịch đất đai: Vướng mắc và giải pháp', Tạp chí Cộng sản, (2022). Thông tin có tại: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/824942/chuyen-dich-dat-dai--vuong-mac-va-giai-phap.aspx>. Truy cập ngày 24/02/2022.

Đinh Văn Minh, 'Vi phạm pháp luật về đất đai qua công tác thanh tra và một số giải pháp hoàn thiện' (Ct. 55).

⁵⁷ ECODES, VFF-CRT, Chan & UNDP, 'Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2020: Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân', (2021). Trang 111.

⁵⁸, Quang Hà, 'Dân bức xúc vì bị thu hồi đất giá rẻ giao doanh nghiệp kinh doanh', Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, (2021). Thông tin có tại: <https://congan.com.vn/doi-song/dan-buc-xuc-vi-bi-thu-hoi-dat-gia-re-giao-doanh-nghiep-kinh-doanh-122964.html>. Truy cập ngày 30/01/2022.

Tuy nhiên, xét ở góc độ doanh nghiệp, nếu việc bồi thường GPMB quá cao thì nhà đầu tư cũng không thể thực hiện được dự án đầu tư. Mục đích về phát huy các lợi ích kinh tế - xã hội không đạt được tại địa điểm đầu tư. Trong khi đó, pháp luật chưa có cơ chế hợp tác để chia sẻ lợi ích giữa người dân - nhà đầu tư - nhà nước để các bên cùng có lợi trong trường hợp thực hiện dự án đầu tư. Cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất hiện hành có thể tối ưu hoá lợi ích về giá trị tài chính của nhà nước nhưng lại không đem lại lợi ích trực tiếp cho người dân có đất bị thu hồi cũng như các giá trị khác về xã hội mà từ dự án đầu tư mang lại. Với xu hướng phát triển, nhiều mô hình, phương thức và lĩnh vực đầu tư có thể có sự kết hợp giữa nhà đầu tư và chủ sở hữu, quản lý đất để cùng hợp tác đầu tư, chia sẻ lợi nhuận⁵⁹, ví dụ như sự kết hợp đầu tư giữa nông dân và nhà đầu tư diện mặt trời áp mái, giữa doanh nghiệp và người dân trong việc cải tạo các chung cư cũ... Bên cạnh đó là những khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai như GPMB, quy hoạch xây dựng vẫn còn chưa được giải quyết. Theo số liệu khảo sát doanh nghiệp của VCCI, thủ tục liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng và thủ tục liên quan đến quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị còn tạo ra nhiều trở ngại cho doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp gặp trở ngại với hai nhóm thủ tục này lần lượt là 50,0% và 48,0%, cao nhất trong số các thủ tục được đánh giá⁶⁰.

Hiện nay, Nghị định 25/2020/NĐ-CP đã đưa ra các hướng dẫn cho các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp đối với việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong các dự án đầu tư theo hình thức PPP, dự án có sử dụng đất để xây dựng nhà ở thương mại; công trình thương mại, dịch vụ; công trình đa năng, tổ hợp đa năng cho mục đích kinh doanh và các dự án khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hoá⁶¹. Nghị định 25/2020/NĐ-CP đã đưa ra phương pháp lợi ích xã hội trong phương pháp đánh giá về tài chính thương mại trong hồ sơ thầu của dự án. Tuy nhiên, để có thể thực hiện được tốt việc đánh giá lợi ích xã hội của dự án thì cần phải có những hướng dẫn cụ thể hơn nữa để cơ quan quản lý nhà nước và nhà đầu tư cần có những tiêu chí đánh giá để có thể nâng cao được chất lượng của hồ sơ thầu mà qua đó có thể nâng cao được trách nhiệm của nhà đầu tư đối với việc thực hiện dự án. Qua rà soát nhanh, cho đến tháng 2/2022, số lượng các tỉnh có bộ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư tham gia đấu thầu thực hiện dự án đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất tại địa phương còn khiêm tốn (Hoà Bình⁶², Bà Rịa - Vũng Tàu⁶³, Ninh Thuận⁶⁴, Đà Nẵng⁶⁵, Kiên Giang⁶⁶, Hà Nam⁶⁷). Hiện nay, Hà Nội là địa phương có ban hành kế hoạch hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài trong đó đặt ra xây dựng bộ tiêu chí để sàng lọc, thu hút doanh nghiệp FDI phù hợp với

⁵⁹ Đặng Hùng Võ, 'Chuyển dịch đất đai: Vướng mắc và giải pháp' (Ct. 58).

⁶⁰ Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam (Aus4Reform), VCCI, 'Báo cáo Thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư - Xây dựng - Môi trường', (2020). Thông tin có tại: <https://pcivietnam.vn/an-pham/bao-cao-thu-tuc-hanh-chinh-trong-linh-vuc-dau-tu-dat-dai-xay-dung-moi-truong-ct197>. Truy cập ngày: 15/03/2022.

⁶¹ Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư. Điều 1.

⁶² 'Ban hành Bộ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất', Báo Hoà Bình, (2021). Thông tin có tại: <http://baohoabinh.com.vn/12/151360/Ban-hanh-Bo-tieu-chi-lua-chon-nha-dau-tu-thuc-hien-du-an-dau-tu-co-su-dung-dat.htm>. Truy cập ngày 01/02/2022.

⁶³ 'Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư và dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh BRVT', Cổng thông tin UBND Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Thông tin có tại: <http://khuyencong.baria-vungtau.gov.vn/tieu-chi-lua-chon-nha-dau-tu-va-du-an-dau-tu-tren-dia-ban-tinh-brvt.i957.html>. Truy cập ngày 01/02/2022.

⁶⁴ 'Quy định tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận', Cổng thông tin UBND Tỉnh Ninh Thuận, (2015). Thông tin có tại: <http://portalold.ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/sotttt/Pages/Quy-dinh-tieu-chi-lua-chon-du-an-dau-tu-tren-dia-ban-tinh-Ninh-Thuan.aspx>. Truy cập ngày 01/02/2022.

⁶⁵ Công Tâm, 'Hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn', Cổng thông tin Thành phố Đà Nẵng. Thông tin có tại: <https://danang.gov.vn/chinh-quyen/chi-tiet?id=8193&c=9>. Truy cập ngày 01/02/2022.

⁶⁶ Hoàng Thắng, 'Hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất', Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang, (2021). Thông tin có tại: <https://stp.kien Giang.gov.vn/trang/TinTuc/16/2898/Huong-dan-lua-chon-nha-dau-tu-thuc-hien-du-an-dau-tu-theo-phuong-thuc-doi-tac-cong-tu-va-du-an-dau-tu-co-su-dung-dat.html>. Truy cập ngày 01/02/2022.

⁶⁷ Sở Công thương Tỉnh Hà Nam, 'Ban hành quy định tiêu chí lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp', (2022). Thông tin có tại: <https://sct.hanam.gov.vn/Pages/ban-hanh-quy-dinh-tieu-chi-lua-chon-chu-dau-tu-xay-dung-ha-tang-ky-thuat-cum-cong-nghiep.aspx>. Truy cập ngày 28/02/2022.

đặc thù Thủ đô về khả năng kinh tế, cơ sở hạ tầng hiện tại, tập trung thu hút các lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ cao, đồng thời sàng lọc để bảo vệ an ninh, quốc phòng và tiềm lực kinh tế quốc gia⁶⁸. Các địa phương cần phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế sàng lọc, lựa chọn nhà đầu tư tham gia các dự án đầu tư trên địa bàn để bảo đảm lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện hiệu quả hoạt động đầu tư và có trách nhiệm đối với xã hội.

1.1.2. Đầu tư gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Dòng vốn đầu tư ở khu vực doanh nghiệp vào các hoạt động công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 30% tổng vốn đầu tư toàn xã hội⁶⁹, tỷ trọng doanh thu khoảng 40% trong tổng doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của nền kinh tế⁷⁰. Vốn đầu tư FDI chủ yếu vào công nghiệp chế biến và chế tạo, chiếm 58,2% tổng vốn đầu tư đăng ký⁷¹.

Pháp luật về đầu tư của Việt Nam gắn với bảo vệ môi trường quy định theo hướng không phân biệt nguồn vốn, để một dự án đầu tư được cấp phép thực hiện thì cần đảm bảo thỏa mãn các điều kiện về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng)⁷², phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội khi thuộc các trường hợp “Dự án đầu tư ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường”⁷³. Khi triển khai hoạt động đề xuất các dự án đầu tư, pháp luật cũng yêu cầu trong các trường hợp nhất định, nhà đầu tư phải có đánh giá sơ bộ tác động môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường, là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét chấp thuận dự án⁷⁴. Trong quá trình xem xét chấp thuận đầu tư, các yếu tố về công nghệ sử dụng cũng được xem xét khi thuộc các trường hợp hạn chế chuyển giao, trong đó có các yếu tố về bảo vệ môi trường theo pháp luật về chuyển giao công nghệ⁷⁵. Đối với các dự án sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, hay thuộc một các ngành nghề đóng góp tích cực cho môi trường (sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải,...) được Nhà nước khuyến khích bằng các cơ chế ưu đãi đầu tư⁷⁶. Thông qua đó, trách nhiệm đầu tư gắn với bảo vệ môi trường của nhà đầu tư cũng được nhà nước bảo đảm thông qua việc sàng lọc chấp thuận đầu tư này.

Trong giai đoạn đầu thu hút đầu tư, mục tiêu thu hút đầu tư để nhằm phát triển kinh tế và tăng việc làm, các dự án có vốn FDI hay đầu tư trong nước được khuyến khích và cấp phép nếu đáp các mục tiêu này hơn các mục tiêu về BVMT. Các quy định pháp luật đầu tư gắn với BVMT trong giai đoạn đầu mở cửa nền kinh tế chưa được thực sự rõ ràng. Xu hướng các doanh nghiệp nhập khẩu và sử dụng các công nghệ lạc hậu, có nguy tác động lớn đến môi trường được ghi nhận là

⁶⁸ Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 23/06/2021 của UBND Tp. Hà Nội về hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thông tin có tại: <https://www.thudo.gov.vn/newsdetail.aspx?NewsID=abf99974-1c00-5f4e-9f83-95427e2d3954&CatelID=44e1d4b7-c7c2-a542-9853-75ca5f67ea47>. Truy cập ngày 27/02/2022. Điều 1.

⁶⁹ Cục Đầu tư nước ngoài, ‘Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2021’ (Ct. 26).

⁷⁰ Cục Công nghiệp – Bộ Công thương, ‘Công nghiệp hỗ trợ, tự cchannguồn nguyên vật liệu, linh phụ-kiện - vấn đề cốt lõi của phát triển công nghiệp bền vững’, (2021). Thông tin có tại: <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/cong-nghiep-ho-tro-tu-chu-nguon-nguyen-vat-lieu-linh-phu-kie.html>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁷¹ Cục Đầu tư nước ngoài, ‘Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2021’ (Ct. 26).

⁷² Luật Đầu tư 2020 (Ct. 50).

⁷³ Nt. Điều 30, khoản 1.

⁷⁴ Xem thêm Bộ Tư-pháp - UNDP Việt Nam, ‘Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm’. Trang 30 (Ct. 9).

⁷⁵ Luật Chuyển giao công nghệ 2017, Luật số 07/2017/QH14. Thông tin có tại: <https://vbpl.vn/bokhoahoccongnghie/Pages/vbpgq-toanvan.aspx?ItemID=123514>. Truy cập ngày 26/01/2022. Điều 10.

⁷⁶ Luật Đầu tư 2020. Điều 16 (Ct. 50).

cao trong giai đoạn đó⁷⁷. Tuy nhiên, các Luật Đầu tư 2014 và 2020 đều có các quy định rõ ràng và cụ thể hơn so với các luật trước đó về vai trò, trách nhiệm của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong hoạt động đầu tư gắn với BVMT tại Việt Nam.

Luật BVMT được ban hành kể từ năm 1993 và được sửa đổi sau này quy định áp dụng chung cho các doanh nghiệp có vốn FDI và doanh nghiệp có vốn trong nước. Luật BVMT 2020 và có hiệu lực kể từ 01/01/2022 được coi là bước đánh dấu về những thay đổi lớn trong quy định pháp luật về BVMT, như quy định về trách nhiệm BVMT của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân⁷⁸.

a. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư có tác động tới môi trường

Tuy đã có những biện pháp để sàng lọc đầu tư (ngành nghề kinh doanh có điều kiện, các điều kiện trong quá trình xin cấp phép, hoạt động kinh doanh) được quy định tại các Luật Đầu tư, Luật BVMT nhằm quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có nguy cơ tác động tới môi trường, nhưng thực tế vẫn cho thấy những khó khăn của việc cân đối giữa các mục tiêu môi trường với các mục tiêu tăng trưởng sâu rộng trong quá trình phát triển kinh tế⁷⁹. Hoạt động đầu tư vào các lĩnh vực của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam là rất đa dạng và có nhiều dự án đầu tư vào các lĩnh vực có khả năng gây ô nhiễm cao, như sản xuất hoá chất, phân bón, luyện kim, may mặc, dệt nhuộm... Một số dự án đầu tư trong công nghiệp chế biến, chế tạo đã gây ra những sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong khu vực, như sự cố ô nhiễm biển miền Trung của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh⁸⁰, ô nhiễm môi trường tại trung tâm nhiệt điện Vĩnh Tân⁸¹, ô nhiễm bùn thải từ khai thác khoáng sản titan tại Bình Thuận, Bắc Giang⁸²... Mặc dù sau đó, Việt Nam đã có một số biện pháp để hạn chế các dự án đầu tư gây tác động tiêu cực tới môi trường thông qua việc xây dựng các quy hoạch ngành, nghề hay ban hành Luật BVMT 2010, hay thông qua các chính sách ưu đãi về thuế cho các hoạt động đầu tư ít tác động môi trường hoặc bảo vệ môi trường, nhưng các hoạt động đầu tư vào các ngành có khả năng gây tác động môi trường vẫn còn rất cao. Với mục tiêu công nghiệp hoá đất nước⁸³, dòng vốn đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo lại là khu vực có lượng phát thải GHG lớn nhất⁸⁴ trong khi chỉ đóng góp khoảng gần 14% GDP, giá trị gia tăng rất thấp so với các ngành công nghiệp khác⁸⁵. Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới, cường độ phát thải của ngành công nghiệp chế biến,

⁷⁷ Cục Công nghiệp – Bộ Công thương, 'Công nghiệp hỗ trợ, tchánhủ nguồn nguyên vật liệu, linh -hụ kiện - vấn đề cốt lõi của phát triển công nghiệp bền vững' (Ct. 72).

⁷⁸ Bộ Tài nguyên Môi trường, 'Luật Bảo vệ môi trường 2020 đánh dấu bước tiến mới', (2021). Thông tin có tại: <https://monre.gov.vn/Pages/luat-bao-ve-moi-truong-2020-danh-dau-buoc-tien-moi.aspx>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁷⁹ Xem thêm Ngân hàng Thế giới, 'Chiến lược và Định hướng Chiến lược Thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030'. Trang 20 (Ct. 27).

⁸⁰ Minh Hà – Đông Sơn, 'Công bố nguyên nhân sự cố môi trường làm hải sản chết bất thường tại 4 tỉnh ven biển miền Trung', Quân đội nhân dân, (2016). Thông tin có tại: <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/cac-van-de/cong-bo-nguyen-nhan-su-co-moi-truong-lam-hai-san-chet-bat-thuong-tai-4-tinh-ven-bien-mien-trung-482056>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁸¹ Nguyễn Tiến, 'Bụi, tiếng ồn gần trung tâm điện lực Vĩnh Tân vượt ngưỡng cho phép', Sài Gòn Giải phóng, (2020). Thông tin có tại: <https://www.sggp.org.vn/bui-tieng-on-gan-trung-tam-dien-luc-ving-tan-vuot-nguong-cho-phep-671111.html>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁸² Xuân Long, 'Formosa đứng đầu các vụ gây ô nhiễm năm 2016', Tuổi Trẻ, (2017). Thông tin có tại: <https://tuoitre.vn/formosa-dung-dau-cac-vu-gay-o-nhiem-nam-2016-1351267.htm>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁸³ Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/04/2016 của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

⁸⁴ Ngân hàng Thế giới, 'Không còn thời gian để lãng phí: Những thách thức và cơ hội đối với phát triển thương mại xanh tại Việt Nam', (2022). Thông tin có tại: <https://documents1.worldbank.org/curated/en/806771641998863176/pdf/No-Time-to-Waste-The-Challenges-and-Opportunities-of-Cleaner-Trade-for-Vietnam.pdf#page=20>. Truy cập ngày 25/01/2022.

Vũ Huy Hùng, 'Thách thức môi trường và những vấn đề đặt ra cho ngành Công thương'. Thông tin có tại: <http://vioit.org.vn/vn/chien-luoc-chinh-sach/thach-thuc-moi-truong-va-nhung-van-de-dat-ra-cho-nganh-cong-thuong-4451.4050.html>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁸⁵ Cục Công nghiệp – Bộ Công thương, 'Công nghiệp hỗ trợchánhủ nguồn nguyên vật liệu, li-h phụ kiện - vấn đề cốt lõi của phát triển công nghiệp bền vững' (Ct. 72).

chế tạo của Việt Nam trên doanh thu ở mức cao so với các nước có cùng mức thu nhập và phát triển (Việt Nam: 1,6; Trung Quốc: 0,7; Indonesia: 0,5; Malaysia: 0,5; Thái Lan: 0,4) và rất cao so với trung bình các nước OECD (trung bình OECD: 0,21)⁸⁶.

Với nhu cầu của phát triển hiện tại, một số lĩnh vực, địa phương vẫn chấp nhận các dự án đầu tư có rủi ro về môi trường vì chi phí đầu tư thấp. Ví dụ như các dự án đầu tư nhiệt điện than có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm không khí⁸⁷ vẫn có vai trò trong Quy hoạch điện VII hay được dự thảo trong Quy hoạch điện VIII (hay còn gọi là Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045), trong bối cảnh năng lượng là ngành có tỷ lệ phát thải lớn nhất⁸⁸. Trong khi đó, các dự án đầu tư có đóng góp tích cực cho môi trường còn rất khiêm tốn. Trong năm 2021 chỉ có duy nhất 02 dự án với số vốn đăng ký cấp mới đạt 7,2 triệu USD trên tổng số 1738 dự án cấp mới với tổng số vốn đăng ký cấp mới đạt 15,2 tỷ USD⁸⁹.

Trách nhiệm cấp phép đầu tư được phân cấp tùy thuộc vào tính chất và mức độ ảnh hưởng của dự án đến phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ, thì UBND cấp tỉnh đóng vai trò quan trọng trong chất lượng chọn lọc đầu tư ở địa phương. Phụ thuộc vào mục tiêu phát triển của mỗi địa phương theo từng thời kỳ, các địa phương sẽ có những quyết định lựa chọn lĩnh vực thu hút hoặc chấp nhận đầu tư trên địa bàn dựa trên các tiêu chí về kinh tế - xã hội, trong đó, yếu tố môi trường là một yếu tố chưa phải là yếu tố chính để xem xét cấp phép đầu tư. Ngoài ra, năng lực về thẩm định tác động môi trường của dự án đầu tư tại các địa phương còn có nhiều vấn đề, như chuyên môn của cán bộ, công cụ thẩm định chưa có hoặc không đầy đủ...

Những vấn đề trên đặt ra câu hỏi về hiệu quả triển khai trên thực tế các công cụ sàng lọc đầu tư hiện tại để hạn chế từ nguồn các dự án đầu tư có nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, nhằm kiểm soát các rủi ro của hoạt động đầu tư không đảm bảo thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Lo ngại ô nhiễm, Tiền Giang đã thu hồi nhà máy giấy 220 triệu đô la

Ngày 15/03/2016, Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang đã trao giấy chứng nhận đầu tư số 4388855258 cho dự án của Công ty TNHH nhà máy giấy Đại Dương (Đài Loan). Dự án chuyên sản xuất các loại giấy Duplex, giấy Kraft, giấy gia dụng..., với tổng vốn đầu tư được đề cập lúc bấy giờ là 220 triệu đô la. Dự kiến, dự án được xây dựng trên tổng diện tích 227.530 mét vuông và mục tiêu lúc bấy giờ là đưa dự án đi vào hoạt động từ tháng 08/2017. Tuy nhiên, sau khi có sự phản đối từ các nhà chuyên môn do lo ngại về tình trạng ô nhiễm môi trường bởi loại hình sản xuất này với những lý do như: (i) dự án có lưu lượng xả thải rất lớn (theo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang là khoảng 5.000 m³/ngày đêm) và có thể cao hơn khi dự án tăng công suất; (ii) nước thải chứa thành phần ô nhiễm rất nguy hại đối với sức khỏe, cấp nước sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản, như nước thải trong sản xuất giấy có khả năng gây dị dạng, quái thai, ung thư..., khả năng gây ô nhiễm trên diện rộng khi xảy ra sự cố; nước thải sẽ chuyển về lưu vực sông Tiền - nguồn nước cấp cho sinh hoạt, nông nghiệp, thủy sản

⁸⁶ Ngân hàng Thế giới, 'Không còn thời gian để lãng phí: Những thách thức và cơ hội đối với phát triển thương mại xanh tại Việt Nam' (Ct. 84).

⁸⁷ Xem thêm T. Minh, 'Công bố các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường', Báo Điện tử Chính phủ, (2016). Thông tin có tại: <https://baochinhphu.vn/cong-bo-cac-du-an-co-nguy-co-gay-o-nhiem-moi-truong-102210973.htm>. Truy cập ngày 20/01/2022.

Trung tâm Nghiên cứu Năng lượng và Không khí sạch (CREA), 'Chất lượng không khí, Sức khỏe & các tác động độc hại của nhiệt điện than theo dự kiến trong Quy hoạch điện 8 của Việt Nam', (2021). Thông tin có tại: <http://www.greenidvietnam.org.vn/app/webroot/app/webroot/upload/admin/files/Chat%20luong%20khong%20kh%E1%BB%9F%20suc%20khoe%20va%20tac%20dong%20cua%20NDT.pdf>. Truy cập ngày 01/03/2022.

⁸⁸ Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Hoàng Nam, 'Hiện trạng phát thải khí nhà kính tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức', (2021). Thông tin có tại:

https://www.researchgate.net/publication/352491423_Hien_trang_phat_thai_khi_nha_kinh_tai_Viet_Nam_Co_hoi_va_thach_thuc_Current_situation_of_greenhouse_gas_emissions_in_Vietnam_Opportunities_and_challenges. Truy cập ngày 20/01/2022.

⁸⁹ Cục Đầu tư nước ngoài, 'Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2021' (Ct. 26).

và du lịch của hàng triệu dân các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Long An...⁹⁰.

Pháp luật về đầu tư và môi trường hiện nay đã quy định lồng ghép các yêu cầu về môi trường đối với một đề xuất dự án đầu tư trước khi được cấp phép và đi vào hoạt động. Luật BVMT 2020 quy định việc “*thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lý môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư*”⁹¹. Vấn đề đặt ra là các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương cần xây dựng và ban hành các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, danh mục ngành nghề thu hút đầu tư phải gắn với tính toán khả năng ô nhiễm của lĩnh vực, dự án đầu tư có thể mang lại để có thể hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực tới môi trường từ hoạt động đầu tư⁹².

b. Hoạt động đầu tư gây ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên

Việt Nam là quốc gia có bờ biển dài trên 3200km, điều kiện tự nhiên thuận lợi cho hoạt động du lịch. Để có thể phát huy hiệu quả tốt hơn trong hoạt động đầu tư, Việt Nam cần chú trọng vào sản phẩm du lịch mới giá trị cao... Tuy nhiên, thách thức lớn đối với Việt Nam là tình trạng tích tụ các vấn đề môi trường do cả các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài gây ra làm suy giảm tăng trưởng, ảnh hưởng đến gia tăng năng suất, làm nản lòng khách du lịch và giảm chất lượng cuộc sống⁹³.

Theo thống kê của Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), Việt Nam hiện có 178 khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN), bao gồm: 33 vườn quốc gia; 59 khu dự trữ thiên nhiên; 23 khu bảo tồn loài; 9 khu dự trữ sinh quyển; 54 khu bảo vệ cảnh quan⁹⁴. Theo quy hoạch đến năm 2030, số lượng KBTTN được quy hoạch và thành lập là 219⁹⁵. Tình trạng nhiều dự án đầu tư, kinh doanh trong các lĩnh vực du lịch, năng lượng tái tạo, thủy điện... đã có những tác động tiêu cực hệ sinh thái, cư dân bản địa tại một số khu bảo tồn (KBT) di sản thiên nhiên dẫn đến bức xúc trong dư luận. Một số dự án chưa xử lý công bằng, hài hòa lợi ích hoặc bảo tồn các giá trị truyền thống của người dân bản địa tại các KBT. Những hệ lụy này xuất phát từ ý thức chủ quan của nhà đầu tư cũng như chưa có những quan tâm, đánh giá thấu đáo về tác động môi trường và xã hội của các dự án đầu tư đối với KBT như dự án tâm linh Lũng Cú thuộc xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn hay nhỏ hơn như điểm quan sát tại Mã Pì Lèng thuộc các xã Pải Lũng và Pải Vi, huyện Mèo Vạc⁹⁶...

Nguyên nhân của thực trạng này xuất phát từ việc các KBT ở Việt Nam hiện nay được điều chỉnh bằng nhiều luật khác nhau như: Luật Đa dạng sinh học (ĐDSH) 2008, Luật Quy hoạch đô thị (QHĐT) 2009, Luật Khoáng sản 2010, Luật Di sản văn hóa (DSVH), Luật BVMT 2014, Luật Lâm nghiệp 2017, Luật Quy hoạch.... Các KBT được quản lý bởi nhiều cơ quan khác nhau nên công

⁹⁰Trung Chánh, 'Lo ngại ô nhiễm, Tiền Giang đã thu hồi nhà máy giấy 220 triệu đô la', Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online, (2016). Thông tin có tại: <https://thesaigontimes.vn/chuyen-gia-de-nghi-thu-hoi-du-an-nha-may-giay-dai-duong/>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁹¹ Luật Bảo vệ môi trường 2020. Luật số 72/2020/QH14. Điều 5.10.

⁹² Ngân hàng Thế giới, 'Đánh giá và phân tích tác động ô nhiễm do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại Việt Nam', (2008). Thông tin có tại: <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/33931/45075VIET.pdf?sequence=2>. Truy cập ngày 25/01/2022. Trang 77-78.

⁹³ Ngân hàng Thế giới, 'Chiến lược và Định hướng Chiến lược Thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030' (Ct. 27). Trang 21-41.

⁹⁴ Ninh Cơ, 'Quản lý bền vững các khu bảo tồn thiên nhiên', Báo Nhân dân, (2020). Thông tin có tại: <https://nhandan.vn/vi-moi-truong-xanh/quan-ly-ben-vung-cac-khu-bao-ton-thien-nhien-450248/>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁹⁵ Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến 2030.

⁹⁶ Phạm Anh Cường, Trần Ngọc Cường, Phạm Hạnh Nguyên, 'Bảo vệ cảnh quan -hiên nhiên - Một cách tiếp cận mới trong Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)', Tạp chí Môi trường số 4/2020, (2020). Thông tin có tại: [http://tapchimoitruong.vn/phap-luat--chinh-sach-16/Bao-ve-canh-quan-thien-nhien---Mot-cach-tiep-can-moi-trong-Du-thao-Luat-Bao-ve-moi-truong-\(sua-doi\)-18360](http://tapchimoitruong.vn/phap-luat--chinh-sach-16/Bao-ve-canh-quan-thien-nhien---Mot-cach-tiep-can-moi-trong-Du-thao-Luat-Bao-ve-moi-truong-(sua-doi)-18360). Truy cập ngày 12/12/2021.

V.V. Tuấn, 'Xem xét kiến nghị dừng xây cáp treo ở Phong Nha Kẻ Bàng, Tuổi trẻ, (2017). Thông tin có tại: <https://tuoitre.vn/xem-xet-kien-nghi-dung-xay-cap-treo-o-phong-nha-ke-bang-20171018113938454.htm>. Truy cập ngày 12/12/2021.

tác bảo vệ không được thống nhất⁹⁷. Các hướng dẫn về đánh giá tác động đến cảnh quan thiên nhiên trong quá trình đánh giá môi trường chiến lược đối với các quy hoạch, trong đó có quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh; thiếu những quy định pháp lý cũng như các hướng dẫn kỹ thuật về đánh giá các tác động bất lợi đến hình thái, cấu trúc và chức năng của các cảnh quan quan trọng trong quá trình đánh giá tác động môi trường, lựa chọn địa điểm cũng như thiết kế của dự án đầu tư. Bất cập này có thể được khắc phục khi việc thi hành Luật BVMT 2020 có hiệu lực và được thực thi hiệu quả trên thực tế⁹⁸.

Thời gian vừa qua, Luật Đầu tư 2020 đã được sửa đổi về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, trừ di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới. Theo đó, thẩm quyền quyết định chủ trương đối với các dự án này đã được giao cho UBND cấp tỉnh thay vì Chính phủ.

UNESCO đề nghị Việt Nam hủy bỏ vĩnh viễn dự án cáp treo vào Sơn Đoòng

Theo báo cáo thẩm định và bảo tồn di sản thế giới năm 2017 trong phần nhận định về Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, trong đó có hang Sơn Đoòng, UNESCO cho biết các báo cáo trước đây đã cho thấy có một số yếu tố tác động tiêu cực đến di sản như các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, các hành vi xâm phạm rừng và hoạt động khai thác gỗ trái phép, sự giảm sút và biến mất của một số động thực vật... Bên cạnh đó, chính quyền địa phương và trung ương đều thiếu các kế hoạch quản lý khách du lịch. Kế hoạch Phát triển Du lịch Bền vững đưa ra không đầy đủ, thiếu những cảnh báo về tác động của khách du lịch, các hoạt động vui chơi giải trí, trong đó có dự án làm cáp treo vào hang động Sơn Đoòng. Việt Nam đã xác nhận thực hiện nghiên cứu dự án cáp treo nằm trong khu vực bảo vệ nghiêm ngặt vào hang Sơn Đoòng nhưng cho hay sẽ chỉ tiến hành khi có sự chấp thuận của Ủy ban Di sản Thế giới. Vì vậy, Trung tâm Di sản Thế giới và IUCN đề nghị Ủy ban Di sản Thế giới khẳng định lại mối quan tâm của mình đối với dự án này và các tác động tiềm tàng lên tài sản có giá trị độc đáo toàn cầu, đồng thời yêu cầu Việt Nam hủy bỏ vĩnh viễn kế hoạch phát triển cáp treo.

Tuy nhiên, UBND tỉnh Quảng Bình đã đồng ý cho khảo sát và nghiên cứu để thực hiện dự án lại cho thấy dự án xây cáp treo vẫn đang được cân nhắc. Việc đầu tư xây dựng cáp treo sẽ có khả năng số lượng khách tham quan vào hang tăng, làm gia tăng các tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với môi trường nhạy cảm của hang động. Trong khi đó, hoạt động du lịch hang động, hay đi thám hiểm hang động (có giới hạn) hiện tạo ra việc làm cho các cộng đồng địa phương khác với hoạt động du lịch đại trà⁹⁹.

Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các dự án đầu tư, doanh nghiệp tham gia bảo vệ, bảo tồn di sản thiên nhiên, di sản văn hoá và khu vực sống của cộng đồng xung quanh còn thiếu và chưa được cụ thể nên tạo ra sự tùy nghi và đánh giá chủ quan của các cơ quan nhà nước cấp phép. Các địa phương chưa có các biện pháp để khuyến khích doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư để bảo vệ và khai thác lợi ích từ cảnh quan thiên nhiên, văn hoá địa phương theo hướng bảo đảm lợi ích hài hoà giữa nhà đầu tư, cộng đồng dân cư và nhà nước.

c. Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá sơ bộ tác động môi trường trong thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư

⁹⁷ Nguyễn Hưng Quang và các tác giả, 'Báo cáo rà soát khung pháp lý và thể chế đối với việc bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý các khu vực bảo tồn và các vùng rừng đặc dụng tại Việt Nam', Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và GIZ, (2011).

⁹⁸ Luật Bảo vệ Môi trường 2020 có hiệu lực vào ngày 01/01/2022. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường 2020 đều được ban hành vào tháng 01/2022 trong quá trình thực hiện nghiên cứu này.

⁹⁹ Ninh Hà, 'UNESCO đề nghị Việt Nam hủy bỏ vĩnh viễn dự án cáp treo vào Sơn Đoòng', Người Đô thị Online, (2019). Thông tin có tại: <https://nguoidothi.net.vn/unesco-de-nghi-viet-nam-huy-bo-vinh-vien-du-an-cap-treo-va-son-doong-12453.html>. Truy cập ngày 21/01/2022.

V.V. Tuấn, 'Xem xét kiến nghị dừng xây cáp treo ở Phong Nha Kẻ Bàng' (Ct. 98).

Theo quy định của Luật Đầu tư 2020 và Luật BVMT 2020, đánh giá sơ bộ tác động môi trường được yêu cầu có trong hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư¹⁰⁰. Theo các luật này, lập và thẩm định đánh giá sơ bộ tác động môi trường được thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án¹⁰¹. Yêu cầu phải lập báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường đối với một số dự án đầu tư cũng đã được quy định tại Luật Đầu tư 2014 và Luật BVMT 2014¹⁰² nhưng hiệu quả của việc thực hiện yêu cầu này trong thời gian qua chưa được như mong muốn do thiếu các quy định thống nhất giữa pháp luật đầu tư và pháp luật môi trường cũng như hướng dẫn cụ thể về thủ tục này trong thời gian vừa qua. Cụ thể, dù đã được quy định tại Luật Đầu tư 2014, nhưng phải đến khi Luật BVMT 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đầu tư 2020 thì nội dung về đánh giá sơ bộ tác động môi trường mới được đề cập tại Luật BVMT 2014. Ngay cả đến khi đã được đề cập tới, thì theo rà soát, trong thời gian trước thời điểm Nghị định 54/2021/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết về đánh giá sơ bộ tác động môi trường, cũng không có văn bản dưới luật nào quy định chi tiết thủ tục trên, chưa có quy định rõ ràng việc đánh giá sơ bộ tác động môi trường gắn với đánh giá tác động sức khỏe cộng đồng cho các dự án đầu tư trong khi các dự án được yêu cầu phải đánh giá sơ bộ là những dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao¹⁰³. Hạn chế này gây khó khăn trong việc áp dụng của cả nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước trong việc lựa chọn các dự án đầu tư¹⁰⁴.

Luật Đầu tư 2020 và Luật BVMT 2020 và Nghị định 54/2021/NĐ-CP quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường đã quy định rõ ràng hơn đối với các dự án yêu cầu lập báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường, nội dung và nguyên tắc thẩm định, xem xét đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Đây sẽ là một mảnh ghép nhằm hoàn thiện công cụ “sàng lọc đầu tư” từ bước chấp thuận chủ trương đầu tư, góp phần giảm thiểu những hạn chế mà thủ tục ĐTM còn gặp phải (xem thêm Chương IV về Bảo vệ môi trường), đặc biệt là khi quy trình này có phạm vi tác động rất rộng, liên quan đến hầu hết các hình thức đầu tư dự án tại Việt Nam (đầu tư công, đầu tư theo hình thức đối tác công tư và đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư). Để thực thi được tốt các quy định này, các cơ quan nhà nước cần phải công khai các văn bản, tài liệu có các thông tin để nhà đầu tư có thể thực hiện được công tác đánh giá sơ bộ, như Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan... Bên cạnh đó, nhà đầu tư/doanh nghiệp cần phải chú ý đánh giá được các yếu tố nhạy cảm về môi trường của khu vực thực hiện dự án đầu tư theo các phương án về địa điểm, lựa chọn phương án về quy mô, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, địa điểm thực hiện dự án đầu tư và biện pháp giảm thiểu tác động môi trường...¹⁰⁵

Ngoài ra, các tiêu chí cụ thể đối với việc đánh giá tác động sơ bộ hay hoàn chỉnh đối với các hoạt động đầu tư kinh doanh có ảnh hưởng tới các khu bảo vệ (như vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan...) chưa được quy định cụ thể dẫn đến các cơ quan nhà nước ở địa phương còn gặp nhiều lúng túng trong việc cấp phép dự án đầu tư có ảnh hưởng tới các khu bảo vệ theo quy định của Luật BVMT 2020, Luật ĐDSH 2008, Luật Lâm nghiệp 2017 hay Luật DSVH 2001...

Mặc dù Luật Đầu tư 2020 và Luật BVMT 2020 đã có những thay đổi đáng kể về yêu cầu đối với

¹⁰⁰ Luật Bảo vệ Môi trường 2020. Điều 3, khoản 6 và Điều 29 (Ct. 93). Luật Đầu tư 2020. Điều 33 (Ct. 50).

¹⁰¹ Luật Bảo vệ Môi trường 2020. Điều 31, khoản 1 (Ct. 93).

¹⁰² Luật Đầu tư 2014. Luật số 67/2014/QH13. Điều 34, Điều 35.

Luật Bảo vệ Môi trường 2014. Luật số 55/2014/QH13. Điều 25, khoản 2 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đầu tư 2020).

¹⁰³ Luật Đầu tư 2014. Điều 28 và Điều 29 (Ct. 104).

¹⁰⁴ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), 'Báo cáo chòng chéo pháp luật về đầu tư kinh doanh', (2019). Thông tin có tại: <http://vibonline.com.vn/wp-content/uploads/2020/02/VCCI-Báo-cáo-chòng-chéo-PL-2019.12.26.pdf>. Truy cập ngày 30/01/2022.

¹⁰⁵ Nghị định số 54/2021/NĐ-CP ngày 21/05/2021 của Chính phủ quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Truy cập ngày 30/01/2022.

báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường hay báo cáo ĐTM so với các quy định trước đây, nhưng vẫn còn đó những khả năng phát sinh vướng mắc trên thực tế triển khai do thời gian ban hành và thực hiện Nghị định 54/2021/NĐ-CP là chưa lâu, vẫn còn đó những yêu cầu phải xử lý giữa nội dung của đánh giá sơ bộ tác động môi trường và ĐTM về cùng chung các nội dung của dự án như địa điểm, quy mô, công nghệ. Hay vấn đề cần phải nâng cao năng lực thẩm định và giám sát của cơ quan nhà nước đối với các báo cáo này và phải nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với việc lập và tổ chức thực hiện các báo cáo này để tránh yêu cầu này không được thực hiện triệt để trên thực tế để phát huy hiệu quả của dự án đầu tư cũng như là hạn chế được các tác động tiêu cực đối với môi trường từ hoạt động đầu tư của doanh nghiệp¹⁰⁶.

d. Đầu tư sử dụng khai thác tài nguyên chưa hiệu quả

Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên của quốc gia là một trong những nội dung được chỉ đạo thực hiện xuyên suốt trong chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam¹⁰⁷. Mặc dù vậy, trên thực tế vẫn dễ xảy ra các tình trạng sử dụng tài nguyên lãng phí, kém hiệu quả mà nguyên nhân xuất phát từ hoạt động cấp phép, đầu tư thiếu chọn lọc, không cần nhắc đến các yếu tố, tiêu chí môi trường¹⁰⁸.

Đơn cử như trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, nhiều dự án đầu tư trong lĩnh vực khai khoáng được cấp phép khai thác trong khi các máy móc, công nghệ vô cùng lạc hậu, không khai thác được triệt để giá trị của nguồn tài nguyên, gây lãng phí, thất thoát nguồn lực đất nước cũng như ảnh hưởng đến môi trường. Tỷ lệ thu hồi khoáng sản hiện nay chưa cao gây lãng phí tài nguyên và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường¹⁰⁹. Theo kết quả đánh giá của Chỉ số quản trị tài nguyên 2017 của NRGI, chỉ số Quản trị Tài nguyên của Việt Nam xếp ở vị trí 48/100, vẫn có nhiều hạn chế, yếu kém trong quản trị khai thác khoáng sản¹¹⁰.

Lãng phí tài nguyên trong khai thác khoáng sản do quy mô đầu tư thấp

Theo thống kê của Bộ Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản chỉ dành khoảng 0,01% tổng doanh thu dành cho đầu tư đổi mới công nghệ. Ở nhiều địa phương không có các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư hoạt động trong khai thác khoáng sản nên nhiều doanh nghiệp không đủ năng lực cả về tài chính, thiết bị, công nghệ lẫn kinh nghiệm nhưng vẫn được cấp mỏ, khai thác và chế biến bằng công nghệ lạc hậu, dẫn tới việc chế biến thô sơ không phù hợp với đặc điểm và thành phần khoáng vật của quặng nên mức độ thu hồi thấp và không thu hồi được khoáng vật đi kèm.

Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản được đánh giá tương đối đa dạng với 60 loại khoáng sản thuộc hơn 5.000 điểm mỏ được phát hiện và khai thác. Nếu không thay đổi phương pháp lựa chọn để cấp phép cho nhà đầu tư hoạt động khai thác khoáng sản thì công nghệ khai thác của nước ta vẫn còn

¹⁰⁶ Mai Thế Toàn – Hoàng Thanh Nguyệt (Cục Thẩm định và đánh giá tác động môi trường), 'Thực trạng và đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống đánh giá tác động môi trường trong quá trình xét duyệt dự án đầu tư', (2016). Thông tin có tại: <http://tapchimoitruong.vn/phap-luat--chinh-sach-16/Thực-trang--và--đề--xuất--kiến--nghị--nhằm--hoàn--thiện--hệ--thống--đánh--giá--tác--động--môi--trường--trong--quá--trình--xét--duyệt--dự--án--đầu--tư--19000>. Truy cập ngày 30/01/2022.

¹⁰⁷ Xem thêm tại 'Những điểm mới về kinh tế trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng', Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021). Thông tin có tại: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/nhung-diem-moi-ve-kinh-te-trong-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang-3781>. Truy cập ngày 25/12/2021.

Nghị quyết số 24/NQ/TW ngày 03/06/2013 của Ban chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

¹⁰⁸ Kết luận số 56-KL/TW (Ct. 109).

¹⁰⁹ Hùng Anh, 'Khai thác khoáng sản kém hiệu quả: Hệ lụy của việc cấp phép tràn lan', An Ninh Thủ Đô, (2016). Thông tin có tại: <https://www.anninhthudo.vn/khai-thac-khoang-san-kem-hieu-qua-he-luy-cua-viec-cap-phep-tran-lan-post285962.antd>. Truy cập ngày 30/12/2021.

¹¹⁰ Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên, 'Chỉ số quản trị tài nguyên', (2017). Thông tin có tại: https://nature.org.vn/vn/wp-content/uploads/2018/01/300118_Chisoquantritainguyen_webfinal.pdf. Truy cập ngày 25/01/2022.

lạc hậu, chưa tương xứng với giá trị của tài nguyên khoáng sản và gây ô nhiễm môi trường¹¹¹.

Như đã đề cập, trong quá trình xem xét chấp thuận đầu tư, các yếu tố về công nghệ sử dụng cho dự án đầu tư - vốn là những yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả khai thác tài nguyên của các dự án đầu tư - cũng được cân nhắc và thẩm định, tuy nhiên chỉ áp dụng “đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ”. Luật BVMT 2020 và Nghị định 54/2021/NĐ-CP lại quy định về nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nằm trong quá trình xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư) bao gồm công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải. Rõ ràng, giữa pháp luật môi trường và pháp luật đầu tư vẫn còn những sự chưa thống nhất về phạm vi, đối tượng dự án đánh giá sơ bộ tác động môi trường, có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng thẩm định hiệu quả khai thác tài nguyên của dự án.

e. Giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc để thúc đẩy chuyển dịch đầu tư vào các dự án đầu tư giảm phát thải

Kể từ Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI năm 2011, Việt Nam xác định gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh. Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII năm 2021 đã đặt định hướng “chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”¹¹².

Dựa vào định hướng nêu trên, Chính phủ Việt Nam đã có cam kết không phát thải (zero carbon) đến năm 2050 và công bằng, công lý cho vấn đề biến đổi khí hậu tại COP 26 - Hội nghị lần thứ 26 Các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu¹¹³. Hành động này phù hợp với Hiệp Định Paris, khi các thành viên là các nước đang phát triển cần tiếp tục tăng cường các nỗ lực nhằm giảm thiểu, và được khuyến khích theo thời gian hướng tới các mục tiêu giảm hoặc hạn chế phát thải trên toàn nền kinh tế tùy theo hoàn cảnh khác nhau của từng quốc gia¹¹⁴. Để phòng tránh các ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, việc đưa ra các chính sách ưu đãi cho các dự án đầu tư bảo vệ môi trường, hạn chế phát thải, hay không cấp phép cho những dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường là một công cụ hiệu quả.

Những định hướng và cam kết này đã yêu cầu Việt Nam phải hạn chế dòng vốn đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất chế tạo là khu vực có lượng phát thải GHG lớn, đồng thời yêu cầu Việt Nam cũng cần khuyến khích các doanh nghiệp có các giải pháp tổ chức sản xuất kinh doanh trung hoà carbon, như sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, hỗ trợ việc trồng cây xanh, phát triển rừng... để bù đắp vào lượng phát thải từ hoạt động kinh doanh của hoạt động đầu tư kinh doanh đó. Như đã phân tích ở trên, số lượng doanh nghiệp có hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo chiếm tỷ trọng lớn trong khi số lượng các doanh nghiệp có các cam kết, hoạt động để giảm phát thải không nhiều. Tín dụng xanh là một trong những công cụ hiệu quả để đạt

¹¹¹ Xem thêm 'Khai thác khoáng sản: Lãng phí do thiếu đầu tư công nghệ', Báo điện tử VTV News, (2015). Thông tin có tại: <https://vtv.vn/van-de-hom-nay/khai-thac-khoang-san-lang-phi-do-thieu-dau-tu-cong-nghe-20150304054911189.htm>. Truy cập ngày 25/01/2022.

¹¹² Thông tin có tại: <https://baochinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-dang-102288263.htm>. Truy cập ngày 15/02/2022.

¹¹³ Bộ Công thương, 'Cam kết của Việt Nam tại COP 26 là một bước ngoặt lịch sử', (2021). Thông tin có tại: <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/cam-ket-cua-viet-nam-tai-cop26-la-mot-buoc-ngoat-lich-su.html>. Truy cập ngày 30/01/2022.

¹¹⁴ Hiệp định Paris năm 2015 về biến đổi khí hậu. Thông tin có tại: https://unfccc.int/sites/default/files/english_paris_agreement.pdf. Truy cập ngày 11/03/2022. Điều 4.4.

được các cam kết tại COP26, là hướng đi tất yếu của ngành tài chính toàn cầu nói chung và ngành tài chính Việt Nam nói riêng trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn ra trên toàn cầu¹¹⁵. Tuy vậy, hiệu quả của tài chính xanh tại Việt Nam hiện chưa được như kỳ vọng. Bức tranh tổng thể về thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam được đánh giá hiện đang ở dạng sơ khai, chưa phát triển, quy mô, loại hình và nền tảng cung, cầu trái phiếu xanh đều chưa chắc chắn, hệ thống pháp lý cho việc phát hành và đầu tư trái phiếu xanh còn mỏng và chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế; hệ thống thông tin, tuyên truyền và sự hiểu biết của nhà đầu tư nói riêng và thị trường nói chung về trái phiếu xanh còn rất nhiều hạn chế¹¹⁶. Việc cải thiện chất lượng và thị trường tài chính xanh ở Việt Nam thông qua việc xây dựng khung pháp lý đầy đủ, đưa ra các hỗ trợ khuyến khích cho tài chính xanh theo đó là một công cụ hiệu quả để tiến tới mục tiêu phát triển bền vững, thu hút các dự án đầu tư một cách có chọn lọc.

Theo đánh giá, các nguồn tài chính quốc tế trong thời gian tới sẽ tập trung hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn, duy trì, phát triển rừng và bảo vệ các hệ sinh thái thay vì hỗ trợ cho các nguồn năng lượng hóa thạch¹¹⁷.

Lego xây dựng nhà máy sản xuất trung hoà carbon đầu tiên

Tập đoàn LEGO đã ký kết với Công ty TNHH Liên doanh Khu công nghiệp Việt Nam Singapore (VSIP) về việc xây dựng nhà máy trung hòa carbon đầu tiên của mình tại thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 1 tỷ đô la Mỹ. Công ty đặt mục tiêu đạt được 100% năng lượng tiêu thụ thông qua các tấm pin mặt trời trên mái nhà và trên một trang trại gần đó. Ngoài ra, LEGO cùng với VSIP sẽ trồng 50.000 cây xanh tại Việt Nam để bù đắp cho những thảm thực vật bị chặt bỏ trong quá trình xây dựng. Việc xây dựng trên địa điểm mới của LEGO sẽ bắt đầu vào năm 2022 và dự kiến bắt đầu sản xuất vào năm 2024. Dự án dự kiến sẽ tạo ra hơn 4.000 việc làm mới trong thời gian 15 năm¹¹⁸.

f. Hiệu quả của công tác giám sát, xử lý khiếu nại đối với dự án đầu tư có tác động tới môi trường chưa hiệu quả trong thời gian qua

Theo các quy định của pháp luật, UBND cấp tỉnh là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm giám sát, giải quyết khiếu nại, vướng mắc của nhà đầu tư trong lĩnh vực môi trường và dự án đầu tư¹¹⁹. Tuy nhiên, dường như UBND cấp tỉnh ở nhiều địa phương còn thiếu chủ động trong việc xây dựng, công khai các phương án, kế hoạch, tiêu chí chọn lọc và thu hút dự án đầu tư có yếu tố bảo vệ môi trường trên địa bàn. Chính quyền địa phương chưa chủ động công khai hay cung cấp thông tin để nhà đầu tư có thể thực hiện được công tác đánh giá sơ bộ tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường hay tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trên địa bàn¹²⁰.

Khác với Luật BVMT 2014, Luật BVMT 2020 đã ghi nhận cộng đồng dân cư được quy định là một chủ thể trong công tác bảo vệ môi trường và yêu cầu tăng cường công khai thông tin, tham vấn, phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong các hoạt động bảo vệ môi trường. Quy định

¹¹⁵ 'Đẩy mạnh tín dụng xanh cho phát triển bền vững' (2022). Thông tin có tại: <https://www.quochoitv.vn/cop26-day-manh-tin-dung-xanh-cho-phat-trien-ben-vung>. Truy cập ngày 01/05/2022.

¹¹⁶ Nguyễn Quang Huy, 'Trái-phiếu xanh - công cụ sáng tạo của thị trường tài chính thế giới và đề xuất một số chính sách đối với Việt Nam' (27/12/2021). Thông tin có tại: <https://kinhtetrunguoc.vn/web/guest/nghien-cuu-trao-doi/trai-phiieu-xanh-cong-cu-sang-tao-cua-thi-truong-tai-chinh-th.html>. Truy cập ngày: 01/03/2022.

¹¹⁷ Đỗ Nga, 'Thúc đẩy xu hướng chuyển dịch đầu tư cho các ngành kinh tế xanh', Báo Công Thương, (2021). Thông tin có tại: <https://congthuong.vn/thuc-day-xu-huong-chuyen-dich-dau-tu-cho-cac-nganh-kinh-te-xanh-169803.html>. Truy cập ngày 30/01/2022.

¹¹⁸ Vĩnh Cẩm, 'Tại sao Lego chọn Việt Nam để đặt nhà máy trung hoà carbon đầu tiên?', Sài Gòn Giải Phóng, (2021). Thông tin có tại: <https://www.saigondautu.com.vn/ho-so/tai-sao-lego-chon-viet-nam-de-dat-nha-may-trung-hoa-carbon-dau-tien-99943.html>. Truy cập ngày 25/01/2022.

¹¹⁹ Luật Bảo vệ Môi trường 2020. Điều 160 (Ct. 93). Luật Đầu tư 2020. Điều 69, Điều 70 (Ct. 50).

¹²⁰ Phạm Thị Ngoan, 'Mở cửa thu hút FDI và vấn đề môi trường', (2019). Thông tin có tại: <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/mo-cua-thu-hut-fdi-va-van-de-moi-truong-67227.htm>. Truy cập ngày 25/01/2022.

này nhằm khẳng định một trong những mục tiêu xuyên suốt của Luật BVMT 2020 là bảo vệ sức khỏe người dân, đảm bảo người dân được sống trong môi trường trong lành. Tuy nhiên, trên thực tế cộng đồng dân cư còn chưa được phát huy một cách thực chất, hiệu quả đối với công tác tham vấn môi trường. Các báo cáo ĐTM còn chưa được công khai để cộng đồng dân cư có thể thực hiện được vai trò giám sát¹²¹.

Hiện tại, quy định pháp luật về tiêu chí chọn lọc đầu tư chưa có những hướng dẫn cụ thể và chưa có hướng dẫn định lượng trong lĩnh vực BVMT để các tỉnh lựa chọn được nhà đầu tư mong muốn.

1.1.3. Đầu tư với tạo việc làm và chất lượng việc làm

a. Đầu tư gắn với nâng cao chất lượng việc làm

Lợi thế về lao động giá rẻ là một yếu tố quan trọng trong thu hút đầu tư và phát triển kinh tế trong những giai đoạn đầu của mở cửa kinh tế. Hiện nay, nhiều nhà đầu tư nước ngoài vẫn lựa chọn Việt Nam về yếu tố này cùng với các yếu tố liên quan đến ổn định chính trị, thuế ưu đãi...¹²² Theo số liệu báo cáo của ManpowerGroup, một công nhân Việt Nam kiếm được 242 đô la mỗi tháng, so với mức 1,801 đô la trong khu vực năm 2019, cùng với đó là tỷ lệ lao động có kỹ năng cao thấp thứ hai với 11,6%, so với 25,5% ở Philippines và 38,8% ở Hồng Kông¹²³. Được đề cập kỹ hơn tại Chương II về Quyền lao động và Tiêu chuẩn lao động, Việt Nam đang dần không còn ở giai đoạn có cơ cấu dân số vàng do tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động ngày một giảm đi. Theo loại hình doanh nghiệp, khu vực FDI đạt tốc độ tăng trưởng lực lượng lao động cao nhất, tiếp theo là khu vực kinh tế tư nhân, trong khi khối doanh nghiệp nhà nước lại chứng kiến có sự sụt giảm lao động do quá trình cổ phần hóa. Doanh nghiệp FDI sử dụng khoảng 4,5 triệu lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp¹²⁴.

Tuy nhiên, nếu các hoạt động đầu tư không gắn với nâng cao tay nghề tốt hơn hay cải thiện về đời sống, quyền của những người lao động thì giá trị FDI thu hút được sẽ có giá trị thấp¹²⁵, kèm theo năng suất lao động không cao, và không bảo đảm được quyền lợi của người lao động ngày một tốt hơn theo Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc. Theo một báo cáo của ILO năm 2014, có 87% lao động đang làm việc ở ngành dệt may, da giày và chủ yếu là những khâu đơn giản. Mặc dù chiếm tỷ lệ lao động khá cao trong khu vực song năng suất lao động của Việt Nam lại ở mức thấp, chỉ bằng 50% các nước thuộc khu vực ASEAN và thấp hơn Trung Quốc¹²⁶. Theo một nghiên cứu của Ban Kinh tế Trung ương kết hợp với Cơ quan hợp tác phát triển Hoa Kỳ (USAID) thì nhiều doanh nghiệp đang tìm cách vượt qua các quy định lao động để giảm chi phí lao động. Một khuyến nghị chính sách được đề xuất là gắn tốc độ tăng lương tối thiểu với tốc độ tăng năng suất lao động và cho phép tự do thương lượng ở từng doanh nghiệp dựa trên tốc

¹²¹ Xuân Long, 'Rất khó tiếp cận các báo cáo đánh giá tác động môi trường', Tuổi trẻ, (2020). Thông tin có tại: <https://tuoitre.vn/rat-kho-tiep-can-cac-bao-cao-danh-gia-tac-dong-moi-truong-20201118193456218.htm>. Truy cập ngày 25/01/2022.

¹²² Nghị quyết số 50-NQ/TW (Ct. 27).

Ngân hàng Thế giới, 'Chiến lược và Định hướng Chiến lược Thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030' (Ct. 27). Trang 35; Ban Kinh tế Trung ương - USAID, 'Chuẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam'. Trang 77 và 199 (Ct. 46).

¹²³ Đạt Nguyễn, 'Mức lương ở Việt Nam bằng một phần bảy mức trung bình trong khu vực', Báo điện tử VnExpress, (2019). Thông tin có tại: <https://e.vnexpress.net/news/business/data-speaks/vietnamese-salary-a-seventh-of-regional-median-4030498.html#:~:text=A%20Vietnamese%20worker%20earned%20%24242,among%20Asia%2DPacific%20economies%20studied>. Truy cập ngày 26/03/2022.

ManPowerGroup, 'Chỉ số tổng lực lượng lao động công bố Việt Nam xếp thứ 57 trên toàn cầu', (2019). Thông tin có tại: <https://manpower.com.vn/blog/2019/12/manpowergroups-total-workforce-index-reveals-vietnam-ranks-57th-globally?source=google.com>. Truy cập ngày 25/03/2022.

¹²⁴ UNDP Việt Nam - VCCI, 'Thông lệ quốc tế và quốc gia về sàng lọc đầu tư - Đánh giá kỹ thuật', (2021). Trang 3.

¹²⁵ Ngân hàng Thế giới, 'Chiến lược và Định hướng Chiến lược Thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030'. Trang 36 (Ct. 27).

¹²⁶ Ban Kinh tế Trung ương - USAID, 'Chuẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam', Trang 72 (Ct. 46).

Hồ Luân, 'Thăm dục lao động', (2016). Thông tin có tại: <http://daidoanket.vn/xa-hoi/tham-dung-lao-dong-tintuc133939>. Truy cập ngày 26/01/2022.

độ tăng năng suất lao động, đồng thời cần có chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư để tăng kỹ năng lao động và năng suất lao động cho người lao động Việt Nam¹²⁷. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước và vốn FDI đầu tư vào giáo dục để phát triển giá trị lao động tại Việt Nam chưa nhiều.

Thúc đẩy giá trị lao động trong hoạt động đầu tư

Theo Ngân hàng Thế giới, nhiều nhà đầu tư nước ngoài ban đầu cũng thiết lập những hoạt động đơn giản tại quốc gia tiếp nhận đầu tư trước khi dịch chuyển lên phía trên của chuỗi giá trị, khi họ có sự yên tâm với trình độ lao động và môi trường kinh doanh của quốc gia. Ví dụ:

- ☐ Ban đầu, Intel chỉ xây dựng một nhà máy lắp ráp ở Costa Rica, nhưng hiện nay đã đặt các bộ phận tài chính và kế toán có tầm quan trọng cao hơn ở đây.
- ☐ HSBC ban đầu chỉ có một trung tâm xử lý dữ liệu thô sơ ở Sri Lanka, nhưng hiện đang điều hành một số hoạt động kinh doanh vốn và quản lý rủi ro phức tạp hơn tại Colombo.
- ☐ NIDEC ban đầu chỉ thành lập một trung tâm sản xuất thô sơ tại Việt Nam và chỉ cho một dòng sản phẩm duy nhất, nhưng hiện tập đoàn có 7 nhà máy sản xuất và thực hiện toàn bộ hoạt động NC&UĐ để cải tiến quy trình sản xuất ở Việt Nam¹²⁸.

Nhiều doanh nghiệp đầu tư có vốn trong nước hoặc vốn FDI chưa chú trọng tới việc thu nhận và đào tạo nghề người địa phương vào làm việc tại doanh nghiệp. Vấn đề này cũng đã không giải quyết được một số vấn đề xã hội cần giải quyết khi đất đai của người dân bị thu hồi để phục vụ cho việc phát triển dự án đầu tư. Vấn đề này cần phải được giải quyết ở chủ trương thu hút đầu tư của chính quyền địa phương cũng như cam kết của nhà đầu tư khi đề xuất thực hiện đầu tư tại địa phương.

Theo nghiên cứu của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Bắc Ninh được nhiều tập đoàn lớn trên thế giới lựa chọn đầu tư như Samsung, Canon, Foxconn, ABB.... Những năm gần đây, tỉnh Bắc Ninh luôn kiên định thu hút dự án đầu tư sử dụng ít lao động, ít đất, suất vốn đầu tư cao, hiệu quả kinh tế cao và công nghệ cao. Đồng thời, tỉnh này thực hiện "5 sẵn sàng" gồm sẵn sàng (i) mặt bằng, (ii) nhân lực, (iii) cải cách, (iv) hỗ trợ và (v) chống dịch. UBND tỉnh Bắc Ninh cũng xác định vốn FDI sẽ là động lực để chuyển từ lợi thế lao động phổ thông và lương nhân công thấp sang lao động có kỹ năng để đạt được hai mục tiêu đồng thời: Một là ngành nghề sử dụng nhiều lao động phổ thông dành ưu tiên cho các doanh nghiệp trong nước; hai là thu hút FDI vào ngành công nghệ cao, dịch vụ hiện đại với cam kết về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, hình thành đội ngũ các nhà quản lý, kỹ sư, công nhân có sức tiếp cận tầm quốc tế. Với quan điểm lựa chọn đầu tư tương tự, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã chuyển sang thu hút FDI theo chiều sâu với chủ trương ưu tiên thu hút các dự án FDI đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp hiện đại, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, hướng tới giải quyết việc làm cho lao động trình độ cao¹²⁹.

b. Đầu tư gắn với đảm bảo an sinh xã hội của người lao động

Đối với lao động di cư, trong bối cảnh Việt Nam đang trong giai đoạn tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp dịch vụ, với hệ quả là sự phát triển mạnh mẽ của các khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu kinh tế đã thu hút lượng lớn lao động di cư và di

¹²⁷Ban Kinh tế Trung ương – USAID, 'Chuẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam'. Trang 203 (Ct. 46).

Ngân hàng Thế giới, 'Chiến lược và Định hướng Chiến lược Thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030'. Trang 40 (Ct. 27).

Đặng Nguyên Anh, 'Thị trường - g lao động - việc làm và quan hệ lao động trong điều kiện hội nhập ở Việt Nam: Thực trạng và một số định hướng chính sách', Trang Thông tin điện tử Hội đồng Lý luận Trung ương, (2021). Thông tin có tại: <http://hdl.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/thi-truong-lao-dong---viec-lam-va-quan-he-lao-dong-trong-dieu-kien-hoi-nhap-o-viet-nam-thuc-trang-va-mot-so-dinh-huong-chinh-sach--%E2%80%8B.html>. Truy cập ngày 28/01/2022.

¹²⁸ Ngân hàng Thế giới, 'Chiến lược và Định hướng Chiến lược Thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030'. Trang 37 (Ct. 27).

¹²⁹ UNDP Việt Nam – VCCI, 'Thông lệ quốc tế và quốc gia về sàng lọc đầu tư – Đánh giá kỹ thuật'. Trang 43 (Ct. 126).

cư lao động là xu hướng tất yếu¹³⁰. Di cư lao động tuy đem lại một số tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhưng cũng đi kèm với những tác động tiêu cực như: tạo ra các hệ lụy xã hội, tăng tỷ lệ ly hôn, trẻ em thiếu vắng sự chăm sóc của bố/mẹ dẫn đến hụt hẫng tình cảm bố mẹ với con cái, chênh lệch trong học hành và chăm sóc sức khỏe, tăng nguy cơ bị xâm hại tình dục ở trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái; người già trở nên neo đơn, không được chăm sóc, chạy chữa kịp thời trong ốm đau, trong khi lại phải đóng vai làm bố/mẹ khi mà họ bị hạn chế về sức khỏe và năng lực chăm sóc trẻ em; tăng nguy cơ chênh lệch về giới, đặc biệt là tại các khu công nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, tăng tỷ lệ đói nghèo ở khu vực đô thị,¹³¹ ... (xem thêm Chương II về Lao động).

Với cơ sở đó, việc khắc phục các hạn chế của di cư lao động tới xã hội, nhằm bảo đảm các quyền lợi của nhóm lao động này lẫn các chủ thể có liên quan được đặt ra ở Việt Nam. Ở góc độ đầu tư có trách nhiệm, việc thu hút các dòng vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài, vốn là động lực thúc đẩy chuyển dịch tái cơ cấu kinh tế là một trong những “lực kéo” của di cư lao động. Cụ thể, theo số liệu của CIEM, tỷ trọng người di cư làm trong khu vực nước ngoài cao hơn gần 3 lần so với người địa phương (19,3% so với 7,2%), trong khu vực ngoài nhà nước cao hơn 8 điểm phần trăm so với người địa phương¹³². Để hạn chế những tác động tiêu cực của di cư lao động, đảm bảo quyền lợi của nhóm lao động này, về phía Nhà nước, cần đầu tư cơ sở hạ tầng, quy hoạch quỹ đất các khu thiết chế văn hóa cho công nhân, hoặc các phương án hỗ trợ phát triển các dịch vụ nhà ở cho thuê trong xã hội, các nhà trẻ, mẫu giáo. Đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư cần đầu tư xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo, cơ sở y tế, công trình văn hóa và các công trình phúc lợi, nhà ở cho công nhân, các tuyến xe buýt để giảm lao động di cư ra các vùng ven,...¹³³ Từ đó, đảm bảo đời sống ổn định của lao động di cư, đặc biệt là những tác động tiêu cực trong thời gian vừa qua do đại dịch Covid-19 đem lại.

Đại dịch Covid-19 làm lộ nhiều bất cập về nhà ở cho công nhân

Tỷ lệ lao động nhập cư hiện nay ở các khu công nghiệp khoảng trên 50%, nhiều địa phương có tỷ lệ lao động ngoại tỉnh chiếm tới 70% như TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương... Chính vì vậy nhu cầu nhà ở của người lao động là rất lớn và bức xúc¹³⁴.

1.1.4 Các cơ chế khắc phục còn chưa hiệu quả

Theo quy định của pháp luật hiện nay, tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng từ hệ quả tiêu cực của các quyết định hành chính cá biệt về việc cấp phép đầu tư (như cấp chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư...) thì có thể thực hiện một số hoạt động bảo vệ quyền của mình thông qua phương thức khiếu nại hoặc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trong trường hợp phát hiện việc ban hành quyết định hành chính cá biệt có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tổ chức, cá nhân có thể tố cáo hành vi vi phạm đó.

Luật Đầu tư 2020 và văn bản hướng dẫn có quy định cụ thể về công tác giám sát, đánh giá đầu tư, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư. Nhà đầu tư sẽ bị đình chỉ, ngừng, chấm dứt hoạt động đầu tư kinh doanh nếu hoạt động này gây phương hại hoặc có nguy cơ gây phương hại đến quốc phòng, an ninh

¹³⁰ Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), Chương trình Australia Hỗ trợ cải cách kinh tế (Aus4Reform), ‘Nghiên cứu vấn đề giới trong di cư trong nước’, (2021). Thông tin có tại: <http://aus4reform.org.vn/An-pham-va-bao-cao/Moi-truong-dau-tu-kinh-doanh/nghien-cuu-van-de-ve-gioi-trong-di-cu-trong-nuoc-va-tai-co-cau-kinh-te-o-viet-nam-438095/>. Truy cập ngày 10/03/2022. Trang 14.

¹³¹ Nt. Trang 18.

¹³² Nt. Trang 8 và trang 51.

¹³³ Nt. Trang 76.

¹³⁴ Phương Hoài, ‘Đại dịch Covid-19 làm lộ nhiều bất cập về nhà ở cho công nhân’, (03/01/2022). Thông tin có tại: <https://vov.vn/kinh-te/bat-dong-san/dai-dich-covid-19-lam-lo-nhieu-bat-cap-ve-nha-o-cho-cong-nhan-post915497.vov>. Truy cập ngày 01/03/2022.

quốc gia¹³⁵ hoặc để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo Luật DSVH 2001; để khắc phục vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động¹³⁶... Khi hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư, nhà đầu tư muốn tiếp tục thực hiện dự án phải đảm bảo không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên¹³⁷.

Để cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có thể ra quyết định đình chỉ, ngừng, chấm dứt hoạt động đầu tư kinh doanh của dự án đầu tư thì phải phụ thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý tại từng lĩnh vực¹³⁸. Vấn đề này đòi hỏi phải có cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc xử lý các vi phạm của nhà đầu tư, đặc biệt là phối hợp xử lý các đơn khiếu nại, tố cáo của người dân đối với các vi phạm của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật¹³⁹. Cơ chế phối hợp giải quyết vướng mắc khiếu nại bao gồm phối hợp chiều ngang giữa các cơ quan chuyên môn cùng cấp và phối hợp chiều dọc giữa cơ quan hành chính cấp dưới với cơ quan hành chính cấp trên trong việc phát hiện vi phạm, xử lý khiếu nại của người dân đối với vi phạm của dự án đầu tư ngay từ cấp cơ sở để hạn chế được chậm trễ trong giải quyết khiếu nại, dẫn đến khiếu nại vượt cấp hoặc kéo dài¹⁴⁰. Như trong lĩnh vực đất đai liên quan đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, khiếu nại, tố cáo về đất đai đang trở thành điểm nóng làm ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế-xã hội, an ninh trật tự quốc gia. Vấn đề này đòi hỏi phải có một cơ quan giải quyết khiếu nại chuyên trách, độc lập để giải quyết các khiếu nại, tố cáo về đất đai¹⁴¹.

1.2 Đề xuất giải pháp

1.2.1 Đối với Nhà nước – Nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

- Dựa trên Luật Đầu tư 2020 và các cam kết của Chính phủ Việt Nam với quốc tế, các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương cần xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động của Trung ương và địa phương về thu hút đầu tư gắn với các nội dung của UNGP, các điều kiện, tiêu chí về đầu tư kinh doanh có trách nhiệm, nhất là trong các lĩnh vực môi trường, lao động, hài hòa lợi ích của người dân tại địa bàn đầu tư (đặc biệt là người dân bị mất đất đai do dự án đầu tư), người dân thuộc nhóm dễ bị tổn thương... Đặc biệt cụ thể hoá các hoạt động đã có trong các chương trình hành động nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc.
- Để có thể thực hiện được công tác sàng lọc đầu tư, các cơ quan nhà nước ở trung ương cần xây dựng các danh mục ngành nghề, lĩnh vực đầu tư có khả năng tác động lớn tới môi trường, tiêu chí pháp luật về môi trường cụ thể, có tính định lượng để các địa phương có thể căn cứ xây dựng các danh mục về điều kiện, tiêu chí môi trường cho các dự án cần thu hút đầu tư tại địa phương. Đặc biệt, các cơ quan nhà nước ở trung ương cần có ban hành các tiêu chí, kế hoạch cụ thể và có tính khả thi để đưa phát thải ròng về không (0). Các tiêu chí,

¹³⁵ Luật Đầu tư 2020. Điều 5 (Ct 50).

¹³⁶ Nt. Điều 47.

Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Điều 56, khoản 3, điểm b.

¹³⁷ Luật Đầu tư 2020. Điều 44 (Ct. 50). Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Điều 27, khoản 10 (Ct. 138).

¹³⁸ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Điều 56, khoản 3, điểm b (Ct. 138).

¹³⁹ Lê Quân, 'Cơ quan nào chịu trách nhiệm khi doanh nghiệp xả thải trộm ra sông', (2021). Thông tin có tại: <https://thanhnien.vn/co-quan-nao-chiu-trach-nhiem-khi-doanh-nghiep-xa-thai-trom-ra-song-post1063307.html>. Truy cập ngày 12/02/2022. Khang Nhi – Công Thọ, 'Thủ tướng: Bộ máy đông nhưng yếu, không ai chịu trách nhiệm về vấn đề ô nhiễm môi trường', (2020). Thông tin có tại: <https://kinhtedothi.vn/thu-tuong-bo-may-dong-nhung-yeu-khong-ai-chiu-trach-nhiem-ve-van-de-o-nhiem-moi-truong.html>. Truy cập ngày 12/02/2022.

¹⁴⁰ Thẩm phán Bùi Xuân Liêm, 'Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại hành chính về đất đai, là giải pháp hạn chế khiếu kiện các vụ án hành chính tại Tòa án', Trang thông tin điện tử Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Nam, (2020). Thông tin có tại: <https://toaanquangnam.gov.vn/nang-cao-hieu-qua-giai-quet-khieu-nai-hanh-chinh-ve-dat-dai-la-giai-phap-han-che-khieu-kiem-cac-vu-an-hanh-chinh-tai-toa-an/>. Truy cập ngày 25/01/2022.

¹⁴¹ Ban Kinh tế Trung ương – USAID, 'Chuẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam'. Trang 106-107 (Ct. 46).

kế hoạch này cần có mục tiêu rõ ràng và kỳ vọng cao, phân định rõ trách nhiệm của các bên liên quan, kèm theo cơ chế giám sát đánh giá chặt chẽ. Các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương cần xây dựng cơ chế ưu đãi, khuyến khích các dự án đầu tư có cam kết về giảm phát thải mạnh mẽ hơn.

- Các địa phương cần phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế sàng lọc, lựa chọn nhà đầu tư tham gia các dự án đầu tư trên địa bàn để bảo đảm lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện hiệu quả hoạt động đầu tư và có trách nhiệm. Cơ chế này cần chú ý tới xây dựng các tiêu chí sàng lọc đầu tư trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể trên địa bàn, đảm bảo nâng cao chất lượng đầu vào của các dự án đầu tư cấp phép, đóng góp cho mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển và bảo tồn di sản, cảnh quan, đời sống địa phương, cải thiện đời sống của nhóm dễ bị tổn thương,... Hiện nay, một số địa phương xây dựng “bộ lọc” dự án đầu tư ở quy mô địa phương mà chưa chú ý nhiều quy mô quốc gia¹⁴².
- Các cơ quan nhà nước ở địa phương cần nâng cao năng lực hỗ trợ cung cấp thông tin và thẩm định trong việc đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường khi đề xuất hoặc thực hiện đầu tư có liên quan đến các khu vực bảo vệ đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên, di sản văn hoá...
- Khi xây dựng cơ chế đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cần chú ý tới việc phát triển các tiêu chí pháp luật cụ thể về bảo vệ môi trường, phát triển và bảo tồn di sản, cảnh quan thiên nhiên, đời sống địa phương, cải thiện đời sống của nhóm dễ bị tổn thương... Đồng thời, công tác đấu thầu cần phải bảo đảm cạnh tranh và minh bạch để tạo ra một sân chơi bình đẳng giữa khu vực tư nhân và các doanh nghiệp nhà nước và nước ngoài¹⁴³.
- Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) cần xây dựng các chỉ số bên cạnh chỉ số phát triển bền vững (Vietnam Sustainability Index - VNSI) để đánh giá các công ty niêm yết, công ty đại chúng có các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm về lao động, môi trường...
- Sửa đổi Luật Đất đai và các quy định pháp luật liên quan để tạo điều kiện cho việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại các dự án có sử dụng đất và cho phép cơ chế chia sẻ lợi ích giữa nhà đầu tư, nhà nước và người dân để tạo điều kiện cho người dân được tham gia vào các hoạt động đầu tư, giảm bớt thiệt thòi cho người dân khi chuyển giao đất cho nhà nước, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư.
- Tăng cường các chế tài xử lý vi phạm pháp luật đầu tư và pháp luật chuyên ngành, trong đó biện pháp ngừng, ngừng một phần hoặc chấm dứt dự án đầu tư sẽ là một biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư, môi trường, lao động...
- Cần hoàn thiện Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư trong đó có ghi chú lịch sử về hoạt động đầu tư của doanh nghiệp trên phạm vi quốc gia để có thể thực hiện tốt hơn công tác sàng lọc đầu tư cũng như cảnh báo được sớm cho cơ quan nhà nước, nhà đầu tư về khả năng vi phạm pháp luật đầu tư và pháp luật chuyên ngành để có thể hạn chế được vi phạm.
- Xây dựng nhận thức, tăng cường công tác tuyên truyền về trách nhiệm của doanh nghiệp, nhà đầu tư khi triển khai các hoạt động kinh doanh, triển khai dự án mới để nhà đầu tư nắm rõ được các yêu cầu đặt ra về phía nhà nước liên quan đến chọn lọc đầu tư. Đồng thời, cơ quan nhà nước cũng cần cập nhật và thường xuyên công khai các thông tin liên quan đến

¹⁴² Nguyễn Đức, ‘Bối rối “lọc” dự án FDI’, Báo Đầu tư Chứng khoán, (2019). Thông tin có tại: <https://tinnhanhchungkhoan.vn/boi-roi-loc-du-an-fdi-post220106.html>. Truy cập ngày 01/02/2022.

¹⁴³ OECD, Đánh giá chính sách Đầu tư và Tài chính cho Năng lượng Sạch của Việt Nam, (2021). Thông tin có tại: https://www.oecd-ilibrary.org/environment/anh-gia-chinh-sach-au-tu-va-tai-chinh-cho-nang-luong-sach-cua-viet-nam_8c36dc34-vi. Truy cập ngày: 14/02/2022.

điều kiện, tiêu chí, yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất, tài nguyên hiệu quả để doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể tiếp cận trong việc xây dựng các báo cáo đánh giá sơ bộ về tác động môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Xây dựng chiến lược tích hợp về giáo dục, đào tạo kỹ thuật và dạy nghề cho ngành năng lượng sạch hoặc cho nền kinh tế xanh nói chung nhằm định hướng hoạt động đầu tư và phát triển chương trình¹⁴⁴.
- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, theo đó bổ sung định hướng tăng trưởng xanh lam, tăng trưởng số, các công nghệ thu giữ các-bon. Việc dần loại bỏ đầu tư vào các dự án, công nghệ cũ lạc hậu và phát thải GHG lớn, gây hại cho môi trường. Ứng dụng công nghệ sạch và thân thiện với môi trường, đầu tư thích đáng cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo¹⁴⁵.

1.2.2 Đối với doanh nghiệp – Trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

- Vận động các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề kinh doanh cần chủ động xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn, nguyên tắc về hoạt động đầu tư kinh doanh để thúc đẩy doanh nghiệp cùng cạnh tranh lành mạnh, đầu tư kinh doanh có trách nhiệm và đem lại hiệu quả đầu tư cho doanh nghiệp, nhà nước và xã hội.
- Vận động các doanh nghiệp có quy mô lớn, doanh nghiệp thường xuyên thực hiện các hoạt động đầu tư tại nhiều địa phương xây dựng các quy trình, bộ tiêu chí, bộ tiêu chuẩn về hoạt động đầu tư kinh doanh có trách nhiệm của doanh nghiệp mình (như quy tắc đạo đức ứng xử trong hoạt động kinh doanh) để thúc đẩy hoạt động kinh doanh có trách nhiệm, làm cơ sở cho việc ưu tiên được tham gia đấu thầu các dự án đầu tư tại các địa phương.
- Vận động các doanh nghiệp tự xây dựng cơ chế tham vấn hiệu quả đối với các bên liên quan (cơ quan nhà nước, địa phương, người dân,..) trong quá trình xây dựng, tham gia đấu thầu các dự án đầu tư, đánh giá sơ bộ tác động môi trường của các dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường... trong quá trình đề xuất, xây dựng và thực hiện dự án đầu tư.
- Vận động và khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh, đầu tư trong các ngành, lĩnh vực phát thải cao thực hiện các hoạt động giảm phát thải trong hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc thực hiện các biện pháp trung hoà phát thải (như sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, trồng cây xanh, trồng rừng...).

1.2.3 Đối với Nhà nước và doanh nghiệp – Cung cấp các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa, giảm thiểu, và đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động của doanh nghiệp

a. Các biện pháp tư pháp

- Nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp của tòa án về giải quyết vụ án hành chính liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư và các quyết định khác trong hoạt động đầu tư.
- Xây dựng mô hình tố tụng dễ dàng tiếp cận, tham gia của cộng đồng bị ảnh hưởng như cơ chế khiếu kiện tập thể tại Tòa án.

¹⁴⁴ Nt.

¹⁴⁵ Thông tin có tại: <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=53083&idcm=140>. Truy cập ngày 25/01/2022.

b. Các biện pháp phi tư pháp

- Xây dựng các chương trình đối thoại giữa doanh nghiệp và chính phủ về chính sách, kế hoạch, yêu cầu, định hướng phát triển và đối thoại khi xảy ra các vấn đề có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và con người trong hoạt động đầu tư.
- Xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp đất đai trong các dự án đầu tư mà Nhà nước cần thu hồi đất cho các dự án đầu tư theo hình thức hoà giải có nhiều bên tham gia (đa chủ thể) tham gia một cách hiệu quả để hạn chế được các tranh chấp, khiếu kiện kéo dài gây ảnh hưởng tới đời sống của người dân, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và sự ổn định về trật tự xã hội tại địa phương.
- Xây dựng cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả về đầu tư và đất đai có sự phối hợp giữa các cơ quan, các ngành trên cơ sở phối hợp chiều ngang giữa các ngành và phối hợp chiều dọc giữa cơ quan hành chính nhà nước cấp trên và cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới.
- Xây dựng các hướng dẫn cụ thể về phương pháp hoà giải tranh chấp về đầu tư giữa Nhà nước và nhà đầu tư. Đồng thời hướng dẫn cụ thể phương pháp đối thoại giữa Nhà nước, nhà đầu tư với cộng đồng dân cư đối với các tranh chấp liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.
- Tăng cường công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại của người dân, doanh nghiệp đối với các hoạt động đầu tư ảnh hưởng tới quyền lợi của người dân khi thu hồi đất, sử dụng đất sai mục đích, không thực hiện đúng cam kết giữa nhà đầu tư với chính quyền địa phương hoặc với cộng đồng dân cư, gây ảnh hưởng tới môi trường.

c. Cơ chế phối hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp để khắc phục

- Xây dựng các chương trình đối thoại giữa doanh nghiệp và Nhà nước về chính sách, quy hoạch, yêu cầu, định hướng phát triển và đối thoại khi xảy ra các ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và con người, và cơ chế đối thoại nhiều bên giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư về dự án đầu tư có ảnh hưởng tới cộng đồng dân cư.
- Xây dựng cơ chế chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước và nhà đầu tư liên quan đến các hoạt động đầu tư có ảnh hưởng tới cộng đồng dân cư.

CHƯƠNG II. LAO ĐỘNG

UNGP nhấn mạnh luật pháp, các quy định về lao động và biện pháp tư pháp là những công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện nghĩa vụ bảo vệ và chống lại những vi phạm của doanh nghiệp¹⁴⁶, đồng thời nói rõ vai trò của cơ quan quản lý lao động trong việc đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế mà Quốc gia đã cam kết¹⁴⁷. UNGP cũng đề cập đến việc sử dụng tòa án lao động như một cơ chế điển hình giúp Nhà nước đảm bảo rằng khi xảy ra vi phạm liên quan đến doanh nghiệp thì những cá nhân bị ảnh hưởng sẽ được tiếp cận với các biện pháp khắc phục hiệu quả¹⁴⁸, đồng thời củng cố vai trò quan trọng của các tổ chức công đoàn chính thống trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến lao động¹⁴⁹. UNGP làm rõ thêm rằng, thực hành kinh doanh có trách nhiệm, ở mức tối thiểu, cần tuân thủ quy định trong Tuyên bố của ILO về các Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại Nơi làm việc, bên cạnh các văn kiện quốc tế khác về kinh doanh có trách nhiệm¹⁵⁰.

Tại Việt Nam, lực lượng lao động trung bình cả nước là 54,9 triệu người, chiếm 74,4% dân số. Trong tổng số lao động nói trên, số lao động có việc làm chính thức là 15,1 triệu người, chiếm 27,5% tổng số lao động. Theo khu vực kinh tế, tỷ trọng lao động có việc làm khu vực dịch vụ là 17,9 triệu người, trong khu vực công nghiệp và xây dựng là 16,8 triệu người, trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 14,3 triệu người. Khu vực FDI đạt tốc độ tăng trưởng lực lượng lao động chính thức cao nhất, tiếp theo là khu vực kinh tế tư nhân¹⁵¹.

Đại dịch Covid-19 khiến thị trường lao động Việt Nam năm 2020 gặp nhiều khó khăn. Lần đầu tiên trong 10 năm qua, nền kinh tế Việt Nam chứng kiến sự sụt giảm nghiêm trọng về số người tham gia thị trường lao động và số người có việc làm. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động (nam từ 15-59 tuổi và nữ từ 15-54 tuổi) của Việt Nam năm 2020 là 2,48%, trong khi tỷ lệ này năm 2019 là 2,17%. Đến năm 2021, làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 kể từ ngày 27/4/2021 tại Việt Nam diễn biến theo chiều hướng phức tạp. Dịch bệnh đã tấn công trực tiếp vào các khu công nghiệp (KCN) và vào các doanh nghiệp, khiến nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động dẫn đến tình hình việc làm và đời sống của người lao động (NLĐ) hết sức khó khăn. Số người thất nghiệp bị đẩy lên cao ở giai đoạn giãn cách xã hội kéo dài trong 3 tháng của quý III, lên đến 3,98%¹⁵².

Tính đến tháng 9/2020, Việt Nam có 31,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch Covid-19 bao gồm người bị mất việc làm, phải nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập... Trong đó, 68,9% người bị giảm thu nhập, gần 40,0% phải giảm giờ làm/nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên và khoảng 14,0% buộc phải tạm nghỉ hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh. Khu vực dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đại dịch Covid-19 với 68,9%

¹⁴⁶ UNGP. Nguyên tắc 1 và 3 (Ct. 19).

¹⁴⁷ Nt. Nguyên tắc 8.

¹⁴⁸ Nt. Nguyên tắc 25.

¹⁴⁹ Nt. Nguyên tắc 29.

¹⁵⁰ Nt. Nguyên tắc 12.

¹⁵¹ ILO và Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo điều tra Lao động Việc làm năm 2020', (2022). Thông tin có tại: https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2021/08/sach_laodong_2020.pdf. Truy cập ngày 06/12/2021.

OECD, 'Báo cáo chính sách DNNVV và khởi nghiệp tại Việt Nam', (2021). Thông tin có tại: <https://www.oecd.org/cfe/smes/VN%20SMEE%20Policy%20highlights%20VN.pdf>. Truy cập ngày 06/12/2021. Trang 3.

¹⁵² Tổng cục Thống kê, 'Báo cáo tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động, việc làm quý IV năm 2021', (2022). Thông tin có tại: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-nam-2021-va-chi-so-phat-trien-con-nguoi-viet-nam-2016-2020/>. Truy cập ngày 06/12/2021.

lao động bị ảnh hưởng, tiếp đến là khu vực công nghiệp và xây dựng với 66,4% lao động bị ảnh hưởng; tỷ lệ lao động bị ảnh hưởng trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 27,0%¹⁵³.

Bộ luật Lao động mới được ban hành năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 (BLLĐ 2019). BLLĐ 2019 duy trì và mở rộng các quy định bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo BLLĐ 2012. BLLĐ 2019 quy định rõ hơn về quyền làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, học nghề, không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc... NLD được hưởng lương phù hợp với trình độ, kỹ năng nghề trên cơ sở thỏa thuận với người sử dụng lao động (NSDLĐ); được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể. Đặc biệt, BLLĐ 2019 đã có quy định đột phá về tổ chức đại diện của NLD không thuộc hệ thống Công đoàn Việt Nam, nhưng bình đẳng với Công đoàn, phù hợp với Công ước 98 của Tổ chức Lao động Thế giới (ILO) về Quyền tổ chức và Thương lượng tập thể. Bên cạnh đó, Luật Doanh nghiệp 2020 cũng quy định doanh nghiệp có nghĩa vụ bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của NLD theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho NLD theo quy định của pháp luật¹⁵⁴.

Việt Nam đã phê chuẩn 25 công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế. Trong số 08 công ước cơ bản, Việt Nam đã phê chuẩn 07 văn kiện, ngoại trừ Công ước 87 (xem Bảng 1)¹⁵⁵. Việt Nam cam kết sẽ phê chuẩn Công ước ILO số 87 vào năm 2023¹⁵⁶.

Bảng 1: Thống kê tình hình phê chuẩn các Công ước cơ bản của ILO đến tháng 01/2022

ĐÃ PHÊ CHUẨN	CHƯA PHÊ CHUẨN
C29 – Công ước về Lao động cưỡng bức C100 – Công ước Thù lao bình đẳng C111 – Công ước Chống phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp C138 – Công ước Tuổi tối thiểu C182 – Công ước Tình trạng tồi tệ nhất của lao động trẻ em C98 – Công ước về Quyền tổ chức và Thương lượng tập thể C105 – Công ước Xóa bỏ Lao động cưỡng bức	C87 – Công ước về Quyền tự do hiệp hội và bảo vệ quyền tổ chức

Việt Nam cam kết duy trì luật pháp, quy định và thông lệ thực hành cho phép thực hiện các quyền lao động trong Tuyên bố của ILO tại các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA, UKFTA... như (a) tự do liên kết và công nhận một cách thực chất quyền thương lượng tập thể; (b) chấm dứt mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc ép buộc; (c) loại bỏ một cách hiệu quả lao

¹⁵³ Tổng Cục thống kê, 'Báo cáo tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động, việc làm quý III năm 2020', (2020). Thông tin có tại: <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2020/10/Bao-cao-tac-dong-Covid-quy-3.2020-in-lan-2.docx>. Truy cập ngày 06/12/2021. Trang 2.

¹⁵⁴ Luật Doanh nghiệp 2020. Luật số 59/2020/QH14. Điều 8, khoản 5.

¹⁵⁵ Nguồn: https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:11210:0::NO::P11210_COUNTRY_ID:103004. Truy cập ngày 06/12/2021.

¹⁵⁶ ILO, 'ILO hoan nghênh Việt Nam bỏ phiếu phê chuẩn công ước cốt lõi về thương lượng tập thể', (24/6/2019). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/newsitems/WCMS_710542/lang--en/index.htm. Truy cập ngày 06/12/2021.

động trẻ em và, nhằm mục đích của Hiệp định này, cấm các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất; và (d) chấm dứt phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp¹⁵⁷.

2.1 Các vấn đề bất cập hiện nay

Như đã phân tích tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ, các vấn đề lao động tập trung vào hoạt động kinh doanh có trách nhiệm gồm: (i) Quan hệ lao động, (ii) Điều kiện lao động, (iii) Lao động phi chính thức; (iv) Lao động cưỡng bức, (v) Lao động di cư; (vi) Lao động trẻ em và (vii) Các cơ chế khắc phục.

2.1.1 Quan hệ lao động

Theo phân tích tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ, quan hệ lao động đề cập đến các thiết chế, cơ chế đối thoại và thương lượng tập thể giữa NLD, các tổ chức đại diện của NLD (gồm Công đoàn cơ sở và tổ chức đại diện của NLD tại doanh nghiệp) và doanh nghiệp; và thiết chế giải quyết tranh chấp lao động¹⁵⁸. Hiện tại, định hướng phát triển quan hệ lao động tại Việt Nam được thực hiện theo Chỉ thị 37-CT/TW của Ban bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới. Trong những năm gần đây, các vấn đề bất cập còn tồn tại ở Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực Quan hệ lao động bao gồm:

- Quyền thành lập tổ chức đại diện của NLD còn hạn chế
- Đối thoại tại nơi làm việc và thương lượng tập thể chưa thực chất
- Thiết chế giải quyết tranh chấp lao động chưa hiệu quả
- Thực trạng NSDLD chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật vẫn còn phổ biến.

a. Quyền thành lập tổ chức đại diện của người lao động còn hạn chế

Công đoàn Việt Nam là tổ chức đại diện lâu đời nhất của NLD theo pháp luật Việt Nam¹⁵⁹. Theo Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam - cơ quan lãnh đạo các cấp công đoàn, thành viên của Công đoàn Việt Nam hiện nay vào khoảng 10.350.000 người, tương đương với khoảng 68,5% số lao động chính thức¹⁶⁰. Để điều chỉnh hoạt động của Công đoàn, Việt Nam có Luật Công đoàn từ năm 1957 và được sửa đổi năm 1990 và 2012. Vai trò của Công đoàn, cụ thể là Công đoàn cơ sở¹⁶¹ trong quan hệ lao động được thể hiện tại BLLĐ 2019 (trước đó là BLLĐ 2012), bao gồm tham gia đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, tổ chức và lãnh đạo đình công, đại diện cho NLD trong quá trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp lao động cá nhân khi được NLD ủy quyền.

Trong giai đoạn trước, BLLĐ 2012 quy định tổ chức đại diện tập thể NLD tại cơ sở bao gồm ban chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở nơi chưa

¹⁵⁷ CPTPP, Điều 19.3 (Ct. 33). EVFTA, Điều 13.3.1 và Điều 13.4.2 (Ct. 34).

¹⁵⁸ Bộ Tư pháp – UNDP Việt Nam, ‘Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm’ (Ct. 9).

¹⁵⁹ ‘Lịch sử Công đoàn Việt Nam’, Cổng thông tin điện tử Công đoàn Việt Nam, (2016). Thông tin có tại: [http://www.congdoan.vn/gioi-thieu/lich-su-cdvn-489/tom-tat-qua-trinh-hinh-thanh-va-phat-trien-cua-giai-cap-cong-nhan-va-to-chuc-cong-doan-viet-nam-\(phan-1\)-32026.tld](http://www.congdoan.vn/gioi-thieu/lich-su-cdvn-489/tom-tat-qua-trinh-hinh-thanh-va-phat-trien-cua-giai-cap-cong-nhan-va-to-chuc-cong-doan-viet-nam-(phan-1)-32026.tld). Truy cập ngày 08/03/2022.

¹⁶⁰ Công đoàn Điện lực Việt Nam, ‘Nhận diện thách thức trước mục tiêu đạt 12 triệu đoàn viên vào năm 2023’, (2021). Thông tin có tại: <http://www.congdoandlvn.org.vn/d4/news/Nhan-dien-thach-thuc-truoc-muc-tieu-dat-12-trieu-doan-vien-vao-nam-2023-1-11117.aspx>. Truy cập ngày 08/03/2022.

¹⁶¹ Theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam (ban hành theo Quyết định 174/QĐ-TLĐ năm 2020 do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam), hệ thống tổ chức công đoàn các cấp từ dưới lên trên bao gồm cấp cơ sở; cấp trên trực tiếp cơ sở; cấp tỉnh, ngành trung ương; và cấp Trung ương.

thành lập công đoàn cơ sở¹⁶². Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng BLLĐ 2012 cho thấy việc cho phép công đoàn cấp trên cơ sở có quyền đại diện cho NLĐ tại các doanh nghiệp chưa có công đoàn cơ sở thương lượng tập thể và ký kết thỏa ước lao động tập thể không thực sự bảo vệ tốt quyền lợi cho NLĐ, đồng thời cũng ảnh hưởng đến Quyền được tự nguyện và độc lập của tập thể NLĐ tại tiêu chuẩn lao động quốc tế, cụ thể là Công ước 98¹⁶³. Đồng thời, Báo cáo đánh giá sơ bộ có đề cập đến quan ngại của Ủy ban về các Quyền dân sự và chính trị của LHQ (HRC) “về những hạn chế quá mức liên quan đến việc thành lập, quản lý và vận hành các hiệp hội chung công khai, bao gồm cả quyền thành lập công đoàn độc lập”¹⁶⁴.

BLLĐ 2019 đã giải quyết các vấn đề trên bằng việc sửa đổi quy định theo hướng tổ chức đại diện NLĐ tại cơ sở không bao gồm ban chấp hành công đoàn cấp trên mà chỉ gồm công đoàn cơ sở và một loại tổ chức đại diện mới là tổ chức của NLĐ tại doanh nghiệp¹⁶⁵. Công đoàn cơ sở và tổ chức đại diện của NLĐ tại doanh nghiệp là bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ trong việc đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của NLĐ¹⁶⁶. Trên thực tế hiện nay, văn bản hướng dẫn về thủ tục thành lập tổ chức của NLĐ tại doanh nghiệp chưa được ban hành nên chưa có tổ chức nào được thành lập. Đồng thời, việc thành lập tổ chức của NLĐ như trên cũng đang giới hạn ở doanh nghiệp, BLLĐ 2019 chưa đề cập đến khả năng thành lập tổ chức này của NLĐ tại các đơn vị sử dụng lao động khác như cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ...

b. Đối thoại tại nơi làm việc và thương lượng tập thể chưa thực chất

Theo ILO, đối thoại tại nơi làm việc và thương lượng tập thể là các dạng đối thoại xã hội, có thể được sử dụng như “một công cụ để duy trì và khuyến khích quan hệ lao động hài hòa và mang tính xây dựng”¹⁶⁷.

Đối thoại tại nơi làm việc và thực hiện dân chủ cơ sở

Theo Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (TLĐLĐVN), những năm qua tại Việt Nam có sự gia tăng số lượng các cuộc đối thoại định kỳ và hội nghị người lao động, từ năm 2008 đến năm 2018 số doanh nghiệp tổ chức Hội nghị người lao động tăng từ 45,36% lên 53,26%; từ năm 2014 đến năm 2018 số cuộc đối thoại định kỳ và đột xuất tăng từ hơn 9 ngàn cuộc lên hơn 33 ngàn¹⁶⁸. Bên cạnh đó, một khảo sát của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trên 139 doanh nghiệp thuộc 10 tỉnh, thành phố cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp xây dựng và ban hành quy chế dân chủ tại cơ sở là 61%¹⁶⁹.

Tuy các số liệu trên cho thấy đã có sự tiến triển nhất định trong hoạt động đối thoại tại nơi làm việc và thực hiện dân chủ cơ sở, nhiều báo cáo phản ánh rằng việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại các doanh nghiệp vẫn còn mang tính hình thức và chưa thực sự mang lại kết quả có ý nghĩa với NLĐ. Doanh nghiệp chưa nắm vững cách thức đối thoại về nội dung lẫn hình thức

¹⁶² Bộ luật Lao động 2012, Luật số 10/2012/QH13. Điều 3, khoản 4.

¹⁶³ Bộ LĐ-TB&XH, ‘Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)’, (2018). Trang 23.

¹⁶⁴ Bộ Tư pháp – UNDP Việt Nam, ‘Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm’ (Ct. 9). Trang 37.

Ủy ban Nhân quyền LHQ (HRC), ‘Kết luận quan sát báo cáo định kỳ lần thứ ba của Việt Nam’, CCPR/C/VNM/CO/3, (2019). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/en/documents/concluding-observations/ccprcnmco3-human-rights-committee-concluding-observations-third>. Truy cập ngày 14/04/2022. Đoạn 49.

¹⁶⁵ Bộ luật lao động 2019, Luật số 45/2019/QH14. Điều 3, khoản 3.

¹⁶⁶ Nt. Điều 3.

Bộ LĐ-TB&XH – ILO, ‘Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở’. Thông tin có tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_768792.pdf. Truy cập ngày 08/03/2022.

¹⁶⁷ ILO, ‘Đối thoại xã hội’. Thông tin có tại: https://www.ilo.org/actemp/areas-of-work/WCMS_731146/lang--en/index.htm. Truy cập ngày 10/04/2022.

¹⁶⁸ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ‘Báo cáo quan hệ lao động 2019’, (2021). Trang 17.

¹⁶⁹ Bộ LĐ-TB&XH, ‘Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)’. Trang 20 (Ct.166).

đối thoại, chẳng hạn như không phân công trách nhiệm các bên trong đối thoại, do đó nhiều trường hợp chưa thực hiện nghiêm túc quy trình, nội dung đối thoại theo quy định pháp luật. Đồng thời, có tình trạng tổ chức đối thoại định kỳ được kết hợp với các cuộc họp giao ban, tổ chức hội nghị NLD kết hợp với hội nghị tổng kết năm hoặc đại hội đồng cổ đông¹⁷⁰. Tại nhiều doanh nghiệp, Công đoàn cơ sở tham gia đối thoại với chủ doanh nghiệp nhưng lại không có cơ chế để lấy ý kiến của NLD, làm mất đi tính thiết thực của việc đối thoại¹⁷¹. Đối với quy chế dân chủ ở cơ sở, nhiều doanh nghiệp lập quy chế một cách đối phó, chưa dựa trên điều kiện thực tiễn để cụ thể hóa cho doanh nghiệp mà chỉ sao chép quy định pháp luật¹⁷².

Thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể

Công ước số 98 đặt ra một số nguyên tắc cơ bản để thương lượng tập thể phát huy hiệu quả đối với NLD, NSDLĐ và toàn xã hội, như bảo vệ NLD trước những hành vi phân biệt đối xử chống lại công đoàn, công đoàn độc lập và không chịu sự can thiệp của NSDLĐ, xây dựng thể thức để thúc đẩy thương lượng tự nguyện¹⁷³. Kết quả hướng tới của thương lượng tập thể là thỏa ước lao động tập thể (TƯLĐTT) ràng buộc các bên ký kết và những người mà các bên ký kết đại diện¹⁷⁴, giúp NLD nhận được những lợi ích cao hơn so với quy định tối thiểu của pháp luật lao động¹⁷⁵. Đây là thiết chế đặc biệt quan trọng đối với nhóm lao động có kỹ năng thấp và dễ bị tổn thương¹⁷⁶.

Theo TLĐLĐVN, số lượng các TƯLĐTT được ký kết ngày càng tăng. Tính đến hết năm 2018 đã có 28.876 bản TƯLĐTT cấp doanh nghiệp (tăng 13.429 bản so với năm 2008). Năm 2018 trên 60% các doanh nghiệp có công đoàn cơ sở đã ký TƯLĐTT doanh nghiệp. Tỷ lệ này với doanh nghiệp nhà nước là 100%, doanh nghiệp tư nhân là 64,4% và doanh nghiệp FDI là 60%¹⁷⁷.

Mặc dù tỷ lệ bao phủ TƯLĐTT đối với NLD cao nhưng số lượng TƯLĐTT là kết quả của thương lượng thực chất vẫn còn khiêm tốn. Theo khảo sát năm 2015 của Viện FES và Viện Công nhân công đoàn với hơn 20.000 bản TƯLĐTT đã đăng ký, chỉ có khoảng 15% số bản thỏa ước có quy định mức lương cao hơn lương tối thiểu. Theo TLĐLĐVN, số TƯLĐTT đạt chất lượng tốt nhất (loại A), tuân thủ quy trình thương lượng theo hướng dẫn của TLĐLĐVN và có sự tham gia của NLD, với nhiều nội dung có lợi cho NLD nhiều hơn, chiếm 11%, loại tốt (loại B) chiếm 15,6%, trung bình (loại C) chiếm 26,4%, thấp (loại D) chiếm 21,2%... Như vậy, tỷ lệ NLD làm công hưởng lương được hưởng lợi từ các bản TƯLĐTT thực chất và cao hơn luật chưa tới 5%. Có một số nguyên nhân đối với hạn chế này, như vai trò công đoàn trong việc thương lượng, đối thoại còn yếu, doanh nghiệp chưa thực hiện xây dựng TƯLĐTT một cách thực chất¹⁷⁸.

Tại nhiều doanh nghiệp có TƯLĐTT dựa trên trao đổi và thống nhất giữa NLD và doanh nghiệp, nhưng nếu công đoàn cơ sở yếu thì TƯLĐTT cũng không phát huy tác dụng, và NLD không được hưởng lợi từ TƯLĐTT đó. NLD cũng không tận dụng được các quy định của TƯLĐTT để thực hiện đình công theo quy định của pháp luật¹⁷⁹.

¹⁷⁰ Nt. Trang 22.

¹⁷¹ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, 'Báo cáo quan hệ lao động 2019'. Trang 18 (Ct. 171).

¹⁷² Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)'. Trang 22 (Ct. 166).

¹⁷³ ILO, 'Công ước số 98 của ILO - Công ước về Quyền Tổ chức và Thương lượng Tập thể (Tài liệu Dự án Thúc đẩy áp dụng các Công ước Cơ bản của ILO trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh Châu Âu - Việt Nam)'. Thông tin có tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_721935.pdf. Truy cập ngày 14/04/2022.

¹⁷⁴ ILO, 'Thương lượng tập thể: Hướng dẫn chính sách', (2015). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_567692.pdf. Truy cập ngày 14/04/2022. Trang 3.

¹⁷⁵ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, 'Báo cáo quan hệ lao động 2019'. Trang 20 (Ct. 171).

¹⁷⁶ Nt. Trang 20.

¹⁷⁷ Nt. Trang 20 và trang 21.

¹⁷⁸ Nt. Trang 21,22, 35.

¹⁷⁹ Oxfam Việt Nam, 'Tiền lương không đủ sống và hệ lụy nghiêm cứu một số doanh nghiệp may xuất khẩu ở Việt Nam', (2019). Trang 49.

Thương lượng tập thể thực sự ở cấp doanh nghiệp vẫn còn rất hiếm và rất khó khăn. Như đã phân tích ở trên, nếu công đoàn cơ sở không phát huy được năng lực thì khó có thể thực hiện được thương lượng tập thể hiệu quả.

c. Thiết chế giải quyết tranh chấp lao động chưa hiệu quả

Tranh chấp lao động cá nhân

Theo thống kê của Tòa án nhân dân Tối cao, số vụ tranh chấp lao động cá nhân được giải quyết những năm gần đây có xu hướng giảm. Năm 2012 số vụ tranh chấp là 4.970 vụ, đến năm 2016 tăng lên 6.846 vụ¹⁸⁰, tuy nhiên có bằng chứng sơ bộ cho thấy số vụ năm 2018 giảm còn 3.655 vụ¹⁸¹ và đến năm 2021, số vụ tranh chấp được giải quyết tiếp tục giảm xuống 3.142 vụ¹⁸². Khi tính cả số tranh chấp lao động cá nhân được giải quyết qua các phương thức hòa giải lao động, khiếu nại qua thanh tra lao động và Tòa án thì số tranh chấp lao động cá nhân sẽ còn tăng lên. Ví dụ, số vụ tranh chấp lao động cá nhân được đưa ra hòa giải lao động ở Tp. Hồ Chí Minh tăng từ 737 lên 893 vụ trong giai đoạn 2016-2017 và giảm xuống 744 vụ năm 2018¹⁸³.

Tranh chấp lao động tập thể và đình công

Thống kê của Cục Quan hệ lao động và Tiền lương, giai đoạn 2016-2018, tỷ lệ tranh chấp lao động tập thể về lợi ích cao hơn nhiều so với tranh chấp lao động về quyền. Năm 2015, tỷ lệ đình công về lợi ích chỉ là 38,37% thì năm 2018 tỷ lệ này là 49,5%, trong khi tỷ lệ đình công về quyền giảm tương ứng từ 38,37% xuống còn 18,8%. Các cuộc đình công trước đây tập trung vào yêu cầu đảm bảo mức tiền lương và điều kiện lao động tối thiểu theo quy định của luật. Hiện nay, các cuộc đình công đã tập trung vào những lợi ích cao hơn mức hiện tại, như tiền lương, tiền thưởng và bữa ăn ca vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất¹⁸⁴. Đình công vẫn tập trung ở 03 ngành dệt may, da giày và chế biến gỗ, trong đó riêng ngành dệt may chiếm trên 40% tổng số đình công. Tính chung giai đoạn 2016-2018 các cuộc đình công xảy ra trong các ngành dệt may, da giày và chế biến gỗ lần lượt là 42,52%, 18,45% và 10,1%¹⁸⁵.

Trên thực tế, thực tiễn tại các địa phương cho thấy các thiết chế chính thức để giải quyết các cuộc tranh chấp lao động tập thể, đình công như hòa giải, trọng tài, tòa án hầu như không thực hiện được¹⁸⁶. Hiện tại, thủ tục hòa giải thực hiện bởi hòa giải viên lao động (HGVLD) là thủ tục bắt buộc trong quy trình giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền và tranh chấp lao động tập thể về lợi ích, trước khi tranh chấp được đưa ra Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án¹⁸⁷. Tuy nhiên, phần lớn HGVLD chưa được đào tạo và không có kinh nghiệm trong giải quyết tranh chấp lao động tập thể¹⁸⁸. Công tác đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ HVGLĐ còn bất cập do sự luân chuyển cán bộ tại các cơ quan tổ chức; chưa có các tài liệu,

¹⁸⁰ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, 'Báo cáo quan hệ lao động 2019'. Trang 25 (Ct. 171).

¹⁸¹ Tòa án nhân dân tối cao, 'Dự thảo: Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2019 của các tòa án', (12/2018). Thông tin có tại: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND058489>. Truy cập ngày 13/04/2022.

¹⁸² Tòa án nhân dân tối cao, 'Dự thảo: Báo cáo tổng kết công tác năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2022 của các tòa án', (2022). Thông tin có tại: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND199131>. Truy cập ngày 13/04/2022.

¹⁸³ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, 'Báo cáo quan hệ lao động 2019'. Trang 25 (Ct. 171).

¹⁸⁴ Nt. Trang 28.

¹⁸⁵ Nt. Trang 29.

¹⁸⁶ Trung tâm hỗ trợ phát triển quan hệ lao động (CIRD), 'Giải quyết tranh chấp lao động tại địa phương – triển khai thực hiện Bộ luật Lao động 2019', Bản tin Quan hệ Lao động số 35 – Quý IV.2020. Thông tin có tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_822283.pdf. Truy cập ngày 15/04/2022. Trang 10.

¹⁸⁷ Bộ luật Lao động 2019, Điều 191, khoản 2 và Điều 195, khoản 2 (Ct. 168).

¹⁸⁸ Trung tâm hỗ trợ phát triển quan hệ lao động (CIRD), 'Đảm bảo vận hành hệ thống giải quyết tranh chấp lao động hiệu quả tại Việt Nam', Bản tin Quan hệ Lao động số 35 – Quý IV.2020. Thông tin có tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_822283.pdf. Truy cập ngày 15/04/2022. Trang 9.

chương trình giảng dạy chuyên nghiệp và phù hợp; thiếu thông tin về quan hệ lao động và các thông tin có liên quan hỗ trợ cho HGVLD trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động...¹⁸⁹ Do pháp luật quy định hòa giải là thủ tục bắt buộc, nếu thủ tục hòa giải không được NLD tín nhiệm và lựa chọn thì tranh chấp sẽ không thể được đưa ra Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án.

Thay vào đó, các tranh chấp lao động tập thể, đình công vẫn đang được giải quyết bởi thiết chế không chính thức là Tổ công tác liên ngành được thành lập tại các tỉnh, thành phố¹⁹⁰. Khi có đình công xảy ra, Tổ công tác liên ngành sẽ nhanh chóng được địa phương thành lập. Thành viên của Tổ công tác liên ngành chủ yếu gồm cán bộ và/hoặc Hòa giải viên lao động từ 2 cơ quan là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý Khu công nghiệp và Liên đoàn Lao động trực tiếp tham gia giải quyết tranh chấp lao động¹⁹¹. Các thành viên Tổ công tác tìm hiểu nguyện vọng từ phía công nhân và phía chủ doanh nghiệp để tổ chức cuộc họp nhằm đưa ra giải pháp để công nhân chấm dứt đình công và quay lại làm việc¹⁹². Tỷ lệ các cuộc đình công được giải quyết thành công là tuyệt đối¹⁹³. Tuy nhiên, sự hiệu quả của cơ chế can thiệp này không giải quyết được gốc rễ của vấn đề từ hệ thống trọng tài và hòa giải chưa giải quyết được tranh chấp lao động tập thể¹⁹⁴, mặt khác có thể khiến NLD có xu hướng lựa chọn đình công tự phát thay vì trọng tài và hòa giải¹⁹⁵.

d. Thực trạng người sử dụng lao động chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật vẫn còn phổ biến

Phần lớn các vụ kiện tranh chấp lao động cá nhân được giải quyết tại Tòa án là về sa thải trái pháp luật, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tai nạn lao động¹⁹⁶.

Pháp luật Việt Nam đã quy định khá cụ thể về các nội dung chấm dứt HĐLĐ từ chủ thể, căn cứ, thủ tục cho đến hậu quả pháp lý. Tuy nhiên, trên thực tế, việc NSDLĐ chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật còn diễn ra tương đối phổ biến, đặc biệt trong hoàn cảnh có sự tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 trong năm 2020 và 2021¹⁹⁷, như yêu cầu NLD tự viết đơn xin nghỉ việc để thuận tiện cho việc chấm dứt HĐLĐ và giảm các chi phí chi trả¹⁹⁸. Mặc dù Bộ luật Hình sự 2015 có quy định về chế tài hình sự đối với hành vi “Cuỡng ép, đe dọa buộc công chức, viên chức, người lao động phải thôi việc”, nhưng cũng chưa có trường hợp nào bị xét xử hình sự đối với hành vi này.

¹⁸⁹ Trung tâm hỗ trợ phát triển quan hệ lao động (CIRD), Giải quyết tranh chấp lao động tại địa phương – triển khai thực hiện Bộ luật Lao động 2019, Bản tin Quan hệ Lao động số 35 – Quý IV.2020. Thông tin có tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/--ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_822283.pdf. Truy cập ngày 15/04/2022. Trang 11.

¹⁹⁰ Bộ LĐ-TB&XH, ‘Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)’. Trang 27 (Ct. 166).

Xem thêm tại: <http://duthaovanban.molisa.gov.vn/detail.aspx?tab=2&vid=580>. Truy cập ngày 15/04/2022.

Trung tâm hỗ trợ phát triển quan hệ lao động (CIRD), ‘Giải quyết tranh chấp lao động tại địa phương – triển khai thực hiện Bộ luật Lao động 2019’ (Ct. 193).

¹⁹¹ Nt.

¹⁹² Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ‘Báo cáo quan hệ lao động 2019’. Trang 29 (Ct. 171).

¹⁹³ Nt.

¹⁹⁴ Trung tâm hỗ trợ phát triển quan hệ lao động (CIRD), ‘Giải quyết tranh chấp lao động tại địa phương – triển khai thực hiện Bộ luật Lao động 2019’ (Ct. 193).

¹⁹⁵ ILO, ‘Báo cáo chẩn đoán nhanh về Giải quyết tranh chấp lao động tại Việt Nam’, (2019). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_715203/lang--vi/index.htm. Truy cập ngày 14/04/2022. Trang 20, 21.

¹⁹⁶ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ‘Báo cáo quan hệ lao động 2019’. Trang 24 (Ct. 171).

¹⁹⁷ VCCI, ‘Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp về những ảnh hưởng của Dịch Covid - 19 đến các vấn đề lao động việc làm tại doanh nghiệp’, (08/2021). Thông tin có tại: <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/18719-bao-cao-ket-qua-khao-sat-dn-ve-anh-huong-covid-19-den-van-de-lao-dong-viec-lam-tai-dn>. Truy cập ngày 30/03/2022.

¹⁹⁸ ILO, ‘Báo cáo Đánh giá nhanh tác động của đại dịch Covid-19 tới doanh nghiệp và người lao động trong một số ngành kinh tế chính: Ứng phó, điều chỉnh và khả năng phục hồi năm 2020’, (2020). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/--ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_757928.pdf. Truy cập ngày 30/03/2022. Trang 24.

Trên thực tế, giải quyết tranh chấp lao động tại Tòa án, NLD cũng khó chứng minh được việc bị doanh nghiệp cưỡng ép ký vào đơn xin thôi việc¹⁹⁹.

MỘT SỐ DOANH NGHIỆP ÉP BUỘC NGƯỜI LAO ĐỘNG KÝ ĐƠN THÔI VIỆC

“Tôi không hề được báo trước. Một hôm phòng nhân sự yêu cầu công nhân trong tổ tôi lên và bắt ký đơn xin thôi việc. Họ nói là vì tác động của Covid. Chúng tôi không muốn ký nhưng không dám phản ứng” – Một công nhân may tại một doanh nghiệp FDI tại Hải Dương²⁰⁰.

2.1.2 Điều kiện lao động

Trong phần này, khái niệm “Điều kiện lao động” bao gồm tất cả các khía cạnh của điều kiện lao động, với các bất cập chính là:

- Tiền lương chưa thỏa đáng và vẫn còn bất bình đẳng về giới
- Việc làm thêm giờ bị lạm dụng
- Chính sách bảo vệ thai sản chưa bảo đảm
- Điều kiện làm việc chưa đảm bảo an toàn
- Quyền được hưởng an sinh xã hội chưa được bảo đảm

a. Tiền lương chưa thỏa đáng và vẫn còn bất bình đẳng về giới

Như đã đề cập tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ, tiền lương là điều kiện lao động có tác động thiết thực nhất đến cuộc sống của NLD. Quyền được hưởng mức lương thỏa đáng, không phân biệt đối xử, đủ để bản thân NLD và gia đình sống đàng hoàng đã được thừa nhận tại Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR)²⁰¹. Theo quy định, mức lương tối thiểu vùng thường được Chính phủ tăng hàng năm, dựa trên các yếu tố như mức sống tối thiểu của NLD và gia đình, tình hình kinh tế chung của đất nước²⁰². Trong khi đó, mức lương mà doanh nghiệp thực trả cho NLD do doanh nghiệp tự quyết định, không thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ công bố và trên cơ sở thỏa ước lao động tập thể²⁰³.

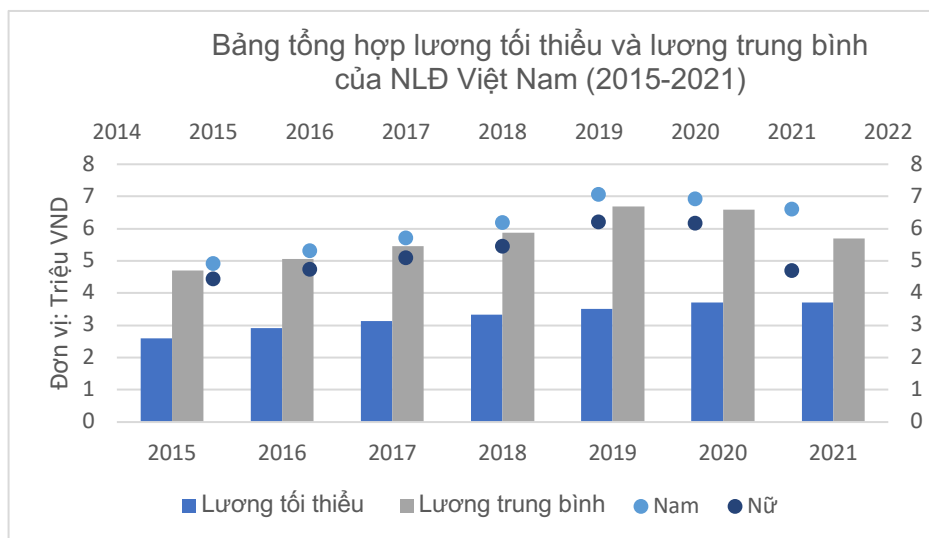
¹⁹⁹ Tham khảo Bản án số 03/2021/LĐ-PT ngày 19/3/2021 xét xử Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Thông tin có tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta679584t1cvn/chi-tiet-ban-an>. Truy cập ngày 30/03/2022.

²⁰⁰ ILO, 'Báo cáo Đánh giá nhanh tác động của đại dịch Covid-19 tới doanh nghiệp và người lao động trong một số ngành kinh tế chính: Ứng phó, điều chỉnh và khả năng phục hồi năm 2020' (Ct. 202).

²⁰¹ Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR). Điều 7.a.

²⁰² Bộ Tư-pháp – UNDP Việt Nam, 'Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm'. Trang 43 (Ct. 9).

²⁰³ Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 21/05/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp do Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản ban hành. Phần II, Mục 3, Điểm 3.2.



Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Báo cáo Lao động việc làm của Tổng cục thống kê qua các năm.

Tuy rằng mức độ tăng lương tối thiểu của Việt Nam đứng đầu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, mức lương tối thiểu vùng tính theo USD của Việt Nam thấp hơn những quốc gia khác trong khu vực như Campuchia, Philippines, Thái Lan, Malaysia...²⁰⁴. Theo nhiều chuyên gia đánh giá, mức lương tối thiểu vùng hiện chỉ đáp ứng được 50-60% nhu cầu sống tối thiểu của NLD²⁰⁵. Theo báo cáo của Bộ LĐTB&XH năm 2019, việc tăng lương tối thiểu dẫn đến việc điều chỉnh lương của 72,5% doanh nghiệp²⁰⁶, chứng tỏ việc tăng lương tối thiểu đã có tác động nhất định đến lương của NLD tại doanh nghiệp. Tuy rằng Việt Nam đã hoãn tăng lương tối thiểu trong năm 2021 do tác động của đại dịch Covid-19, nỗ lực tăng lương tối thiểu hàng năm của Chính phủ cho thấy mục tiêu điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng bảo đảm mức sống tối thiểu của NLD và gia đình theo Nghị quyết 27 năm 2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp đã có tiến triển nhất định.

Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp xây dựng mức lương dựa trên mức lương tối thiểu hợp pháp chứ chưa cân nhắc về một mức lương đủ sống. Như phân tích ở phần Quan hệ lao động, việc thương lượng tập thể còn chưa thực chất, do đó mức lương của NLD thường được xác định đơn phương bởi NSDLĐ, không dựa trên sự tham vấn hay đàm phán với NLD và tổ chức đại diện của họ²⁰⁷. Bởi vậy, phần lớn NLD ở nhóm kỹ năng thấp đang hưởng mức lương sát với mức lương tối thiểu²⁰⁸. Một thực tế là trong thời gian qua, tiền lương là nguyên nhân của 50,7% số cuộc đối thoại tại các doanh nghiệp²⁰⁹, 40% số cuộc đình công²¹⁰. Cần lưu ý rằng phần lớn các cuộc đình công diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, chỉ kéo dài 1-3 ngày, đa số kết thúc với

²⁰⁴ ILO, 'Báo cáo Tiền lương toàn cầu 2020-21 - Tiền lương và lương tối thiểu trong thời kỳ Covid-19', (2020). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/global/publications/books/WCMS_762534/lang--en/index.htm. Truy cập ngày 15/01/2022. Trang 122, 106.

²⁰⁵ Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)'. Trang 28 (Ct. 166).

Đỗ Quỳnh Chi, 'Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản', (2019). Trang 57.

²⁰⁶ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, 'Báo cáo quan hệ lao động 2019'. Trang 7 (Ct. 171)

²⁰⁷ Nt. Trang xii.

²⁰⁸ Nt.

²⁰⁹ Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)'. Trang 20, 27 (Ct. 166).

²¹⁰ Đỗ Quỳnh Chi, 'Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản'. Trang 58 (Ct. 209).

sự nhượng bộ một phần hoặc toàn bộ của NSDLĐ, chúng tỏ dư địa nhượng bộ của NSDLĐ còn tương đối nhiều²¹¹.

Lương thấp cũng phát sinh một phần từ sự cạnh tranh khốc liệt trong kinh doanh, dẫn đến việc các nhà cung ứng Việt Nam phải tham gia “chạy đua xuống đáy” về giá cả. Nghiên cứu trong ngành may mặc, một ngành mà thực trạng lương thấp là phổ biến²¹², cho thấy cách thức “ngầm đầu thầu” nhà cung ứng giá rẻ thường được khách hàng áp dụng, thậm chí xảy ra tình trạng khách hàng dùng báo giá của một doanh nghiệp để ép doanh nghiệp khác hạ giá²¹³. Sau khi nhà cung ứng nhận đơn hàng, nhà hàng cũng liên tục yêu cầu hạ giá bằng các cách thức như tìm kiếm lỗi trong kiểm toán trách nhiệm xã hội, hạ giá vì giao hàng không đúng hẹn²¹⁴. Điều này dẫn đến sự sụt giảm trong lương của NLĐ. Một nghiên cứu khác trong 03 ngành may mặc, giày dép, điện tử cho thấy, trong cả ba ngành, giá mua từ các nhà hàng đã không được tăng lên trong thời gian 5 năm²¹⁵.

Hệ lụy trực tiếp khi tiền lương được trả cho NLĐ chưa đáp ứng được mức sống tối thiểu, đó là NLĐ thường xuyên phải làm thêm giờ²¹⁶. Ngoài ra, lương thấp cũng kéo theo hàng loạt hệ lụy khác cho NLĐ như ăn uống không đủ dinh dưỡng, điều kiện sống, chỗ ở không được đảm bảo, mức trợ cấp hưu trí, y tế, thất nghiệp, thai sản thấp, nhiều trường hợp NLĐ không dám sinh con²¹⁷.

Bên cạnh vấn đề lương chưa thỏa đáng, bất bình đẳng về tiền lương giữa nam và nữ giới có tồn tại. Theo Công ước 100 mà Việt Nam đã phê chuẩn, Việt Nam có nghĩa vụ đảm bảo rằng nam giới và nữ giới được trả công bình đẳng khi cùng thực hiện các công việc có giá trị như nhau²¹⁸. Năm 2019, chênh lệch thu nhập theo giới tính vào năm 2019 là 13,3%, trong khi đó, sang năm 2021, do tác động của đại dịch Covid-19, con số này là 28,7%²¹⁹. Một báo cáo cho thấy rằng mức chênh lệch này không do phụ nữ có trình độ học vấn, mức độ tham gia vào thị trường lao động ít hơn, hay số giờ làm việc ít hơn, mà do phụ nữ phải gánh vác lượng công việc trong gia đình nhiều gấp đôi nam giới²²⁰. Vì phải dành nhiều thời gian làm việc nhà, phụ nữ sẵn lòng từ bỏ mức lương cao hơn để đảm bảo việc làm với số giờ làm việc hàng tuần, chế độ nghỉ phép, bảo hiểm tốt hơn và có hợp đồng²²¹. Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự năm 2030 cũng đã đưa ra mục tiêu bảo đảm bình đẳng trong việc nội trợ và gia đình²²².

b. Việc làm thêm giờ bị lạm dụng

ICESCR công nhận rằng mọi người có quyền được hưởng “điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, đặc biệt đảm bảo... nghỉ ngơi, giải trí, giới hạn hợp lý số giờ làm việc, những ngày nghỉ định kỳ được hưởng lương, cũng như thù lao cho những ngày nghỉ lễ”²²³. Hiện tại, Bộ luật Lao

²¹¹ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ‘Báo cáo quan hệ lao động 2019’. Trang 29 (Ct. 171).

²¹² Oxfam Việt Nam, ‘Tiền lương không đủ sống và hệ lụy nghiên cứu một số doanh nghiệp may xuất khẩu ở Việt Nam’. Trang 20 (Ct. 182).

²¹³ Nt. Trang 51.

²¹⁴ Nt. Trang 53.

²¹⁵ Đỗ Quỳnh Chi, ‘Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản’. Trang 34 (Ct. 209).

²¹⁶ Nt. Trang 58,59.

²¹⁷ Oxfam Việt Nam, ‘Tiền lương không đủ sống và hệ lụy nghiên cứu một số doanh nghiệp may xuất khẩu ở Việt Nam’. Trang 23 (Ct. 182).

²¹⁸ Bộ Tư-pháp – UNDP Việt Nam, ‘Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm’. Trang 39 (Ct. 9).

²¹⁹ Số liệu tính toán dựa trên Báo cáo Lao động Việc làm của Tổng Cục thống kê năm 2019 và năm 2021.

²²⁰ ILO, ‘Báo cáo Giới và thị trường lao động ở Việt Nam’, (2021). Trang 8.

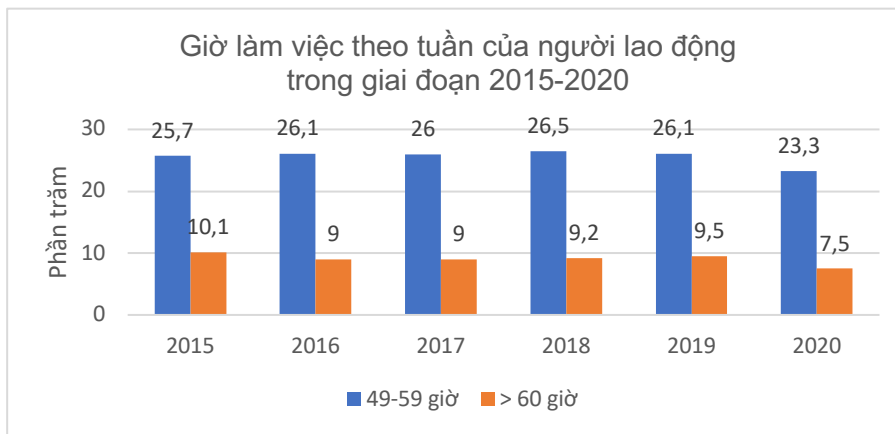
²²¹ Ngân 57ang thế giới, ‘Khoảng cách giới về thu nhập ở Việt Nam: tại sao phụ nữ Việt Nam làm việc trong những ngành nghề có thu nhập thấp hơn?’, Báo cáo Tóm tắt Chính sách số 2, (2018). Trang 4.

²²² Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (Ban hành kèm theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ), Phụ lục 1, Mục tiêu 5.4.

²²³ ICESCR. Điều 7(d) (Ct. 205).

động 2019 nêu rõ “thời giờ làm việc bình thường” không quá 08 giờ trong 01 ngày hoặc 48 giờ trong 01 tuần, và “Nhà nước khuyến khích NSDLĐ thực hiện tuần làm việc 40 giờ. Về làm thêm giờ, Bộ luật Lao động quy định tổng số giờ làm việc không quá 12 giờ/ngày, số giờ làm thêm không quá 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm, trừ những trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định, tổng số giờ làm thêm của NLD không quá 300 giờ trong 01 năm. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 17/2022/UBTVQH15 nâng giới hạn số giờ làm thêm trong một năm lên 300 giờ và giờ làm thêm trong một tháng lên 40 giờ nhưng không quá 60 giờ, với điều kiện là được sự đồng ý của NLD.

Trước khi đại dịch Covid-19 diễn ra, trong giai đoạn từ 2015 đến 2019, có hơn 35% NLD ở Việt Nam làm việc quá thời gian làm việc bình thường theo luật định là 48 giờ, và khoảng 30% trong số đó làm việc từ 60 giờ trở lên trong một tuần. Không có chênh lệch lớn giữa số liệu các năm trong giai đoạn này²²⁴. Lao động trong ngành thủy sản có số giờ làm việc trung bình cao nhất (54,7 giờ), tiếp đến là ngành điện tử (51,9 giờ), ngành nội thất (51,5 giờ), ngành dệt may (50,5 giờ)...²²⁵ Năm 2020 và 2021, để đối phó với tác động của đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp tổ chức lao động như giảm giờ làm, cho NLD nghỉ không lương...²²⁶ nên số giờ làm việc của NLD có sự sụt giảm.



Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Báo cáo Lao động việc làm của Tổng cục thống kê qua các năm.

Các doanh nghiệp tổ chức làm thêm giờ vượt quá thời gian pháp luật quy định và một bộ phận NLD chấp nhận làm thêm giờ, như NLD muốn làm thêm giờ để tăng thu nhập (90,9% NLD đồng ý làm thêm giờ khi được doanh nghiệp hỏi ý kiến), còn doanh nghiệp muốn sử dụng hình thức làm thêm giờ để giải quyết bài toán sản xuất và vừa thu hút lao động²²⁷. 95,54% lao động làm thêm giờ trả lời rằng họ tự nguyện làm mà không phải do doanh nghiệp ép buộc, nghĩa là còn tồn tại 4,46% lao động làm thêm giờ do doanh nghiệp ép buộc, 27,3% lao động phải làm thêm quá 200 giờ/năm, trong đó 54,54% phải làm thêm giờ thường xuyên. Đặc biệt, 18% ý kiến cho rằng việc họ phải làm thêm giờ là do định mức lao động quá cao, nếu không làm thêm giờ thì

²²⁴ Theo Báo cáo Lao động Việc làm các năm từ 2015 đến 2019 của Tổng cục Thống kê.

²²⁵ ILO, 'Thời giờ làm việc tại Việt Nam - Tài liệu thảo luận chính sách', (2019). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_730900.pdf. Truy cập ngày 24/04/2022. Trang 3.

²²⁶ VCCI, 'Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp về những ảnh hưởng của Dịch Covid - 19 đến các vấn đề lao động việc làm tại doanh nghiệp'. Trang 48 (Ct. 201).

²²⁷ Đỗ Quỳnh Chi, 'Báo cáo tóm tắt Dự án CLS+: Nghiên cứu tại Việt Nam Ngành may mặc, giày dép và điện tử', (2016). Trang 2.

Oxfam Việt Nam, 'Tiền lương không đủ sống và hệ lụy nghiên cứu một số doanh nghiệp may xuất khẩu ở Việt Nam'. Trang 20, 51 (Ct. 182).

Báo Pháp luật Việt Nam, 'Nghịch lý giờ làm 58ang'. Thông tin có tại: <https://baophapluat.vn/nglich-ly-gio-lam-them-post393930.html>. Truy cập ngày 30/03/2022.

không thể hoàn thành định mức được giao; 15,59% lao động đi làm thêm nhằm “giết thời gian”; 31.81% đi làm thêm để tăng thu nhập cá nhân; 6.81% đi làm thêm là do yêu cầu công việc²²⁸.

KHÔNG CÓ SỰ LỰA CHỌN NGOÀI LÀM THÊM GIỜ

Một nhóm công nhân ở Thanh Hóa nói là nếu họ không hoàn thành định mức lao động trong ngày, công ty yêu cầu cả tổ ở lại để hoàn thành. “Mệt quá, thậm chí về nhà không ăn cơm”, một công nhân nói. “Không tự nguyện nhưng cũng phải làm, không dám từ chối, vì mọi người đều ở lại, không ai về”, một công nhân khác nói. “Nếu không ở lại, tổ trưởng ghi kiểm điểm, mất xếp loại, mất thưởng cuối năm”. “Ở lại không quẹt vân tay, không theo dõi giờ làm việc, hoàn thành sản lượng thì về”, một công nhân nữa nói. “Có con nhỏ, muốn về sớm cũng khó”²²⁹.

Việc trả lương làm thêm giờ cho NLĐ cũng còn nhiều bất cập. Một số doanh nghiệp trả lương làm thêm giờ không đúng với các quy định, như không thông báo việc làm thêm giờ với cơ quan quản lý nhà nước về lao động, không trả lương làm thêm giờ cho NLĐ²³⁰.

c. Việc bảo vệ thai sản chưa bảo đảm

Điều 10(2) IESCR quy định rằng phụ nữ cần được bảo vệ đặc biệt trước và sau khi sinh con, đồng thời theo Điều 5(b) CEDAW thì quốc gia thành viên cần đảm bảo rằng giáo dục gia đình bao gồm sự hiểu biết đúng đắn về thai sản như một chức năng xã hội và sự thừa nhận trách nhiệm chung của nam giới và phụ nữ trong việc nuôi dưỡng và phát triển con cái. Thời gian nghỉ thai sản cho phụ nữ Việt Nam là 6 tháng, cao hơn 14 tuần so với tiêu chuẩn của Công ước số 183²³¹. Thời gian nghỉ thai sản cho nam giới có vợ sinh con hiện tại từ 5-14 ngày làm việc²³². Trên thực tế, các doanh nghiệp đã thực hiện tương đối nghiêm túc quy định pháp luật về thời gian nghỉ thai sản đối với lao động nữ, nhưng với lao động nam thì chính sách này được áp dụng hạn chế. Theo Khảo sát của UNICEF tại 256 doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam trong ngành dệt may, da giày, du lịch lữ hành và chuỗi cung ứng năm 2021, 93,5% doanh nghiệp cho phép lao động nữ nghỉ thai sản và 94,9% trong số đó cho phép lao động nữ nghỉ 06 tháng theo quy định pháp luật; trong khi đó chỉ 56,3% doanh nghiệp cho phép lao động nam nghỉ từ 2-6 ngày²³³.

Việt Nam có các quy định về hỗ trợ nuôi con bằng sữa mẹ hay hỗ trợ chăm sóc trẻ em, như cho phép lao động nữ nghỉ 60 phút mỗi ngày trong thời gian làm việc để nuôi con cho đến khi bé được 12 tháng tuổi²³⁴, yêu cầu doanh nghiệp bố trí phòng vắt/trữ sữa mẹ²³⁵, hay chính sách tổ chức nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động nữ²³⁶. Tuy nhiên, các quy định pháp luật này

²²⁸ Báo cáo số 146/BC ngày 31/12/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Đỗ Quỳnh Chi, ‘Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản’. Trang 59 (Ct. 209).

²²⁹ Oxfam Việt Nam, ‘Tiền lương không đủ sống và hệ lụy nghiên cứu một số doanh nghiệp may xuất khẩu ở Việt Nam’. Trang 40 (Ct. 182).

²³⁰ Bộ LĐ-TB&XH, Báo cáo tổng kết đánh giá 03 năm thi hành Bộ luật Lao động. Trang 25. Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động của tỉnh Bình Dương. Trang 14. Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động của tỉnh Bắc Ninh. Trang 11. Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động của tỉnh Bình Phước. Trang 13.

²³¹ ILO, ‘Chế độ thai sản và nuôi con trong quan hệ lao động: Luật pháp và thông lệ trên toàn thế giới’, (2014). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/global/publications/ilo-bookstore/order-online/books/WCMS_242615/lang-en/index.htm. Truy cập ngày 20/04/2022. Trang 31.

²³² Luật BHXH 2014, Luật số 58/2014/QH13. Điều 34.

²³³ UNICEF, ‘Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam’, (2021). Thông tin có tại: <http://crbp.com.vn/vi/bo-cong-cu/bao-cao-ve-quyen-tre-em-trong-doanh-nghiep-vua-va-nho-tai-viet-nam>. Truy cập ngày 20/04/2022. Trang 30.

²³⁴ Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. Điều 80, khoản 4, điểm a. Nghị định 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về chính sách đối với lao động nữ. Điều 7, khoản 3, điểm a.

²³⁵ Nghị định 145/2020/NĐ-CP, Điều 80, khoản 5 (Ct. 238). Nghị định 85/2015/NĐ-CP, Điều 7, khoản 4 (Ct. 238).

²³⁶ Nghị định 145/2020/NĐ-CP, Điều 81 (Ct. 238). Nghị định 85/2015/NĐ-CP, Điều 9 (Ct. 238).

phần lớn chỉ mang tính khuyến khích nên vẫn chưa được doanh nghiệp áp dụng trên thực tế. Năm 2021, chỉ 44% doanh nghiệp thực hiện chính sách nghỉ giữa giờ cho lao động nữ nuôi con, và 17,8% doanh nghiệp bố trí phòng vắt/trữ sữa mẹ²³⁷. Nhà giữ trẻ có giá phải chăng đóng vai trò quan trọng để lao động nữ yên tâm làm việc sau khi nghỉ thai sản²³⁸, tuy nhiên chỉ 3,3% doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trông trẻ tại nơi làm việc²³⁹.

Bên cạnh đó, vấn đề phân biệt đối xử đối với lao động nữ mang thai còn phổ biến. Mặt trái của quy định thời gian nghỉ thai sản tương đối dài là nguy cơ lao động nữ bị phân biệt đối xử trong quá trình tuyển dụng, mang thai và nghỉ thai sản²⁴⁰. Thực tế chứng minh rằng có hiện tượng doanh nghiệp sàng lọc nữ lao động mang thai khỏi quá trình tuyển dụng bằng nhiều cách thức, như yêu cầu lao động nữ xét nghiệm nước tiểu hay nhảy tại chỗ. Nhiều doanh nghiệp yêu cầu lao động nữ cam kết không mang thai trong một thời gian nhất định sau khi được tuyển dụng²⁴¹.

d. Vẫn còn tình trạng Bạo lực và Quấy rối

Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ đưa ra khuyến nghị Việt Nam phê chuẩn Công ước ILO số 190 về Chấm dứt bạo lực và quấy rối²⁴². Trên thực tế, các hình thức lạm dụng như lời nói, thể chất và tình dục thường ít khi được báo cáo đầy đủ do yếu tố văn hóa²⁴³. Tình trạng bạo lực và quấy rối được ghi nhận ở trong các khảo sát tại các nhà máy trong ngành dệt may, nơi có hơn 70% số lao động là nữ²⁴⁴. Ở các nhà máy này, tình trạng quản lý buộc công nhân hoàn thành định mức hay tăng năng suất bằng cách quát tháo, la hét, chửi mắng... diễn ra phổ biến²⁴⁵.

Theo Khảo sát “Các chuẩn mực xã hội, Thái độ và Thực tiễn” của tổ chức Invest in Women (IW) được thực hiện trên 2000 phụ nữ và nam giới, 1/3 số người được khảo sát phản ánh có tình trạng lao động nữ ở Việt Nam bị quấy rối tại nơi làm việc²⁴⁶. Để củng cố nhận định này, một khảo sát năm 2018 ở 4 nhà máy ở Hải Phòng và TP. Hồ Chí Minh cho thấy 53,5% lao động nữ bị quấy rối từ 2-5 lần trong ngành dệt may, tuy nhiên 75,2% đến 87,4% nạn nhân của quấy rối tình dục giữ im lặng do hổ thẹn hoặc muốn giữ gìn danh dự của bản thân²⁴⁷.

e. Quyền được hưởng an sinh xã hội chưa được bảo đảm

²³⁷ UNICEF, 'Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam', Trang 31 (Ct. 237).

²³⁸ UNICEF, 'Tác động của ngành May mặc và Giày dép đến Trẻ em Việt Nam', (2016). Thông tin có tại: <https://www.unicef.org/vietnam/vi/reports/t%C3%A1c-%C4%91%E1%BB%99ng-c%E1%BB%A7a-ng%C3%A0nh-may-m%E1%BA%B7c-v%C3%A0-gi%C3%A0y-d%C3%A9p-%C4%91%E1%BA%BFn-tr%E1%BA%BB-em-vi%E1%BB%87t-nam>. Truy cập ngày: 15/03/2022. Trang 2.

²³⁹ UNICEF, 'Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam'. Trang 33 (Ct. 237). Oxfam, tr.44

²⁴⁰ ILO, 'Mặc dù thời gian nghỉ thai sản dài, Việt Nam vẫn tụt hậu về chế độ cho các ông bố', (2014). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_243008/lang--vi/index.htm. Truy cập ngày 15/03/2022.

²⁴¹ Đỗ Quỳnh Chi, 'Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản'. Trang 55 (Ct. 209).

²⁴² Bộ Tư pháp - UNDP Việt Nam, 'Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm'. Trang 49 (Ct. 9).

²⁴³ Oxfam Việt Nam, 'Tiền lương không đủ sống và hệ lụy nghiên cứu một số doanh nghiệp may xuất khẩu ở Việt Nam'. Trang 46 (Ct. 182).

²⁴⁴ Đỗ Quỳnh Chi, 'Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản'. Trang 56 (Ct. 209).

²⁴⁵ Oxfam Việt Nam, 'Tiền lương không đủ sống và hệ lụy nghiên cứu một số doanh nghiệp may xuất khẩu ở Việt Nam'. Trang 46 (Ct. 182).

Đỗ Quỳnh Chi, 'Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản'. Trang 42 (Ct 209).

²⁴⁶ Investing in women (IW), 'Báo cáo Thái độ với bình đẳng: Hiểu về các chuẩn mực xã hội, góc nhìn và thực tiễn về giới ở Indonesia, Philippines và Việt Nam', (2019). Thông tin có tại: https://investinginwomen.asia/wp-content/uploads/2019/11/20191125_IW_SNAPS-Report.pdf. Truy cập ngày 15/03/2022. Trang 16.

²⁴⁷ Xem thêm tại: <https://16dayscampaign.org/2019/03/05/garment-sector-vietnam/>. Truy cập ngày 15/03/2022.

Quyền được hưởng an sinh xã hội là một quyền hiến định và một trong những quyền được thừa nhận trong Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (UDHR) và ICESCR. Tính hết năm 2021, số NLD tham gia BHXH bắt buộc là hơn 16,5 triệu người, chiếm 63,7% số lao động làm công hưởng lương và 33,6% tổng số lao động có việc làm²⁴⁸.

Do chi phí đóng BHXH cho NLD là một khoản chi tương đối lớn, nhiều doanh nghiệp thực hiện các hành vi trốn đóng BHXH, hoặc đóng không đủ thời gian, không đủ mức đóng, nợ tiền đóng BHXH, hoặc các phương cách khác nhau²⁴⁹. Theo cơ quan BHXH Việt Nam, đến hết năm 2019, số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không đóng BHXH cho NLD của là 175.004 đơn vị với tổng số lao động là 3.406.520 người; số tiền nợ BHXH phải tính lãi của doanh nghiệp là 5.380 tỷ đồng. Tình trạng không đóng BHXH không chỉ diễn ra ở khu vực kinh doanh mà còn ở các khu vực cơ quan hành chính nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI. Đặc biệt, doanh nghiệp FDI có số nợ tiền BHXH cao nhất trong nhiều năm²⁵⁰.

DOANH NGHIỆP TRỐN ĐÓNG BẢO HIỂM, HÀNG TRĂM CÔNG NHÂN KHỔ KHỔ

Thời gian qua, ngoài nỗi lo mất việc làm do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, hàng trăm công nhân đã từng làm việc cho Công ty cổ phần ABC (ở huyện Đông Anh, Hà Nội) còn có một nỗi lo khác khi bị doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội kéo dài trong thời gian gần 3 năm nay. Vấn đề này khiến họ không được hưởng những quyền lợi của BHXH.

Dù vẫn đang là công nhân của Công ty cổ phần ABC, nhưng hiện anh Nguyễn Văn K mới được đóng bảo hiểm xã hội đến tháng 8/2016. Trừ đi thời gian nghỉ việc không lương, 3 năm là khoảng thời gian anh quần quật làm việc mà không được doanh nghiệp đóng bất cứ khoản bảo hiểm nào. "Trích lương hàng tháng của tôi mà không đóng cho nhà nước. Bây giờ tôi bị tai nạn là không được quyền lợi gì cả", anh Nguyễn Văn K cho biết. Có hơn 200 công nhân khi còn làm việc tại doanh nghiệp này cũng chỉ được đóng các khoản bảo hiểm đến tháng 8/2016. Tính đến nay, người bị nợ bảo hiểm xã hội nhiều nhất là gần 5 năm, người ít cũng hơn 1 năm²⁵¹.

Bên cạnh vấn đề nợ đóng BHXH, một vấn đề có tính phổ biến nữa là một số doanh nghiệp đóng BHXH cho NLD dựa trên một phần thu nhập của NLD thay vì đóng trên tổng thu nhập của NLD²⁵². Các doanh nghiệp này duy trì một bảng lương thứ hai có mức thấp hơn hoặc đúng với mức lương tối thiểu để làm cơ sở đóng BHXH. Ngay cả những doanh nghiệp áp dụng trả theo lương khoán sản phẩm cũng thực hiện theo hình thức này²⁵³. Thực tiễn này ảnh hưởng đến mức hưởng các chế độ BHXH của NLD, đặc biệt là mức lương hưu²⁵⁴. Nếu có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế và cơ quan BHXH trong giám sát công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì vấn đề này có thể được khắc phục²⁵⁵.

Chăm sóc sức khỏe NLD trong quan hệ lao động cũng chưa được nhiều doanh nghiệp quan tâm, đặc biệt trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Theo điều tra Viện khoa học môi trường và xã hội năm 2019, chỉ có 64,6% khu công nghiệp là có phòng khám bệnh. Số lượng các cơ sở chăm sóc sức khỏe mới chỉ đáp ứng được 34.9% nhu cầu của NLD. Nhiều cơ sở này có trang

²⁴⁸ Bộ LĐ-TB&XH, 'Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam Quý 4/2021', (2022).

²⁴⁹ Theo quy định của pháp luật hiện hành, mức đóng BHXH là 32% mức tiền lương của NLD. Trong đó, NLD đóng 8%, còn người sử dụng lao động đóng 14% vào quỹ hưu trí, tử tuất, chưa kể các khoản đóng quỹ ốm đau, thai sản, quỹ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp...

Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (Giai đoạn 2016 - 2020)', (2020). Trang 24.

Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)'. Trang 13 (Ct. 166).

²⁵⁰ Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (Giai đoạn 2016 - 2020)'. Trang 18 (Ct. 257).

²⁵¹ VTV, 'Doanh nghiệp trốn đóng bảo hiểm, 61ang 61ang công nhân khổ khổ', (2021). Thông tin có tại: <https://vtv.vn/kinh-te/doanh-nghiep-tron-dong-bao-hiem-hang-tram-cong-nhan-khon-kho-20211019194621985.htm>. Truy cập ngày 30/03/2022.

²⁵² Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)'. Trang 27 (Ct. 166).

²⁵³ Đỗ Quỳnh Chi, 'Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản'. Trang 56 (Ct. 209).

²⁵⁴ Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)'. Trang 27 (Ct.166).

²⁵⁵ Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (Giai đoạn 2016 - 2020)'. Trang 18 (Ct.257).

thiết bị, máy móc, nhân sự không đáp ứng được về số lượng cũng như chuyên môn. Do đó, khi xảy ra các tình huống bất thường như dịch bệnh, ngộ độc tập thể, tai nạn lao động tập thể thì các cơ sở này khó ứng phó tình huống phát sinh. Tình trạng này có nhiều nguyên nhân, như các doanh nghiệp còn hạn chế về nhận thức, kinh phí, quỹ đất để cơ sở chăm sóc sức khỏe. Nhiều doanh nghiệp chưa xây dựng được cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn về y tế của nhà nước cho cơ sở của mình²⁵⁶. Đến đầu năm 2022, trung tâm y tế trong khu công nghiệp đầu tiên của cả nước được thành lập tại Bắc Giang²⁵⁷.

g. Phân biệt đối xử trong quan hệ lao động và điều kiện lao động

Mặc dù các quy định của Bộ luật Lao động 2019, Luật Việc làm, Luật Bình đẳng giới và nhiều quy định khác đều có các quy định nghiêm cấm việc phân biệt đối xử trong quan hệ lao động. Thực tế, phân biệt đối xử trong quan hệ lao động trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập, như trong tuyển dụng lao động, trả lương, ký kết HĐLĐ, điều kiện lao động...

Do pháp luật cấm không được phân biệt đối xử nên các hành vi phân biệt đối xử thường khó bị phát hiện. Theo một khảo sát, ít hơn 5% doanh nghiệp thành viên bị phát hiện có phân biệt đối xử về giới trong thực tế, chủ yếu dưới hình thức công khai giới tính ưu tiên trong tuyển dụng²⁵⁸. Trong tổng số 389 người khuyết tật được phỏng vấn, 34% số họ đã từng đi phỏng vấn xin việc nhưng có đến 53% bị từ chối việc vì khuyết tật của họ²⁵⁹.

NGƯỜI KHUYẾT TẬT CÒN BỊ RÀO CẢN KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Chị Hoàng Thị H., hiện làm việc tại một trung tâm bảo trợ người khuyết tật tại Hà Nội cho biết, trước đây đi xin việc hết nơi này đến nơi khác nhưng chị đều nhận được những cái lắc đầu từ chối. Có nơi tệ hơn thì nói “hết chỉ tiêu rồi”, hoặc “hẹn em lần sau”, có nơi từ chối thẳng với lý chị là người khuyết tật, không đủ tiêu chuẩn²⁶⁰.

Theo Tổng cục Thống kê và ILO, 99,3% NLD chính thức được ký HĐLĐ từ 3 tháng trở lên. Tuy nhiên, tỷ lệ NLD nữ có HĐLĐ cao hơn NLD nam. Không có HĐLĐ thì sẽ khó khăn cho NLD được bảo đảm về việc làm, yếu thế trong thỏa thuận tiền lương, không được hưởng các chế độ phúc lợi và không bảo đảm đầy đủ các điều kiện về lao động, nhờ cậy tới các cơ chế khắc phục của nhà nước như, khiếu nại, tố cáo hoặc khiếu kiện vì không có bằng chứng để chứng minh theo yêu cầu của quy định pháp luật²⁶¹.

²⁵⁶ Nguyễn Đình Phúc, ‘Tiếp cận dịch vụ y tế của người lao động tại các khu công nghiệp’, Báo Nghiên cứu Lập pháp, (2020). Thông tin có tại: <http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/210638/Tiep-can-dich-vu-y-te-cua-nguoi-lao-dong-tai-cac-khu-cong-nghiep.html>. Truy cập ngày 29/03/2022.

²⁵⁷ Đồng Thúy, ‘Thành lập trung tâm y tế trong khu công nghiệp đầu tiên của cả nước’, TTXVN/Viet Nam+, (2022). Thông tin có tại: <https://www.vietnamplus.vn/thanh-lap-trung-tam-y-te-trong-khu-cong-nghiep-dau-tien-cua-ca-nuoc/773337.vnp>. Truy cập ngày 08/03/2022.

Thu Hương – Thanh Hoà, ‘Chăm sóc sức khỏe người lao động trong các khu, cụm công nghiệp: Những vấn đề đặt ra trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 – Kỳ 2: Lắp “lỗ hổng” y tế trong doanh nghiệp’, Cổng thông tin điện tử Phú thọ, (2021). Thông tin có tại: <https://phutho.gov.vn/vi/cham-soc-suc-khoe-nguoi-lao-dong-trong-cac-khu-cum-cong-nghiep-nhung-van-de-dat-ra-trong-boi-can-h-Q>. Truy cập ngày 08/03/2022.

²⁵⁸ Đỗ Quỳnh Chi, ‘Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản’. Trang 55 (Ct. 209).

²⁵⁹ UNDP & ISEE, ‘Xóa bỏ kỳ thị’, (2017). Trang 12.

²⁶⁰ Anh Tuấn, ‘Doanh nghiệp trốn đóng bảo hiểm, 62ang 62ang công nhân khốn khổ’, VTV. Thông tin có tại: <https://vtv.vn/kinh-te/doanh-nghiep-tron-dong-bao-hiem-hang-tram-cong-nhan-khon-kho-20211019194621985.htm>. Truy cập ngày 08/03/2022.

²⁶¹ Tổng cục Thống kê – Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), ‘Báo cáo lao động phi chính thức 2016’, Nhà xuất bản Hồng Đức, (2017). Trang 49. Luật Khiếu nại, Luật số 02/2011/QH13. Điều 12, khoản 1, điểm g. Luật Tố cáo, Luật số 25/2018/QH14. Điều 29, khoản 1, điểm d. Bộ Luật Tố tụng dân sự, Luật số 92/2016/QH13. Điều 6, khoản 1.

Mặc dù nguyên tắc trả lương theo quy định pháp luật là như nhau, thu nhập bình quân của NLD nữ vẫn thấp hơn so với nam giới. Theo nghiên cứu của ILO năm 2021, bất lợi về thu nhập cho nữ giới là chất lượng việc làm và phát triển nghề nghiệp xuất phát từ gánh nặng kép mà nữ giới phải gánh, bao gồm gánh nặng về gia đình và gánh nặng về công việc²⁶².

Hiện nay, một số doanh nghiệp có xu hướng chỉ sử dụng NLD trẻ. Các lao động đến một độ tuổi nhất định (khoảng 35-50) thì không được tạo điều kiện để duy trì HDLD. Vấn đề này đang làm cho nhiều NLD khó khăn trong việc tìm việc làm mới, chuyển đổi nghề, đặc biệt là NLD nữ²⁶³. Ngoài ra, có tình trạng yêu cầu NLD nữ trẻ phải có cam kết không sinh con trong một giai đoạn nhất định khi được nhận vào làm việc²⁶⁴.

Bất bình đẳng cho NLD nữ còn ở khả năng tiếp cận công việc ổn định thấp hơn nam giới. Chỉ có 43% NLD nữ là lao động làm công ăn lương trong khi tỷ lệ này ở nam giới là 51,4%²⁶⁵. Thực tiễn này không chỉ gây khó khăn cho NLD nữ về thu nhập mà còn khả năng tiếp cận các chế độ an sinh xã hội khác.

Chất lượng việc làm đối với NLD nữ thấp hơn so với nam giới với nhiều nguyên nhân, lao động đã qua đào tạo hay định kiến²⁶⁶. Tỷ lệ lao động nữ đã qua đào tạo là 20% trong khi nam giới là 25%. NLD nữ đã qua đào tạo ở nông thôn là đặc biệt thấp, chỉ bằng 1/3 NLD nữ ở thành thị²⁶⁷. Không được qua đào tạo làm cho phụ nữ khó khăn trong việc giữ công việc ổn định, chuyển đổi công việc hay có thu nhập tốt hơn, khả năng thất nghiệp cao hơn hoặc phải làm công việc gia đình mà không được trả công²⁶⁸.

Tình trạng quấy rối tình dục tại nơi làm việc diễn ra ở các cấp lao động, có 82,8% nữ công nhân từng bị huýt sáo trên ghẹo; 59,5% bị nhìn chằm chằm vào cơ thể; 45,8% phải nghe những lời bình luận khiếm nhã về ngoại hình, trang phục hoặc các bộ phận trên cơ thể mình; 17% lao động nữ quản lý cấp trung cho biết là họ đã từng bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc. Tuy nhiên, việc xử lý các hành vi vi phạm còn thấp hoặc không bị xử lý do nhiều trường hợp phụ nữ không tố cáo hoặc những thủ tục pháp lý còn có nhiều khó khăn²⁶⁹.

h. Điều kiện làm việc chưa đảm bảo an toàn

²⁶² ILO, 'Báo cáo tóm tắt nghiên cứu: Giới và thị trường lao động ở Việt Nam' (Ct. 224).

²⁶³ Lại Thìn, 'Sa thải lao động tuổi 35: Xu hướng tất yếu của kinh tế thị trường', VOV, (2018). Thông tin có tại: <https://vov.vn/xa-hoi/lao-dong-nu-van-bi-phan-biet-doi-xu-va-noi-lo-mat-viec-o-tuoi-30-600505.vov>. Truy cập ngày 08/03/2022.

²⁶⁴ Nam Anh, 'Quyền làm việc của lao động nữ đang bị chối bỏ', Báo Hà Nội mới, (2017). Thông tin có tại: <https://hanoimoi.com.vn/ban-in/Xa-hoi/552359/quyen-lam-viec-cua-lao-dong-nu-dang-bi-choi-bo>. Truy cập ngày 08/03/2022.

²⁶⁵ Tổng cục Thống kê, 'Bình đẳng giới trong lao động và tiếp cận việc làm quản lý doanh nghiệp', (2021). Thông tin có tại: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/11/binh-dang-gioi-trong-lao-dong-va-tiep-can-viec-lam-quan-ly-doanh-nghiep/>. Truy cập ngày 08/03/2022.

²⁶⁶ Vương Trần, 'Đấu tranh với tư tưởng phân biệt đối xử, thái độ coi thường phụ nữ', Lao động, (2022). Thông tin có tại: <https://laodong.vn/thoi-su/dau-tranh-voi-tu-tuong-phan-biet-doi-xu-thai-do-coi-thuong-phu-nu-1021981.ldo>. Truy cập ngày 11/03/2022.

²⁶⁷ Tổng cục Thống kê, 'Bình đẳng giới trong lao động và tiếp cận việc làm quản lý doanh nghiệp' (Ct. 273).

²⁶⁸ Nt.

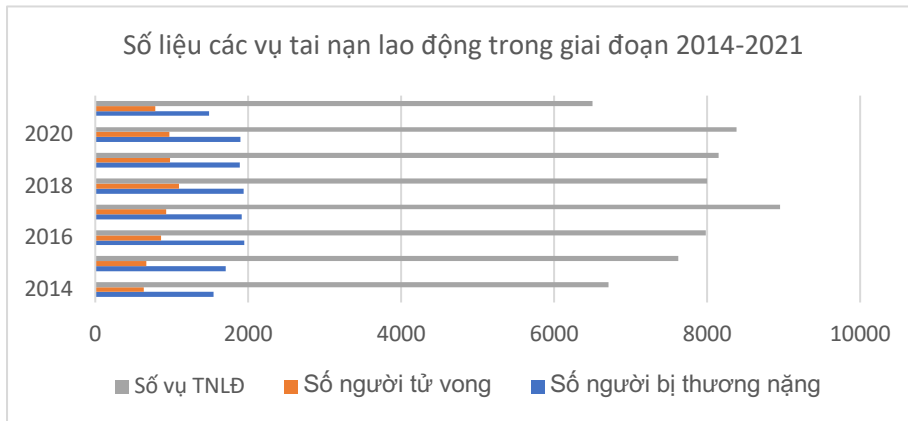
'Lao động nữ còn bị phân biệt đối xử', Báo Người Lao động, (2017). Thông tin có tại: <https://nld.com.vn/cong-doan/lao-dong-nu-con-bi-phan-biet-doi-xu-2017040314511111.htm>. Truy cập ngày 08/03/2022.

²⁶⁹ Vụ Gia đình (Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch), 'Tình trạng quấy rối tình dục đối với lao động nữ tại nơi làm việc', Trang thông tin điện tử về Gia Đình. Thông tin có tại: <http://giadinh.bvhttdl.gov.vn/tinh-trang-quay-roi-tinh-duc-doi-voi-lao-dong-nu-tai-noi-lam-viec/>. Truy cập ngày 22/02/2022.

Mạng lưới doanh nghiệp Việt Nam hỗ trợ phát triển quyền năng phụ nữ (VBCWE), 'Quấy rối tình dục tại nơi làm việc và những con số biết nói', (2020). Thông tin có tại: <https://vbcwe.com/tin-tuc/quay-roi-tinh-duc-noi-lam-viec-va-nhung-con-so-biet-noi/31>. Truy cập ngày 22/02/2022.

Nguyễn Nga, 'Quấy rối tình dục tại nơi làm việc, hành vi ám ảnh người lao động', Tạp chí điện tử Lao động và Công đoàn, (2020). Thông tin có tại: <https://laodongcongdoan.vn/quay-roi-tinh-duc-noi-lam-viec-hanh-vi-am-anh-nguoi-lao-dong-63224.html>. Truy cập ngày 22/02/2022.

Quyền của NLD được làm việc trong môi trường an toàn và lành mạnh đã được công nhận trong Hiến chương của ILO và Công ước ICESCR được Việt Nam phê chuẩn. Đồng thời, Mục tiêu SDG 8.8 yêu cầu “bảo vệ quyền lợi của NLD, thúc đẩy và đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả NLD”, và chỉ số SDG 8.8.1 tương ứng là “tần suất gây tử vong và thương tích nghề nghiệp do tai nạn lao động, dựa trên yếu tố giới và tình trạng di cư”²⁷⁰. Theo báo cáo của 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong giai đoạn từ 2014 đến 2021, số vụ tai nạn lao động (TNLD) trên toàn quốc có xu hướng tăng nhẹ trong giai đoạn từ 2014 đến 2020, sau đó có sự giảm mạnh trong năm 2021 do bị ảnh hưởng bởi tác động của các biện pháp phong tỏa chống đại dịch Covid-19.



Nguồn: Tổng hợp từ Thông báo Tình hình tai nạn lao động và Bệnh nghề nghiệp của Bộ LĐ-TB&XH trong các năm 2014-2021

Một số lĩnh vực xảy ra nhiều TNLD nhất là dệt may, da giày; khai thác mỏ, khai thác khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng; xây dựng; cơ khí, luyện kim²⁷¹. Bên cạnh đó, các yếu tố chấn thương chủ yếu làm chết người nhiều nhất bao gồm tai nạn giao thông; ngã từ trên cao, rơi; đổ, sập; điện giật; vật văng bắn, va đập²⁷². Theo thống kê, nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động chết người phát sinh từ vi phạm của doanh nghiệp chiếm khoảng hơn 40% tổng số người chết, bao gồm thiết bị bảo hộ lao động không được cung cấp, không bảo đảm chất lượng, điều kiện lao động không bảo đảm, không có quy trình, biện pháp làm việc an toàn...²⁷³.

Số liệu thống kê ở trên có thể thấp hơn thực tế do chỉ có một số địa phương có thực hiện việc báo cáo và khoảng 6% các doanh nghiệp thực hiện báo cáo TNLD theo đúng quy định²⁷⁴. Sự thiếu độ tin cậy của các số liệu thống kê về TNLD khiến cho việc đánh giá về an toàn và sức khỏe lao động ở Việt Nam chưa được toàn diện²⁷⁵.

Một số doanh nghiệp có ý thức chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh lao động nhưng nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện tốt công tác này, còn mang tính hình thức, đối phó với thanh tra của cơ quan nhà nước hoặc hoạt động kiểm tra, đánh giá của đối tác, nhà nhập khẩu²⁷⁶.

Môi trường lao động và điều kiện làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang bị ô nhiễm nghiêm trọng ảnh hưởng tới sức khỏe của NLD, như mặt bằng làm việc chật, tập trung số

²⁷⁰ Bộ Tư pháp – UNDP Việt Nam, ‘Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm’. Trang 41 (Ct. 9).

²⁷¹ Bộ LĐ-TB&XH, ‘Thông báo Tình hình tai nạn lao động và Bệnh nghề nghiệp của Bộ LĐ-TB&XH trong các năm 2014-2021’.

²⁷² Nt.

²⁷³ Nt.

²⁷⁴ Bộ KH&ĐT, ‘Báo cáo Quốc gia năm 2020 về tiến độ 05 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững’, (2021). Thông tin có tại: <https://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/NationalSDGReport.html>. Truy cập ngày 05/05/2022. Trang 103.

²⁷⁵ ILO, ‘Báo cáo Quốc gia: Việc làm thỏa đáng và các mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam’, (2019). Trang 72.

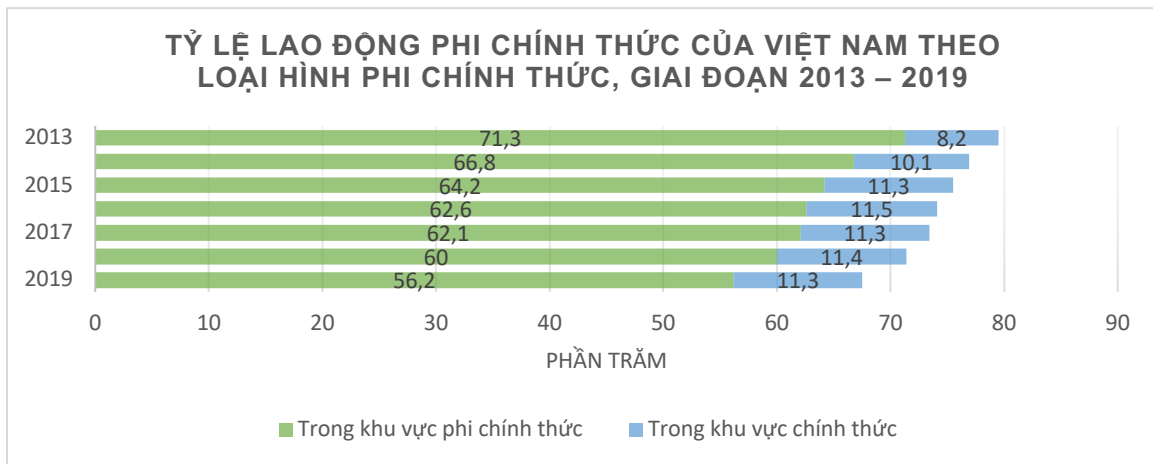
²⁷⁶ Cục Giám định – Bộ LĐTNXH, ‘Thiếu quan tâm đến ATVSLĐ, hệ lụy khôn lường’. Thông tin có tại: <http://cucgiamdinh.gov.vn/Thieu-quan-tam-den-ATVSLD-he-luy-khon-luong-428-a263.aspx>. Truy cập ngày 08/03/2022.

lượng lớn NLD làm việc, hệ thống lưu thông khí như quạt gió, quạt hút... chưa đảm bảo đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe của công nhân, đặc biệt là các lao động nữ²⁷⁷.

2.1.3. Lao động phi chính thức

Việc làm phi chính thức được ILO định nghĩa là việc làm không có bảo hiểm xã hội (đặc biệt là bảo hiểm xã hội bắt buộc) và không có hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên. NLD có việc làm phi chính thức sẽ được gọi là Lao động phi chính thức. Lao động phi chính thức có một số đặc điểm dễ nhận biết là không có hợp đồng lao động hoặc có nhưng không được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, không được chi trả các chế độ phụ cấp và các khoản phúc lợi xã hội khác. Lao động phi chính thức có thể tồn tại trong cả khu vực phi chính thức²⁷⁸ và khu vực chính thức²⁷⁹. Tuy nhiên, bởi phạm vi của Báo cáo là nghiên cứu về kinh doanh có trách nhiệm tại doanh nghiệp (thuộc khu vực chính thức), phần này sẽ chỉ tập trung vào đối tượng là **NLD có việc làm phi chính thức trong khu vực chính thức**.

Trong giai đoạn từ 2013-2019, tỷ lệ lao động phi chính thức²⁸⁰ có xu hướng giảm, trong khi đó tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức trong lĩnh vực chính thức có sự tăng nhẹ.



Nguồn: ILO, Báo cáo Lao động có việc làm phi chính thức ở Việt Nam: Xu hướng và các yếu tố tác động, 2021.

Những vấn đề bất cập liên quan đến lao động phi chính thức trong khu vực chính thức có thể được thấy rõ qua dạng công việc bấp bênh (gig works) dựa trên nền tảng công nghệ, mà điển hình là tài xế công nghệ cho các nền tảng gọi đồ ăn và gọi xe tại Việt Nam. Theo Google,

²⁷⁷ Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)'. Trang 37 (Ct.166).

²⁷⁸ Khu vực kinh tế phi chính thức được định nghĩa là khu vực hoạt động của tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) không có tư cách pháp nhân, sản xuất ít nhất một hoặc một vài sản phẩm và dịch vụ để bán hoặc trao đổi, không đăng ký kinh doanh (không có giấy phép kinh doanh). Ở Việt Nam, các cơ sở SXKD hoạt động trong khu vực này chủ yếu là hộ sản xuất kinh doanh cá thể phi nông nghiệp và các tổ hợp tác. Nguồn: ILO, 'Báo cáo lao động phi chính thức 2016'. Trang 5 (Ct. 269).

²⁷⁹ Khu vực chính thức có thể bao gồm: Các doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp nhà nước, ngoài nhà nước và doanh nghiệp nước ngoài); Các hợp tác xã và tổ hợp tác đang hoạt động theo Luật HTX 2012; Các cơ quan nhà nước (bao gồm các cơ quan lập pháp/hành pháp/tư pháp); Các đơn vị sự nghiệp (không phân biệt của nhà nước hay ngoài nhà nước); Các tổ chức quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam; Các tổ chức Đảng, đoàn thể, hiệp hội có tư cách pháp nhân (có quyết định thành lập, có con dấu riêng...); - Các hộ sản xuất kinh doanh cá thể có đăng ký kinh doanh; Các hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản có đăng ký kinh doanh. Nguồn: ILO, 'Báo cáo lao động phi chính thức 2016'. Trang 5 (Ct. 269).

²⁸⁰ Theo định nghĩa nêu trên của ILO, bao gồm cả lao động có việc làm phi chính thức trong nông nghiệp.

Temasek, và Bain & Company, giá trị thị trường của ngành công nghiệp gọi đồ ăn và gọi xe ở Việt Nam tăng mạnh sau khi đại dịch Covid-19 bùng phát vào năm 2020²⁸¹. Bắt đầu từ sự xuất hiện của công ty nền tảng là Uber năm 2014 tại Việt Nam, dịch vụ tài xế công nghệ đã không ngừng được phổ cập và phát triển. Cho đến nay, có hàng chục công ty nền tảng cung cấp tài xế công nghệ qua ứng dụng, như Uber, Grab, Goviet (sau này là Gojek), Now (sau này là ShopeeFood), Baemin...²⁸², phục vụ một hoặc tất cả dịch vụ xe ôm, giao hàng hóa, giao thức ăn.

Theo một báo cáo, năm 2019 có khoảng 400.000 tài xế xe ôm công nghệ và 170.000 tài xế taxi công nghệ, phần lớn chạy xe như một nghề nghiệp chính để kiếm thu nhập²⁸³. Họ không được ký hợp đồng lao động với các công ty nền tảng mà phải ký các loại hợp đồng như “Biên bản thỏa thuận hợp tác” (Grab), “Hợp đồng nhà thầu độc lập” (Now), “Hợp đồng hợp tác kinh doanh” (Baemin), hoặc “Hợp đồng hợp tác” (Be), với thân phận “đối tác” của các công ty nền tảng²⁸⁴. Điều này khiến cho họ không được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp của NLĐ theo pháp luật lao động, như:

- Thứ nhất, về thời gian làm việc, do các ứng dụng thiết lập cơ chế ưu tiên cuộc xe cho tài xế chuyên cần, các tài xế bắt buộc phải chạy xe từ 10-12 tiếng/ngày mà không có ngày nghỉ thì mới kiếm được thu nhập khá²⁸⁵.
- Thứ hai, về thu nhập, thu nhập của tài xế xe ôm công nghệ vào khoảng 9.290.344 VND/tháng, là một mức lương tương đối cao, tuy nhiên như đã đề cập ở trên, để nhận được mức thu nhập này tài xế công nghệ phải làm việc nhiều hơn từ 2-4 giờ so với giờ làm việc bình thường của NLĐ²⁸⁶. Hơn nữa, tài xế công nghệ không được hưởng mức lương tối thiểu theo pháp luật lao động, thu nhập của họ dựa vào số cuộc xe chạy được. Vậy nên, nếu có yếu tố chủ quan/khách quan khiến họ không thể chạy xe, thu nhập của họ có thể bị giảm mạnh hoặc mất đi hoàn toàn, có thể thấy rõ bất cập này đối với tài xế xe ôm và taxi công nghệ trong đợt giãn cách toàn xã hội do đại dịch Covid-19 tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021 vừa qua²⁸⁷. Ngoài ra, công ty nền tảng có thể tự đưa ra quy định về mức chiết khấu (8-20% tùy loại xe) trên mỗi cuộc xe mà tài xế thực hiện²⁸⁸, việc tự điều chỉnh này có thể gây ra sự bất công đối với các tài xế. Trên thực tế, mức chiết khấu là nguyên nhân của phần lớn các vụ “đình công” của tài

²⁸¹ Google, Temasek, Bain&Company, ‘e-Conomy Sea 2021 – Roaring 20s: The SEA Digital Decade’. Thông tin có tại: https://services.google.com/fh/files/misc/e-conomy-sea-2021-report.pdf?utm_source=twg&utm_medium=article&utm_campaign=2021. Truy cập ngày 29/04/2022. Trang 127.

²⁸² Đỗ Hải Hà – Đinh Thị Chiến, ‘Điều chỉnh pháp luật đối với các dạng thức việc làm mới trong kinh tế GIG: Trường hợp của nghề xe ôm công nghệ’. Thông tin có tại: <https://htpldn.moj.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/Bantin/Attachments/96/T%C3%A0i%20li%E1%BB%87u%20h%E1%BB%99i%20th%E1%BA%A3o%20KTCS.pdf>. Truy cập ngày 29/04/2022. Trang 1.

²⁸³ Theo một khảo sát của Viện khoa học Lao động và xã hội thuộc Bộ LĐ, TB&XH vào tháng 11/2021 trên 121 tài xế công nghệ, gần ¼ số người được khảo sát nói rằng nghề tài xế công nghệ là nghề chính của họ, trong khi ¼ còn lại nói rằng đây chỉ là công việc part-time. Nguồn: Bùi Tôn Hiến – Trịnh Thu Nga, ‘Digitalisation and Informal Labour in Gig Economy in Vietnam’, Báo cáo quốc gia số 3/2021, Tổ chức Hanns Seidel Foundation. Trang 106.

²⁸⁴ Đỗ Hải Hà – Đinh Thị Chiến, ‘Điều chỉnh pháp luật đối với các dạng thức việc làm mới trong kinh tế GIG: Trường hợp của nghề xe ôm công nghệ’. Trang 5 (Ct. 293).

²⁸⁵ Nt. Trang 8.

²⁸⁶ Nt. Trang 2, 8.

²⁸⁷ Báo thanh niên, ‘TP.HCM bùng phát dịch Covid-19: Xe ôm công nghệ, shipper được hỗ trợ bao nhiêu tiền?’, (2021). Thông tin có tại: <https://thanhnien.vn/tp-hcm-bung-phat-dich-covid-19-xe-om-cong-nghe-shipper-duoc-ho-tro-bao-nhieu-tien-post1080200.html>. Truy cập ngày 29/04/2022.

²⁸⁸ Lê Thị Hoài Thu, ‘Quyền tiếp cận an sinh xã hội của lái xe công nghệ dưới góc nhìn pháp lý’, Tạp chí Lao động&Xã hội, (2022). Thông tin có tại: <http://laodongxahoi.net/quyen-tiep-can-an-sinh-xa-hoi-cua-lai-xe-cong-nghe-duoi-goc-nhin-phap-ly-1322765.html>. Truy cập ngày 29/04/2022.

xế công nghệ trong thời gian vừa qua.²⁸⁹

- Thứ ba, về BHXH, do không được ký kết hợp đồng lao động nên tài xế công nghệ cũng không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH bắt buộc. Trên thực tế, tài xế công nghệ phải làm việc với thời gian dài trên đường giao thông, đối mặt nhiều nguy cơ từ khói bụi, tai nạn giao thông, cướp giật, nhiều trường hợp tài sản, mạng sống của họ bị tước đoạt hoặc đe dọa²⁹⁰, vậy nên việc những đối tượng này bị đặt ra khỏi sự bảo vệ của lưới an sinh xã hội là một bất cập lớn. Tuy rằng các công ty nền tảng có hỗ trợ tập huấn về an toàn giao thông và mua Bảo hiểm tai nạn cho tài xế, những hỗ trợ này là không đáng kể.²⁹¹
- Thứ tư, về điều khoản liên quan đến việc làm, các công ty nền tảng được tự do ban hành các quy tắc xử sự quy định những hành vi tài xế không được làm, các quy định về kỷ luật đối với tài xế mà không phải thông qua tổ chức đại diện NLD hay đăng ký với cơ quan nhà nước như đối với nội quy lao động trong quan hệ lao động truyền thống²⁹².
- Thứ năm, về quyền đối thoại và thương lượng tập thể, các tài xế công nghệ được thành lập nghiệp đoàn cơ sở thay vì công đoàn cơ sở, tuy nhiên hình thức tổ chức này chưa thực sự hiệu quả dẫn đến việc tài xế công nghệ vẫn chưa thực sự có tiếng nói trong việc trả thu nhập và điều kiện làm việc²⁹³. Từ năm 2017 đến năm 2020, đã có 13 cuộc “đình công” của các tài xế công nghệ ở Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh theo phương thức tập hợp ở trụ sở công ty hoặc đồng loạt tắt ứng dụng, và các cuộc đình công này đều không được tiến hành bởi tổ chức đại diện²⁹⁴.

Từ những bất cập nói trên, có thể thấy rằng việc xác định mối quan hệ giữa tài xế công nghệ và công ty nền tảng là cực kỳ quan trọng, mang tính quyết định đối với các quyền và lợi ích về lao động cũng như an sinh xã hội của tài xế công nghệ. Trên thực tế, các tài xế xe ôm công nghệ làm toàn thời gian ở Việt Nam đáp ứng hầu hết các nguyên tắc cốt lõi để được phân loại là NLD. Tuy nhiên, do tính mới và sự linh hoạt của công việc tài xế công nghệ, khung pháp luật hiện hành là chưa đủ để nhận dạng loại quan hệ lao động này²⁹⁵.

2.1.4 Lao động cưỡng bức

Pháp luật Việt Nam có nhiều quy định về cấm lao động cưỡng bức, buôn bán người. Nhìn chung, hiện tượng lao động cưỡng bức (LĐCB) vẫn còn tồn tại ở Việt Nam dưới các hình thức khác

²⁸⁹ Joe Buckley, 'Mapping ride-hailing app driver strikes in Vietnam', (2020). Thông tin có tại: <https://www.newmandala.org/mapping-ride-hailing-app-driver-strikes-in-vietnam/#:~:text=On%207%20December%2C%20Grab%20drivers,the%20streets%20of%20the%20capital>. Truy cập ngày 29/04/2022. (Anh xem giúp em có được đưa tài liệu tham khảo này vào không nhé ạ)

²⁹⁰ Báo Lao động, 'Nhọc nhằn những cuộc xe ôm công nghệ', (2019). Thông tin có tại: <https://laodong.vn/cong-doan/nhoc-nhan-nhung-cuoc-xe-om-cong-nghe-758305.lido>; Báo Kinh tế&Đô thị, Hà Nội: Tài xế grab bị cướp đâm nguy kịch trên đê 67ang Đuống trong đêm vắng, 2020, <https://kinhhtedoithi.vn/ha-noi-tai-xe-grab-bi-cuop-dam-nguy-kich-tren-de-song-duong-trong-dem-vang.html>; Báo Thanh niên, Tài xế xe ôm công nghệ bị cướp đâm chết: 'Khó nhận biết được cướp', <https://thanhnien.vn/tai-xe-xe-om-cong-nghe-bi-cuop-dam-chet-kho-nhan-biet-duoc-cuop-post1039757.html>, truy cập ngày 29/04/2022.

²⁹¹ Đỗ Hải Hà – Đinh Thị Chiến, 'Điều chỉnh pháp luật đối với các dạng thức việc làm mới trong kinh tế GIG: Trường hợp của nghề xe ôm công nghệ'. Trang 4 (Ct. 293).

²⁹² Nt, tr.7.

²⁹³ FES, 'Benefits of platform work for workers need to be assessed with caution', (2022). Thông tin có tại: <https://asia.fes.de/news/platform-economy-vietnam>. Truy cập ngày 29/04/2022.

²⁹⁴ Joe Buckley, 'Mapping ride-hailing app driver strikes in Vietnam' (Ct. 300) (Anh xem giúp em có được đưa tài liệu tham khảo này vào không nhé ạ)

²⁹⁵ Đỗ Hải Hà – Đinh Thị Chiến, 'Điều chỉnh pháp luật đối với các dạng thức việc làm mới trong kinh tế GIG: Trường hợp của nghề xe ôm công nghệ'. Trang 10, 11 (Ct. 293).

nhau trong tuyển dụng lao động, vấn nạn buôn người... Ví dụ như, tình trạng thu giữ giấy tờ cá nhân của NLD tại các doanh nghiệp là một hành vi bị coi là cưỡng bức lao động. 24,28% NLD được khảo sát cho biết là họ phải nộp các giấy tờ tùy thân cho doanh nghiệp khi đi làm. 22,72% NLD khi được tuyển vào doanh nghiệp phải cam kết làm việc trong một thời gian nhất định, không được bỏ việc giữa chừng. 4,54% lao động nữ phải cam kết trong thời gian nhất định không được sinh con. Yêu cầu làm thêm giờ mà không có sự đồng ý của NLD cũng bị coi là hành vi cưỡng bức lao động²⁹⁶.

Một công ty giữ thẻ bảo hiểm y tế của công nhân, bất chấp quy định pháp luật là thẻ bảo hiểm y tế của công nhân do công nhân giữ. Khi cần đi khám, công nhân phải làm đơn lên phòng y tế của công ty xin mượn thẻ bảo hiểm y tế và sau khi khám xong phải trả lại cho phòng y tế. Đây dường như là một chính sách để buộc công nhân phải làm việc ngay cả khi họ cảm thấy bị ốm, vì họ không muốn phải lên phòng y tế để xin mượn thẻ bảo hiểm đi khám.

2.1.5. Lao động di cư

a. Lao động đi làm việc ở nước ngoài

Năm 2020, Việt Nam xếp thứ 11/20 quốc gia dẫn đầu thế giới về lượng kiều hối chuyển về nước và xếp thứ 20/20 thế giới về số lượng người di cư²⁹⁷. Cùng lúc đó, trong hai thập kỷ qua, số người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hàng năm tăng từ 46.000 người năm 2002 lên 152.530 người năm 2019²⁹⁸. Các nước tiếp nhận lao động chiếm 90% là Nhật Bản, Đài Loan và Trung Quốc; 10% còn lại là một số nước như Hàn Quốc, Ả Rập Saudi và Romani²⁹⁹. Lao động đi làm việc ở nước ngoài chủ yếu đến từ 5 tỉnh phía Bắc là Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Hải Dương và Bắc Ninh³⁰⁰.

Qua nghiên cứu, một số báo cáo có ghi nhận vấn đề lao động di cư xuyên biên giới ở Việt Nam ẩn chứa nhiều nguy cơ liên quan đến lao động cưỡng bức, buôn bán người và lao động gán nợ. Tuy nhiên, hiện chỉ có các nghiên cứu định tính về vấn đề này. Về lý thuyết, các chỉ báo về lao động cưỡng bức được xem xét trên 03 phương diện: tuyển dụng lừa đảo hoặc ép buộc; làm việc dưới sự đe dọa áp dụng hình phạt, bẫy nợ và nợ lương; không cho chấm dứt hợp đồng³⁰¹.

Trên thực tế, có nhiều báo cáo phản ánh thực trạng tuyển dụng không đúng sự thật xảy ra đối với người lao động di cư ở Việt Nam. Theo một khảo sát của IOM trên 56 NLD về nước tại tỉnh Nghệ An, người lao động di cư đến Hàn Quốc, cũng như các lao động trở về từ Nhật Bản và Đài Loan phản ánh tình trạng họ phải làm các công việc khác và thậm chí cả ngành nghề khác với

²⁹⁶ Mai Đăng Lưu, 'Pháp luật Việt Nam về xóa bỏ lao động cưỡng bức', Tạp chí Công thương, (2021). Thông tin có tại: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet-phap-luat-viet-nam-ve-xoa-bo-lao-dong-cuong-buc-78817.htm>. Truy cập ngày 08/03/2022.

²⁹⁷ McAuliffe, M. và A. Triandafyllidou, 'World Migration Report 2022', (2021), IOM, Geneva.

²⁹⁸ IOM, 'Labour Market Assessment – Identifying opportunities for vulnerable Vietnamese from selected provinces of Viet Nam', (2021). Thông tin có tại: [Labour Market Assessment: Identifying Opportunities for Vulnerable Vietnamese from Selected Provinces of Viet Nam | IOM Publications Platform](https://www.iom.int/publications-platform/labour-market-assessment-identifying-opportunities-for-vulnerable-vietnamese-from-selected-provinces-of-viet-nam). Truy cập ngày 06/05/2022. Trang 4.

²⁹⁹ ILO, 'Triangle in ASEAN Quarterly Briefing Note'. Thông tin có tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/documents/genericdocument/wcms_735109.pdf. Truy cập ngày 06/05/2022.

³⁰⁰ IOM, 'Tính dễ bị tổn thương và rủi ro bị bóc lột của lao động di cư Việt Nam – Nghiên cứu định tính của người lao động trở về, 2020'. Thông tin có tại: <https://vietnam.iom.int/vi/news/iom-viet-nam-cong-bo-nghien-cuu-dinh-tinh-ve-rui-ro-bi-boc-lot-cua-lao-dong-di-cu-viet-nam>. Truy cập ngày 06/05/2022. Trang 2.

³⁰¹ Sedex, 'Guidance on Operational Practice and Indicators of Forced Labour', (Version 2.0, June 2017). Thông tin có tại: <https://www.sedex.com/wp-content/uploads/2016/03/Sedex-Guidance-on-Operational-Practice-and-Indicators-of-Forced-Labour.pdf>. Truy cập ngày 07/05/2022. Trang 7.

công việc/ ngành nghề được nêu trong hợp đồng³⁰². Mặt khác, người lao động chỉ có 1-2 tuần để xem hợp đồng lao động trước khi xuất cảnh, một số trường hợp hợp đồng ký tại Việt Nam không hợp lệ tại nước tiếp nhận và NLD phải ký một hợp đồng khác.³⁰³ Một khảo sát thực địa khác với 44 NLD có quyền lợi bị vi phạm khi lao động ở nước ngoài tại 3 tỉnh Quảng Ngãi, Thanh Hóa, Hà Tĩnh phản ánh 100% lao động nhận được mức lương thấp hơn đáng kể so với quy định trong hợp đồng lao động, hơn 90% lao động được yêu cầu làm việc nhiều giờ hơn so với thoả thuận, 80% lao động cho biết có sự khác nhau giữa công việc thực tế tại nước tiếp nhận và loại hình công việc được thoả thuận trước khi xuất cảnh³⁰⁴. Bên cạnh đó, có tình trạng công ty tuyển dụng ép ứng viên nhận việc bằng cách nói với họ rằng sẽ không có thêm công việc phù hợp nào khác và ứng viên sẽ phải chịu thêm chi phí khi chờ đợi cơ hội mới, với mục đích lấy hoa hồng cho vị trí tuyển dụng³⁰⁵.

Tại Việt Nam, người lao động sẽ phải trả phí tuyển dụng và một số chi phí hợp pháp khác để đi làm việc ở nước ngoài, trong đó phí môi giới, tiền dịch vụ và tiền ký quỹ³⁰⁶. Hiện tại, ba mức phí này đều được quy định mức trần có tính toán khả năng chi trả của NLD³⁰⁷. Tuy nhiên, đây là những khoản chi phí tạo gánh nặng tài chính lớn nhất cho lao động di cư, trên thực tế NLD phải trả nhiều hơn so với mức trần theo quy định pháp luật³⁰⁸. Theo ILO, NLD đi làm việc ở nước ngoài vẫn đang phải trả chi phí từ 163 đến 172 triệu VND để được tuyển dụng đi Nhật Bản, Đài Loan và Trung Quốc³⁰⁹. Bên cạnh đó, theo khảo sát của IOM tại tỉnh Nghệ An đề cập ở trên, ngoài việc tiền dịch vụ và tiền môi giới cho các công ty tuyển dụng đôi khi vượt quá mức trần cho phép, NLD còn phải trả thêm tiền cho các bên trung gian, bao gồm cả các lao động di cư đóng vai trò người giới thiệu, môi giới³¹⁰. Chi phí phải bỏ ra để đi lao động nước ngoài cao khiến việc vay nợ để trang trải chi phí này trở nên phổ biến³¹¹, và điều này có thể khiến người lao động di cư dễ tổn thương hơn trước lạm dụng, bóc lột, lao động gán nợ, lao động cưỡng bức và mua bán người³¹². Theo khảo sát của IOM đề cập ở trên, những người lao động được khảo sát cho

³⁰² IOM, 'Tính dễ bị tổn thương và rủi ro bị bóc lột của lao động di cư Việt Nam - Nghiên cứu định tính của người lao động trở về' (Ct. 320).

³⁰³ Nt. Trang 25.

³⁰⁴ ILO, 'Cơ chế khiếu nại đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài: Tổng quan về luật pháp và thực tiễn', (2015). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_486732/lang--vi/index.htm. Truy cập ngày 07/05/2022. Trang 41.

³⁰⁵ IOM, 'Tính dễ bị tổn thương và rủi ro bị bóc lột của lao động di cư Việt Nam - Nghiên cứu định tính của người lao động trở về'. Trang 24 (Ct. 320).

³⁰⁶ Nt. Trang 10.

³⁰⁷ Luật 72 và Luật 69 (thay thế Luật 72) cùng với các văn bản hướng dẫn đều có quy định về mức trần của các loại phí này. Theo quy định mới nhất của Luật 69 và văn bản hướng dẫn, mức trần tiền môi giới là 0,5 tháng tiền lương cho mỗi 12 tháng làm việc, nếu hợp đồng lao động từ 36 tháng trở lên thì mức trần không quá 1,5 tháng tiền lương; mức trần tiền dịch vụ là 01 tháng tiền lương cho mỗi 12 tháng làm việc, nếu hợp đồng lao động từ 36 tháng trở lên thì mức trần không quá 03 tháng tiền lương; mức trần tiền ký quỹ được miễn hoặc được giới hạn tùy theo từng thị trường và ngành nghề.

³⁰⁸ IOM, 'Tính dễ bị tổn thương và rủi ro bị bóc lột của lao động di cư Việt Nam - Nghiên cứu định tính của người lao động trở về'. Trang 10 (Ct. 320).

³⁰⁹ ILO, 'ILO commits to support Viet Nam's effort to promote safe labour migration', (2020). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_747465/lang--en/index.htm. Truy cập ngày 06/05/2022.

³¹⁰ IOM, 'Tính dễ bị tổn thương và rủi ro bị bóc lột của lao động di cư Việt Nam - Nghiên cứu định tính của người lao động trở về', Trang 18 (Ct. 320).

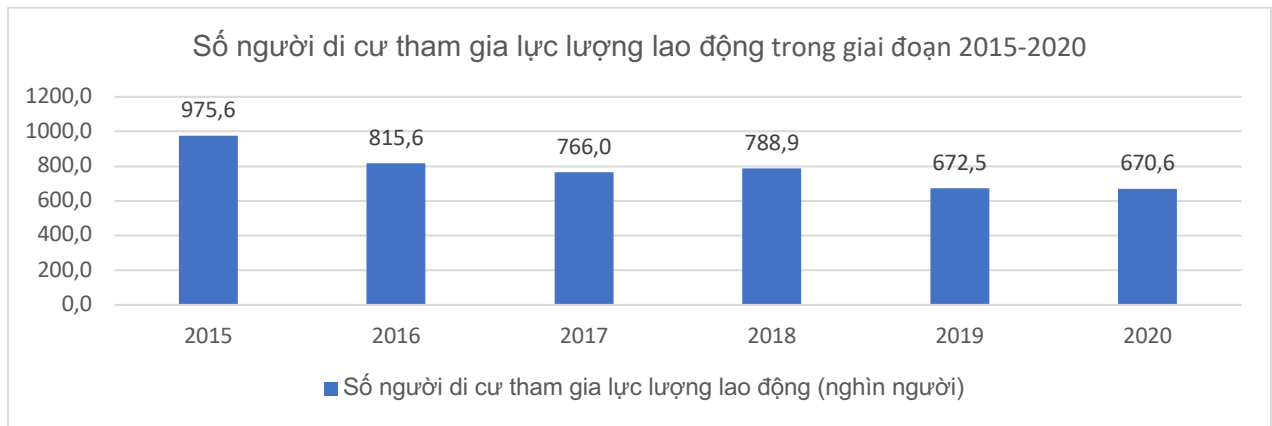
³¹¹ IOM, 'Debt and the migration experience: insights from South-East Asia', (2019). Thông tin có tại: <https://publications.iom.int/books/debt-and-migration-experience-insights-south-east-asia#:~:text=Email-Debt%20and%20the%20Migration%20Experience%3A%20Insights%20from%20South%2DEast%20Asia,finance%20costly%20cross%2Dborder%20moves>. Truy cập ngày 06/05/2022. Trang 38.

³¹² ILO, 'ILO commits to support Viet Nam's effort to promote safe labour migration' (Ct. 329).

biết khoản vay lớn làm tăng gánh nặng cho họ, và họ phải tiếp tục làm việc ở nước ngoài cho dù không muốn để trả nợ³¹³. Về vĩ mô, chi phí dịch chuyển lao động lớn đã ngăn cản Việt Nam gạt hái đầy đủ thành quả của quá trình di dân quốc tế³¹⁴.

b. Lao động di cư trong nước

Luồng di cư lao động trong nước có nguyên nhân chủ yếu từ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ tại Việt Nam sau giai đoạn Đổi mới. Do vẫn còn trên 1/3 lực lượng lao động là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, việc chuyển dịch lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang khu vực/ngành nghề có năng suất cao hơn được coi là một xu thế tất yếu³¹⁵. Trong giai đoạn 2015-2020, có sự suy giảm số lượng lao động di cư trong nước, nguyên nhân một phần do sự tăng sức hút lao động từ kêu gọi đầu tư ở các địa phương vốn là nơi xuất cư, một phần khác do sự hồi hương của các lao động đã di cư có độ tuổi nằm ngoài chế độ ưu tiên tuyển dụng của nhà máy³¹⁶.



Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Báo cáo Lao động việc làm của Tổng cục thống kê qua các năm.

Những vùng có kinh tế phát triển như Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng là những vùng thu hút lao động di cư nhiều nhất, riêng TP. Hồ Chí Minh chiếm tới 24,9% tổng số người di cư trong cả nước³¹⁷. Tỷ trọng lao động nữ di cư chiếm trung bình 57,3%³¹⁸. Hơn 60% lao động di cư làm việc trong các nhóm nghề như lao động giản đơn hoặc thợ vận hành và lắp ráp máy móc, thiết bị.³¹⁹

Về cơ bản, di cư nói chung và lao động di cư nói riêng sẽ làm phát sinh nhiều vấn đề về xã hội. Trên thực tế, việc thực hiện quyền lao động của lao động di cư trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Về hợp đồng lao động, có khoảng 70% NLD di cư có hợp đồng lao động, trong khi đó con số này đối với lao động địa phương là 73,4%. Về tiền lương, công nhân di cư thường phải

³¹³ IOM, 'Tính dễ bị tổn thương và rủi ro bị bóc lột của lao động di cư Việt Nam - Nghiên cứu định tính của người lao động trở về'. Trang 21, 22 (Ct 320).

³¹⁴ Testaverde, Mauro, Harry Moroz, Claire H. Hollweg, Achim Schmillen, 'Di dân để tìm kiếm cơ hội: Vượt qua rào cản dịch chuyển lao động ở Đông Nam Á - Báo cáo tóm tắt', Ngân hàng Thế giới, (2017). Trang 13.

³¹⁵ CIEM, 'Nghiên cứu vấn đề về giới trong di cư trong nước và tái cơ cấu kinh tế tại Việt Nam - Nghiên cứu định tính về trải nghiệm của người lao động trở về', (2021). Trang 29, 30.

³¹⁶ Nt. Trang 43.

³¹⁷ Nt. Trang 44.

³¹⁸ Nt. Trang 43.

³¹⁹ Nt. Trang 50.

chịu những khoản chi phí thiết yếu đắt hơn người địa phương, như phí gửi trẻ, học hành, nhà cửa, chợ búa... và những khoản này thường vượt quá mức lương hàng tháng của họ³²⁰. Dưới tác động của đại dịch Covid-19, lao động di cư một trong những nhóm bị ảnh hưởng về thu nhập nặng nề nhất, với thu nhập tháng 5/2020 chỉ tương đương 43,2% thu nhập tháng 12/2019³²¹. Về điều kiện về nhà ở, trung bình người di cư có diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn của người không di cư (tương ứng là 21,9m²/người và 25,4m²/người) và gần một nửa người di cư phải đi thuê/mượn nhà³²². Theo kết quả điều tra của Tổng cục thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc vào năm 2015, 40,9% NLD di cư ở khu vực thành thị có khó khăn về chỗ ở; 31,6% có khó khăn về nguồn thu nhập và 28,6% khó khăn về việc làm.³²³

Thêm vào đó, tình trạng không có hộ khẩu ở địa phương nhập cư khiến con cái của NLD di cư và gia đình họ phải chịu nhiều thiệt thòi. Do quá tải học sinh, các trường công lập thường áp dụng cơ chế ưu tiên người dân địa phương có hộ khẩu, đồng thời việc NLD di cư liên tục làm thêm giờ khiến thời gian hoạt động trong giờ hành chính của trường công lập không đáp ứng được nhu cầu gửi con của NLD di cư³²⁴. Trong khi đó, các trường tư thục giá rẻ phù hợp với túi tiền của NLD di cư thường chất lượng không được đảm bảo.³²⁵ Theo thống kê, chỉ có 7,7 % trẻ em di cư được đi nhà trẻ công lập và 12% được đi học trường mẫu giáo công lập³²⁶. Tại TP. HCM, trẻ em di cư chiếm lần lượt 92% và 86,4% trong số trẻ em 5 tuổi và tiểu học không đến trường; các em cũng không thuộc đối tượng áp dụng của các chính sách giáo dục miễn phí của thành phố.³²⁷ Đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, có 55,7% trẻ em di cư ngoại tỉnh trong nhóm nhóm tuổi 11-18 đang đi học, trong khi đó con số này đối với trẻ em không di cư trong cùng độ tuổi lên tới 83,9%.³²⁸ Ngoài ra, qua quan sát tác động của đại dịch Covid-19, việc không có hộ khẩu cũng là rào cản đối với gia đình NLD di cư trong việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bao gồm chăm sóc sức khỏe sinh sản & tình dục, các cơ hội học tập trực tuyến và điều kiện sống công bằng.³²⁹

Bên cạnh đó, tình trạng con cái của lao động di cư bị bỏ lại cũng ẩn chứa nhiều nguy cơ đối với gia đình lao động di cư và xã hội. Theo ước tính của UNICEF năm 2017 trong ngành công nghiệp

³²⁰ UNICEF, 'Tác động của ngành May mặc và Giày dép đến Trẻ em Việt Nam'. Trang 4 (Ct. 242).

³²¹ UNDP, 'Đánh giá tác động kinh tế xã hội của đại dịch COVID-19 đối với hộ gia đình và doanh nghiệp dễ bị tổn thương ở Việt Nam Phân tích có tính tới yếu tố giới - Báo cáo tóm tắt', (2020). Thông tin có tại: <https://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/covid-19-socio-economic-impact-on-vulnerable-households-and-en.html?fbclid=IwAR1gmZGc9af1beFMwvkOEV5n9Gjao06LrDnUHsGG2au6iW8HyZ0jhyXcxrU>. Truy cập ngày 06/05/2022. Trang 5.

³²² Tổng cục thống kê, 'Thông cáo báo chí kết quả nghiên cứu chuyên sâu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019', (2020). Thông tin có tại: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/12/thong-cao-bao-chi-ket-qua-nghien-cuu-chuyen-sau-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/>. Truy cập ngày 06/05/2022.

³²³ Tổng cục thống kê, Quỹ Dân số Liên hợp quốc, 'Điều tra di cư nội địa quốc gia 2015: Các kết quả chủ yếu', (2016). Thông tin có tại: https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/PD_Migration%20Booklet_Tieng%20Viet_printed%20in%202016_0.pdf. Truy cập ngày 06/05/2022. Trang 80.

³²⁴ UNICEF, 'Tác động của ngành May mặc và Giày dép đến Trẻ em Việt Nam'. Trang 3 (Ct. 242).

³²⁵ Nt. Trang 3.

³²⁶ CIEM, 'Nghiên cứu vấn đề về giới trong di cư trong nước và tái cơ cấu kinh tế tại Việt Nam'. Trang 67.

³²⁷ UNICEF, 'Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam'. Trang 13 (Ct. 237).

³²⁸ Tổng cục thống kê, 'Thông cáo báo chí kết quả nghiên cứu chuyên sâu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019' (Ct. 343).

³²⁹ UN, 'Phân tích của Liên hợp quốc về tác động xã hội của Đại dịch Covid-19 đối với Việt Nam và các khuyến nghị chính sách chiến lược', (2020). Thông tin có tại:

<https://www.unicef.org/vietnam/media/6006/file/Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20c%E1%BB%A7a%20LHQ%20v%E1%BB%81%20t%C3%A1c%20t%C4%91%E1%BB%99ng%20x%C3%A3%20h%E1%BB%99i%20c%E1%BB%A7a%20C4%91%E1%BA%A1i%20d%E1%BB%8Bch%20COVID-19.pdf>. Truy cập ngày 06/05/2022. Trang 9.

dệt may và da giày (có 80% lao động là người di cư), có khoảng 15% - 20% NLD di cư không thể tự mình chăm sóc con cái mà phải gửi về quê cho ông bà hoặc người thân khác³³⁰. Trẻ bị bỏ lại có thể gặp nhiều nguy cơ như bị xâm hại, bóc lột, bị buộc trở thành trẻ em đường phố, lao động trẻ em; các em gái còn đối mặt với nguy cơ bị mua bán hay tảo hôn³³¹. Vấn đề này một lần nữa là hệ quả của một mức lương không đủ sống, bởi nếu số tiền NLD di cư gửi về là đủ để đáp ứng nhu cầu của gia đình họ thì trẻ em dù có bị bỏ lại cũng có cuộc sống tốt hơn³³².

2.1.6. Lao động trẻ em

Pháp luật Việt Nam có nhiều quy định về bảo vệ trẻ em và nguyên tắc về sử dụng lao động trẻ em (còn gọi là lao động chưa thành niên) để phòng chống bóc lột lao động trẻ em³³³. Theo điều tra về lao động trẻ em năm 2018 trước khi Bộ luật Lao động 2019 có hiệu lực, cả nước có 1.031.944 trẻ em ở độ tuổi 5-17 tuổi được xác định là lao động trẻ em, chiếm 5,4% tổng số trẻ em 5-17 tuổi và chiếm 58,8% trẻ em 5-17 tuổi tham gia hoạt động kinh tế, trong đó gần 59% là trẻ em trai và trên 41% là trẻ em gái. Gần 51,3% lao động trẻ em nằm trong nhóm tuổi 15-17. Tỷ lệ lao động trẻ em ở khu vực nông thôn là 6,6%, cao hơn 2,5 lần so với tỷ lệ lao động trẻ em ở khu vực thành thị (2,6%)³³⁴.

Điều tra lao động trẻ em năm 2018 cho thấy có trên 43% lao động trẻ em là lao động hộ gia đình và 31,7% là lao động được trả công. Tuy nhiên, vẫn có tới 198.505 trẻ em, chiếm 19,2% làm các công việc tự sản, tự tiêu (trong tổng số 344.166 trẻ em từ 5-17 tuổi có hoạt động kinh tế với các công việc thuộc nhóm sản phẩm tự sản, tự tiêu thuộc nhóm đối tượng được loại trừ theo tinh thần của Công ước 138) được xác định là lao động trẻ em tham gia vào các công việc có yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của trẻ em³³⁵.

Theo ước tính, trong tổng số 1.031.944 lao động trẻ em có 352.385 em có thời gian làm việc ở mức từ 40 giờ/tuần trở lên, chiếm 34,2% tổng số lao động trẻ em. Mức thời gian làm việc này có ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của đa số trẻ em. Trẻ em có thời gian làm việc trên 40 giờ/tuần rơi vào nhóm tuổi từ 15-17 tuổi (58,7%) và không có sự khác biệt nhiều giữa trẻ em trai và trẻ em gái. Trong số lao động trẻ em làm trên 40 giờ/tuần, gần 12% là trẻ em dưới 15 tuổi³³⁶. Để hạn chế thực trạng này, Bộ luật Lao động 2019 chỉ cho phép trẻ em chưa đủ 15 tuổi thì được làm việc không quá 20 giờ/tuần và chỉ có trẻ từ 15 tuổi đến 18 tuổi thì được làm việc không quá 40 giờ/tuần³³⁷.

Trên thực tế, trẻ em tham gia hoạt động kinh tế chủ yếu ở khu vực phi chính thức với các công việc làm thuê, và phổ biến với các công việc tự làm, các công việc sản xuất kinh doanh của hộ gia đình. Đa số các công việc mà lao động trẻ em có thể tham gia có môi trường và điều kiện làm việc chưa đảm bảo an toàn lao động. Theo ước tính, có 27,7% lao động trẻ em làm việc trong điều kiện tiếp xúc với bụi, rác, khói; 11,5% làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn, chuyển động mạnh; gần 11% làm việc tại những nơi nhiệt độ khắc nghiệt; trên 8% làm việc trong môi

³³⁰ Nt. Trang 5.

³³¹ Nt. Trang 13.

Oxfam Việt Nam, 'Tiền lương không đủ sống và hệ lụy nghiêm cứu một số doanh nghiệp may xuất khẩu ở Việt Nam'. Trang 44 (Ct. 182). Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)'. Trang 39 (Ct.166).

UNICEF, 'Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam'. Trang 33 (Ct. 237).

³³² UNICEF, 'Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam'. Trang 18 (Ct. 237).

³³³ Minh Huệ, 'Tiếp tục ngăn chặn lao động trẻ em khi dịch COVID-19 vẫn tiếp diễn', Việt Nam Plus, (2021). Thông tin có tại: <https://www.vietnamplus.vn/tiep-tuc-ngan-chan-lao-dong-tre-em-khi-dich-covid19-van-tiep-dien/719488.vnp>. Truy cập ngày 08/03/2022. Bộ luật Lao động 2019. Điều 143-147 (Ct. 168).

³³⁴ ILO và Bộ LĐ-TB&XH Việt Nam, 'Khảo sát lao động trẻ em quốc gia Việt Nam 2018: Những phát hiện chính', Geneva: Tổ chức Lao động quốc tế, (2020). Trang 32.

³³⁵ Nt. Trang 33.

³³⁶ Nt. Trang 36.

³³⁷ Bộ luật Lao động 2019. Điều 146 (Ct. 168).

trường phải tiếp xúc với hóa chất. Đặc biệt, có hơn 3,2% lao động trẻ em làm việc ở các công trường xây dựng, hơn 3% khác làm việc ở môi trường dưới nước...³³⁸ Để hạn chế thực tiễn này, BLLĐ 2019 đã có quy định cụ thể về công việc và nơi làm việc không được sử dụng NLD từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi³³⁹.

Trong quá trình lao động, một số trẻ em phải mang vác các vật nặng hoặc vận hành các loại máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. Đây là những yếu tố có ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển thể chất và sự an toàn của lao động trẻ em. Có gần 10,5% lao động trẻ em trong quá trình làm việc từng phải mang vác các vật nặng từ 30kg trở lên và gần 9,1% lao động trẻ em phải tham gia vận hành các loại máy móc, thiết bị sản xuất. Tuy nhiên, đa số lao động trẻ em phải mang vác vật nặng hoặc phải vận hành máy móc thiết bị trong quá trình lao động rơi vào nhóm trẻ em trai ở độ tuổi từ 15-17, dù đây cũng là độ tuổi có sự trưởng thành về thể chất và ý thức tốt hơn về an toàn lao động. Tuy nhiên, để hạn chế tình trạng này, BLLĐ 2019 đã quy định về công việc và nơi làm việc sử dụng NLD từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi³⁴⁰.

Trẻ em phải đối mặt với các vấn đề sức khỏe và an toàn lao động. Mỗi trẻ em có thể gặp một hoặc nhiều hơn các rủi ro hoặc tai nạn thương tích có ảnh hưởng đến sức khỏe, như các vết thương ngoài da, vết thương hở; trật khớp, bong gân, bầm tím; các bệnh về đường hô hấp, da, mắt³⁴¹.

Tình trạng quan hệ lao động có trẻ em tham gia thường không có ký kết HĐLĐ bằng văn bản theo quy định của BLLĐ 2019. Phần lớn, quan hệ lao động thông qua hợp đồng bằng lời nói nên khó khăn trong việc ràng buộc pháp lý. Đối với các trường hợp có ký kết HĐLĐ bằng giấy cũng không quy định rõ thời gian làm việc, chế độ nghỉ ngơi. Nhiều cơ sở sử dụng lao động trẻ em không đăng ký khai với cơ quan quản lý lao động địa phương theo quy định pháp luật³⁴².

Theo một nghiên cứu của VCCI và UNICEF năm 2021, phần lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia khảo sát không sử dụng lao động trẻ em. Chỉ có 3,47% doanh nghiệp này có sử dụng lao động trẻ em từ 15 tuổi đến 17 tuổi. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn chưa có các chính sách và thực hành đầy đủ để bảo đảm việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em, như chỉ có 27% doanh nghiệp có chính sách và thực hành đối với vấn đề lao động trẻ em, 43,5% doanh nghiệp có quy trình đánh giá tác động các vấn đề đối với trẻ em, 36,5% có quy trình giám sát khắc phục các vấn đề về lao động trẻ em, 27,4% doanh nghiệp có yêu cầu nhà cung cấp và đối tác kinh doanh bổ sung các vấn đề bảo vệ trẻ em, 30,6% doanh nghiệp bổ sung thêm điều khoản về vấn đề lao động trẻ em trong hợp đồng với đối tác kinh doanh³⁴³.

2.1.7. Các cơ chế khắc phục chưa hiệu quả

Như đã phân tích ở trên, các quy định pháp luật về lao động của Việt Nam đã có những thay đổi để khắc phục các vấn đề bất cập về lao động trong thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Tuy nhiên, nhiều vấn đề bất cập vẫn còn tồn tại như đã phân tích ở trên. Thực tiễn này có những nguyên nhân khác nhau.

a. Cơ chế thanh tra lao động và BHXH

³³⁸ ILO và Bộ LĐ-TB&XH Việt Nam, 'Khảo sát lao động trẻ em quốc gia Việt Nam 2018: Những phát hiện chính'. Trang 36 (Ct. 358).

³³⁹ Bộ luật Lao động 2019. Điều 147 (Ct. 168).

³⁴⁰ ILO và Bộ LĐ-TB&XH Việt Nam, 'Khảo sát lao động trẻ em quốc gia Việt Nam 2018: Những phát hiện chính', Geneva: Tổ chức Lao động quốc tế, 2020, tr. 37. Bộ luật Lao động 2019. Điều 147 (Ct. 168).

³⁴¹ Nt. Trang 41.

³⁴² Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)'. Trang 42 (Ct.166).

³⁴³ VCCI-UNICEF, 'Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam', (2021). Trang vi, vii.

Lực lượng thanh tra lao động và thanh tra BHXH là hai lực lượng chủ chốt trong việc bảo đảm thực thi các quy định pháp luật về lao động và an sinh xã hội. Bên cạnh đó, lực lượng công an sẽ đóng vai trò điều tra và đề nghị truy tố khi có các hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Hoạt động thanh tra lao động để bảo đảm tính nghiêm minh của việc thực thi pháp luật lao động chưa đáp ứng được yêu cầu với nhiều nguyên nhân. Số lượng thanh tra chuyên ngành lao động và BHXH còn hạn chế (150 thanh tra lao động và 685 thanh tra về đóng BHXH, BHYT và BHTN) so với số lượng doanh nghiệp (trên 800.000 doanh nghiệp)³⁴⁴. Tính cưỡng chế của các quyết định thanh tra còn thấp, như tỷ lệ thu hồi nợ BHXH, BHYT và BHTN chỉ đạt 58,6% trong 4 năm thực hiện Luật BHXH (2016-2019), mặc dù hoạt động thanh tra đã góp phần cải thiện ý thức thực thi pháp luật về lao động và BHXH³⁴⁵. Ngoài ra, thanh tra BHXH hiện nay chỉ có thẩm quyền thanh tra về việc đóng BHXH mà không có thẩm quyền thanh tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện chính sách pháp luật về BHXH, BHYT đối với doanh nghiệp và các cơ sở khám chữa bệnh theo BHYT³⁴⁶.

NLĐ có thể lựa chọn giải quyết vấn đề lao động, an toàn, vệ sinh lao động thông qua phương thức khiếu nại vi phạm lao động tại nơi làm việc. Nếu NLĐ không thỏa mãn với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu tại nơi làm việc, NLĐ có quyền đề nghị Chánh thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính giải quyết³⁴⁷. Tuy nhiên, không có báo cáo cụ thể về hiệu quả của công tác giải quyết khiếu nại lao động của thanh tra lao động.

b. Cơ chế giải quyết tranh chấp lao động tại Tòa án

Trong năm 2019, các vụ án lao động mà hệ thống Tòa án giải quyết chủ yếu là tranh chấp về xử lý kỷ luật, sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (947 vụ); tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương (1.232 vụ); tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (560 vụ)³⁴⁸. Đây là các tranh chấp lao động cá nhân mà không có vụ án tranh chấp lao động tập thể và đình công. Thực trạng này cần phải có biện pháp giải quyết khi mà NLĐ vẫn sử dụng biện pháp đình công là một phương thức để giải quyết tranh chấp lao động của mình.

Số lượng tranh chấp lao động được giải quyết qua hệ thống Tòa án được đánh giá là ít hơn so với các tranh chấp lao động trên thực tế và thấp hơn số vụ tranh chấp lao động được giải quyết thông qua việc xử lý khiếu nại của Thanh tra lao động hoặc thông qua hoà giải lao động như phân tích ở Phần này. Có một số lý do mà NLĐ chưa nhờ cậy tới Tòa án là do các thủ tục tố tụng còn tương đối phức tạp, như yêu cầu đương sự có trách nhiệm thu thập chứng cứ, thời gian giải

³⁴⁴ Bạch Đăng, 'Chiến dịch thanh tra lao động năm 2019: Công bố doanh nghiệp sai phạm với truyền thông', Người Lao động, (2019). Thông tin có tại: <https://nld.com.vn/cong-doan/chiem-dich-thanh-tra-lao-dong-nam-2019-cong-bo-doanh-nghiep-sai-pham-voi-truyen-thong-20190328204404643.htm>. Truy cập ngày 20/03/2022.

³⁴⁵ 'Hoàn thiện chức năng thanh tra chuyên ngành của BHXH Việt Nam', Tạp chí Bảo hiểm xã hội, (2022). Thông tin có tại: <http://tapchibaohiemxahoi.gov.vn/mobile/hoan-thien-chuc-nang-thanh-tra-chuyen-nganh-cua-bhxh-viet-nam-69225.html>. Truy cập ngày 20/03/2022.

³⁴⁶ Bộ LĐ-TB&XH, 'Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (Giai đoạn 2016 - 2020)'. Trang 28 (Ct. 257). 'Hoàn thiện chức năng thanh tra chuyên ngành của BHXH Việt Nam' (Ct. 368).

³⁴⁷ Lưu An, 'Tháo gỡ vướng mắc trong thanh tra chuyên ngành của bảo hiểm xã hội', (2019). Thông tin có tại: <https://tapchitaichinh.vn/bao-hiem/thao-go-vuong-mac-trong-thanh-tra-chuyen-nganh-cua-bao-hiem-xa-hoi-315317.html>. Truy cập ngày 08/03/2022.

³⁴⁸ Bộ luật Lao động 2019. Điều 214 (Ct. 168).

Nghị định 110/2017/NĐ-CP ngày 04/10/2017 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Lao Động - Thương Binh và Xã Hội.

Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lao động, giáo dục nghề nghiệp, hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động. Điều 15.

³⁴⁹ Tòa án nhân dân tối cao, 'Dự thảo Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và nhiệm kỳ 2016 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2021 của các tòa án'. Thông tin có tại: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND155594>. Truy cập ngày 30/03/2022. Chú thích số 12.

quyết vụ án lâu (khoảng 1-2 năm), khả năng thi hành án nghiêm minh chưa cao, chi phí kiện tụng lớn, khó khăn có được sự hỗ trợ của cơ quan trợ giúp pháp lý³⁴⁹, thủ tục tố tụng với sự tham gia của công đoàn đối với hành vi vi phạm pháp luật về BHXH gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của NLD, tập thể NLD, trong đó có vấn đề nợ BHXH chưa được rõ ràng³⁵⁰.

c. Cơ chế giải quyết tranh chấp lao động của trọng tài lao động và hoà giải lao động

Theo Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012, mặc dù Hội đồng trọng tài lao động đã được thành lập ở 60 tỉnh, thành phố nhưng chưa hề có một vụ việc nào mà các bên tranh chấp đề nghị Hội đồng trọng tài lao động giải quyết³⁵¹.

Hiện nay số lượng hòa giải viên lao động được công nhận khoảng trên 1.000 người trên 63 tỉnh thành³⁵². Số lượng hòa giải viên lao động được đánh giá là quá ít để giải quyết các tranh chấp lao động, như tại Bình Dương và Tp. Hồ Chí Minh chỉ có 1 hòa giải viên lao động/1000 doanh nghiệp³⁵³. Theo số liệu trong 5 năm (2008-2013), 108 hòa giải viên lao động tại Tp. Hồ Chí Minh đã giải quyết 6.248 tranh chấp bao gồm 5.715 tranh chấp lao động cá nhân và 569 cuộc đình công tự phát. Tỷ lệ hòa giải thành cao, như tại Tp. Hồ Chí Minh là 70,5% với các tranh chấp lao động cá nhân và 93,1% với các cuộc đình công tự phát³⁵⁴. Tuy vậy, theo đánh giá của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội, số lượng vụ việc tranh chấp được hòa giải viên lao động giải quyết vẫn còn thấp³⁵⁵. Ngân sách dành cho hòa giải viên lao động vẫn còn hạn chế nên khó trong việc bổ nhiệm hoà giải viên có năng lực và hầu hết các hòa giải viên lao động hiện nay đang làm việc kiêm nhiệm và không phải là hòa giải viên lao động chuyên nghiệp³⁵⁶.

d. Cơ chế giải quyết tranh chấp lao động do doanh nghiệp tự xây dựng

Cơ chế giải quyết vướng mắc, tranh chấp lao động trong nội bộ doanh nghiệp thông qua các trường nhóm sản xuất được NLD đánh giá là tin cậy và hiệu quả, so với các hình thức đường dây nóng, hộp thư góp ý hoặc cán bộ công đoàn³⁵⁷. Như đã nêu, NLD có thể lựa chọn giải quyết vấn đề lao động, an toàn, vệ sinh lao động thông qua phương thức khiếu nại vi phạm lao động tại nơi làm việc trước theo quy định của pháp luật. Nếu NLD không thỏa mãn với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của doanh nghiệp, NLD có quyền đề nghị Chánh thanh tra Sở Lao động -Thương binh và Xã hội nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính giải quyết³⁵⁸.

2.2. Đề xuất giải pháp

Tiếp theo các khuyến nghị được đề ra tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ, các khuyến nghị dưới đây sẽ bổ sung vào các khuyến nghị đã có như sau:

³⁴⁹ Đỗ Quỳnh Chi, 'Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản'. Trang 65 (Ct. 209).

³⁵⁰ Bộ LĐ-TB&XH, 'Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (Giai đoạn 2016 – 2020)'. Trang 22 (Ct. 257).

³⁵¹ Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)'. Trang 47 (Ct.166).

³⁵² Nt. Trang 46.

³⁵³ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, 'Báo cáo quan hệ lao động 2019'. Trang 22 (Ct. 171).

³⁵⁴ Đỗ Quỳnh Chi, 'Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản'. Trang 66 (Ct. 209).

³⁵⁵ Bộ LĐ-TB&XH, 'Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)'. Trang 47 (Ct.166).

³⁵⁶ Đỗ Quỳnh Chi, 'Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản'. Trang 66 (Ct. 209).

³⁵⁷ Nt. Trang 46.

³⁵⁸ Bộ luật Lao động 2019. Điều 214 (Ct. 168).

Nghị định 110/2017/NĐ-CP (Ct. 371).

Nghị định 24/2018/NĐ-CP. Điều 15 (Ct. 371).

2.2.1 Đối với Nhà nước – Nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

- Xây dựng và ban hành một Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm về lao động. Chương trình cần có một thời hạn và các kế hoạch cụ thể.
- Cần rà soát và sửa đổi luật, quy định và chính sách khác nhau liên quan đến việc thúc đẩy và bảo vệ quyền lao động, phúc lợi, tuyển dụng, sử dụng, quản lý lao động nhập cư và an sinh xã hội để giảm khoảng cách trong thực tế và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như Bộ luật Lao động 2019, Luật Bảo hiểm xã hội 2014, Luật An toàn vệ sinh lao động 2015, Luật Bình đẳng giới ...
- Thúc đẩy các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp được niêm yết thuộc VN100 của Sở Giao dịch chứng khoán HOSE và các doanh nghiệp đại chúng khác, các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động (như các doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may, da giày, chế biến gỗ, thủy sản...) xây dựng, ban hành và công khai các chính sách, quy định, chương trình thực hành kinh doanh có trách nhiệm về lao động.
- Thúc đẩy công tác xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức của NLĐ tại doanh nghiệp theo quy định tại BLLĐ 2019 và Công ước của ILO số 87 về Quyền tự do hiệp hội và bảo vệ quyền tổ chức.
- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 02/NQ-TW của Bộ Chính trị về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới. Đặc biệt, nâng cao vai trò của Công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng, phát huy quyền làm chủ của công nhân, NLĐ ở cả khu vực lao động chính thức và lao động phi chính thức.
- Khuyến khích công đoàn cấp trên hỗ trợ công đoàn cơ sở trong việc thúc đẩy việc thương lượng ở nhóm doanh nghiệp dẫn đầu để đem lại lợi ích cho NLĐ ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ³⁵⁹.
- Nghiên cứu thực trạng cơ cấu tiền lương và xây dựng cơ chế, biện pháp, chính sách điều chỉnh tiền lương công bằng, phù hợp với mức sống.
- Có biện pháp can thiệp nhằm khuyến khích doanh nghiệp cho phép lao động nữ có con nhỏ được áp dụng các phương án làm việc linh hoạt; khuyến khích phân chia việc chăm sóc gia đình và gánh nặng công việc công bằng hơn - ví dụ như các sáng kiến về pháp lý hoặc của khu vực tư nhân cho phép nam giới và nữ giới có thời gian nghỉ chăm sóc con cái như nhau, cũng như các chương trình nhằm thay đổi thái độ của nam giới đối với việc làm việc nhà³⁶⁰.
- Nghiên cứu đơn giản hoá việc tổ chức và quản lý các doanh nghiệp cho thuê lại lao động để doanh nghiệp này cung ứng được lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Những người nông dân, ngư dân và người làm rừng có thể tham gia vào các doanh nghiệp để có thể được bảo đảm các quyền lợi về an sinh xã hội, như tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế và cơ quan BHXH trong giám sát công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.

³⁵⁹ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, 'Báo cáo quan hệ lao động 2019'. Trang 36 (Ct. 171).

³⁶⁰ Iffat Chowdhury, Hillary Johnson, Aneesh Mannava và Elizaveta Perova, 'Khoảng cách giới về thu nhập ở Việt Nam: tại sao phụ nữ Việt Nam làm việc trong những ngành nghề có thu nhập thấp hơn', Báo cáo Tóm tắt Chính sách số 2, Ngân 76ang Thế giới, (03/2018). Thông tin có tại: <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/31485/124438VIET.pdf?sequence=8>. Truy cập ngày 06/05/2022. Trang 4.

- Thực thi hiệu quả quy định của Nghị định 145/2020/NĐ-CP liên quan đến phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc, đặc biệt cần có các thủ tục giải quyết khiếu nại thân thiện, bảo mật thông tin cho người tố cáo, đặc biệt là nữ giới có liên quan. Nghiên cứu và xây dựng mô hình tố tụng thân thiện đối với NLD bị bạo lực và quấy rối, đặc biệt là đối với lao động nữ.
- Hướng dẫn các hiệp hội doanh nghiệp xây dựng các quy chế nội bộ mẫu để hạn chế các hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc phù hợp với các điều kiện thực tiễn của công việc, ngành hàng sản xuất, dịch vụ theo đúng quy định của Nghị định 145/2020/NĐ-CP.
- Nghiên cứu các tiêu chuẩn quốc tế về điều kiện làm việc thích hợp, bao gồm an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, tạo cơ sở để đưa ra quy định hoặc quy tắc phù hợp hướng dẫn cho hoạt động cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu để họ có thể giảm được các rủi ro trong kinh doanh từ việc tuân thủ.
- Ban hành văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể về việc thành lập bộ phận chăm sóc y tế tại các khu công nghiệp; các công trình y tế tại các khu công nghiệp dựa vào quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn về y tế của nhà nước với doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và hình thành nhiều trung tâm y tế trong khu công nghiệp...
- Nhà nước cần tăng cường công tác tuyên truyền về vai trò của công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Đồng thời, cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến về BLLĐ 2019, Luật An toàn vệ sinh lao động.
- Cần nghiên cứu, ban hành những quy định về xây dựng những hệ thống an toàn và sức khỏe nghề nghiệp có sức chống chịu tốt nhằm ứng phó với những tình huống khẩn cấp trong tương lai theo kêu gọi của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO).
- Cần củng cố cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan BHXH trong giám sát đối tượng tham gia BHXH bắt buộc tại các đơn vị sử dụng lao động như cho phép chia sẻ số liệu về quyết toán thuế của các đơn vị sử dụng lao động để đảm bảo không có sự chênh lệch giữa số lượng lao động mà các đơn vị sử dụng lao động đóng BHXH cho NLD và số lượng NLD thực hiện quyết toán thuế để tăng chi phí của doanh nghiệp.
- Tăng chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi chậm đóng, không đóng, trốn đóng BHXH của doanh nghiệp. Kện toàn công tác thanh tra BHXH và thanh tra lao động.
- Thúc đẩy việc làm cho người khuyết tật tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước bằng các biện pháp hỗ trợ người khuyết tật có thể tìm được việc làm tại khu vực này.
- Tăng cường xây dựng các cơ sở giữ trẻ ban ngày ở những khu vực tập trung nhiều công nhân, bao gồm cả việc cấp đất và các chương trình tín dụng cho các nhà cung cấp các dịch vụ này. Nhà ở, giao thông công cộng phục vụ KCN cũng đang tụt hậu so với nhu cầu, gây khó khăn cho NLD, nhất là lao động nhập cư. Cần phải tái cơ cấu các khu dân cư công nghiệp để cải thiện điều kiện sống của cả NLD nhập cư và người dân địa phương, bao gồm cả trẻ em và người chăm sóc.³⁶¹
- Cần ban hành quy định hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Điều 162 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi năm 2017 đối với “Tội buộc công chức, viên chức thôi việc hoặc sa thải NLD trái pháp luật”. Ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng Điều 216 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để việc truy tố các doanh nghiệp nợ tiền bảo hiểm trở nên dễ dàng hơn.

³⁶¹ UNICEF, ‘Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam’. Trang 75 (Ct. 237).

- Tập huấn cho người đi làm việc ở nước ngoài về kiến thức về quyền, lợi ích theo luật pháp và các cơ chế bảo vệ quyền lao động tại quốc gia nơi NLD sẽ đến làm việc.
- Ban hành Nghị định hướng dẫn riêng cho quan hệ giữa công ty nền tảng và tài xế công nghệ. Có thể tham khảo pháp luật một số quốc gia như Canada, Anh, Đài Loan để lựa chọn những quy định của pháp luật lao động áp dụng cho đối tượng này, như lương tối thiểu; một số loại nghỉ phép có lương; bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm y tế; bảo hiểm ốm đau, thai sản và bảo hiểm thất nghiệp³⁶².
- Đảm bảo thực thi có hiệu quả Chương trình quốc gia về phòng ngừa và giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2.2.2 Đối với doanh nghiệp – Trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

- Cần xây dựng cơ chế giải quyết khiếu nại nội bộ về các vấn đề lao động sao cho hiệu quả, phù hợp với mô hình quản trị kinh doanh của doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật. Cơ chế giải quyết khiếu nại cần được quy định lồng ghép trong các quy chế quản lý nội bộ của doanh nghiệp, như điều lệ, nội quy lao động, quy chế quản trị, sổ tay nhân viên,...
- Tạo điều kiện và hỗ trợ để NLD thành lập được tổ chức đại diện NLD tại cơ sở (công đoàn hoặc tổ chức đại diện của NLD) tại doanh nghiệp và hỗ trợ cho hoạt động của tổ chức này. Đưa tiêu chí hỗ trợ thành lập và vận hành tổ chức đại diện NLD tại cơ sở vào trong các quy định của điều lệ, quy chế nội bộ của doanh nghiệp;
- Thúc đẩy việc xây dựng và ký kết thoả ước lao động tập thể trong các doanh nghiệp, thường xuyên cập nhật và tiến hành đối thoại tại nơi làm việc và quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định tại Nghị định 145/2020/NĐ-CP, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp được niêm yết thuộc VN100 của Sở Giao dịch chứng khoán HOSE và các doanh nghiệp đại chúng khác, các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động (như các doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may, da giày, chế biến gỗ, thủy sản...). Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng các cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của NLD trong quan hệ lao động.
- Khuyến khích các doanh nghiệp thúc đẩy áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh nhằm thực hành kinh doanh có trách nhiệm, như xu hướng áp dụng Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp (CSR), “Môi trường, Xã Hội và Quản trị” (ESG). Các bộ tiêu chuẩn có thể áp dụng tùy theo lĩnh vực, quy mô của doanh nghiệp có thể là ISO 45001-2008, SA 8000, BSCI, SMETA, EICC-RBA... Trong thời gian đầu, các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp được niêm yết thuộc VN100 của Sở Giao dịch chứng khoán HOSE và các doanh nghiệp đại chúng khác, các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động (như các doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may, da giày, chế biến gỗ, thủy sản...), các doanh nghiệp thường xuyên xuất khẩu hàng hoá.
- Thúc đẩy doanh nghiệp ban hành các quy định nội bộ về sử dụng lao động bảo đảm các quyền của NLD tại doanh nghiệp, như nội quy lao động, thoả ước lao động tập thể, quy tắc đạo đức và ứng xử, quy tắc chống quấy rối tại nơi làm việc, quy tắc không sử dụng lao động trẻ em... Các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và các doanh nghiệp cần thúc đẩy các mô hình hợp tác, liên kết kinh doanh giữa các doanh nghiệp có dựa trên việc áp dụng các quy định nội bộ của nhau về bảo đảm quyền của NLD trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích các cơ chế kiểm tra, đánh giá, giám sát và kiểm toán xã hội giữa các

³⁶² Đỗ Hải Hà – Đinh Thị Chiến, ‘Điều chỉnh pháp luật đối với các dạng thức việc làm mới trong kinh tế GIG: Trường hợp của nghề xe ôm công nghệ’. Trang 11 (Ct. 293).

doanh nghiệp về ý thức tuân thủ các quy định nội bộ, các tiêu chuẩn quốc tế về kinh doanh có trách nhiệm.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tổ chức bộ phận vệ sinh an toàn lao động tại doanh nghiệp để hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện vệ sinh an toàn lao động tại cơ sở và cần lập hồ sơ vệ sinh lao động của NLD để có giải pháp ngăn chặn, tránh ảnh hưởng tới sức khỏe NLD.
- Thúc đẩy, yêu cầu các doanh nghiệp phải thực hiện các chương trình tập huấn nội bộ cho NLD về quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh lao động.
- Khuyến khích các tổ chức tín dụng, ngân hàng cung cấp các khoản tín dụng ưu đãi cho các doanh nghiệp có thành tích, ưu điểm đối với việc bảo đảm tốt quyền lợi của NLD, bên cạnh các tín dụng ưu đãi cho tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững, đổi mới sáng tạo.

2.2.3. Đối với Nhà nước và doanh nghiệp – Cung cấp các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa, giảm thiểu, và đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động của doanh nghiệp

a. Các biện pháp tư pháp

- Nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp lao động trong hệ thống toà án, thông qua việc thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn cho các thẩm phán, thư ký toà án, hoà giải viên hoạt động tại toà án về các nội dung của tranh chấp lao động tập thể và cá nhân.
- Nghiên cứu và xây dựng mô hình tố tụng thân thiện đối với NLD bị bạo lực và quấy rối, đặc biệt là đối với lao động nữ.
- Nâng cao năng lực tư vấn pháp luật về lao động cho đội ngũ luật sư, trợ giúp pháp lý và tư vấn viên tại các trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức xã hội, đặc biệt là các trung tâm tư vấn pháp luật của hệ thống Công đoàn trên toàn quốc.

b. Các biện pháp phi tư pháp

- Tăng cường công tác đối thoại giữa NSDLD với NLD về các vấn đề liên quan đến quan hệ lao động, tiền lương/tiền công, an toàn và vệ sinh lao động, sức khỏe trong lao động... Cần xây dựng các tài liệu hướng dẫn và tổ chức tập huấn về kỹ năng đối thoại trong quan hệ lao động.
- Thúc đẩy hoà giải lao động theo hướng chuyên nghiệp, trong đó: (i) Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí để lựa chọn, bổ nhiệm hoà giải viên lao động theo hướng xây dựng đội ngũ hoà giải viên lao động chuyên nghiệp, có năng lực; (ii) Xây dựng các tài liệu hướng dẫn và tổ chức tập huấn về kỹ năng đối thoại về hoà giải lao động; và (iii) Tiến tới xây dựng các tổ chức hoà giải lao động chuyên nghiệp, tạo điều kiện để các tổ chức hoà giải khác có thể tham gia vào hoạt động hoà giải lao động.
- Hoàn thiện các quy định pháp luật về cơ chế hoạt động của trọng tài lao động để thể chế này hoạt động hiệu quả và độc lập hơn. Đồng thời, cần có các hoạt động nâng cao năng lực của các tổ chức trọng tài lao động và các trọng tài viên lao động trong việc giải tranh chấp lao động, đặc biệt là các nội dung liên quan đến bảo vệ quyền của NLD trong quan hệ lao động.
- Phát huy hơn nữa vai trò của thanh tra lao động ở các địa phương để nâng cao tính tuân thủ pháp luật lao động của các doanh nghiệp và nâng cao khả năng giải quyết khiếu nại, tố cáo của NLD.

- Nghiên cứu để xây dựng các cơ chế khắc phục từ doanh nghiệp, như cơ chế tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại từ NLD của nhà cung cấp về những vấn đề liên quan đến quan hệ lao động, điều kiện lao động.
- Tạo điều kiện để tăng cường vai trò của tổ chức đại diện NLD tại cơ sở trong công tác thương lượng tập thể để đảm bảo các quyền lợi của NLD tại nơi làm việc.

c. Cơ chế phối hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp để khắc phục

- Thúc đẩy xây dựng và áp dụng các bộ quy tắc về bảo vệ quyền lợi NLD tại doanh nghiệp, như Bộ Quy tắc ứng xử về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc do Bộ LĐTBXH, TLĐLĐVN và VCCI cùng biên soạn.
- Cam kết của doanh nghiệp đối với Nhà nước khi thực hiện đấu thầu, tiếp nhận dự án đầu tư về bảo đảm điều kiện làm việc, chất lượng công việc và việc làm cho người dân địa phương.

CHƯƠNG III. BẢO VỆ QUYỀN CỦA NHÓM DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

Trong việc bảo đảm cơ chế thực hành kinh doanh có trách nhiệm nói chung, cần phải nỗ lực rất nhiều nhằm đảm bảo quyền của các đối tượng thuộc nhóm dễ bị tổn thương. Bởi lẽ, đây là các đối tượng đối mặt với nguy cơ cao bị lề hóa, dễ bị tổn thương trong xã hội. Nhằm bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương khỏi các nguy cơ tiềm tàng trước các vi phạm, hoạt động của doanh nghiệp, việc áp dụng các nguyên tắc kinh doanh có trách nhiệm và xây dựng kế hoạch hành động phù hợp dựa trên cơ sở cốt lõi là bình đẳng và không phân biệt đối xử³⁶³. Việc đảm bảo nguyên tắc cốt lõi này yêu cầu sự quan tâm đặc biệt của quốc gia đối với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong quá trình đưa ra các biện pháp chống lại các hành vi lạm dụng trong lãnh thổ của mình³⁶⁴. Trong mối quan hệ Nhà nước và doanh nghiệp, bên cạnh việc cung cấp các hướng dẫn hiệu quả cho các doanh nghiệp về thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm³⁶⁵, Nhà nước cần cân nhắc hỗ trợ các tiêu chuẩn, sáng kiến nhằm đẩy mạnh trách nhiệm của công ty trong việc tôn trọng quyền của các nhóm có nguy cơ bị tổn thương và lề hóa³⁶⁶. Về các biện pháp khắc phục, quốc gia cần đưa ra cơ chế khiếu nại phi tư pháp phù hợp và hiệu quả nhằm khắc phục các hành vi lạm dụng³⁶⁷, mất cân bằng giữa các bên trong khiếu nại về quyền liên quan đến kinh doanh và các rào cản mà các đối tượng thuộc nhóm dễ bị tổn thương gặp phải³⁶⁸.

3.1 Các vấn đề bất cập hiện nay

3.1.1 Dân tộc thiểu số

Bên cạnh dân tộc Kinh chiếm đa số, Việt Nam có 53 dân tộc thiểu số, chiếm 14,7% tổng dân số. Hiến pháp ghi nhận các dân tộc bình đẳng và nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ, có chính sách phát triển toàn diện, tạo điều kiện để các dân tộc phát triển³⁶⁹.

Theo đánh giá tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ, Việt Nam đã phê chuẩn một số công ước quan trọng về bảo đảm quyền con người như Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR), Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR), Công ước về Quyền trẻ em (CRC) và Công ước quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD)³⁷⁰. Một số khuyến nghị của Liên Hợp Quốc dành cho Việt Nam để nâng cao việc bảo đảm các quyền của người dân tộc thiểu số gồm: Khoảng cách kinh tế xã hội, phân biệt đối xử về giáo dục, việc làm và các dịch vụ công, chưa đảm bảo nguyên tắc Đồng thuận dựa trên tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ (FPIC) khi đưa ra quyết định ảnh hưởng tới dân tộc thiểu số, chênh lệch trong cung cấp dịch vụ về sức khỏe, giáo dục và bảo trợ xã hội, thiếu cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả³⁷¹.

Năm 2019, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 88/2019/QH14 Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, theo đó Đề án đặt ra các nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể như đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập...

³⁶³ UNWG, 'Hướng dẫn về Kế hoạch hành động quốc gia về Kinh doanh và quyền con người', (2016). Trang 3.

³⁶⁴ Nt. Trang 19.

³⁶⁵ UNGP, Nguyên tắc 3 (Ct 19).

³⁶⁶ UNWG, 'Hướng dẫn về Kế hoạch hành động quốc gia về Kinh doanh và quyền con người'. Trang 22 (Ct. 396).

³⁶⁷ UNGP, Nguyên tắc 27 (Ct. 19).

³⁶⁸ UNWG, 'Hướng dẫn về Kế hoạch hành động quốc gia về Kinh doanh và quyền con người', Trang 33 (Ct. 396).

³⁶⁹ Bộ Tư pháp – UNDP Việt Nam, Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, 2020, tr. 86.

³⁷⁰ Nt.

³⁷¹ Nt.

Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho người thiếu số là một trong số các nhiệm vụ được đặt ra. Tình trạng thiếu đất cho người thiếu số vẫn còn lớn, như ở 5 tỉnh Tây Nguyên còn khoảng 52.940 hộ thiếu đất sản xuất với diện tích khoảng 24.075 ha. Việc thiếu đất để sản xuất, để ở đã dẫn tới các hệ quả về di cư tự phát, nhà ở tạm bợ, thiếu đất ở, sản xuất, nước sinh hoạt, đất rừng bị lấn chiếm, tranh chấp đất đai gia tăng. Bên cạnh đó, tập quán du canh, du cư của một số dân tộc cũng cần phải có các chính sách của Nhà nước thích hợp để bảo vệ quyền tài sản của người dân, nước sạch sinh hoạt.³⁷²

Luật Đất đai 2013 và Luật Lâm nghiệp 2017 còn có mâu thuẫn về khái niệm “đất rừng” với “đất lâm nghiệp”, “đất tín ngưỡng” với “rừng tín ngưỡng”, cơ chế cho thuê đất và cho thuê rừng, đối tượng giao đất và giao rừng, đối tượng giao đất với đối tượng giao rừng... làm cho các chính sách, cơ chế bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số cũng như đầu tư công, thu hút đầu tư tư nhân của các ngành, các cấp liên quan đến đất ở khu vực đồng bào thiểu số, vùng miền núi có những bất cập³⁷³.

Công tác đánh giá tác động kinh tế xã hội, đánh giá tác động môi trường xã hội tại các khu vực có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống (như ở các khu bảo tồn cảnh quan thiên nhiên), vùng miền núi còn nhiều vấn đề cần khắc phục. Đặc biệt, công tác tham vấn người dân trong việc xây dựng chính sách, pháp luật, quy hoạch và công tác đánh giá tác động cần phải nâng cao. Quy trình tham vấn theo nguyên tắc FPIC đối với người dân tộc thiểu số đã được khuyến nghị áp dụng ở Việt Nam nhưng chưa phổ biến. Thực tế này đã ảnh hưởng tới việc xây dựng chính sách, pháp luật, quy hoạch và các dự án đầu tư có ảnh hưởng tới người dân tộc thiểu số.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số cũng là một vấn đề cần cải thiện để giảm nghèo cho người dân tộc thiểu số³⁷⁴. Công tác đào tạo nghề cho người dân tộc thiểu số chưa được hiệu quả với nhiều nguyên nhân, như một số khoá đào tạo nghề đòi hỏi người học phải có trình độ học vấn nhất định mà người dân tộc thiểu số chưa đạt được³⁷⁵. Vấn đề đòi hỏi phải chuyển trọng tâm đào tạo nghề dài hạn kết hợp với giáo dục cơ bản³⁷⁶.

Các tổ chức bảo vệ quyền lợi người dân tộc thiểu số, tổ chức tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho người dân tộc thiểu số còn ít và chưa hiệu quả.

3.1.2 Trẻ em

Các doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết tới trẻ em và có ảnh hưởng đến nhóm đối tượng này ở nhiều khía cạnh khác nhau. Tác động của các hoạt động kinh doanh tới trẻ em có thể là trực tiếp hay gián tiếp dù có mục đích hay không có mục đích được thể hiện qua nhiều bối cảnh như trẻ em là các cộng tác viên của doanh nghiệp, là thành viên của gia đình công nhân viên, là người dân cộng đồng trong khu vực nơi doanh nghiệp hoạt động, người tiêu dùng³⁷⁷.

³⁷² Quỳnh Anh, 'Bất cập trong chính sách đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam', Tạp chí Bảo vệ Rừng và Môi trường, (2021). Thông tin có tại: <https://baovemoitruong.org.vn/bat-cap-trong-chinh-sach-dat-dai-cho-dong-bao-dan-toc-thieu-so-o-viet-nam/>. Truy cập ngày 20/01/2022.

³⁷³ Nt.

³⁷⁴ Lan Hương và Hoàng Quỳnh, 'Phát triển nguồn nhân lực ở vùng DTTS và miền núi: Nhân tố quyết định trong công tác giảm nghèo, Báo Dân tộc và Phát triển', (2021). Thông tin có tại: <https://baodantoc.vn/phat-trien-nguon-nhan-luc-o-vung-dtts-va-mien-nui-nhan-to-quyet-dinh-trong-cong-tac-giam-ngheo-1638293722158.html>. Truy cập ngày 21/01/2022.

³⁷⁵ Phương Liên, 'Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi', Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021). Thông tin có tại: <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc-vung-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-585171.html>. Truy cập ngày 08/03/2022.

Ủy ban Dân tộc và UNDP Việt Nam, 'Thực trạng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số và khuyến nghị các giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi', (2010). Trang 55-60.

³⁷⁶ Ủy ban Dân tộc – UNDP Việt Nam, 'Thực trạng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số và khuyến nghị các giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi'. Trang 48-54 (Ct. 408).

³⁷⁷ UNICEF, 'Children are everyone's business: workbook 2.0', (2014). Trang 4.

Ngoài vấn đề lao động trẻ em đã được phân tích tại Chương II. Lao động và những phân tích về bảo vệ quyền trẻ em tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ, một số vấn đề khác về thực hành kinh doanh có trách nhiệm liên quan đến trẻ em đang có các bất cập nổi cộm như sau:

a. Chính sách trẻ em thân thiện với gia đình

Theo một khảo sát của VCCI và UNICEF (2021), phụ nữ chiếm 42% lao động trong ngành du lịch và khách sạn ở Việt Nam và chủ yếu là NLD di cư. Như đã phân tích ở trên, những lao động này không được bảo vệ bởi chế độ BHXH bắt buộc cho chế độ thai sản và sức khỏe³⁷⁸.

Chính sách khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng các phòng vắt, trữ sữa mẹ phù hợp với điều kiện thực tế tại nơi làm việc, nhu cầu của lao động nữ và khả năng của NSDLĐ đã có từ năm 2012 và được quy phạm hoá từ năm 2015. Tuy nhiên, thực tế cho đến năm 2021 chỉ có 70 doanh nghiệp có phòng vắt, trữ sữa mẹ. Nhiều doanh nghiệp không biết đến quy định này hoặc có biết nhưng cũng không muốn làm theo quy định. Trong khi đó, NLD nữ có nhu cầu biết đến các quyền lợi và thông tin về nuôi con bằng sữa mẹ, cũng như là mong muốn được doanh nghiệp hỗ trợ cho việc nuôi con bằng sữa mẹ, như thời gian làm việc linh hoạt, nghỉ có trả lương, có phòng vắt, trữ sữa mẹ...³⁷⁹

Nhà giữ trẻ đóng vai trò thiết yếu đối với cả con trẻ và những NLD. Nhà giữ trẻ có chất lượng tốt đảm bảo con cái của các lao động nữ được lớn lên trong môi trường an toàn, lành mạnh và được nuôi dưỡng đầy đủ. Nhà giữ trẻ cũng có ý nghĩa nhằm đảm bảo các bà mẹ có thể tiếp tục công việc sau khi nghỉ thai sản, giúp họ an tâm làm việc khi con của mình được bảo vệ và tiếp cận giáo dục³⁸⁰. Tuy nhiên, nhu cầu trông giữ trẻ và giáo dục cho trẻ em với chi phí thấp cho NLD di cư trong nước, trong ngành dệt may và da giày là rất lớn. Vấn đề lớn là các lao động di cư trong nước khó tiếp cận nhà trẻ, trường học công ở địa phương nơi làm việc³⁸¹. Một trong những nguyên nhân dẫn đến việc khó tiếp cận các cơ sở trông giữ trẻ đối với NLD di cư là việc thiếu các cơ sở trông giữ trẻ do Việt Nam đang mở rộng các nhà máy và KCN mới ra vùng nông thôn, trong khi đó các cơ sở trông giữ trẻ không phát triển kịp tốc độ di cư của NLD và gia đình khi họ được doanh nghiệp tuyển dụng³⁸².

Mặc dù các địa phương có chính sách thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp có nhiều lao động, nhưng lại thiếu các chính sách về bảo đảm an sinh xã hội cho lao động nhập cư và con cái của họ. Thực tiễn này dẫn đến quyền trẻ em không được bảo đảm, như trẻ em bị bỏ rơi hoặc lạm dụng khi bố mẹ đi làm, trẻ em bị bóc lột và trở thành lao động trẻ em³⁸³. Phần lớn lực lượng lao động trong lĩnh vực May mặc và Giày dép là lao động di cư³⁸⁴ và phải đối mặt với những rào cản như đăng ký cư trú hay điều kiện việc làm bó buộc (mức lương, thời gian làm việc...) cũng là nguyên nhân khiến trẻ em bị bỏ lại³⁸⁵. Nhiều doanh nghiệp sử dụng NLD di cư nhưng không có các chính sách về hỗ trợ nơi ở cho NLD dẫn đến những ảnh hưởng về sức khỏe của NLD và gia đình của họ, nguy cơ không bảo đảm các quyền của trẻ em³⁸⁶. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến việc trẻ em bị bỏ lại. Điều kiện sống không phù hợp của các lao động di cư nói chung tại các nhà máy, KCN, khu chế xuất ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sự phát triển của con

³⁷⁸ VCCI-UNICEF, 'Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam'. Trang 17 (Ct. 367).

³⁷⁹ Nt. Trang 17, 32.

³⁸⁰ UNICEF, 'Tác động của ngành May mặc và Giày dép đến trẻ em Việt Nam'. Trang 2 (Ct. 242).

³⁸¹ VCCI-UNICEF, 'Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam'. Trang 17 (Ct. 367).

³⁸² UNICEF, 'Tác động của ngành May mặc và Giày dép đến trẻ em Việt Nam'. Trang 2 (Ct. 242).

³⁸³ VCCI-UNICEF, Trang 18, 33 (Ct. 367).

³⁸⁴ UNICEF, 'Tác động của ngành May mặc và Giày dép đến trẻ em Việt Nam'. Trang 2 (Ct. 242).

³⁸⁵ Nt. Trang 5.

³⁸⁶ VCCI-UNICEF, 'Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam'. Trang 18, 34 (Ct. 367).

Báo Nhân dân, 'Việc làm cho nữ giới: Chưa hết những rào cản', (2018). Thông tin có tại: <https://nhandan.vn/tin-tuc-xa-hoi/viec-lam-cho-nu-gioi-chua-het-nhung-rao-can-315168/>. Truy cập ngày 22/02/2022.

trẻ³⁸⁷. Thiếu nhà ở, khu vực cư ngụ thân thiện dành cho con trẻ cũng là lý do mà công nhân phải gửi con ở quê sống cùng người thân³⁸⁸. Hệ thống hộ khẩu, dù được nói lỏng trong các năm gần đây nhưng vẫn tạo ra các rào cản cho công nhân khi muốn cho con nhập học vào các trường công lập. Thời gian làm việc dài, nơi ở chật chội, không tìm được nhà trẻ có chất lượng tại nơi cư ngụ là lý do khiến họ quyết định gửi con ở lại quê³⁸⁹, từ đó dẫn đến việc trẻ em bị bỏ lại phía sau và có xu hướng bị tác động bởi những tiêu cực về tâm lý, tình cảm, dễ giảm sút năng lực học tập, phân biệt đối xử, xao nhãng, xâm hại và bóc lột³⁹⁰.

b. Truyền thông, quảng cáo và tiếp thị đối với trẻ em

Truyền thông, quảng cáo và tiếp thị cho trẻ em là một lĩnh vực kinh doanh đang phát triển mạnh tại nhiều nơi trên thế giới, thu hút sự chú ý của các bậc cha mẹ, cơ quan quản lý. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này thường tận dụng sức ảnh hưởng của trẻ em tới xu hướng tiêu dùng của cha mẹ (yếu tố mè nheo³⁹¹). Trẻ em thiếu nhận thức phản biện để đánh giá các thông điệp quảng cáo và thường có xu hướng chấp nhận những thông tin quảng cáo là trung thực và chính xác³⁹².

Xu hướng trẻ em tiếp cận các thông tin trên internet ngày càng gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh trẻ em phải học trực tuyến trong một khoảng thời gian dài theo yêu cầu của công tác phòng chống đại dịch Covid-19. Nguy cơ trẻ em có thể bị lạm dụng và bóc lột trực tuyến, đặc biệt tại các gia đình bố mẹ không thể làm việc tại nhà để giám sát việc truy cập internet của trẻ em. Theo một số nghiên cứu, trẻ em Việt Nam tiếp cận sớm nhiều nền tảng truyền thông xã hội (như YouTube, Facebook, Instagram, Zalo) và các website bán hàng trực tuyến (như Shopee, Lazada...). Trong khi trẻ em dễ bị thuyết phục bởi quảng cáo hơn người lớn. Vấn đề đặt ra các doanh nghiệp cung cấp nền tảng truyền thông xã hội, các sàn giao dịch thương mại điện tử, các doanh nghiệp quảng cáo và các doanh nghiệp bán hàng trực tuyến cần phải có các biện pháp giám sát các quảng cáo có thân thiện với trẻ em hay không³⁹³.

c. Sản phẩm, dịch vụ an toàn cho trẻ em

Khảo sát của VCCI và UNICEF (2021) cho biết nhiều sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ ở Việt Nam, như hàng may mặc, du lịch chưa chú trọng tới sự an toàn và thân thiện với trẻ em, như 46% doanh nghiệp dệt may không giới hạn độ tuổi sử dụng sản phẩm hay in nhãn mác và hướng dẫn sử dụng cung cấp thông tin về sự an toàn của trẻ em³⁹⁴.

Luật Trẻ em 2016 quy định nghiêm cấm các hành vi liên quan đến hoạt động tiêu dùng nhằm bảo vệ trẻ em khỏi các sản phẩm không phù hợp với lứa tuổi như rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích và thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em³⁹⁵. Theo Báo cáo điều tra SDGCW (năm 2020-2021), cứ 10 thanh thiếu niên nam³⁹⁶ thì có gần 2 em đã từng

³⁸⁷ UNICEF, 'Tác động của ngành May mặc và Giày dép đến trẻ em Việt Nam'. Trang 6 (Ct. 242).

³⁸⁸ Nt.

³⁸⁹ Nt. Trang 5, 6.

³⁹⁰ Nt. Trang 5.

³⁹¹ Yếu tố mè nheo (hay "Nag Factor") là xu hướng của trẻ em, những đối tượng tiếp cận nhiều với những thông điệp của các đơn vị tiếp thị, không ngừng yêu cầu mua các mặt hàng được quảng cáo. Theo Holly K. M. Henry & Dina L. G. Borzekowski, 'The Nag Factor', *Journal of Children and Media*, (2011). Trang 298-317.

³⁹² UNICEF, *Children are everyone's business: workbook 2.0*. Trang 36 (Ct. 410).

³⁹³ VCCI-UNICEF, 'Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam'. Trang 20 (Ct. 367).

³⁹⁴ Nt. Trang 19, 35.

³⁹⁵ Luật Trẻ em 2016, luật số 102/2016/QH13. Điều 6 quy định: bán cho trẻ em hoặc cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em là một trong các hành vi bị nghiêm cấm.

³⁹⁶ Theo báo cáo này, số liệu được thu thập từ các thanh thiếu niên từ 15-19 tuổi. Trong khi đó, sử dụng thuốc lá và đồ uống có cồn dưới 18 tuổi là hành vi bị cấm ở Việt Nam.

hút thuốc lá và 1 em đang hút thuốc lá. Đối với hành vi uống đồ có cồn, cứ 4 thanh thiếu niên nam thì có hơn 1 em đã uống đồ uống có cồn trong tháng trước điều tra³⁹⁷. Nội dung liên quan đến các hoạt động tiêu dùng các sản phẩm có hại tới trẻ em này được phân tích thêm tại Chương V. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

3.1.3 Người khuyết tật

Theo Điều tra quốc gia người khuyết tật Việt Nam năm 2016, người khuyết tật (NKT) chiếm hơn 7% dân số 2 tuổi trở lên (khoảng hơn 6,2 triệu người). Tỷ lệ khuyết tật trẻ em từ 2 đến 17 tuổi là 2,83% và người lớn là 8,67%, 13% dân số (gần 12 triệu người) sống chung trong hộ gia đình có NKT³⁹⁸.

Luật Người khuyết tật 2010 (Luật NKT 2010) và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có nhiều quy định bảo vệ quyền của NKT và trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội. Tuy nhiên, việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm với NKT có phát sinh một số bất cập trên thực tế như (i) đào tạo nghề cho lao động NKT; (ii) rào cản trong tiếp cận việc làm của NKT; (iii) ưu đãi cho doanh nghiệp sử dụng lao động NKT; (iv) đảm bảo môi trường làm việc cho NKT; (v) quyền tiếp cận của NKT tới các công trình công cộng, các dự án bất động sản chưa chú trọng và các bất cập khác.

a. Đào tạo nghề cho lao động NKT

Vấn đề đào tạo nghề cho NKT được quy định tại Luật NKT 2010 và Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014. Theo quy định, NKT được miễn phí tư vấn học nghề, lựa chọn và học nghề theo khả năng và năng lực bình đẳng như những người khác. Nhà nước có chính sách hỗ trợ NKT nhằm tạo cơ hội cho họ tìm việc làm và tự tạo việc làm³⁹⁹. NKT được hỗ trợ về mặt tài chính khi tham gia học nghề ở các chương trình đào tạo nhất định. NKT thuộc hộ nghèo, cận nghèo tại các trường trung cấp, cao đẳng và đại học được miễn học phí, cấp học bổng và hỗ trợ chi phí học tập. NKT có thể được ưu tiên trong tuyển sinh và nhập học trong một số trường hợp⁴⁰⁰.

Mặc dù, chính sách pháp luật có tạo điều kiện như trên, nhưng tỷ lệ NKT từ đủ 15 tuổi trở lên được đào tạo tại các trường trung cấp nghề còn thấp so với tỷ lệ này ở người không khuyết tật⁴⁰¹. Một số lý do dẫn tới tình trạng này như: số lượng NKT tiếp cận các thông tin về chính sách đào tạo nghề cho NKT chưa nhiều; ngành nghề đào tạo chưa đa dạng và không phù hợp với nhu cầu của từng dạng tật; không phù hợp với khả năng, nguyện vọng của NKT. Việc tư vấn nghề cho NKT hầu như không có. Trong nhiều trường hợp, việc tự lựa chọn nghề với những dạng tật của bản thân cũng gặp kỳ thị làm NKT không thể phát huy khả năng của mình⁴⁰².

Theo quy định của pháp luật, các cơ sở dạy nghề, tổ chức dạy nghề cho NKT phải đảm bảo điều kiện dạy nghề cho NKT và cấp văn bằng, chứng chỉ, công nhận nghề đào tạo khi NKT học hết chương trình đào tạo và đủ điều kiện theo quy định của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về

³⁹⁷ Tổng cục Thống kê Việt Nam và Văn phòng Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, 'Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021 Thanh thiếu niên', (2021). Trang 2.

³⁹⁸ Tổng cục Thống kê, 'Điều tra Quốc gia người khuyết tật năm 2016', (2018). Thông tin có tại: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/03/trashed-4/>. Truy cập ngày 11/03/2022. Trang 14.

³⁹⁹ Quyết định 899/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020.

⁴⁰⁰ Thông tư liên tịch số 42/2013/TT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC về chính sách giáo dục cho người khuyết tật.

⁴⁰¹ 7% trên tổng số NKT từ đủ 15 tuổi trở lên được đào tạo tại trường trung cấp nghề, tỉ lệ này ở NKKT là 21%.

⁴⁰² UNDP và iSEE, 'Xóa bỏ kỳ thị - Quan điểm và đánh giá của người khuyết tật', Nhà xuất bản Tri Thức, (2017). Thông tin có tại: https://www1.undp.org/content/dam/vietnam/docs/Publications/Xoa%20bo%20ky%20thi_13.4.18.pdf. Truy cập ngày 11/03/2022. Trang 84.

dạy nghề⁴⁰³. Tuy nhiên, quy định về phương thức thực hiện đánh giá kỹ năng nghề quốc gia chưa đảm bảo được khả năng tiếp cận của NKT. Pháp luật quy định, đối với mỗi bậc trình độ kỹ năng của một nghề phải được đánh giá⁴⁰⁴ nhưng cho đến nay, chưa có các văn bản hướng dẫn chi tiết về phương thức kiểm tra, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với nhóm lao động là NKT. Do đó, NKT khi tham gia các kỳ thi chứng chỉ nghề quốc gia không được thuận lợi vì không được đảm bảo các bài thi, hình thức thi phù hợp với dạng khuyết tật.

b. Khó khăn tiếp cận việc làm đối với người lao động là NKT

NKT có nguy cơ cao bị phân biệt đối xử trong bối cảnh làm việc khi mà họ thường bị từ chối tiếp cận các công việc⁴⁰⁵. Ngoài việc NKT gặp phải những khó khăn hiện hữu từ việc tiếp cận thông tin, thiếu đa dạng ngành nghề đào tạo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và chương trình thi kỹ năng nghề chưa đảm bảo tiếp cận cho NKT, NKT còn gặp các rủi ro khi ứng cử vào các vị trí làm việc tại doanh nghiệp. Luật NKT 2010 quy định các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không được từ chối tuyển dụng NKT có đủ tiêu chuẩn tuyển dụng vào làm việc hoặc đặt ra các tiêu chuẩn tuyển dụng trái quy định của pháp luật nhằm hạn chế cơ hội làm việc của NKT. Mặc dù đã có quy định rõ ràng về vấn đề nghiêm cấm từ chối tuyển dụng NKT có đủ tiêu chuẩn và có chế tài xử phạt⁴⁰⁶ nhưng phân biệt đối xử NKT trong việc làm vẫn xảy ra. Nghiên cứu cho thấy kỳ thi dành cho NKT trong lĩnh vực việc làm cao. Trong số những người từng thi tuyển (133 người trên tổng 389 người tham gia khảo sát) có đến xấp xỉ hơn 50% cho rằng các đặc điểm khuyết tật của họ là nguyên nhân họ bị từ chối việc làm⁴⁰⁷.

Theo số liệu được thống kê bởi Tổng cục thống kê, có 03 lý do nổi bật cho lý do tại sao NKT không làm việc hoặc cũng không tìm kiếm việc làm bao gồm: (i) còn nhỏ, đang đi học hoặc già yếu (chiếm xấp xỉ 60% mẫu khảo sát); (ii) do bị khuyết tật (gần 15% mẫu khảo sát); và (iii) không có khả năng làm việc (chiếm gần 20% mẫu khảo sát)⁴⁰⁸. Trong đó, có khoảng hơn 10% NKT từ 15 đến 59 tuổi đã tốt nghiệp tiểu học trở lên cho rằng “khuyết tật” là lý do khiến họ không tìm việc làm. Như vậy, ảnh hưởng của khuyết tật đến việc tiếp cận việc làm là rõ ràng. Tuy nhiên, lý do “khuyết tật” ở đây cần được làm rõ hơn. Việc “khuyết tật” có thể đến từ nhiều khía cạnh: bởi phân biệt đối xử, bởi công trình giao thông, công trình xây dựng không hỗ trợ, nơi làm việc không có lối đi riêng và các rào cản khác. Để NKT tiếp cận việc làm yêu cầu sự đảm bảo về mặt tiếp cận của NKT ở nhiều khía cạnh.

c. Ưu đãi cho doanh nghiệp sử dụng lao động là NKT

Các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động là NKT này sẽ được hưởng chế độ ưu đãi nhằm khuyến khích NKT làm việc. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều NKT là NKT với tỷ lệ là 30% tổng số lao động trở lên là NKT được hỗ trợ về cải thiện điều kiện lao động, hỗ trợ vay vốn...⁴⁰⁹ Đối với chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp khuyến khích, ngoài việc sử dụng lao động là NKT đạt tỷ lệ 30% số NKT trong doanh nghiệp, phải có số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên⁴¹⁰. Con số 30% NKT là NKT khó đáp ứng trên thực tế đối với cả doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ. Tại các doanh nghiệp lớn, đáp ứng con số 30% NKT

⁴⁰³ Luật Người khuyết tật 2010. Điều 32.

⁴⁰⁴ Nghị định 31/2015/NĐ-CP ngày 24/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, Điều 20.

⁴⁰⁵ Rủi ro quyền con người trong hoạt động của doanh nghiệp, truy cập tại: <https://hrdd-assessment.org/human-rights-risks/>.

⁴⁰⁶ Nghị định 144/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Điều 13, Khoản 1.

⁴⁰⁷ UNDP và iSEE, 'Xoá bỏ kỳ thị - Quan điểm và đánh giá của người khuyết tật'. Trang 12 (Ct. 442).

⁴⁰⁸ Tổng cục thống kê, 'Điều tra quốc gia Người khuyết tật 2016', Nhà xuất bản Thống kê, (2018). Trang 94 -95.

⁴⁰⁹ Luật Người Khuyết tật 2010. Điều 34 (Ct. 443).

⁴¹⁰ Luật số 32/2013/QH13, Điều 1, Khoản 3.

là NKT không phải là dễ do có quy mô sử dụng lao động cao. Các doanh nghiệp nhỏ khó đạt được ngưỡng 30% NLD là NKT⁴¹¹. Ngoài ra, tại các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ khi bình quân số lượng lao động chưa đạt tới 20 người trong một năm, cũng rất khó để được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Thực trạng này phần nào tạo nên các rào cản khi doanh nghiệp nhận NKT vào làm việc, gián tiếp cản trở việc NLD là NKT tiếp cận việc làm.

d. Đảm bảo môi trường làm việc với người lao động là NKT

Theo Luật NKT 2010, doanh nghiệp tùy theo điều kiện cụ thể nhằm bố trí, sắp xếp công việc, bảo đảm điều kiện lao động, công cụ lao động, an toàn, vệ sinh lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ phù hợp với lao động là NKT⁴¹². Cũng theo quy định của BLLĐ, NSDLĐ có nghĩa vụ đảm bảo về điều kiện lao động và môi trường lao động⁴¹³. Tuy nhiên, như phân tích tại nội dung về ưu đãi của doanh nghiệp khi sử dụng lao động, tỷ lệ sử dụng lao động là NKT phải đạt một ngưỡng nhất định để được hưởng các ưu đãi. Như vậy, trước khi sử dụng lao động là NKT, doanh nghiệp bắt buộc phải đáp ứng môi trường làm việc phù hợp với NKT, trên thực tế, dẫn đến tăng chi phí của doanh nghiệp⁴¹⁴. Do đó, chưa thực sự tạo động lực cho doanh nghiệp tiếp nhận lao động là NKT⁴¹⁵.

e. Quyền tiếp cận của NKT tới công trình xây dựng

Các công trình xây dựng để đảm bảo NKT tiếp cận sử dụng được quy định trong các quy chuẩn xây dựng của Nhà chung cư; Công trình công cộng; Cơ sở khám, chữa bệnh; Cơ sở giáo dục, dạy nghề; Công trình văn hóa, thể dục, thể thao; Công trình khách sạn, thương mại, dịch vụ; Nhà ga, bến tàu, bến xe, đường, hè phố, hầm đi bộ, cầu vượt, và các công trình hạ tầng kỹ thuật và tiện ích đô thị khác.

Thực trạng đường tiếp cận tại Quảng Ninh

Năm 2020, Hội bảo trợ NKT & Trẻ mồ côi tỉnh Quảng Ninh thực hiện khảo sát tại 40/177 đơn vị cấp xã; 6/13 đơn vị cấp huyện và 21 công trình cấp tỉnh trên địa bàn Tp. Hạ Long. Đối với cấp xã, khảo sát tại 281 công trình, chỉ có 21 công trình có đường tiếp cận dành cho NKT (chiếm 7,4%). Trong 53 công trình xây dựng sau năm 2012, chỉ có 11 công trình có đường tiếp cận dành cho NKT (chiếm 20,7%). Đặc biệt, trong 40 trụ sở cấp xã được điều tra, chỉ có 7 trụ sở có đường tiếp cận dành cho NKT; 1/121 nhà văn hóa thôn có đường tiếp cận dành cho NKT (chiếm 0,08%). Tại cấp huyện, chỉ có 19/78 công trình có đường tiếp cận dành cho NKT. Tất cả các trụ sở Phòng Tư pháp, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm thể thao của 6 đơn vị cấp huyện được điều tra đều không có đường tiếp cận cho NKT. Đối với cấp tỉnh, chỉ có 13/21 công trình có đường tiếp cận dành cho NKT. Trong số 11 công trình xây dựng sau

⁴¹¹ Kim Dung, 'Không chỉ là tình thương mà còn phải là trách nhiệm', Báo Quân đội Nhân dân Việt Nam, (2017). Thông tin có tại: <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/cac-van-de/khong-chi-la-tinh-thuong-ma-con-phai-la-trach-nhiem-523733>. Truy cập ngày 20/3/2022.

⁴¹² Nghị định 144/2013/NĐ-CP, Điều 13, khoản 2 (Ct. 446).

⁴¹³ Bộ Luật Lao động 2019. Điều 158, khoản 1 (Ct. 168).

⁴¹⁴ Ủy ban quốc gia về Người khuyết tật Việt Nam, 'Báo cáo Nghiên cứu đánh giá tình hình thực hiện các quy định của Bộ luật lao động và các văn bản có liên quan về lao động là người khuyết tật', (2018). Thông tin có tại: <https://acdc.vn/vi/tai-lieu/140/bao-cao-nghien-cuu-danh-gia-tinh-hinh-thuc-hien-cac-quy-dinh-cua-bo-luat-lao-dong-va-cac-van-ban-lien-quan-ve-lao-dong-la-nguoi-khuyet-tat.html>. Truy cập ngày 20/03/2022. Trang 33.

⁴¹⁵ Báo cáo số 172/BC-UBND ngày 27/8/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về đánh giá quy định pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật thực hành kinh doanh có trách nhiệm trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

năm 2012, có 10 công trình có đường tiếp cận phục vụ cho NKT. Duy nhất 1 công trình là trụ sở Trung tâm Dịch vụ và Giới thiệu việc làm tỉnh không có đường tiếp cận dành cho NKT⁴¹⁶.

Theo khảo sát của Trung ương Hội bảo trợ Người khuyết tật và Trẻ mồ côi, tỷ lệ các công trình có đường tiếp cận cho NKT còn thấp. Tỷ lệ công trình có đường xe lăn ở cấp tỉnh, thành phố đạt 52,75%, giảm dần ở cấp huyện (38,56%) và thấp nhất ở cấp xã (22,1%). Nhiều xã không có công trình công cộng nào có đường xe lăn⁴¹⁷.

e. Quyền tiếp cận của NKT tới công trình giao thông công cộng

Luật NKT 2010 đưa ra các yêu cầu khi NKT tham gia giao thông công cộng. Các phương tiện giao thông công cộng phải đáp ứng yêu cầu đảm bảo tiếp cận cho NKT. Phương tiện giao thông công cộng phải có chỗ ưu tiên cho NKT, có công cụ hỗ trợ lên, xuống thuận tiện, phù hợp với đặc điểm của NKT. Các đơn vị tham gia vận tải công cộng có trách nhiệm đầu tư, bố trí phương tiện đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận trên các tuyến vận tải.

Quyền tiếp cận của NKT tới công trình giao thông công cộng được quy định tại Luật NKT 2010 và được đưa ra lộ trình cải thiện, đảm bảo tiếp cận của NKT tới giao thông công cộng. Khi thiết kế, xây dựng nghiệm thu kết cấu hạ tầng giao thông, chủ đầu tư phải áp dụng hệ thống quy chuẩn, quy định kỹ thuật về giao thông tiếp cận đối với đường, hệ phố đô thị, điểm dừng, đỗ, bến, nhà ga...

3.1.4 Người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên tính

Hiến pháp khẳng định mọi công dân đều có quyền làm việc là tự do nguyện vọng nghề nghiệp và được trả lương, đối xử bình đẳng, đặc biệt là nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới⁴¹⁸. BLLĐ cũng như là các quy định trước đây đều nghiêm cấm việc phân biệt đối xử trong lao động, trong đó nghiêm cấm việc phân biệt đối xử về giới⁴¹⁹. Tuy nhiên, đối tượng thuộc nhóm LGBTI có nguy cơ và thường xuyên phải đối diện với phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục hay bản dạng giới⁴²⁰. Theo một cuộc khảo sát 2363 người LGBTI, người LGBTI gặp khó khăn trong lĩnh vực việc làm, như bị từ chối việc làm trong khi đủ điều kiện; bị đùổi việc; nghe, nhìn những nhận xét tiêu cực vì bản dạng giới⁴²¹ hoặc gặp khó khăn do các giấy tờ tùy thân không khớp với hình thức bên ngoài, bị xâm phạm tình dục hoặc gặp khó khăn trong việc thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công⁴²². Theo một khảo sát năm 2015, 30% người được khảo sát đã từng nghỉ việc vì là người chuyển giới. Gần 50% người chuyển giới có thu nhập chính từ một công việc hoàn toàn bán thời gian, 21% có tích lũy, 28% đủ chi tiêu, 25% có thu nhập nhưng không đủ chi tiêu và khoảng 26%

⁴¹⁶ Thanh Hoa, 'Đường tiếp cận cho người khuyết tật cần phải được quan tâm hơn', Báo điện tử Quảng Ninh, (2021). Thông tin có tại: <https://baoquangninh.com.vn/duong-tiep-can-cho-nguoi-khuyet-tat-can-phai-duoc-quan-tam-hon-2529099.html>. Truy cập ngày 02/02/2022.

⁴¹⁷ Hội Bảo trợ Người khuyết tật & Trẻ mồ côi Việt Nam, 'Tổng kết Chương trình điều tra, khảo sát đường tiếp cận với NKT: 15.123 công trình được khảo sát, 1.834 cán bộ được phỏng vấn'. Thông tin có tại: <http://asvho.vn/tong-ket-chuong-trinh-dieu-tra-khao-sat-duong-tiep-can-voi-nkt-15123-cong-trinh-duoc-khao-sat-1834-can-bo-duoc-phong-van-a1093.html>. Truy cập ngày 08/03/2022.

⁴¹⁸ Hiến pháp 2013, Điều 16, 26 và 35 (Ct. 48).

⁴¹⁹ Bộ luật Lao động 2019, Điều 8 (Ct. 168); Bộ luật Lao động 2012, Điều 8 (Ct. 165).

⁴²⁰ Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), 'Báo cáo nghiên cứu "Có phải bởi vì tôi là LGBT?" Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam', Nxb. Hồng Đức, (2016). Thông tin có tại: https://www.vn.undp.org/content/dam/vietnam/docs/Publications/iSEE_Nghien+cuu+PBDX+dua+tren+SOGI_VN.pdf. Truy cập ngày 08/03/2022.

⁴²¹ Nt.

⁴²² 'Quyền lao động của người chuyển giới tại Việt Nam hiện nay', Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, (2021). Thông tin có tại: <http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/210950/Quy-en-lao-dong-cua-nguoi-chuyen-gioi-tai-Viet-Nam-hien-nay.html>. Truy cập ngày 08/03/2022.

hoàn toàn không có thu nhập⁴²³.

Về cơ bản, người LGBTI có các quyền như các đối tượng khác trong xã hội và được phân chia thành hai nhóm: (1) nhóm quyền chung (áp dụng chung cho đối tượng LGBTI và các đối tượng khác trong xã hội) và (2) nhóm quyền đặc thù (quyền dành cho người chuyển giới và liên tính). Luật Bình đẳng giới 2006 và các văn bản pháp luật có liên quan hướng đến mục tiêu tạo sự ngang bằng giữa nam và nữ về mọi mặt. Tuy nhiên, Luật Bình đẳng giới 2006 chỉ mới xác định giới tính là: nam và nữ chưa phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay về xu hướng tính dục và bản dạng giới. Các xu hướng tính dục và bản dạng giới cần được thừa nhận để đảm bảo sự bình đẳng phổ quát từ đó tạo cơ sở pháp lý cho các văn bản pháp lý khác có những quy định cụ thể phù hợp. Quy định pháp luật chưa ghi nhận sự bình đẳng giữa các xu hướng tính dục, bản dạng giới, cụ thể không có quy định đặc thù riêng liên quan đến quyền lao động của người chuyển giới nói riêng và LGBTI nói chung⁴²⁴.

3.1.5 Các cơ chế khắc phục chưa hiệu quả

Như đã phân tích ở trên, các quy định pháp luật Việt Nam có nhiều tiến bộ để bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương nhưng trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập trong thực hành kinh doanh có trách nhiệm đối với nhóm này. Thực tiễn này có những nguyên nhân khác nhau.

b. Cơ chế tố tụng tư pháp

Tương tự những bất cập trong lĩnh vực lao động, người thuộc nhóm dễ bị tổn thương còn gặp nhiều khó khăn khi nhờ cậy Tòa án để bảo vệ quyền của mình. Thủ tục tố tụng tư pháp tương đối phức tạp để các đương sự thuộc nhóm dễ bị tổn thương có thể tiếp cận và được giải quyết công bằng và thấu đáo, đặc biệt đối với trẻ em, người thiểu số và người LGBTI.

Theo một khảo sát công bố năm 2014 của UNDP và Bộ Tư pháp, các Tòa án chỉ có mẫu đơn, hướng thủ tục tố tụng cho đương sự chỉ bằng ngôn ngữ tiếng Việt mà chưa có Tòa án nào có hướng dẫn thủ tục tố tụng bằng tiếng dân tộc mà mới chỉ có một số Tòa án có Thẩm phán hoặc cán bộ là người dân tộc⁴²⁵. Đối với việc giải quyết các vụ án liên quan đến trẻ em, hệ thống Tòa án mới thành lập được 38 Tòa Gia đình và Người chưa thành niên trên toàn quốc và ở cấp tỉnh⁴²⁶. Trong khi đó, các vụ án sơ thẩm chủ yếu lại xử lý tại hệ thống Tòa án cấp huyện nên những ưu điểm của mô hình Tòa Gia đình và Người chưa thành niên chưa phát huy hết tác dụng.

Do pháp luật chưa có các quy định liên quan đến việc thay đổi giới tính trên các giấy tờ liên quan đến nhân thân, như căn cước công dân, hộ chiếu... nên người chuyển đổi giới tính sẽ gặp khó khăn khi tham gia vào hoạt động tố tụng để bảo vệ quyền của mình.

c. Cơ chế khắc phục phi tư pháp

⁴²³ Nhữ Trang, 'Người chuyển giới: Gian nan cơ hội tìm việc làm. Tạp chí Gia đình', (2015). Thông tin có tại: <https://thegioigiadinh.com.vn/nhat-ky-tre/vuon-lgbt/nguoi-chuyen-gioi--gian-nan-co-hoi-tim-viec-lam-28328>. Truy cập ngày 08/03/2022.

⁴²⁴ 'Quyền lao động của người chuyển giới tại Việt Nam hiện nay' (Ct. 462).

⁴²⁵ Chương trình phát triển của Liên Hợp quốc (UNDP) và Bộ Tư pháp, 'Báo cáo khảo sát thực trạng quản lý hành chính tòa án tại địa phương ở Việt Nam', (2014). Thông tin có tại: <https://vnlawfind.com.vn/bao-cao-khao-sat-thuc-trang-quan-ly-hanh-chinh-toa-an-nhan-dan-dia-phuong-o-viet-nam/>. Truy cập ngày 08/03/2022. Trang 80.

⁴²⁶ 'Tòa án nhân dân tối cao báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn', Cổng thông tin điện tử Quốc hội, (2020). Thông tin có tại: <https://quochoi.vn/tintuc/pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=48349>. Truy cập ngày 20/03/2022.

Như đã phân tích ở Chương II. Lao động, lực lượng thanh tra chuyên ngành lao động - Thương binh và Xã hội là lực lượng chủ chốt trong việc bảo đảm thực thi các quy định pháp luật thuộc các lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội, trong đó có các vấn đề của lao động trẻ em, lao động di cư và các vấn đề bảo đảm bình đẳng giới... Bên cạnh đó, lực lượng công an sẽ đóng vai trò điều tra và đề nghị truy tố khi có các hành vi vi phạm pháp luật hình sự, đặc biệt trong công tác phòng chống mua bán người thông qua hình thức lao động di cư... Tuy nhiên, số lượng thanh tra chuyên ngành lao động - thương binh và xã hội chỉ có trên 700 người so với số lượng doanh nghiệp (trên 800.000 doanh nghiệp)⁴²⁷ nên rất hạn chế trong công tác thanh tra, giám sát và xử lý các khiếu nại trong các lĩnh vực có nội dung khá rộng. Các hoạt động truyền thông, quảng cáo, tiếp thị đối với trẻ em thì sẽ do lực lượng thanh tra chuyên ngành của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Bộ Thông tin truyền thông thực hiện.

Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, và Hội bảo trợ Người khuyết tật và Trẻ mồ côi là những tổ chức xã hội chính trị có quy mô lớn nhất và có hệ thống từ cấp trung ương tới địa phương để đại diện và bảo vệ quyền lợi của thành viên: NLD, NKT và trẻ em. Các tổ chức này có các trung tâm tư vấn pháp luật có thể tư vấn pháp luật về bảo vệ quyền cho thành viên. Đối với người dân tộc thiểu số, lao động di cư ở nước ngoài hay người LGBTI thì chưa có các tổ chức đại diện có quy mô trên khắp toàn quốc để có thể hỗ trợ pháp lý cho các đối tượng này. Bên cạnh đó, cơ quan đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em – Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tại các địa phương (địa phương Đoàn Thanh niên) chưa thực hiện được nhiệm vụ “tổ chức để trẻ em được tiếp xúc với Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân”⁴²⁸.

Luật Quy hoạch 2017 yêu cầu về nội dung quy hoạch cần bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng, người cao tuổi, NKT, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em. Quá trình lập quy hoạch phải được kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm sinh kế bền vững của người dân trong khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn. Đồng thời, quy hoạch phải bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng; giữa lợi ích của các vùng, các địa phương. Quá trình xây dựng quy hoạch phải bảo đảm quyền tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong quá trình lập quy hoạch⁴²⁹. Tuy nhiên, công tác lấy ý kiến của cộng đồng trong quá trình lập quy hoạch được đánh giá còn nhiều bất cập, chưa thực chất để có thể phản ánh được mong muốn của cộng đồng dân cư⁴³⁰.

Đối với các dự án đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, Luật Bảo vệ môi trường 2020 yêu cầu báo cáo đánh giá tác động môi trường cần phải “nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư...” và phải tham vấn “cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư”⁴³¹. Tương tự như công tác lấy ý kiến dân cư vào quy hoạch, công tác tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường hiện nay cũng mang tính hình thức nên cũng đã tạo ra những tranh chấp, mâu thuẫn giữa các dự án đầu tư với cộng đồng dân cư⁴³². Các cơ quan nhà nước cũng không có các hướng dẫn cụ thể liên quan đến tham vấn nhóm đối tượng đặc thù như người dân tộc, NKT, trẻ em hay LGBTI.

⁴²⁷ Bạch Đăng, ‘Chiến dịch thanh tra lao động năm 2019: Công bố doanh nghiệp sai phạm với truyền thông’ (Ct. 368).

Tháo gỡ vướng mắc trong thanh tra chuyên ngành của bảo hiểm xã hội (Ct. 370).

⁴²⁸ Hồ Hương, ‘Công tác Giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em chưa đạt hiệu quả như yêu cầu’, Cổng thông tin điện tử Quốc hội, (2020).

⁴²⁹ Luật Quy hoạch 2017, Điều 21.

⁴³⁰ Roland Fritz và Vũ Hoài Đức, ‘Quy hoạch xây dựng: Đừng để tham vấn cộng đồng chỉ là...làm cho có!’, Tạp chí Người Đô thị, (2021).

Thông tin có tại: <https://nguoidothi.net.vn/quy-hoach-xay-dung-dung-de-tham-van-cong-dong-chi-la-lam-cho-co-27668.html>. Truy cập ngày 20/03/2022.

⁴³¹ Luật Bảo vệ môi trường 2020, Điều 32, Điều 33 (Ct. 93).

⁴³² Trần Thị Sáu, ‘Tham vấn cộng đồng dân cư trong quá trình đánh giá tác động môi trường và những vấn đề đặt ra’, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, (2018). Thông tin có tại: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207023>. Truy cập ngày 20/03/2022.

Để hạn chế các tác động tiêu cực từ hoạt động truyền thông, quảng cáo và tiếp thị, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ban hành quy tắc ứng xử trong hoạt động quảng cáo⁴³³. Để bảo vệ trẻ em trên không gian mạng để bảo vệ trẻ em trước những nguy cơ tiềm ẩn trên không gian mạng và nâng cao nhận thức của xã hội đối với các nguy cơ cho trẻ em trên không gian mạng, Bộ Thông tin và Truyền thông hiện đang xây dựng một bộ quy tắc ứng xử và dự kiến sớm ban hành⁴³⁴.

3.2 Đề xuất giải pháp

Tiếp theo các khuyến nghị được đề ra tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ về thực hành kinh doanh có trách nhiệm đối với các nhóm dễ bị tổn thương, các khuyến nghị dưới đây sẽ sửa đổi và bổ sung vào các khuyến nghị đã có như sau:

3.2.1 Đối với Nhà nước – Nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

a. Dân tộc thiểu số

- Triển khai hiệu quả Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 đã được Quốc hội phê duyệt. Triển khai các hoạt động đầu tư công và thu hút đầu tư tư nhân vào các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn ở các vùng đồng bào thiểu số và miền núi.
- Nâng cao công tác quy hoạch và bảo tồn rừng, đất đai ở vùng đồng bào dân tộc, miền núi để bảo đảm tốt hơn về đất sản xuất, đất ở và xây dựng được hệ thống cơ sở hạ tầng cho người dân tộc thiểu số. Công tác quy hoạch cần chú trọng tới công tác đánh giá tác động kinh tế xã hội, môi trường xã hội. Công tác quy hoạch cần chú ý tới quy trình tham vấn theo nguyên tắc FPIC đối với người dân tộc thiểu số.
- Các địa phương cần xây dựng các chính sách, tiêu chí thu hút đầu tư tư nhân vào vùng dân tộc thiểu số, vùng miền núi phải có hoạt động trách nhiệm xã hội đối với người dân tộc thiểu số, hoạt động đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi hoạt động đầu tư.
- Nâng cao yêu cầu về đánh giá tác động kinh tế xã hội, tác động môi trường xã hội cho các hoạt động đầu tư kinh doanh tại các khu vực đồng bào thiểu số và miền núi, đặc biệt là các yêu cầu về đánh giá tác động của các hoạt động đầu tư kinh doanh. Các báo cáo đánh giá tác động kinh tế xã hội, môi trường xã hội phải thực hiện quy trình tham vấn theo nguyên tắc FPIC đối với người dân tộc thiểu số, đặc biệt là các vấn đề đất đai và di dời các nhóm dân tộc thiểu số cho các dự án đầu tư.
- Phát triển các tổ chức tư vấn và hỗ trợ pháp lý người dân tộc thiểu số để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

b. Trẻ em

- Tăng cường việc tuyên truyền về quy định về chính sách đối với lao động nữ tại các quy định về đảm bảo các cơ sở vật chất liên quan đến trẻ em như phòng vắt, trữ sữa mẹ, nhà trẻ, mẫu giáo được quy định tại Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 tới các doanh

⁴³³ Quyết định 4149/QĐ-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch ban hành Quy tắc ứng xử trong hoạt động quảng cáo, ngày 03/11/2017.

⁴³⁴ 'Đề xuất Bộ Quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng', Báo điện tử Chính phủ, (2021). Thông tin có tại: <https://baochinhphu.vn/de-xuat-bo-quy-tac-ung-xu-ve-bao-ve-tre-em-tren-khong-gian-mang-102302951.htm>. Truy cập ngày 20/03/2022.

ng nghiệp, đặc biệt tại các khu vực phát triển công nghiệp dệt may, da giày và du lịch nơi sử dụng nhiều lao động nữ.

- Thiết lập các cơ chế, chính sách nhằm giúp các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm lo cho con trẻ tại các KCN, khu chế xuất, nhà máy có tỷ lệ lao động nữ cao nhằm phục hồi từ các ảnh hưởng xấu của đại dịch Covid-19 một cách kịp thời.
- Tuyên truyền, xây dựng năng lực cho đội ngũ quản lý nhà máy, KCN để họ hiểu và giải quyết các tác động mà chính sách và quy định của công ty có ảnh hưởng đến con cái của NLD⁴³⁵.
- Xây dựng mô hình tiêu biểu giúp doanh nghiệp thấy rõ các phương thức và hoạt động tôn trọng và hỗ trợ thực hiện quyền trẻ em trên thực tế (ví dụ như các biến chuyển tích cực về năng suất, giảm tỉ lệ ốm đau, nghỉ việc đột xuất hoặc thay đổi lao động)⁴³⁶.
- Cần có các biện pháp giám sát, thanh tra đối với các nội dung quảng cáo có thân thiện với trẻ em trên các nền tảng trực tuyến, đặc biệt ở các nền tảng truyền thông xã hội để hạn chế các tác động tiêu cực cho trẻ em, đặc biệt trong bối cảnh nhiều trẻ em đang phải học trực tuyến do yêu cầu của công tác phòng chống đại dịch Covid-19 hiện nay.
- Cải thiện sự tuân thủ của các nhà máy, KCN bằng cách củng cố lực lượng giám sát tại nơi làm việc như thanh tra lao động, cơ chế khiếu nại, ban đại diện NLD có hiệu quả⁴³⁷.
- Tăng cường thanh tra, kiểm tra về chất lượng hàng hoá dành cho trẻ em để bảo đảm sự an toàn và thân thiện của hàng hoá đối với trẻ em.
- Ban hành sớm Bộ Quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng để bảo vệ trẻ em trước những nguy cơ tiềm ẩn trên không gian mạng và nâng cao nhận thức của xã hội đối với các nguy cơ cho trẻ em trên không gian mạng.
- Thiết kế các cơ chế phản hồi chính sách phù hợp, tăng cường phối hợp giữa khu vực Nhà nước và khu vực tư nhân để giải quyết các thách thức do phát triển đô thị (các vấn đề về đăng ký hộ khẩu, nhà ở xã hội, các dịch vụ công cơ bản). Đảm bảo tiếp cận dịch vụ công đối với trẻ là con em của NLD di cư⁴³⁸.

c. Người khuyết tật

- Xây dựng, điều chỉnh các chương trình giáo dục nghề nghiệp cho NKT phù hợp với từng dạng khuyết tật, mong muốn của NKT và nhu cầu của thị trường.
- Đẩy mạnh việc làm cho NLD là NKT bằng việc có một cơ quan điều phối giữa các doanh nghiệp và NKT. Qua đó, thực hiện các công tác rà soát, lựa chọn, kết nối nhằm kết nối nhu cầu của doanh nghiệp và nghề nghiệp mong muốn của những NKT⁴³⁹.
- Gia tăng năng lực của đội ngũ cán bộ nhà nước làm việc với NKT liên quan tới định hướng nghề nghiệp bằng cách đưa ra các chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp nhằm làm tốt hoạt động điều phối việc làm giữa doanh nghiệp và NKT⁴⁴⁰.
- Xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra nhằm thực thi quy định cấm từ chối NLD là NKT đủ tiêu chuẩn làm việc tại doanh nghiệp. Trong mỗi kỳ tuyển dụng, đối với những NLD là NKT, cơ sở, tổ chức thực hiện công việc tuyển dụng, đánh giá năng lực ứng viên phải có giải trình

⁴³⁵ UNICEF, 'Tác động của ngành May mặc và Giày dép đến trẻ em Việt Nam'. Trang 7 (Ct. 242).

⁴³⁶ Nt. Trang 8.

⁴³⁷ Nt.

⁴³⁸ Nt.

⁴³⁹ Nt.

⁴⁴⁰ Nt.

đối với từng NLD là NKT.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về tạo điều kiện ưu đãi đối với doanh nghiệp sử dụng NLD là NKT. Theo đó, đưa ra chương trình, chính sách hỗ trợ cho tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh có sử dụng NKT. Mức hỗ trợ sẽ khác nhau tùy vào tỷ lệ NKT làm việc tại doanh nghiệp.
- Bổ sung các quy định đảm bảo tiếp cận của NKT tới các kỳ thi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia. Tạo điều kiện cho NKT tham gia các kỳ thi chứng chỉ kỹ năng bằng cách bổ sung các phương thức thi, hình thức trình bày bài thi (phương thức thi vấn đáp hay sử dụng chữ nổi đối với các đề thi).

d. Người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên tính

- Nâng cao nhận thức, xóa bỏ phân biệt về giới, xu hướng tính dục và bản dạng giới trong xã hội, đặc biệt trong hoạt động kinh doanh.
- Đào tạo doanh nghiệp về hòa nhập, quản lý đa dạng, cân bằng và lồng ghép giới với trọng tâm cụ thể là trao quyền cho người thuộc nhóm LGBTI. Xây dựng các hướng dẫn ứng xử cho doanh nghiệp về giải quyết phân biệt đối xử tại nơi làm việc. Cung cấp các khuyến khích kinh doanh để thúc đẩy các chính sách tích cực nhằm tháo gỡ vướng mắc và hỗ trợ họ hòa nhập và thị trường việc làm⁴⁴¹.
- Đẩy mạnh công tác xây dựng Luật Chuyển đổi giới tính và các văn bản liên quan để hạn chế các rào cản về pháp lý và thủ tục hành chính cho người chuyển đổi giới tính trong hoạt động kinh doanh và lao động.
- Xây dựng, bổ sung quan niệm về bình đẳng giới. Cần thực hiện sửa đổi luật Bình Đẳng giới năm 2006 theo hướng mở rộng quan niệm bình đẳng giới đối với vấn đề xu hướng tính dục, bản dạng giới. Lồng ghép các yếu tố về quan niệm này tại các văn bản pháp luật chuyên ngành tạo cơ sở pháp lý chống phân biệt đối xử.

3.2.2 Đối với doanh nghiệp – Trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

- Cần có hoạt động kinh doanh hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp tham gia vào các chuỗi cung ứng với các mô hình kinh tế nhỏ, kinh tế phi chính thức ở nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng miền núi thực hiện việc khuyến khích các mô hình kinh tế nhỏ và siêu nhỏ ở nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng miền núi. Việc khuyến khích có thể được thực hiện thông qua các cơ chế hợp đồng đặt hàng kèm điều kiện và lợi ích, chấp thuận thực hiện các quy chế tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc sử dụng lao động trẻ em, quy tắc chống quấy rối tại nơi làm việc...
- Cần có chính sách, hoạt động trách nhiệm xã hội đối với người dân tộc thiểu số, NKT, trẻ em và LGBTI. Các hoạt động đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi hoạt động đầu tư của doanh nghiệp tại vùng dân tộc thiểu số, vùng miền núi và đối với NKT phải phù hợp với đối tượng tham gia.
- Trong quá trình đánh giá tác động môi trường xã hội để chuẩn bị cho hoạt động đầu tư kinh doanh, các doanh nghiệp cần phải chú ý tới quy trình tham vấn theo nguyên tắc FPIC đối với nhóm dễ bị tổn thương (gồm: lao động di cư, người dân tộc thiểu số, trẻ em, NKT, LGBTI).
- Khuyến khích tích hợp các chỉ tiêu đánh giá trách nhiệm xã hội liên quan đến bảo vệ nhóm

⁴⁴¹ Nt.

dễ bị tổn thương trong hoạt động kinh doanh các chỉ số đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, như Chỉ số phát triển bền vững (VNSI) của VCCI, các chỉ số đánh giá năng lực quản trị địa phương (PCI, PAPI, Par Index...) và xây dựng các chỉ số mới để thúc đẩy các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm.

- Các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp phát triển hạ tầng các KCN, cụm công nghiệp cần đầu tư xây dựng các khu nhà ở cho NLD xa nhà với chi phí thấp và các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu (như nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế, nước sạch...) ở gần các KCN để NLD có thể tiếp cận được nơi ở sạch sẽ, bảo đảm được các yêu cầu đối với phòng dịch bệnh truyền nhiễm và bảo đảm cho trẻ em được quyền tiếp cận công bằng các dịch vụ xã hội thiết yếu.
- Cần bổ sung vào mẫu hợp đồng đưa NLD Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo quy định tại Thông tư 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 Quy định chi tiết một số Điều của Luật 69 về yêu cầu doanh nghiệp dịch vụ phải đính kèm các thông tin quảng cáo về công việc, điều kiện làm việc, mức lương và điều kiện sống khác ở nước ngoài. Việc đính kèm thông tin quảng cáo mà NLD nhận được để có thể giải thích các nội dung của hợp đồng phù hợp với nội dung của quảng cáo để bảo đảm ý chí giao kết hợp đồng của các bên được thống nhất theo đúng quy định của BLDS 2015.
- Khuyến khích xây dựng các bộ quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em, không phân biệt đối xử với NKT, LGBTI tại các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp có thương hiệu nổi tiếng, doanh nghiệp thuộc nhóm VN100, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp đại chúng, doanh nghiệp quảng cáo. Khuyến khích các hiệp hội doanh nghiệp, các nhóm doanh nghiệp, các chuỗi cung ứng cùng xây dựng, ký kết hoặc công nhận tuân thủ các bộ quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em, không phân biệt đối xử với NKT, LGBTI của nhau. Khuyến khích các hoạt động tập huấn, giám sát để cùng tuân thủ tốt các bộ quy tắc ứng xử.
- Khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp nền tảng mạng xã hội, sàn giao dịch thương mại điện tử, Hiệp hội Quảng cáo Việt Nam và các doanh nghiệp quảng cáo xây dựng các quy tắc, hướng dẫn riêng về truyền thông và tiếp thị không có tác động xấu đến quyền trẻ em, bao gồm: (i) các hoạt động truyền thông và tiếp thị không được làm trầm trọng hơn về phân biệt đối xử, sức khỏe và tâm sinh lý của trẻ; (ii) nhãn mác, thông tin sản phẩm cần rõ ràng, chính xác và hoàn chỉnh để cha mẹ, người giám hộ của trẻ có thể đưa ra quyết định phù hợp. Doanh nghiệp cung cấp nền tảng mạng xã hội, sàn giao dịch thương mại điện tử, Hiệp hội Quảng cáo Việt Nam và các doanh nghiệp quảng cáo cần có cơ chế đánh giá các sản phẩm truyền thông tiếp thị có tác động tiêu cực tới trẻ em hay không để có cơ chế khắc phục.
- Khuyến khích các doanh nghiệp công bố về chất lượng, quy cách sản phẩm và dịch vụ an toàn và thân thiện với trẻ em. Khuyến khích các doanh nghiệp trong các chuỗi cung ứng có các điều khoản, điều kiện về sản xuất sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ an toàn và thân thiện với trẻ em.
- Khuyến khích việc xây dựng, bố trí các nhà vệ sinh dành riêng cho người LGBTI tại nơi làm việc để hạn chế các hành vi quấy rối, xâm phạm tình dục tại nơi làm việc.

3.2.3. Đối với Nhà nước và doanh nghiệp – Cung cấp các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa, giảm thiểu, và đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động của doanh nghiệp

a. Các biện pháp tư pháp

- Nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp có đương sự thuộc nhóm dễ bị tổn thương tham gia trong hệ thống toà án, thông qua việc thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn cho các thẩm phán, thư ký toà án, hoà giải viên hoạt động tại toà án về các nội dung liên quan đến các vấn đề đối với trẻ em/người chưa thành niên, người thiểu số, NKT, LGBTI và lao động di cư.
- Nghiên cứu và xây dựng mô hình tổ tụng thân thiện đối với trẻ em/người chưa thành niên, người thiểu số, NKT, LGBTI.
- Nâng cao năng lực tư vấn pháp luật về các nội dung liên quan đến các vấn đề đối với trẻ em/người chưa thành niên, người thiểu số, NKT, LGBTI và lao động di cư cho đội ngũ luật sư, trợ giúp pháp lý và tư vấn viên tại các trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức xã hội.

b. Các biện pháp phi tư pháp

- Phát huy hơn nữa vai trò của thanh tra lao động, thương binh và xã hội ở các địa phương để nâng cao tính tuân thủ pháp luật lao động, trong đó có các vấn đề về lao động di cư, lao động trẻ em, người thiểu số, NKT và LGBTI của các doanh nghiệp.
- Chính phủ và các hiệp hội doanh nghiệp có thể thành lập các đường dây nóng hỗ trợ doanh nghiệp khó khăn tiếp cận các chương trình hỗ trợ. Các đường dây nóng vừa tư vấn cho các doanh nghiệp thiếu thông tin về vấn đề thủ tục, quy định, vừa có thể báo cáo nhanh cho các cơ quan thẩm quyền về nhu cầu thực sự của doanh nghiệp đối với các khoản hỗ trợ.
- Nghiên cứu để xây dựng các cơ chế khắc phục trong nội bộ doanh nghiệp, như cơ chế tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại từ NLD của nhà cung cấp về những vấn đề liên quan đến quan hệ lao động, điều kiện lao động, đơn khiếu nại của cộng đồng dân cư (đặc biệt là cộng đồng dân tộc thiểu số) về những hoạt động đầu tư kinh doanh ảnh hưởng tới môi trường sống của họ.

c. Cơ chế phối hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp để khắc phục

- Thúc đẩy việc áp dụng Bộ Quy tắc ứng xử về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc do Bộ LĐTBXH, TLĐLĐVN và VCCI cùng biên soạn, Bộ Quy tắc ứng xử trong hoạt động quảng cáo do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành, và sắp tới là Bộ Quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng do Bộ Thông tin truyền thông ban hành.

CHƯƠNG IV. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu quan trọng để đảm bảo “con người được hưởng một môi trường an toàn, trong sạch, lành mạnh và bền vững” có tính toàn cầu⁴⁴². Vấn đề môi trường là một trong những nội dung quan trọng trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến việc đảm bảo kinh doanh có trách nhiệm. Yêu cầu phát triển kinh tế gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu đã được đặt ra tại nhiều văn kiện của Nhà nước, như Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/06/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020, tầm nhìn đến 2050; Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020; Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 và gần đây nhất là Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đặc biệt, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam 2011-2030 đã định hướng Việt Nam cần phải chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường. Mục tiêu đến năm 2025, tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95 - 100%, nông thôn là 93 - 95%; tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%; tỉ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; giữ tỉ lệ che phủ rừng ổn định 42%⁴⁴³.

Hơn nữa, với định hướng xa hơn, Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cũng nêu rõ mục tiêu ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước.⁴⁴⁴ Mục tiêu đến năm 2030 đạt tỉ lệ 100%⁴⁴⁵ đối với: (1) các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương; (2) cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý; (3) cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; (4) khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; (5) trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học; (6) diện tích các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng được xử lý, cải tạo và phục hồi; (7) dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; (8) hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn; (9) hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh.

⁴⁴² Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc đã thông qua Nghị quyết số 48/13 công nhận quyền con người được hưởng một môi trường trong sạch, lành mạnh và bền vững là một quyền quan trọng của con người, (08/10/2021). Thông tin có tại: <https://news.un.org/en/story/2021/10/1102582>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁴⁴³ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

⁴⁴⁴ Quyết định 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược Bảo vệ Môi trường Quốc gia đến năm 2030, Điều 1, mục I, khoản 3 điểm a.

⁴⁴⁵ Nt. Phụ lục I.

Để triển khai định hướng và mục tiêu nêu trên, Chính phủ Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ về giảm phát thải ròng về không (net zero) vào năm 2050 tại COP 26, giảm 30% lượng phát thải khí metan vào năm 2030, nâng tỷ lệ năng lượng tái tạo lên trên 30%⁴⁴⁶ và chuyển đổi việc sử dụng năng lượng hoá thạch gây ô nhiễm cao sang năng lượng sạch⁴⁴⁷... Việt Nam cũng sửa đổi và ban hành Luật Bảo vệ môi trường 2020 (Luật BVMT 2020), có hiệu lực vào 01/01/2022. Ngoài ra, dự thảo Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 cũng đã gấp rút hoàn thành trong vòng 05 tháng sau COP 26 và đang được lấy ý kiến từ các tổ chức, hiệp hội, chuyên gia,... đã cho thấy rõ Chính phủ tiếp tục gửi đi thông điệp mạnh mẽ về tham vọng khí hậu. Với mục tiêu tích cực tăng cường thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra; giảm phát thải khí nhà kính nhằm đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050; đồng thời tận dụng các cơ hội từ biến đổi khí hậu để chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao khả năng chống chịu và sức cạnh tranh của nền kinh tế phục vụ mục tiêu phát triển bền vững đất nước; đóng góp tích cực và có trách nhiệm vào các nỗ lực quốc tế trong việc bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.⁴⁴⁸ Dự thảo chiến lược mới cho thấy mục tiêu trung hòa khí hậu của Việt Nam tuy rất tham vọng, đầy thách thức nhưng khả thi.

Bên cạnh đó, xu hướng tăng trưởng xanh - quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hoà giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường được khuyến khích để thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam⁴⁴⁹. Theo đó, tăng trưởng xanh đặt ra mục tiêu xanh hoá các ngành kinh tế *“Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường”*⁴⁵⁰.

Các mục tiêu nêu trên của Việt Nam phù hợp với các nguyên tắc và Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc, các quy định tại Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) mà Việt Nam là thành viên. Nguyên tắc khung của Liên Hợp Quốc về Quyền con người và Môi trường 2018 khẳng định, *“quyền con người của chúng ta gắn liền với môi trường mà chúng ta đang sống; tác hại lên môi trường cản trở việc thụ hưởng quyền con người, và việc đảm bảo quyền con người giúp bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển bền vững”*⁴⁵¹. Nguyên tắc khung cũng nhấn mạnh trách nhiệm của doanh nghiệp khi kinh doanh phải tuân thủ quy định pháp luật về môi trường hiện hành và tôn trọng các tiêu chuẩn xã hội thông qua việc bảo vệ môi trường⁴⁵². EVFTA và CPTPP đều yêu cầu quốc gia thành viên không được hạ thấp mức độ bảo vệ được quy định tại pháp luật môi trường trong nước để đạt được lợi thế thương mại hoặc đầu tư.⁴⁵³

⁴⁴⁶ Mạnh Hùng, 'Cam kết mạnh mẽ của Việt Nam về giảm phát thải ròng về 0 (Net Zero)', Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021). Thông tin có tại: <https://dangcongsan.vn/lanh-dao-dang-nha-nuoc/cam-ket-manh-me-cua-viet-nam-ve-giam-phat-thai-rong-ve-0-net-zero-596702.html>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁴⁴⁷ Bộ Tài nguyên môi trường-Cục Biến đổi khí hậu, 'Tranh thủ tốt nhất cơ hội hiện nay để thực hiện quyết liệt, hiệu quả, thực chất các cam kết tại COP 26', (2022). Thông tin có tại: <http://www.dcc.gov.vn/tin-tuc/3764/Tranh-thu-tot-nhat-co-hoi-hien-nay-de-thuc-hien-quyet-liet-hieu-qua-thuc-chat-cac-cam-ket-tai-COP26.html>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁴⁴⁸ Dự thảo Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Thông tin có tại: https://docs.google.com/document/d/1uhNFn_1FLJmBpOWWIZlJqUcwf0Kr-u1z/edit#. Truy cập ngày 27/04/2022.

⁴⁴⁹ Thảo Nguyễn (2021), Tăng trưởng xanh - Chia khoá của phát triển bền vững, Tạp chí Tuyên giáo, (2021). Thông tin có tại: <https://tuyengiao.vn/khoa-giao/moi-truong/tang-truong-xanh chia-khoa-cua-phat-trien-ben-vung-136308>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁴⁵⁰ Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, Điều 1, Mục II, khoản 2, điểm b.

⁴⁵¹ Nguyên tắc khung của Liên hợp Quốc về Quyền con người và môi trường 2018. Thông tin có tại: <https://globalnaps.org/wp-content/uploads/2018/08/framework-principles-on-human-rights-and-the-environment.pdf>. Truy cập ngày 25/01/2022. Trang 5.

⁴⁵² Nt. Trang 18

⁴⁵³ EVFTA Điều 13.3 (Ct. 34); CPTPP Điều 20.3 (Ct. 33).

Theo UNGP, trách nhiệm bảo vệ môi trường được đặt ra đối với nhà nước⁴⁵⁴ và doanh nghiệp⁴⁵⁵. Bên cạnh đó quy trình này phải có sự tham chiếu đến tất cả các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận như quyền được hưởng một môi trường trong sạch, lành mạnh và bền vững, quyền được hưởng không khí trong lành, quyền được tiếp cận nước sạch và các điều kiện vệ sinh căn bản,...). Các cơ chế giải quyết khiếu nại ngoài toà án cần phải hiệu quả và thích hợp, kết hợp với các cơ chế tổ tụng tư pháp về môi trường cũng cần hình thành để khắc phục tình trạng lạm dụng các quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh⁴⁵⁶.

Mặc dù chính sách của Nhà nước và khung pháp lý về bảo vệ môi trường đã hình thành và phát triển, việc bảo đảm thực thi có hiệu quả vẫn cần đẩy mạnh hơn nữa để chống suy thoái môi trường, đồng thời bảo vệ chính các cá nhân và cộng đồng ở Việt Nam⁴⁵⁷. Qua rà soát cho thấy vẫn còn nhiều vấn đề cần phải được thúc đẩy công tác thi hành pháp luật và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực môi trường như (i) Ô nhiễm môi trường và trách nhiệm xử lý sự cố môi trường; (ii) Trách nhiệm ứng phó biến đổi khí hậu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; (iii) Trách nhiệm công khai thông tin về sự cố môi trường; (iv) Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá tác động môi trường (ĐTM); (v) Trách nhiệm hoàn thiện các cơ chế khắc phục gồm: (a) cơ chế giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường, (b) thời hiệu khởi kiện trong vụ án môi trường, (c) khiếu kiện tập thể trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, (d) xác định thiệt hại môi trường, (e) hòa giải tranh chấp môi trường và (f) thủ tục khiếu nại, tố cáo và yêu cầu chứng minh về ô nhiễm môi trường.

4.1 Các vấn đề bất cập hiện nay

4.1.1 Ô nhiễm môi trường và trách nhiệm xử lý sự cố môi trường

Xử lý ô nhiễm môi trường được xem là nội dung trọng tâm cũng như mục đích hướng đến của hệ thống pháp luật môi trường, được ưu tiên trong chính sách của nhà nước về bảo vệ môi trường⁴⁵⁸. Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc (UNHRC) cũng đưa ra khuyến nghị về quyền môi trường cho Việt Nam trong đó đề xuất cần tăng cường các nỗ lực giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghiệp hoá lên môi trường và đảm bảo quyền được hưởng nước sạch; ưu tiên đầu tư vào tăng cường hiệu quả xử lý nước thải, chất thải sinh hoạt và công nghiệp để bảo vệ môi trường tốt hơn⁴⁵⁹.

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh chủ yếu từ các cơ sở sản xuất công nghiệp nằm trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và các cơ sở nằm ngoài khu công nghiệp với khối lượng khoảng 25 triệu tấn/năm, chưa tính đến số lượng chất thải rắn của các doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp và khối lượng đất, bùn thải từ hoạt động khai thác khoáng sản, hoạt động làng nghề. Bên cạnh đó, lượng chất thải nguy hại từ công nghiệp phát sinh trong năm 2019 khoảng 1.133.077 tấn (tăng 258.688 tấn so với năm 2018) tập trung chủ yếu ở các ngành công nghiệp nhẹ, luyện kim, hoá chất, ngoài ra còn có một phần từ hoạt động nhập khẩu bất hợp pháp phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (săm lốp ô tô, vỏ ô tô, tàu biển chưa làm sạch tạp chất,...)⁴⁶⁰.

⁴⁵⁴ UNGP, Bình luận Nguyên tắc 3 (Ct. 19)

⁴⁵⁵ Nt. Bình luận Nguyên tắc 18.

⁴⁵⁶ Nt. Bình luận Nguyên tắc 27.

⁴⁵⁷ Bộ Tư pháp – UNDP Việt Nam, Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, 2020, tr. 71.

⁴⁵⁸ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 5, khoản 4 (Ct. 93).

⁴⁵⁹ Bộ Tư pháp – UNDP Việt Nam, 'Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm', tr.72 (Ct. 9).

⁴⁶⁰ Bộ Tài nguyên và Môi trường, 'Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020', (2021). Thông tin có tại: https://moit.gov.vn/upload/2005517/fck/files/20211108_Bao%20cao%20HTMT%202016-2020%20F%20a4980.pdf, truy cập ngày 23/04/2022. Truy cập ngày 11/03/2022. Trang 40- 42.

Môi trường không khí, nước, đất cũng chịu tác động không nhỏ từ hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo có lượng phát thải khí nhà kính lớn nhất như đã phân tích ở trên. Tỷ lệ xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất hàng thủ công, mỹ nghệ đều dưới 60%, tỷ lệ xử lý chất thải rắn chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn dưới 50%. Cũng theo Báo cáo có 240 khu vực môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng do hoá chất bảo vệ thực vật tồn lưu thuộc Phụ lục I của Quyết định số 1964/QĐ-TTg ngày 20/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hoá chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước (Quyết định số 1964/QĐ-TTg). Trong đó, 101 khu vực đã xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường; 91 khu vực không xử lý ô nhiễm (do sau khi điều tra, đánh giá, đối chiếu với QCVN 54:2013/BTNMT có nồng độ ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép); 48 khu vực đang xây dựng dự án xử lý, cải tạo phục hồi⁴⁶¹. Ngoài ra còn có 95 khu vực môi trường khác bị ô nhiễm do hoá chất bảo vệ thực vật tồn lưu được đề cập tại Phụ lục II của Quyết định số 1964/QĐ-TTg.

Theo Báo cáo “Hiện trạng bụi PM2.5 ở Việt Nam giai đoạn 2019-2020 sử dụng dữ liệu đa nguồn”, các nhà máy nhiệt điện than chiếm 43,1% lượng phát thải, tiếp đến là các hoạt động công nghiệp chiếm 40%. Những nguồn phát thải như cháy rừng, giao thông, đun nấu công nghiệp và dân dụng chỉ chiếm khoảng 17%. Nguồn ô nhiễm tại mỗi địa phương là khác nhau.

Ô nhiễm không khí tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh

Theo báo cáo thường niên về chỉ số môi trường 2020 (The Environmental Performance Index 2020-EPI 2020)⁴⁶² do tổ chức môi trường Mỹ thực hiện, Việt Nam là một trong 15 nước ô nhiễm môi trường không khí hàng đầu Châu Á. Ô nhiễm không khí gây thiệt hại cho Việt Nam hàng năm khoảng 10 tỷ USD (khoảng 5-7% GDP).

Hà Nội và Hồ Chí Minh là nơi bị ô nhiễm không khí nặng nhất của cả nước, có nhiều thời điểm bụi mịn (PM 2.5) bao phủ cả bầu trời làm hạn chế tầm nhìn, ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe của người dân. Ước tính chi phí khám sức khỏe về đường hô hấp do ô nhiễm không khí của người dân nội thành Hà Nội khoảng 2000 tỷ đồng/năm.

Đối với nguồn phát thải bụi PM2.5 ở Hà Nội, hoạt động công nghiệp chiếm tới 48,3%, giao thông chiếm 21,3%, đốt bỏ phế thải nông nghiệp chiếm đến 20,2%. Các hoạt động khác gây ra ô nhiễm bụi như đun nấu, đốt rác thải, cháy rừng... chỉ chiếm chưa đến 10%⁴⁶³.

Chất thải nhựa cũng là một trong các tác nhân gây ô nhiễm môi trường nặng nề tại Việt Nam do nhu cầu sử dụng phổ biến, sản xuất tăng nhanh vượt quá khả năng xử lý chất thải. Theo một báo cáo của Liên Minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) mức tiêu thụ nhựa bình quân đầu người tại Việt Nam tăng nhanh chóng ở mức 10.6% mỗi năm, từ 3,8kg/người/năm vào năm 1990 lên 81kg/người/năm vào năm 2018⁴⁶⁴. Hơn một nửa lượng rác thải nhựa phát sinh chưa được thu gom (3,6 triệu tấn/năm) do tỷ lệ thu gom thấp ở các vùng ngoại ô thành phố, tỷ lệ xả rác cao và đốt rác lộ thiên. Ngành bao bì chiếm gần 70% tổng lượng rác thải nhựa rò rỉ ra môi trường, tiếp theo là ngành dệt may đứng thứ hai về lượng rác thải nhựa rò rỉ theo giá trị tuyệt đối (32 nghìn

⁴⁶¹ Nt. Trang 112 (Ct. 501).

⁴⁶² Wendling, Z. A., Emerson, J. W., de Sherbinin, A., Esty, D. C., et al., 2020 Environmental Performance Index, 2020, New Haven, CT: Yale Center for Environmental Law & Policy. Trang 51.

⁴⁶³ Đại học Công nghệ - Trung tâm Sống và Học tập vì Môi trường và Cộng đồng, ‘Báo cáo “Hiện trạng bụi PM2.5 ở Việt Nam giai đoạn 2019-2020 sử dụng dữ liệu đa nguồn’, (2021). Bộ Tài nguyên và Môi trường, ‘Thiệt hại về kinh tế và sức khỏe do ô nhiễm không khí’, (2019). Thông tin có tại: <https://monre.gov.vn/Pages/thiet-hai-ve-kinh-te-va-suc-khoe-do-o-nhiem-khong-khi.aspx>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁴⁶⁴ IUCN, ‘Đánh giá hiệu quả các công cụ chính sách được lựa chọn để giải quyết vấn đề ô nhiễm rác thải nhựa đại dương’. Thông tin có tại: <https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/viet-nam-policy-assessment-vi-20211102.pdf>. Truy cập ngày 05/05/2022. Trang 2.

tấn), ngành thủy sản, y tế và sẫm lớp chiếm tỷ lệ nhỏ trong lượng rác thải nhựa rò rỉ tuyệt đối nhưng lại có tỷ lệ rò rỉ rất cao⁴⁶⁵.

Công tác BVMT tại các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) và làng nghề cần phải có kế hoạch, phương án giải quyết. Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, hoạt động kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các KCN (bao gồm cả các khu chế xuất) có nhiều chuyển biến tích cực. Trên 90% KCN đang hoạt động có công trình xử lý nước thải tập trung và hầu hết các KCN này có lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động⁴⁶⁶. Tuy nhiên, chỉ có 17,2% CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trong số đó, chỉ có 39,2% đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, khoảng 60% số CCN đang hoạt động chưa lập báo cáo ĐTM. Như vậy, các CCN này chưa thể có các biện pháp BVMT cụ thể, đặt ra nhiều thách thức đối với công tác BVMT. Bên cạnh đó, hoạt động BVMT ở các làng nghề cũng cần phải được quan tâm đúng mức. Trong tổng số 4.575 làng nghề hiện tại, chỉ có 16,1% làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về BVMT trong khi đó nước thải từ các làng nghề trực tiếp ra hệ thống kênh, rạch chung tác động xấu tới cảnh quan, ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ làng nghề có điểm thu gom chất thải rắn công nghiệp chỉ đạt xấp xỉ 21%. Ngoài ra, hoạt động sản xuất ở các làng nghề cũng là nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí, đặc biệt là việc sử dụng nguồn nhiên liệu than⁴⁶⁷.

Việc xử lý nước thải, chất thải trong hoạt động sản xuất kinh doanh và xử phạt hành vi vi phạm đã được quy định cụ thể nhưng công tác thực thi của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) chưa thực sự nghiêm túc. Các doanh nghiệp cho rằng, việc xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải, chất thải theo quy định pháp luật, tiêu chuẩn kỹ thuật sẽ tốn kém về chi phí tuân thủ. Trong khi đó, DNVVN hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo lại chủ yếu hoạt động tại các CCN, làng nghề hoặc tại khu dân cư. Mặc dù số lượng các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng đã hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để về ô nhiễm ngày càng tăng (năm 2017 là 52%, năm 2018 là 66,2%, 2019 là 71,7% và 2020 là 80,9%) nhưng tỷ lệ doanh nghiệp chưa hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để vẫn còn khoảng 10%⁴⁶⁸. Do đó, cần phải có các biện pháp về nâng cao năng lực kiểm soát ô nhiễm, ý thức của doanh nghiệp và giám sát của cộng đồng dân cư đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giai đoạn trước 2020, Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 (Quyết định số 1788/QĐ-TTg), tuy nhiên, kết quả xử lý các vấn đề môi trường nêu tại Quyết định này cũng chưa triệt để. Tính đến 2020, tiến độ xử lý chung trên phạm vi cả nước, trong số 435 cơ sở có tên tại Quyết định số 1788/QĐ-TTg, đã có 370 cơ sở cơ bản đã hoàn thành xử lý triệt để, không còn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, chiếm tỷ lệ 85% (trong đó có 111 cơ sở sản xuất kinh doanh, KCN, CCN, 164 bệnh viện, 77 bãi rác, 16 cơ sở giáo dục, lao động và xã hội, 02 cơ sở khác). Cả nước còn 65 cơ sở chưa hoàn thành (hoặc đang thực hiện) các biện pháp xử lý triệt để (trong đó có 05 cơ sở sản xuất kinh doanh, 01 KCN, 06 chợ, 03 lò giết mổ gia súc, 06 bệnh viện, 39 bãi rác, 05 cơ sở giáo dục, lao động và xã hội). Tiến độ xử lý của từng địa phương: 35/50 địa phương hoàn thành trên 70% việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (trong đó có 24/50 địa phương hoàn thành kế hoạch 100%, chiếm tỷ lệ 48%).⁴⁶⁹

⁴⁶⁵ Nt. Trang 2.

⁴⁶⁶ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 -2020, 2021. trang 11 (Ct. 501).

⁴⁶⁷ Nt. Trang 12 – 15.

⁴⁶⁸ Nt. Trang 137.

⁴⁶⁹ 'Kết quả xử lý cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng', (2021). Thông tin có tại: <https://monre.gov.vn/Pages/ket-qua-xu-ly-co-so-gay-o-nhiem-moi-truong-nghiem-trong.aspx>, Truy cập ngày 15/04/2022.

Bên cạnh các quy định về xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường, việc áp dụng có hiệu quả cơ chế Mở rộng trách nhiệm nhà sản xuất (EPR) cũng sẽ góp phần không nhỏ vào việc xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất, kinh doanh. Bởi lẽ khối lượng sản phẩm thải bỏ do doanh nghiệp sản xuất khá lớn và ngày càng gia tăng, theo Báo cáo của Viện KHCNMT và Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, lượng chất thải điện tử ở Việt Nam mỗi năm tăng khoảng 100.000 tấn, chủ yếu phát sinh từ hộ gia đình (đồ gia dụng điện tử), văn phòng (máy tính, máy photocopy, máy fax...)... Rác điện tử đang có tốc độ tăng nhanh gấp 3 lần so với các loại rác thải khác. Mỗi người dân Việt Nam thải ra trung bình 1,3 kg chất thải điện tử mỗi năm nhưng lượng rác thải điện tử được thu hồi, xử lý đúng quy trình rất ít⁴⁷⁰. EPR yêu cầu nhà sản xuất có trách nhiệm về tác động môi trường đối với sản phẩm của họ từ giai đoạn thiết kế đến khi thải bỏ bao gồm: thu gom, tiền xử lý như phân loại, tháo dỡ hoặc khử ô nhiễm; để chuẩn bị cho tái sử dụng, thu hồi hoặc cuối cùng là thải bỏ.⁴⁷¹ Mặc dù trách nhiệm tái chế, xử lý bao bì thải bỏ của doanh nghiệp nhằm thực thi cơ chế EPR đã được quy định tại Luật BVMT 2005, Luật BVMT 2014, Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ (Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg), Thông tư 34/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ (Thông tư 34/2017/TT-BTNMT), nhưng kết quả thực hiện còn nhiều bất cập.

Một số nhà sản xuất áp dụng các biện pháp chuyển giao trách nhiệm cho người tiêu dùng để ngăn cản việc trả lại các sản phẩm thải bỏ bao gồm cả doanh nghiệp đa quốc gia có kinh nghiệm về EPR theo chính sách của các nước phát triển. Điển hình như chính sách thu hồi của Panasonic Việt Nam theo đó Panasonic chỉ triển khai các điểm thu hồi tập trung ở các thành phố lớn bao gồm Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng, Nghệ An, Thanh Hoá, điểm thu mua chỉ nhận các sản phẩm chính hãng của Panasonic còn nguyên vẹn, không rơi vỡ, thiếu linh kiện, người tiêu dùng tự chịu trách nhiệm đưa sản phẩm đến điểm thu mua, không áp dụng chính sách đổi trả sản phẩm⁴⁷². Hay trường hợp của Samsung Việt Nam chỉ có 03 điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ tại TP. HCM, Hà Nội và Đà Nẵng, khách hàng tự chuyển giao sản phẩm thải bỏ và Samsung Việt Nam cũng tuyên bố không áp dụng chính sách quà tặng ưu đãi để trao đổi sản phẩm.⁴⁷³ Thậm chí một số doanh nghiệp còn truyền thông gây hiểu nhầm về chính sách EPR – trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp với chương trình CSR được hiểu như trách nhiệm tự nguyện của doanh nghiệp.⁴⁷⁴

Một phần nguyên nhân của thực trạng trên đến từ sự thiếu vắng các quy định về tỷ lệ thu gom và tái chế bắt buộc, hệ quả là các doanh nghiệp đẩy trách nhiệm cho người tiêu dùng, không tích cực, chủ động trong việc thu gom. Để khắc phục thực trạng trên, Luật BVMT 2020⁴⁷⁵, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định 08/2022/NĐ-CP) đã bổ sung thêm quy định về tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc. Theo đó, Luật BVMT 2020 quy định “*Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế phải thực hiện tái chế theo tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc...*”⁴⁷⁶. Danh

⁴⁷⁰ Linh Chi, ‘Thu hồi pin và rác thải điện tử: Cần “chế tài” mạnh hơn’, Báo điện tử Tài nguyên và Môi trường, (2020). Thông tin có tại: <https://baotainguyenmoitruong.vn/thu-hoi-pin-va-rac-thai-dien-tu-can-che-tai-manh-hon-317790.html#:~:text=Theo%20B%3%A1o%20c%3%A1o%20c%E1%BB%A7a%20V%1%BB%87n,m%3%A1y%20fax...>, truy cập ngày 23/4/2022.

⁴⁷¹ Liên Minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN), ‘Trách nhiệm mở rộng nhà sản xuất - Tài liệu tóm tắt’. Thông tin có tại: https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/epr_brochure_-_vn_-_final.pdf. Truy cập ngày 22/4/2022.

⁴⁷² Panasonic Việt Nam, (2016). Thông tin có tại: https://www.panasonic.com/vn/en/corporate/news/articles/20160617-collection-points-for-take-back-of-panasonic-discarded-products.html#.YmO_6flBy5c. Truy cập ngày 22/4/2022.

⁴⁷³ Samsung Việt Nam, (2016). Thông tin có tại: <https://www.samsung.com/vn/support/supportServiceCenter/>. Truy cập ngày 22/4/2022.

⁴⁷⁴ Bộ Tài nguyên và Môi trường, ‘Báo cáo Đánh giá tác động chính sách Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường’, (2021), tr. 111.

⁴⁷⁵ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 54, Điều 55 (Ct. 93).

⁴⁷⁶ Nt. Điều 54, Khoản 1.

mục sản phẩm, bao bì được tái chế kèm theo tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc được quy định chi tiết tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

Tuy nhiên, bên cạnh sự nỗ lực hoàn thiện các quy định của pháp luật thì việc nâng cao ý thức của các doanh nghiệp trong việc thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ cũng cần được quan tâm hơn nữa. Bởi hiện nay vẫn đề không chỉ tồn tại ở các DNVVN chưa có kinh nghiệm và khả năng đầu tư hệ thống xử lý sản phẩm thải bỏ mà còn ở các doanh nghiệp đa quốc gia có kinh nghiệm về EPR. Chương trình Việt Nam tái chế - VRP (Vietnam Recycles Program) là một chương trình thu hồi và tái chế chất thải điện tử miễn phí do các nhà sản xuất điện tử khởi xướng nhằm thực hiện Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg, thể hiện trách nhiệm của nhà sản xuất đối với môi trường và cộng đồng trong thu hồi và tái chế các thiết bị điện tử một cách an toàn, chuyên nghiệp và thân thiện với môi trường. Tất cả các thiết bị điện tử đã qua sử dụng được thu gom sẽ được xử lý an toàn nhằm đạt tỷ lệ thu hồi tối đa và đảm bảo quy trình xử lý rác thải điện tử chuyên nghiệp, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về môi trường.⁴⁷⁷ Chương trình hiện có 02 thành viên là Công ty TNHH HP Việt Nam và Apple Việt Nam LLC. Đây không chỉ là một điểm sáng của việc thực hiện Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg mà còn là mô hình để các doanh nghiệp có thể học hỏi hoặc liên hệ để được hỗ trợ trong việc thu hồi sản phẩm thải bỏ.

Sự cố môi trường (SCMT) tiếp tục gia tăng trong những năm qua, gây ảnh hưởng xấu tới môi trường của Việt Nam, điển hình như: sự cố tràn dầu các vùng ngoài khơi, ven biển (hàng năm có trung bình khoảng 5-6 vụ tràn dầu lớn được ghi nhận); sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố vỡ bể chứa bùn thải, các sự cố xả thải gây ô nhiễm môi trường sông hoặc ven biển, sự cố cháy rừng⁴⁷⁸... Các SCMT đã gây ra ô nhiễm nguồn nước, không khí, đất nghiêm trọng không chỉ trong phạm vi một địa bàn nhỏ mà còn gây ra ô nhiễm trên diện rộng ở các tỉnh khác nhau, thậm chí có SCMT xảy ra trên phạm vi từ 3-4 tỉnh (chiếm 35,6%), nhiều SCMT xảy ra trên địa bàn 2 tỉnh (chiếm 48,8%)⁴⁷⁹.

Qua nghiên cứu cho thấy, các SCMT liên tỉnh chủ yếu là sự cố từ hoạt động kinh doanh, như sự cố chất thải, hoá chất từ các KCN, cơ sở sản xuất (chiếm 71,9% số vụ SCMT), sự cố do tràn dầu (chiếm 12,5%). Những SCMT xuất phát từ những nguyên nhân khách quan (chỉ chiếm khoảng 25%), còn lại là các SCMT từ các nguyên nhân chủ quan, cụ thể là từ việc vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp dẫn đến sự cố như đã nêu. Theo đánh giá của Chính phủ, mặc dù đã có nhiều chuyển biến tích cực trong việc kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tuy nhiên năng lực quản trị về môi trường của các cơ quan nhà nước ở địa phương và nhiều doanh nghiệp còn yếu kém. Quan điểm không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế chưa được thực hiện triệt để. Ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của người dân, doanh nghiệp còn yếu⁴⁸⁰.

4.1.2 Vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu có tác động tiêu cực mang tính đa diện đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gây ra tình trạng gián đoạn sản xuất, kinh doanh, giảm năng suất lao động, giảm doanh thu, gián đoạn kênh vận chuyển, tăng chi phí sản xuất, đình trệ mạng lưới phân phối, giảm chất lượng sản phẩm, thiệt hại cơ sở vật chất, thiếu hụt nhân lực và gây thiếu nguồn cung nguyên vật liệu. Theo một nghiên cứu của VCCI và Quỹ Châu Á, 54% doanh nghiệp được khảo sát cho biết đã bị gián đoạn sản xuất kinh doanh do thiên tai; 51% số doanh nghiệp cũng bị giảm

⁴⁷⁷ Xem thêm thông tin về chương trình Việt Nam tái chế tại <https://www.vietnamrecycles.com/en/about>, truy cập ngày 23/04/2022.

⁴⁷⁸ Bộ Tài Nguyên và Môi trường, 'Báo cáo Hiện trạng Môi trường Quốc Gia giai đoạn 2016 - 2020', tr. 56 (Ct. 501).

⁴⁷⁹ Bùi Hoài Nam, Lưu Thị Hương và Nguyễn Thị Thu Thảo, 'Thực trạng giải quyết, khắc phục sự cố môi trường liên tỉnh ở một số tỉnh, thành phố và đề xuất giải pháp', Tạp chí Môi trường, (2020). Thông tin có tại: <http://tapchimoitruong.vn/Thuc-trang-giai-quyet-khac-phuc-su-co-MTLT-o-mot-so-tinh-thanh-pho-va-de-xuat-giai-phap>. Truy cập ngày 25/01/2022; Báo cáo công tác Bảo vệ Môi trường năm 2019 của Chính phủ gửi Quốc hội, Thông tin có tại: <https://monre.gov.vn/Pages/bao-cao-cong-tac-bao-ve-moi-truong-nam-2019.aspx>. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁴⁸⁰ Báo cáo công tác Bảo vệ Môi trường năm 2019 của Chính phủ gửi Quốc hội (Ct. 520).

năng suất lao động do thời tiết khắc nghiệt và suy giảm doanh thu; 33% doanh nghiệp từng gặp khó khăn do vùng nguyên liệu sản xuất bị thiệt hại⁴⁸¹... Các doanh nghiệp trong nước chịu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu nhiều hơn doanh nghiệp FDI ở tất cả các vùng.

Thực tiễn này cho thấy các doanh nghiệp đều phải có trách nhiệm tích cực tham gia vào ứng phó biến đổi khí hậu để hạn chế tối đa thiệt hại cho doanh nghiệp và xã hội. Tuy nhiên, theo một nghiên cứu của VCCI và Quỹ Châu Á công bố năm 2017, từng chỉ ra thực tế chưa có nhiều doanh nghiệp nắm bắt được chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai; các doanh nghiệp cũng chưa biết đến hết các khuyến khích, ưu đãi của nhà nước về ứng dụng công nghệ, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, nên cũng chưa tận dụng được hết cơ hội kinh doanh cũng như trách nhiệm của doanh nghiệp đối với ứng phó biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, các chính sách về ứng phó biến đổi khí hậu cũng chưa thật sự tập trung vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thông tin về nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam đối với biến đổi khí hậu, mức độ tác động, hành động của doanh nghiệp... cũng còn hạn chế⁴⁸².

Việt Nam đã phê chuẩn Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu (1992), Nghị định thư Kyoto (1997), và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (2016). Những văn kiện này đã đặt ra các ràng buộc pháp lý để giảm lượng phát thải khí nhà kính. Thực thi các ràng buộc pháp lý này, Việt Nam đã có một số biện pháp như tăng cường sự tham gia của khu vực công và tư nhân trong việc thực hiện các đóng góp quốc gia nhằm giảm phát thải khí nhà kính⁴⁸³, như xây dựng cơ chế mua bán tín chỉ các-bon (carbon), sản xuất phát thải thấp, trồng rừng và cây xanh... nhưng các biện pháp này chưa phát huy được hiệu quả trong thời gian qua⁴⁸⁴. Bên cạnh đó tại Hội nghị thượng đỉnh khí hậu được tổ chức trong khuôn khổ COP26, Việt Nam cũng đã có cam kết về việc “xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ bằng nguồn lực của mình, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, nhất là các nước phát triển, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050⁴⁸⁵. Cam kết gây ấn tượng và nhận được nhiều phản hồi tích cực từ dư luận quốc tế, thể hiện quyết tâm và tham vọng của Việt Nam trong vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu⁴⁸⁶. Để tăng cường công tác thực thi các cam kết quốc tế và cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2050⁴⁸⁷. Chiến lược đòi hỏi cần phải có giải pháp và quyết tâm thực thi của các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp.

Luật BVMT 2020 và văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định về tổ chức và phát triển thị trường các-bon; lộ trình và thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước⁴⁸⁸. Những văn bản này

⁴⁸¹ VCCI và Quỹ châu Á, Báo cáo ‘Thích ứng để thành công - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với doanh nghiệp Việt Nam’ (2020), tr. 15. Báo cáo tập hợp phản hồi của hơn 10.000 doanh nghiệp đang hoạt động ở tất cả 63 tỉnh thành trên cả nước. Trong đó có hơn 8.000 doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước và gần 1.600 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đây có thể xem là cuộc điều tra doanh nghiệp có quy mô lớn nhất từ trước đến nay về chủ đề rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Thông tin có tại: https://asiafoundation.org/wp-content/uploads/2020/10/Adapting-to-Succeed_Assessing-the-Impact-of-Climate-Change-on-Vietnamese-Businesses_VN_2020.pdf. Truy cập ngày 25/01/2022.

⁴⁸² VCCI và Quỹ Châu Á, ‘Báo cáo Thích ứng để thành công - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với doanh nghiệp Việt Nam’, (2020), tr. 28.

⁴⁸³ Bộ Tư pháp - UNDP Việt Nam, ‘Báo cáo Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm’, tr.66 (Ct. 9).

⁴⁸⁴ Chí Kiên, ‘Xây dựng Đề án thành lập thị trường carbon, Báo Chính phủ’, (2022). Thông tin có tại: <https://baochinhphu.vn/xay-dung-de-an-thanh-lap-thi-truong-carbon-102220126183214786.htm>. Truy cập ngày 22/02/2022.

⁴⁸⁵ Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại COP 26. Thông tin có tại: <https://nhandan.vn/moi-truong/ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-phuc-hoi-tu-nhien-phai-tro-thanh-uu-tien-cao-nhat--672097/>. Truy cập ngày 05/05/2022.

⁴⁸⁶ Hoàng Hà, Văn Toàn, Trung Hưng, ‘COP26 và dấu ấn Việt Nam’. Thông tin có tại: https://special.nhandan.vn/COP26_Vietnam/index.html#group-section-CAM-KET-CUA-VIET-NAM-cmS6dEZOEK. Truy cập ngày 05/05/2022.

⁴⁸⁷ Quyết định 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

⁴⁸⁸ Nghị định 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon.

được coi là thúc đẩy giúp doanh nghiệp và toàn xã hội thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính với chi phí thấp, thúc đẩy phát triển công nghiệp phát thải thấp, chuyển đổi mô hình nền kinh tế theo hướng các-bon thấp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và thực hiện cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính theo quy định của Thỏa thuận Paris⁴⁸⁹. Tuy nhiên, do các quy định mới được ban hành nên cần phải có các biện pháp, cơ chế thực thi quy định pháp luật mạnh mẽ, có hiệu quả. Bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện và tăng cường cơ chế thực thi chiến lược quốc gia, quy định pháp luật về ứng phó biến đổi khí hậu thì việc khuyến khích, nhân rộng các ý tưởng, xu hướng phát triển kinh tế xanh cũng góp phần đáng kể vào công tác ứng phó biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Điển hình như việc phát triển ngành xe điện giảm phát thải, xu hướng “Môi trường, Xã Hội và Quản trị” (ESG), chương trình cấp nhãn sinh thái, hoạt động mua sắm công xanh, xu hướng chuyển dịch năng lượng.

Theo báo cáo của Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC) công bố ngày 04/04/2020⁴⁹⁰ đã chỉ ra sự nghiêm trọng của biến đổi khí hậu toàn cầu cũng như những giải pháp cần được thực thi để giải quyết vấn nạn này, trong đó có việc phát triển xe điện. Các nhà nghiên cứu nhận định công nghệ kỹ thuật giúp cho giá thành của năng lượng tái tạo ngày càng giảm và việc đầu tư vào xe điện là một trong những yếu tố quan trọng nhất để mở ra con đường chống lại biến đổi khí hậu.⁴⁹¹ Trong Báo cáo triển vọng năng lượng Việt Nam 2019 cũng nêu rõ dầu sẽ là nhiên liệu nhập khẩu chính và việc tập trung vào các phương tiện giao thông sử dụng năng lượng hiệu quả sẽ làm giảm phụ thuộc vào nhập khẩu dầu, do đó khuyến nghị tăng cường sử dụng các phương tiện giao thông hiệu quả năng lượng thông qua các chính sách khuyến khích về kinh tế và các tiêu chuẩn về hiệu suất năng lượng tối thiểu⁴⁹². Điều này cũng phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định 450/QĐ-TTg của Việt Nam⁴⁹³. Một số chính sách, ưu đãi cho ngành xe điện đã được ban hành như Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công (Luật số 03/2022/QH15), thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng cho xe con chạy điện bằng pin từ 09 chỗ trở xuống giảm xuống còn 3% trong 05 năm đầu, ở 02 năm tiếp theo, thuế tiêu thu đặc biệt tăng lên 11%⁴⁹⁴. Hay như theo Nghị định 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ Quy định về lệ phí trước bạ (Nghị định 10/2022/NĐ-CP), ô tô điện trong 03 năm đầu khi lăn bánh chịu lệ phí trước bạ 0%⁴⁹⁵.

Bên cạnh đó, hình thành thói quen sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong mọi hoạt động xã hội, giảm cường độ năng lượng trong các ngành nghề, lĩnh vực kinh tế. Tiết kiệm năng lượng trở thành hoạt động thường xuyên đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và các ngành kinh tế trọng điểm tiêu thụ nhiều năng lượng, hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Mặc dù Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được Quốc hội ban hành năm 2010 đến nay đã hơn 12 năm nhưng trong thực tiễn vẫn gặp phải những khó khăn, tồn tại. Việc đầu tư, cải tạo, nâng cấp các thiết bị dây truyền công nghiệp trong các ngành công nghiệp thép, giấy, nhựa, sản xuất phân bón, sản xuất bia và nước giải khát đòi hỏi phải có nguồn vốn đầu tư rất lớn, là rào cản cho việc cải tiến công nghệ, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Năm 2019, theo “*Khảo sát mới đây của Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ (BỘ*

⁴⁸⁹ Chí Kiên, ‘Xây dựng Đề án thành lập thị trường carbon, Báo Chính phủ’. (Ct. 525).

⁴⁹⁰ IPCC, ‘Climate Change 2022’. Thông tin có tại: https://report.ipcc.ch/ar6wg3/pdf/IPCC_AR6_WGIII_FinalDraft_FullReport.pdf. Truy cập ngày 13/04/2022.

⁴⁹¹ Liên Hợp Quốc, ‘Đầu tư xe điện mở ra con đường chống biến đổi khí hậu’, Báo Thanh niên, (2022). Thông tin có tại: <https://thanhnien.vn/lien-hop-quoc-dau-tu-xe-dien-mo-ra-con-duong-chong-bien-doi-khi-hau-post1446570.html>. Truy cập ngày 14/04/2022.

⁴⁹² Cục Điện lực và Năng lượng Đan Mạch, ‘Báo cáo triển vọng năng lượng Việt Nam 2019’, (2019) tr. 44. Thông tin có tại: <https://media.depp3.vn/Images/User/quantri/2022/2/vietnamenergyoutlookreport2019v.pdf>. Truy cập ngày 04/05/2022.

⁴⁹³ Quyết định 450/QĐ-TTg, Điều 1, mục I, khoản 2 (Ct. 485).

⁴⁹⁴ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 do Quốc hội ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự, Điều 8

⁴⁹⁵ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ, Điều 8, khoản 5, điểm c

*Khoa học và Công nghệ) cho biết, chỉ có 23% số các DN được điều tra có hoạt động đổi mới, cải tiến công nghệ*⁴⁹⁶, trong khi đó việc thay đổi, cải tiến công nghệ, quy trình sản xuất có tác động rất lớn đến việc giảm lượng tiêu thụ năng lượng.

Để thúc đẩy doanh nghiệp chú ý tới việc thay đổi công nghệ trong hoạt động kinh doanh, mới đây Chính phủ đã ban hành Quyết định 138/QĐ-TTg ngày 26/1/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Theo đó, bổ sung thêm mục tiêu cụ thể của đề án là: Đến năm 2025, cơ sở dữ liệu 4.000 hồ sơ công nghệ nước ngoài được tổng hợp; 400 công nghệ được chuyển giao; 10 công nghệ được giải mã, làm chủ; 4.000 cán bộ, kỹ thuật viên, quản trị viên trong các doanh nghiệp, tổ chức được tập huấn, đào tạo về tìm kiếm công nghệ, giải mã làm chủ công nghệ, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến; thiết lập mạng lưới 200 đối tác công nghệ quốc tế; số lượng dự án FDI có chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước tăng trung bình 10%/năm; 30% doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực trong các ngành ưu tiên có đầu tư hạ tầng nghiên cứu phát triển phục vụ chuyển giao, hấp thụ công nghệ. Đến năm 2030, cơ sở dữ liệu 10.000 hồ sơ công nghệ nước ngoài được tổng hợp; 1000 công nghệ được chuyển giao; 30 công nghệ được giải mã, làm chủ; 10.000 cán bộ, kỹ thuật viên, quản trị viên trong các doanh nghiệp, tổ chức được tập huấn, đào tạo về tìm kiếm công nghệ, giải mã làm chủ công nghệ, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến; thiết lập mạng lưới 500 đối tác công nghệ quốc tế; số lượng dự án FDI có chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước tăng trung bình 15%/năm; 70% doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực trong các ngành ưu tiên có đầu tư hạ tầng nghiên cứu phát triển phục vụ chuyển giao, hấp thụ công nghệ. Tại Quyết định số 280/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030, Chính phủ đã nêu rõ mục tiêu đến năm 2025 có thể kể đến như đạt 70% khu công nghiệp và 50% cụm công nghiệp được tiếp cận, áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; đảm bảo 100% cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm áp dụng hệ thống quản lý năng lượng theo quy định;... . Mục tiêu đến năm 2030, đạt 90% khu công nghiệp và 70% cụm công nghiệp được tiếp cận, áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; đạt 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng và phê duyệt kế hoạch/chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương;... Các chính sách/hành động nêu trên sẽ giúp các doanh nghiệp tiếp cận được nguồn công nghệ hữu hiệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần giảm thiểu việc sử dụng năng lượng, bảo vệ môi trường.

Xu hướng các doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn “Môi trường, Xã Hội và Quản trị” (ESG) để phát triển bền vững đang phát triển trên toàn cầu và ở Việt Nam. Các nhà đầu tư, quỹ đầu tư cũng dần chú trọng đầu tư vào các doanh nghiệp có xu hướng áp dụng các tiêu chuẩn phát triển bền vững. Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) đã có Chỉ số phát triển bền vững (Vietnam Sustainability Index - VNSI) để đánh giá các công ty có điểm phát triển bền vững tốt nhất được niêm yết trên HOSE thuộc VN100. Chỉ số này giúp các nhà đầu tư có thêm được thông tin để đánh giá các doanh nghiệp. Tuy nhiên, số lượng các doanh nghiệp đáp ứng được các tiêu chí đánh giá của VNSI mới chỉ có 20 doanh nghiệp trong tổng số 100 doanh nghiệp hàng đầu (VN100) của sàn giao dịch chứng khoán VN Index.

Áp dụng ESG tại các doanh nghiệp không chỉ tác động tích cực tới việc bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu mà giúp Việt Nam đạt được cam kết không phát thải (net zero) vào năm

⁴⁹⁶ Phạm Trung Hải, ‘Một số vấn đề về đổi mới công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam’, Tạp chí Tài chính online, (2019). Thông tin có tại: <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/mot-so-van-de-ve-doi-moi-cong-nghe-cua-doanh-nghiep-viet-nam-310714.html>, truy cập ngày 05/05/2020.

2050. Một trong các vấn đề bất cập để thúc đẩy áp dụng ESG tại Việt Nam là số lượng doanh nghiệp biết và áp dụng ESG ở Việt Nam còn ít nên cần phải có các kế hoạch hành động cụ thể. Một số doanh nghiệp có kế hoạch triển khai ESG còn gặp một số khó khăn nhất định nên chưa thể triển khai các hoạt động dự kiến về giảm phát thải.

Xu hướng áp dụng sản xuất “xanh”

Hiện nay, xu hướng tiêu dùng xanh đang phát triển tác động tới mô hình sản xuất, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp áp dụng phương thức sản xuất “xanh”, như phân loại và thu gom rác thải nhựa, biến CO₂ từ khí thải công nghiệp thành các hóa chất và khoáng chất hữu ích, sử dụng điện từ nguồn năng lượng tái tạo, như Unilever, Samsung, Lego⁴⁹⁷, NS BlueScope Việt Nam⁴⁹⁸,....

Chương trình cấp nhãn sinh thái (Nhãn xanh Việt Nam) theo Quyết định số 253/QĐ-BTNMT ngày 05/03/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Chương trình cấp nhãn sinh thái (Quyết định 253/QĐ-BTNMT) đã được triển khai trên toàn quốc từ tháng 03/2009 nhằm cải thiện và duy trì chất lượng môi trường sống bằng cách giảm thiểu tiêu thụ năng lượng và vật liệu cũng như các loại chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm và các dịch vụ tiêu thụ cho cuộc sống. Với “Nhãn xanh Việt Nam”, doanh nghiệp có nhiều cơ hội khẳng định thương hiệu, uy tín của mình đối với người tiêu dùng. Nếu như trước đây, các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ⁴⁹⁹ đối với hoạt động đầu tư, sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường còn phức tạp, không rõ ràng, chưa cụ thể, khó thực thi trên thực tế khiến các doanh nghiệp không có động lực để thực hiện các thủ tục gắn Nhãn xanh Việt Nam cho sản phẩm. Hơn nữa, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn dè dặt trong việc đầu tư, sử dụng công nghệ, phương thức quản lý và áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp để đầu tư, sản xuất các sản phẩm đáp ứng yêu cầu gắn Nhãn xanh Việt Nam. Trong khi đó, các doanh nghiệp phải đạt được các yêu cầu bảo vệ môi trường thì mới được gắn nhãn, nghĩa là phải bỏ ra một khoản tiền để đầu tư vào tới mức 20% tổng chi phí sản phẩm dành cho hàng hóa.

Theo Quyết định 76/QĐ-TTg ngày 11/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định 76/QĐ-TTg) cũng đã nêu rõ các nhiệm vụ cụ thể để nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam theo hướng bền vững, thay đổi hành vi tiêu dùng, thực hiện lối sống bền vững⁵⁰⁰. Đến nay Nghị định 08/2022/NĐ-CP⁵⁰¹ đã khái quát các ưu đãi, hỗ trợ (đất đai, vốn đầu tư, thuế, phí, lệ phí, hỗ trợ hoạt động quảng bá,...) về bảo vệ môi trường đối với doanh nghiệp kinh doanh sản xuất dịch vụ thân thiện môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam, đã giải quyết được phần nào bất cập liên quan đến cơ sở pháp lý nêu trên.

Tuy nhiên, việc chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp, thêm vào đó là khó khăn về tài chính vẫn sẽ còn là nguyên nhân ảnh hưởng đến việc phát triển “Nhãn xanh Việt

⁴⁹⁷ Nhật Thu, ‘Xanh hoá sản xuất – xu hướng của doanh nghiệp FDI, Báo Pháp luật Việt Nam’, (2021). Thông tin có tại: <https://baophapluat.vn/xanh-hoa-san-xuat-xu-huong-cua-doanh-nghiep-fdi-post416305.html>. Truy cập ngày 22/02/2022; Vĩnh Cẩm, ‘Tại sao Lego chọn Việt Nam để đặt nhà máy trung hoà carbon đầu tiên?’, Sài Gòn Giải Phóng, (2021). Thông tin có tại <https://www.saigondautu.com.vn/ho-so/tai-sao-lego-chon-viet-nam-de-dat-nha-may-trung-hoa-carbon-dau-tien-99943.html>. Truy cập ngày: 25/01/2022.

⁴⁹⁸ Dũng Trần, ‘Dấu chân tiên phong của NS BlueScope trong chiến lược ‘xanh hóa’ nền kinh tế’, Kinh tế Sài Gòn Online, (2022). Thông tin có tại: <https://thesaigontimes.vn/dau-chan-tien-phong-cua-ns-bluescope-trong-chien-luoc-xanh-hoa-nen-kinh-te/>. Truy cập ngày 24/4/2022.

⁴⁹⁹ Nghị định 19/2015/NĐ-CP, Điều 40 khoản 3, Điều 42 khoản a điểm b, Điều 44, Điều 47 khoản 1, Phụ lục III, stt12; Luật Đầu tư 2014, Điều 16 khoản 3; Luật Đất đai 2013, Điều 110, điểm a, điểm g; Nghị định 46/2014/NĐ-CP, Điều 19 khoản 10, Điều 20 khoản 5; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Điều 13, Điều 14; Nghị định 32/2019/NĐ-CP, Điều 8 khoản 2.

⁵⁰⁰ Quyết định 76/QĐ-TTg ngày 11/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Mục III, khoản 4, khoản 5.

⁵⁰¹ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 ban hành bởi Chính phủ, Điều 131, Điều 132 khoản 3, Điều 133 khoản 1 điểm b, khoản 2, khoản 4, khoản 5, Điều 134, Điều 135, Điều 136, Điều 137, Điều 145 khoản 2, Mục 2; Luật Đầu tư 2020, Điều 16 khoản 3; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Điều 13, Điều 14.

Nam”. Do vậy, bên cạnh việc có chính sách hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp thì hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp hướng tới việc kinh doanh bền vững là vô cùng quan trọng, thông qua đó cần làm nổi bật được hai vấn đề của doanh nghiệp: (i) nhận thức được phát triển bền vững tạo ra giá trị của doanh nghiệp và (ii) có kế hoạch tài chính dài hạn theo tiến trình để chuyển đổi, tạo kim chỉ nam giúp cho doanh nghiệp hành động. Đồng thời, Nhà nước cũng cần có những hoạt động cung cấp thông tin, hỗ trợ pháp lý đối với các doanh nghiệp khi các doanh nghiệp thực hiện thủ tục để được cấp Nhãn xanh Việt Nam; đầu tư, sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường.

Hoạt động mua sắm công xanh đang ngày càng trở nên phổ biến ở các nước trên thế giới nhằm mục tiêu hướng tới phát triển bền vững. Một số quốc gia Châu Á đang nỗ lực triển khai mua sắm công xanh từ cấp độ tự nguyện đến bắt buộc và đã thu được những kết quả đáng ghi nhận⁵⁰². Cũng nằm trong xu thế chung, Việt Nam ngày càng đề cao các hoạt động cắt giảm khí thải, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, giảm thiểu các tác động môi trường trong quá trình sản xuất và tiêu dùng, thực hiện mua sắm xanh. Theo Quyết định 76/QĐ-TTg nêu rõ mục tiêu giai đoạn 2016-2020 nâng tỷ trọng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường trong cơ cấu chi tiêu công của Chính phủ; hoàn thiện khung pháp lý quy định, hướng dẫn thực hiện mua sắm công xanh bằng việc xây dựng và hoàn thiện chính sách thúc đẩy hoạt động mua sắm công xanh; ban hành danh mục các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường ưu tiên trong mua sắm công; thực hiện hoạt động mua sắm xanh, ưu tiên đẩy mạnh các hoạt động về mua sắm công xanh; nghiên cứu triển khai áp dụng thí điểm và nhân rộng mô hình mua sắm công xanh⁵⁰³. Theo đó, chính sách mua sắm công (hay còn gọi là mua sắm xanh) đã được quy định tại Điều 146 Luật BVMT 2020, Điều 136 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, trong đó có việc hạng mục mua sắm hoặc đầu tư công trong các dự án đầu tư, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ ưu tiên sử dụng, tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam. Khi xây dựng hồ sơ mời thầu đối với hoạt động mua sắm công, các yêu cầu mua sắm, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam cần được đưa vào trong tiêu chí lựa chọn nhà thầu. Đây được xem là các văn bản mang tính bắt buộc đối với thực hiện mua sắm công xanh, tạo tiền đề và góp phần thúc đẩy hoạt động mua sắm công hiệu quả.

Theo dự báo nếu Nhà nước không tạo điều kiện cho việc chuyển dịch năng lượng, thì trong vòng một thập kỷ tới phát thải CO₂ và PM_{2.5} từ ngành điện sẽ tăng gấp đôi⁵⁰⁴. Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 11/02/2020 về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2045 (Nghị quyết 55) chỉ đạo phải “ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch... có lộ trình giảm tỉ trọng điện than một cách hợp lý... sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường phải được xem là quốc sách...” Nghị quyết 55 đặt ra các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp cụ thể, như phát triển nhiệt điện than ở mức hợp lý, ưu tiên phát triển điện gió và điện mặt trời. Xu hướng chuyển dịch năng lượng từ năng lượng than sang năng lượng tái tạo tại Việt Nam đang diễn ra.

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2050 và các cam kết của Việt Nam tại COP 26 tiếp tục thúc đẩy nhanh cho xu hướng chuyển dịch năng lượng. Chiến lược khẳng định quan điểm “tăng trưởng xanh lấy con người làm trung tâm, giúp giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của con người trước biến đổi khí hậu; khuyến khích lối sống có trách nhiệm của

⁵⁰² Nguyễn Thị Quỳnh Hương và Nguyễn Hải Yến, ‘Kinh nghiệm mua sắm công xanh của một số quốc gia Châu Á’, Tạp chí môi trường, (2018). Thông tin có tại: <http://tapchimoitruong.vn/dien-dan--trao-doi-21/Kinh-nghi%E1%BB%87m-mua-s%E1%BA%AFm-c%C3%B4ng-xanh-c%E1%BB%A7a-m%E1%BB%99t-s%E1%BB%91-qu%E1%BB%91c-gia-ch%C3%A2u-%C3%81-14810>, Truy cập ngày 15/04/2022.

⁵⁰³ Quyết định 76/QĐ-TTg, Mục II khoản 2 điểm a, Mục III khoản 1, khoản 5 (Ct. 542).

⁵⁰⁴ VietSE, ‘Khuyến nghị chính sách Năng lượng tái tạo phi tập trung: Thay đổi logic quy hoạch điện lực Việt Nam’, (2021), tr. 8.

*từng cá nhân đối với cộng đồng và xã hội, định hướng thế hệ tương lai về văn hóa sống xanh, hình thành xã hội văn minh, hiện đại hài hòa với thiên nhiên và môi trường”.*⁵⁰⁵.

Mặc dù có những chủ trương như vậy, vấn đề đặt ra các quy hoạch ngành như Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII), quy hoạch phát triển kinh tế xã hội quốc gia hay địa phương, quy hoạch phát triển đô thị... cần phải chú ý tới xu hướng chuyển dịch năng lượng. Quy hoạch điện VIII chú trọng tới các nguồn phát điện năng lượng tái tạo, như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sóng biển⁵⁰⁶. Việc có sự điều chỉnh này được xem phù hợp với xu thế chuyển dịch sang nguồn năng lượng xanh, sạch diễn ra mạnh mẽ sau hội nghị COP 26 và thực tiễn phát triển rất nhanh của khoa học công nghệ. Trong thời gian sắp tới, các quy định pháp luật cần tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, chế tạo có thể mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị có nguồn điện sạch với đơn vị sử dụng điện như trường hợp của Samsung hay Lego.

Một nội dung quan trọng khác trong công tác ứng phó biến đổi khí hậu là việc bảo vệ và phát triển rừng. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2050 cũng đặt ra mục tiêu đến năm 2030 đạt tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%⁵⁰⁷, đây cũng là tỷ lệ che phủ rừng cả nước tính đến 31/12/2020⁵⁰⁸. Để có thể duy trì ổn định tỷ lệ này và đạt mục tiêu 42 – 43% vào năm 2050, cần có các biện pháp hiệu quả và thiết thực nhằm bảo vệ và phát triển rừng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, điển hình như vấn đề khai thác gỗ hợp pháp. Theo một báo cáo của VCCI vào tháng 03/2021 qua rà soát các gói thầu mua sắm sản phẩm gỗ trên VNEPS 2016 -2018 và khảo sát các nhà thầu cung cấp gỗ cho các gói thầu mua sắm công có 77% hồ sơ không có yêu cầu về bất kỳ khía cạnh nào của gỗ hợp pháp; 23% hồ sơ chỉ đề cập đến một số khía cạnh của gỗ hợp pháp (tuân thủ pháp luật thương mại, sở hữu trí tuệ); 11% hồ sơ đặt hàng gỗ quý Nhóm I – II (rủi ro cao về tính bất hợp pháp); 74% nhà thầu từng dùng gỗ quý Nhóm I-II nhập khẩu, 50% từng dùng gỗ quý trong nước; 80% trường hợp dùng gỗ quý là theo yêu cầu của bên mời thầu⁵⁰⁹. Thực tế nêu trên cho thấy hiện nay hoạt động khai thác gỗ vẫn đang chú trọng đến lợi ích kinh tế nhiều hơn so với vấn đề bảo vệ và phát triển rừng. Điều này có thể dẫn đến việc giảm tỷ lệ che phủ rừng do hành vi khai thác gỗ bất hợp pháp, không thể kiểm soát và trực tiếp ảnh hưởng đến vấn đề biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

4.1.3 Công khai thông tin môi trường

Với tư cách là thành viên của CPTPP, Việt Nam cần thúc đẩy sự minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân trong các chủ đề có liên quan đến bảo vệ môi trường⁵¹⁰. Luật BVMT 2020 quy định người dân có quyền được biết thông tin về dự án và được tham gia quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường cũng như giám sát các vấn đề môi trường. Trong giai đoạn trước đây, người dân khó khăn trong việc tiếp cận thông tin về các dự án trước khi xây dựng, số lượng dự án được cấp phép không nhiều. Một số SCMT gần đây ảnh hưởng trực tiếp đến người dân, như: sự cố cháy nhà máy Rạng Đông, sự cố dầu thải bần làm ô nhiễm nguồn nước Sông Đà..., thì lại chậm trễ trong việc được công khai thông tin nên dẫn đến bức xúc trong xã hội.

⁵⁰⁵ Quyết định 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

⁵⁰⁶ Thông báo số 92/TB-VPCP ngày 31/03/2022 của Văn phòng Chính phủ kết luận của thường trực Chính phủ về quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, mục 4, mục 5.

⁵⁰⁷ Quyết định 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

⁵⁰⁸ Tổng Cục Thống kê, 'Niên giám thống kê 2020' (2020) tr. 572.

⁵⁰⁹ Nguyễn Thị Thu Trang, 'Bảo đảm gỗ hợp pháp trong đấu thầu mua sắm sản phẩm gỗ, 2021', Hội thảo Bảo đảm gỗ hợp pháp trong đấu thầu mua sắm công ở Việt Nam – Thực thi Hiệp định VPA-FLEGT do VCCI tổ chức vào ngày 31/3/2022. Thông tin có tại https://aecvcci.vn/Modules/News/Uploaded/Document/2021040616450277_pdf.pdf Truy cập ngày 16/4/2022.

⁵¹⁰ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Điều 20.7 và 20.8 (Ct. 33).

Luật BVMT 2020 và các văn bản hướng dẫn Luật BVMT 2020 đã có các quy định cụ thể về nghĩa vụ của không chỉ cơ quan Nhà nước mà chính các doanh nghiệp, chủ đầu tư dự án đều phải thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin về môi trường gồm thông tin về chất lượng môi trường, chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; công tác BVMT của dự án đầu tư, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; thông tin về chất thải rắn, nguy hại, nước thải, khí thải... và các thông tin về chỉ tiêu, chỉ số môi trường, di sản, nguồn gen, công tác BVMT. Trách nhiệm về thu nhận, lưu trữ, quản lý thông tin về môi trường được quy định rõ cho các chủ dự án đầu tư, các cơ quan nhà nước...⁵¹¹ Quy định của Luật BVMT 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã làm rõ ràng hơn phạm vi các thông tin về môi trường cần phải giữ bí mật theo Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước 2018⁵¹². Tuy nhiên, Luật BVMT trước đây và Luật BVMT 2020 hiện hành không quy định cụ thể về thời điểm công khai thông tin môi trường dẫn đến tình trạng doanh nghiệp không chủ động công khai thông tin môi trường⁵¹³. Quy định pháp luật về BVMT hiện nay chỉ khuyến khích tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin về môi trường⁵¹⁴. Theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP có quy định chi tiết thông tin môi trường mà doanh nghiệp cần công khai, yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, CCN, chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục nước thải, bụi, khí thải công nghiệp (trừ các thông tin thuộc bí mật Nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật). Những thông tin này phải được đăng trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, hoặc công khai tại trụ sở UBND nơi dự án hoặc cơ sở triển khai, hoạt động. Thông tin phải được công khai chậm nhất không quá 5 ngày sau khi có kết quả quan trắc, quyết định phê duyệt của cơ quan chức năng⁵¹⁵... Đồng thời, Nghị định 08/2022/NĐ-CP cũng đã khẳng định nhà nước có chính sách ưu tiên đầu tư thực hiện các dự án xây dựng, vận hành hệ thống thông tin môi trường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, chia sẻ, khai thác và cung cấp dịch vụ, giá trị gia tăng từ dữ liệu thông tin môi trường⁵¹⁶...

Do đó, cần phải có thêm các giải pháp để thúc đẩy các doanh nghiệp có trách nhiệm công khai thông tin về môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình, như thông qua khuyến khích các doanh nghiệp công khai thông tin về hoạt động kinh doanh có tác động tới môi trường và xã hội theo Bộ Quy tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng ở Việt Nam⁵¹⁷.

Theo quy định hiện hành về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, việc không cung cấp thông tin theo yêu cầu của pháp luật thì doanh nghiệp có thể sẽ bị xử lý vi phạm hành chính. Việc xử lý vi phạm hành chính bao gồm xử phạt và áp dụng biện pháp công khai thông tin trên trang thông tin điện tử hoặc báo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp tỉnh nơi xảy ra vi phạm hành chính, hoặc bị tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường; bị đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường hoặc bị đình chỉ hoạt động của cơ sở gây ô nhiễm môi trường; bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm buộc di dời địa điểm đến vị trí phù hợp với quy hoạch và sức chịu tải của môi trường; vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội. Đối với công khai thông tin môi trường, hiện nay, hành vi không công khai thông tin về mức độ rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro đối với môi trường và đa dạng sinh học khi

⁵¹¹ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 114 (Ct. 93).

⁵¹² Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước 2018, luật số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018 do Quốc hội ban hành Điều 7, khoản 6.

⁵¹³ Xuân Long, 'Sửa Luật Bảo vệ môi trường, cần thêm quy định về công khai báo cáo đánh giá môi trường', Tuổi trẻ, (2020). Thông tin có tại: <https://tuoitre.vn/sua-luat-bao-ve-moi-truong-can-them-quy-dinh-ve-cong-khai-bao-cao-danh-gia-moi-truong-20201102155231989.htm>. Truy cập ngày 22/02/2022.

⁵¹⁴ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 114 khoản 3 điểm a (Ct. 93).

⁵¹⁵ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 102 (Ct. 543).

⁵¹⁶ Nt. Điều 103-107.

⁵¹⁷ Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) và Ngân hàng Thế giới (World Bank), 'Bộ Quy tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng ở Việt Nam', Nguyên tắc 8.

nhập khẩu, mua, bán, phóng thích sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen thì sẽ bị xử phạt⁵¹⁸.

Các quy định nêu trên cho thấy, các quy định và chế tài của nhà nước mới chỉ yêu cầu các doanh nghiệp không cung cấp thông tin, cung cấp thông tin không đúng cho cơ quan quản lý nhà nước. Do đó, cần phải có thêm các giải pháp để thúc đẩy doanh nghiệp công khai thông tin môi trường cho người dân.

4.1.4 Thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và công khai Báo cáo ĐTM

Báo cáo ĐTM là nhằm cung cấp những thông tin chi tiết về phân tích, khảo sát, đánh giá những tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường của các hoạt động sản xuất, kinh doanh để xây dựng giải pháp giải quyết vấn đề ô nhiễm phát sinh. Báo cáo ĐTM là cơ sở pháp lý để cơ quan chức năng cấp phép thi công, xây dựng dự án hoặc quyết định có tiếp tục thực hiện hay không. Việc lập báo cáo ĐTM là một hoạt động đòi hỏi phải có năng lực chuyên môn nên các doanh nghiệp chủ yếu thuê dịch vụ tư vấn lập báo cáo ĐTM⁵¹⁹. Do đó, vấn đề đặt ra là làm sao các doanh nghiệp có thể tiếp nhận, sử dụng các báo cáo ĐTM này trong hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả để có thể hạn chế tối đa tác động tiêu cực tới môi trường. Như trường hợp của dự án The Manor Central Park dưới đây, một số doanh nghiệp đã không chú ý trong việc lập báo cáo ĐTM trong quá trình đầu tư kinh doanh hoặc có lập báo cáo ĐTM nhưng không chú ý tới việc thực hiện theo đúng yêu cầu của báo cáo ĐTM hoặc khi thay đổi, điều chỉnh dự án đầu tư thì không thực hiện lại báo cáo ĐTM. Dẫn đến cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng gặp khó khăn trong việc giám sát thực hiện hoạt động kinh doanh theo đúng với báo cáo ĐTM.

Xử phạt vì xây dựng đô thị khi chưa có ĐTM

Tập đoàn Bitexco, chủ đầu tư xây dựng dự án The Manor Central Park không có báo cáo ĐTM đã được phê duyệt theo quy định và một số hành vi vi phạm pháp luật về BVMT và pháp luật về tài nguyên nước ... nên đã bị UBND TP. Hà Nội ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT số 3980/QĐ-XPVPHC ngày 4/9/2020.

Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), cùng với đó Công ty cổ phần Bitexco phải có biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải có biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt và xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong thời gian 9 tháng⁵²⁰.

Thẩm định báo cáo ĐTM đóng vai trò cực kỳ quan trọng đến hoạt động phê duyệt, triển khai các dự án, các hoạt động kinh doanh diễn ra trong thực tế. Thông qua thẩm định, phê duyệt và công khai báo cáo ĐTM, toàn bộ quá trình phát triển của dự án sẽ được công khai và xem xét cân bằng lợi ích giữa các bên gồm chủ dự án, Chính phủ và cộng đồng. Theo Luật BVMT 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định trách nhiệm đối với doanh nghiệp phải công khai báo cáo ĐTM, cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường cũng phải công khai quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, giấy phép môi trường, trừ các thông tin thuộc bí mật Nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tại Luật BVMT 2020⁵²¹. Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn cụ thể hơn thời điểm công khai, nơi công khai so với các quy

⁵¹⁸ Nghị định 55/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/05/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 19/11/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Điều 2.

⁵¹⁹ Văn phòng Chính phủ - Cơ quan Hợp tác quốc tế Hoa Kỳ (USAID), 'Báo cáo Chỉ số đánh giá Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính' (2020), tr. 80.

⁵²⁰ Ban biên tập Tạp chí điện tử Môi trường & Cuộc sống, '10 sự kiện môi trường nổi bật năm 2020', Tạp chí điện tử Môi trường & Cuộc sống (2020). Thông tin có tại: <https://moitruong.net.vn/10-su-kien-moi-truong-noi-bat-nam-2020/>. Truy cập ngày 24/4/2020.

⁵²¹ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 114 (Ct. 93).

định trước đây. Việc công khai báo cáo ĐTM với các dự án, đặc biệt là những dự án có tác động lớn về môi trường, khiến cộng đồng, các chuyên gia và xã hội có thêm thông tin để giám sát⁵²².

Luật BVMT 2020 quy định trách nhiệm của doanh nghiệp khi lập báo cáo ĐTM phải tham vấn cộng đồng dân cư. Nếu như trước đây, công tác tham vấn chưa được quy định cụ thể về phương pháp thực hiện, vấn đề công khai báo cáo ĐTM chỉ mang tính khuyến khích cho nên việc lấy được ý kiến của cộng đồng hay cộng đồng có thể có được thông tin về tác động môi trường của dự án chưa hiệu quả. Đến nay, pháp luật môi trường⁵²³ quy định rõ trách nhiệm thực hiện tham vấn, đối tượng tham vấn, nội dung tham vấn chủ yếu, hình thức tham vấn trong quá trình thực hiện ĐTM⁵²⁴; kết quả tham vấn cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức liên quan là thông tin quan trọng để chủ dự án nghiên cứu đưa ra giải pháp giảm thiểu tác động của dự án đối với môi trường và hoàn thiện báo cáo ĐTM của dự án. Như vậy, cơ sở pháp lý để thực thi đã có, việc triển khai trên thực tế hiệu quả đến đâu cần sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

4.1.5 Các cơ chế khắc phục còn chưa hiệu quả

Cơ chế giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường

Luật BVMT 2014 và Luật BVMT 2020 đều quy định việc giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường được thực hiện bằng 4 hình thức: (i) thương lượng, (ii) hoà giải, (iii) trọng tài, và (iv) toà án.

Khác với Luật BVMT 2014, Luật BVMT 2020 đã quy định rõ ràng “*việc giải quyết tại Tòa án được thực hiện, theo quy định về bồi thường thiệt hại dân sự ngoài hợp đồng và pháp luật về tố tụng dân sự, trừ các quy định về việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm pháp luật và thiệt hại xảy ra. Việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm pháp luật về môi trường và thiệt hại xảy ra thuộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm, gây ô nhiễm về môi trường*”⁵²⁵. Quy định mới này tháo gỡ được những khó khăn cho người dân trong việc thực hiện thủ tục khiếu kiện tại Tòa án trong các trường hợp hoạt động đầu tư kinh doanh gây ô nhiễm.

Quy định này cũng góp phần tăng cường tính hiệu quả của phương thức giải quyết tại toà án được nêu ra trong Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ.⁵²⁶

Thời hiệu khởi kiện vấn đề môi trường quá ngắn

Thời hiệu khởi kiện vấn đề môi trường được xác định theo thời hiệu của vụ án, vụ việc dân sự⁵²⁷. Trong trường hợp người dân đòi bồi thường thiệt hại về môi trường thì thời hiệu là 03 năm kể từ ngày tổ chức, cá nhân bị thiệt hại có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của tổ chức, cá nhân khác xâm phạm⁵²⁸. Thời hạn này quá ngắn để có thể biết được nguyên nhân thiệt hại bắt nguồn trực tiếp từ ô nhiễm trường để người dân có thể tiến hành thu thập chứng cứ và nộp đơn khởi kiện, chưa tính đến thời gian người dân và doanh nghiệp tiến hành thương lượng, hoà giải với nhau theo quy định của pháp luật. Nghiên

⁵²² Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 102 (Ct. 543).

⁵²³ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 33 khoản 4 (Ct. 93); Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 26 (Ct. 543); Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Điều 12 khoản 2.

⁵²⁴ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 26, khoản 1 điểm a: Việc tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp được thực hiện thông qua hình thức tham vấn họp lấy ý kiến (Ct. 543).

⁵²⁵ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 133 (Ct. 93).

⁵²⁶ Bộ Tư pháp – UNDP Việt Nam, Báo cáo Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, tr.71 (Ct. 9).

⁵²⁷ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 162, khoản 3 (Ct. 93); Bộ luật Dân sự 2015, luật số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 do Quốc hội ban hành Điều 158.

⁵²⁸ Bộ luật Dân sự 2015, Điều 588 (Ct. 569).

cứu các quy định về thời hiệu kiện về môi trường ở một số nước cho thấy, pháp luật của các nước này thường quy định một thời hiệu kiện tương đối dài để bảo vệ quyền lợi của người bị thiệt hại, như tại Pháp, thời hiệu khởi kiện môi trường là 10 năm đối với “nghĩa vụ tài chính liên quan tới những thiệt hại gây ra đối với môi trường bởi các thiết bị, công trình và các hoạt động điều chỉnh bởi luật này...”⁵²⁹. Tại Canada, thời hiệu là 10 năm sau khi yêu cầu bồi thường phát sinh⁵³⁰.

Pháp luật tố tụng chưa cho phép khiếu kiện tập thể trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Hiện nay, pháp luật tố tụng dân sự của Việt Nam mới chỉ có quy định về giải quyết tranh chấp tập thể trong lĩnh vực lao động⁵³¹, mà chưa có quy định cho những lĩnh vực khác, ví dụ như tranh chấp môi trường. Khi đó, việc khiếu kiện sẽ tuân theo quy định chung của BLTTDS 2015⁵³².

Đây cũng là vấn đề bất cập đã được nêu ra tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ⁵³³ và qua rà soát thực tiễn cho thấy do không có quy định về khiếu kiện tập thể trong lĩnh vực môi trường nên các vụ khiếu kiện môi trường của cộng đồng dân cư tại một số địa phương là tập hợp của những vụ kiện đơn lẻ. Mỗi người nguyên đơn sẽ phải chịu trách nhiệm về chuẩn bị chứng cứ liên quan kèm theo đơn kiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Việc nộp đơn kiện riêng lẻ sẽ gây tốn kém về thời gian, công sức và chi phí cho các bên tham gia vụ kiện (nguyên đơn, bị đơn, các bên tham gia tố tụng khác) và Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp. Việc cho phép khởi kiện tập thể không những sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người bị thiệt hại bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của mình mà còn giảm áp lực cho tòa án trong việc giải quyết vụ án⁵³⁴.

Trên thế giới hiện nay, kiện tập thể (class action) áp dụng tại Hoa Kỳ và các nước theo hệ thống thông luật. Các nước thuộc EU gần đây bắt đầu áp dụng đối với các vụ kiện liên quan đến bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng và cạnh tranh. Kiện tập thể thường được áp dụng đối với các vụ kiện có nhiều người bị thiệt hại, khó xác định được chính xác⁵³⁵. Tuy có tính ưu việt như vậy, bên cạnh nhiều quốc gia đã áp dụng cơ chế khởi kiện tập thể nhưng cũng có nhiều quốc gia khác đang xem xét việc áp dụng một số hình thức tố tụng tập thể. Việt Nam có thể tham khảo để xây dựng phù hợp với hệ thống pháp luật tố tụng ở Việt Nam.

Xác định thiệt hại môi trường

Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định về thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường được chia thành hai loại: (i) Thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường và (ii) Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra⁵³⁶.

Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định tương đối chi tiết các đối tượng xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường⁵³⁷, riêng đối với thiệt hại do ô nhiễm môi trường không

⁵²⁹ Luật Môi trường Pháp, Điều L152-1, Thông tin có tại: https://www.legifrance.gouv.fr/codes/article_lc/LEGIARTI000033033531/. Truy cập ngày: 24/4/2022.

⁵³⁰ Đạo luật giới hạn của Canada. Thông tin có tại: <https://www.canlii.org/en/ab/laws/stat/rsa-2000-c-l-12/#document>. Truy cập ngày 24/4/2022. Scott H.D. Bower, Russell J. Kruger and Stephanie Clark, When is an Environmental Contamination Claim Too Old to Extend the Limitation Period?, Bennett Jones, 2017. Thông tin có tại: <https://www.bennettjones.com/Blogs-Section/When-is-an-Environmental-Contamination-Claim-Too-Old-to-Extend-the-Limitation-Period> Bennett Jones. Truy cập ngày 24/4/2022.

⁵³¹ Bộ luật Lao động 2019, Điều 191 khoản 1 điểm c (Ct. 168).

⁵³² Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, Điều 189 khoản 3 (Ct. 269).

⁵³³ Bộ Tư pháp – UNDP Việt Nam, ‘Báo cáo Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm’, tr.71 (Ct. 9)

⁵³⁴ Nguyễn Tiến Lập, ‘Hoàn thiện khung khổ pháp luật trong bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường bằng tố tụng tòa án’, Báo Diễn đàn doanh nghiệp, (2019); Thông tin có tại: <https://diendandoanhnghiep.vn/giai-phap-hoan-thien-khung-kho-phap-luat-trong-boi-thuong-thiet-hai-do-o-nhiem-moi-truong-bang-to-tung-toa-an-162657.html>. Truy cập ngày 22/02/2022.

⁵³⁵ Robert H. Klonoff, ‘Why Most Nations Do Not Have U.S.-Style Class Actions’, (2015). Thông tin có tại: <https://news.bloomberglaw.com/class-action/why-most-nations-do-not-have-us-style-class-actions>. Truy cập ngày 06/05/2022.

⁵³⁶ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 130, Điều 132 (Ct. 93); Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Mục 3 (Ct. 543).

⁵³⁷ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 115, Điều 116 (Ct. 543).

khí, âm thanh, ánh sáng chưa được quy định nên còn khó khăn trong việc tính toán, xác định mức độ bồi thường thiệt hại trong khi các hành vi vi phạm môi trường này đã xuất hiện ở Việt Nam⁵³⁸. Ngoài ra, người bị thiệt hại về môi trường gặp nhiều khó khăn trong việc thu thập chứng cứ để xác định thiệt hại về tài sản lẫn sức khoẻ⁵³⁹.

Ô nhiễm tiếng ồn từ hoạt động trộn bê tông

Ô nhiễm tiếng ồn từ hoạt động của các trạm trộn bê tông được phản ánh qua nhiều vụ việc trên báo chí ở nhiều địa phương. Các cơ quan nhà nước ở địa phương nơi có các trạm trộn bê tông hoạt động gặp khó khăn trong việc xử lý triệt để việc hoạt động này do không có thiết bị đo tiếng ồn vượt quá quy định cho phép. Ngoài ra, việc xác định thiệt hại của người dân về sức khoẻ xuất phát từ tiếng ồn cũng rất khó khăn khi phải chứng minh mối quan hệ nhân quả từ tác động của tiếng ồn tới sức khoẻ của người dân. Dẫn đến người dân khó yêu cầu bồi thường thiệt hại từ các vụ việc ô nhiễm tiếng ồn⁵⁴⁰.

Hoà giải tranh chấp môi trường

Theo Luật BVMT 2014, việc giải quyết tranh chấp về môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự ngoài hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan⁵⁴¹, đến Luật BVMT 2020 ghi nhận cụ thể các cơ chế giải quyết gồm thương lượng, hoà giải, trọng tài và toà án⁵⁴². Trên thực tế, cơ chế khắc phục những vấn đề môi trường thông qua các thủ tục giải quyết khiếu nại hoặc khiếu kiện còn gặp nhiều vướng mắc, khó khăn như đã phân tích ở trên. Do đó, cơ chế hoà giải có thể vượt qua được những khó khăn, vướng mắc nêu trên, đồng thời có khả năng giữ được mối quan hệ giữa doanh nghiệp và cộng đồng dân cư địa phương.

Công tác hoà giải môi trường được quy định tại Luật BVMT 2014 với trách nhiệm được giao cho UBND cấp xã với yêu cầu là thực hiện theo pháp luật về hoà giải⁵⁴³. BLTTDS 2015 đã quy định thủ tục công nhận các thoả thuận hoà giải thành ngoài toà án⁵⁴⁴. Tuy nhiên, thủ tục hoà giải môi trường lại không có quy định cụ thể cho nên các hoạt động hoà giải môi trường chưa được ghi nhận trên thực tế. Luật BVMT 2020 tiếp tục quy định hoạt động hoà giải môi trường nhưng không quy định cụ thể về cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện công tác hoà giải môi trường như Luật BVMT 2014⁵⁴⁵. Giống với quy định trước đây về hoà giải môi trường, Luật BVMT 2020 cũng không quy định cụ thể về thủ tục giải quyết tranh chấp môi trường bằng hoà giải. Thực tiễn này sẽ là một khó khăn khi thực hiện công tác hoà giải về môi trường.

Thủ tục khiếu nại, tố cáo và yêu cầu chứng minh về ô nhiễm môi trường

Thủ tục khiếu nại, tố cáo và việc chứng minh ô nhiễm môi trường được quy định tại Luật BVMT 2020, Luật Khiếu nại 2011 và Luật Tố cáo 2018⁵⁴⁶. Tuy nhiên, người dân vẫn còn gặp nhiều khó khăn để thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, ví dụ như để đơn khiếu nại, hoặc đơn tố cáo được

⁵³⁸ Nguyễn Thị Hiền Thương, 'Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do gây ô nhiễm không khí', Tạp chí Toà án, (2019). Thông tin có tại <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen-cuu/trach-nhiem-boi-thuong-thiet-hai-do-gay-o-nhiem-khong-khi>. Truy cập ngày 22/02/2022.

⁵³⁹ V.Lê, Ô nhiễm tiếng ồn: 'Khẩn cấp và quyết liệt xử lý', Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021). Thông tin có tại: <https://dangcongsan.vn/cung-ban-luan/o-nhiem-tieng-on-khan-cap-va-quyet-liet-xu-ly-576903.html>. Truy cập ngày 22/02/2022.

⁵⁴⁰ Vũ Hải, 'Người dân khổ vì trạm trộn bê tông gây ô nhiễm', Kinh tế & Đô thị, (2021). Thông tin có tại: <https://kinhthedothe.vn/nguoi-dan-kho-vi-tram-tron-be-tong-gay-o-nhiem.html>; 'Trạm trộn bê tông gây ô nhiễm khu dân cư', Báo Hà Nội mới (2014). Thông tin có tại: <https://hanoimoi.com.vn/ban-in/Ban-doc/697322/tram-tron-be-tong-gay-o-nhiem-khu-dan-cu>; Duy Biên, 'Trạm trộn bê tông gây ô nhiễm môi trường', Báo Đồng Nai, (2018). Thông tin có tại: <http://baodongnai.com.vn/bandoc/201812/tram-tron-be-tong-gay-o-nhiem-moi-truong-2924171/>, truy cập ngày 22/02/2022.

⁵⁴¹ Luật Bảo vệ Môi trường 2014, Điều 143 khoản 3 điểm d, Điều 161 khoản 3 (Ct. 93).

⁵⁴² Nt. Điều 133.

⁵⁴³ Nt. Điều 143.

⁵⁴⁴ Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Chương XXXIII, Điều 416-419 (Ct. 269).

⁵⁴⁵ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 133 (Ct. 93).

⁵⁴⁶ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 163 (Ct. 93); Luật Khiếu nại 2011, Chương II, mục 2; Luật Tố cáo 2018, Chương IV; Nghị định 31/2019/NĐ-CP, Chương III, mục I; Bộ luật Dân sự 2015, Điều 602 (Ct. 569).

thụ lý giải quyết thì phải kèm theo các tài liệu để chứng minh hành vi gây ô nhiễm môi trường đã gây ra. Tài liệu chứng minh này có thể là một trong các văn bản: kết luận về mức độ ô nhiễm môi trường do cơ quan có thẩm quyền thực hiện; hoặc văn bản lấy ý kiến của người dân trong khu vực ô nhiễm; biên bản ghi lại các cuộc họp giải quyết ô nhiễm của các bên; hình ảnh, video chụp, quay lại hành vi gây ô nhiễm; Tài liệu chứng minh thiệt hại do ô nhiễm môi trường...

4.2 Đề xuất giải pháp

4.2.1 Đối với Nhà nước – Nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

- Nhà nước cần nâng cao năng lực giám sát môi trường ở các cơ quan quản lý môi trường tại trung ương và địa phương theo các thẩm quyền quản lý môi trường được quy định tại Luật BVMT 2020. Nhà nước cần đầu tư mới và nâng cấp hệ thống quan trắc môi trường và công khai dữ liệu quan trắc để người dân, doanh nghiệp tự giám sát, thực hiện các biện pháp khắc phục. Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách về “mua sắm xanh”.
- Thúc đẩy cơ chế Mở rộng trách nhiệm nhà sản xuất (EPR) cho sản phẩm thải bỏ một cách có hiệu quả thông qua các chính sách ưu đãi, kiểm soát việc thực thi trên thực tế, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp.
- Các địa phương cần ban hành các điều kiện, yêu cầu về kiểm soát ô nhiễm phù hợp với tình hình hình mỗi địa phương nhưng đảm bảo không trái với các nguyên tắc, quy định chung về pháp luật môi trường cũng như các pháp luật khác có liên quan. Tăng cường vai trò giám sát ô nhiễm của địa phương trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp, làng nghề để nâng cao trách nhiệm của chính những địa phương này trong việc quản lý vấn đề môi trường. Bên cạnh đó, các địa phương cần yêu cầu các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp, làng nghề phải ký cam kết về tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quy chuẩn về bảo vệ môi trường tại các làng nghề, CCN. Đồng thời, các địa phương cần xây dựng các hành động khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động tại các cụm công nghiệp, làng nghề xây dựng kế hoạch về giảm phát thải, trung hoà các-bon trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tiếp tục thúc đẩy việc xử lý ô nhiễm môi trường do hoá chất bảo vệ thực vật tại các khu vực bị ảnh hưởng, khuyến khích phát triển các hoạt động sản xuất nông nghiệp thân thiện với môi trường, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.
- Cụ thể hoá việc thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2050 cũng như các cam kết của Việt Nam tại COP 26. Ban hành và tiếp tục hoàn thiện các cơ chế hỗ trợ việc chuyển dịch sử dụng năng lượng sạch và tiết kiệm năng lượng tại Việt Nam. Nghiên cứu hình thành việc mua bán điện trực tiếp giữa các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có phát thải với các doanh nghiệp cung cấp điện sạch, năng lượng tái tạo (các nhà máy điện gió, điện mặt trời...) để thúc đẩy việc phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Hình thành thị trường tín chỉ các-bon theo định hướng chiến lược quốc gia và Luật BVMT 2020. Tiếp tục hoàn thiện các quy định và cơ chế về kiểm soát hoạt động khai thác gỗ hợp pháp trong sản xuất, kinh doanh.
- Tăng cường thúc đẩy sản xuất xanh bằng các biện pháp như cấp ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế đối với lĩnh vực, sản phẩm, sản phẩm có Nhãn Xanh, công nghệ áp dụng, đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường, công nghệ ít phát thải, công nghệ sạch, công nghệ cao... một cách rõ ràng, minh bạch. Cần khuyến khích các chỉ số về “tăng trưởng xanh” đối với các doanh nghiệp để doanh nghiệp có cơ sở tham chiếu trong việc tổ chức hoạt động kinh doanh của mình cũng như tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận được

các nguồn vốn đầu tư cho tăng trưởng xanh. Tạo điều kiện thuận lợi và xây dựng phong trào áp dụng các tiêu chí ESG trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.

- Tăng cường công tác công khai dữ liệu thông tin về môi trường do nhà nước quản lý và có trách nhiệm công bố, công khai, chia sẻ... Nhà nước xây dựng các biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp công khai thông tin về hoạt động kinh doanh có tác động tới môi trường và xã hội, báo cáo ĐMT của dự án đầu tư, như đưa yêu cầu công khai các thông tin này vào Chỉ số VNSI và các chỉ số tăng trưởng xanh khác, áp dụng cơ chế chọn lọc đầu tư cho các doanh nghiệp thực hiện tốt công tác BVMT, giảm phát thải... Tăng cường các biện pháp giám sát, thanh tra, kiểm tra việc công khai các thông tin môi trường bắt buộc đối với doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của doanh nghiệp, cá nhân, cộng đồng trong công tác BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng ngừa, đấu tranh chống vi phạm pháp luật về BVMT. Đồng thời đào tạo cho các tổ chức (liên hiệp, hiệp hội, hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ) hiểu rõ yêu cầu và tính chất quan trọng của việc kinh doanh gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường.

4.2.2 Đối với doanh nghiệp – Trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

- Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản trị môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt hoạt động kinh doanh nhạy cảm với môi trường, tăng cường vai trò chủ động của doanh nghiệp trong việc thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ do doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu.
- Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các bộ quy tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt ở Việt Nam và các quy tắc quản trị hướng tới việc bảo vệ môi trường, giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng. Các quy tắc cần chú ý tới đề cao trách nhiệm công khai thông tin về môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để có cơ hội tiếp cận với các nguồn tín dụng “xanh” và thị trường có nhu cầu “xanh” trong tương lai. Các hiệp hội doanh nghiệp cần chú trọng xây dựng các bộ quy tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt có nội dung về bảo vệ môi trường, giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng... dành cho các doanh nghiệp hội viên.
- Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp trong các chuỗi cung ứng phải thúc đẩy và giám sát các công ty trong chuỗi cung ứng, bao gồm cả chuỗi cung ứng tuân thủ quy định pháp luật, tiêu chuẩn liên quan và các nguyên tắc kinh doanh có trách nhiệm liên quan đến môi trường, lao động, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, cộng đồng dân cư và đất đai.
- Công tác tham vấn cộng đồng dân cư trong quá trình lập báo cáo ĐTM cần phải được thực hiện hiệu quả và thực chất để doanh nghiệp có thể phát triển bền vững tại địa phương trên cơ sở hài hoà được lợi ích của doanh nghiệp với cộng đồng. Doanh nghiệp cần chú ý tới việc công khai các nội dung của báo cáo ĐTM để người dân nắm bắt được những khả năng tác động tới môi trường xã hội của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Có chính sách khuyến khích các tổ chức tài chính Việt Nam và quốc tế cho chính sách “tài chính xanh” để tạo điều kiện cấp vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, sản xuất điện từ các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới và năng lượng sạch. Đặc biệt cần đẩy mạnh “tài chính xanh” cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp hoạt động tại các làng nghề, cụm công nghiệp.
- Xây dựng quy định, cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp thành lập, đóng góp và quản lý các quỹ liên quan đến môi trường, mở rộng trách nhiệm nhà sản xuất.

4.2.3 Đối với Nhà nước và doanh nghiệp – Cung cấp các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa, giảm thiểu, và đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động của

doanh nghiệp

a. Các biện pháp tư pháp

- Đối với cơ chế giải quyết tranh chấp bằng toà án, các thủ tục, yêu cầu về xác minh chứng cứ, chuẩn bị chứng cứ trong hoạt động tố tụng toà án cần phải được sửa đổi theo hướng đơn giản, thuận tiện cho người dân là nguyên đơn.
- Bộ Tư pháp, TANDTC, các toà án địa phương, UBND địa phương cần có các tài liệu hướng dẫn người dân thực hiện khiếu kiện về ô nhiễm môi trường. Cần nghiên cứu mở rộng thời hiệu khởi kiện và cho phép khởi kiện tập thể liên quan đến lĩnh vực môi trường để phù hợp với thực tiễn giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực môi trường.
- Cần quy định phương pháp tính toán mức độ bồi thường thiệt hại trong những trường hợp doanh nghiệp gây ô nhiễm về độ ồn, ánh sáng và không khí.

b. Các biện pháp phi tư pháp

- Hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường ngoài Toà án theo quy định của Luật BVMT 2020, bao gồm: thương lượng, hoà giải, và trọng tài. Để có thể phát huy tốt các định chế giải quyết tranh chấp này, Chính phủ cần ban hành các hướng dẫn cụ thể về thủ tục, vai trò của các bên trong các chế định thương lượng và hoà giải.
- Cơ chế hoà giải tranh chấp môi trường có thể nghiên cứu mô hình hoà giải tranh chấp có sự tham gia của nhiều chủ thể liên quan, như người dân địa phương, tổ chức có chuyên môn, doanh nghiệp gây ô nhiễm, chính quyền địa phương... để có thể giải quyết được các tranh chấp môi trường.
- Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên Môi trường cần thúc đẩy phát triển đội ngũ hoà giải viên về môi trường và tạo điều kiện pháp lý để các trung tâm hoà giải thương mại tham gia vào hoạt động hoà giải tranh chấp môi trường. Ngoài ra, các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương cũng cần phát triển đội ngũ hoà giải viên môi trường ở các địa phương.
- Thủ tục khiếu nại, tố cáo về ô nhiễm môi trường cũng cần được đơn giản hoá về thành phần hồ sơ kèm theo đơn khiếu nại, đơn tố cáo để người dân dễ dàng thực hiện quyền khiếu nại hành vi gây ô nhiễm môi trường của doanh nghiệp. UBND và cơ quan thanh tra các cấp, cần có các tài liệu hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục khiếu nại, tố cáo về môi trường.

c. Cơ chế phối hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp để khắc phục

- Công tác tham vấn cộng đồng dân cư trong quá trình lập báo cáo ĐTM cần được thực hiện hiệu quả và thực chất để doanh nghiệp có thể phát triển bền vững tại địa phương trên cơ sở hài hoà được lợi ích của doanh nghiệp với cộng đồng.

CHƯƠNG V. BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Việt Nam cũng đã có nhiều chính sách, văn bản pháp quy để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (NTD) trong nhiều năm qua, như Luật Thương mại 2005, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 (Luật BVQLNTD 2010), Luật Quảng cáo 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành... Ngoài ra, một số nguyên tắc về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (BVQLNTD) cũng được quy định tại BLDS 2015, Bộ luật Hình sự 2015 (BLHS 2015). Để củng cố công tác BVQLNTD, một số chính sách của Nhà nước về BVQLNTD đã được ban hành gần đây, như Chỉ thị số 30-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 22/01/2019 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng (Chỉ thị 30-CT/TW), Nghị quyết số 82/NQ-CP của Chính phủ ngày 26/05/2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TW, Quyết định 1157/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/07/2021 phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi NTD giai đoạn 2021-2030.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, Việt Nam vẫn xảy ra hàng loạt vụ việc gây ảnh hưởng đến quyền lợi NTD. Theo báo cáo của Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng (Cục CT&BVNTD) năm 2020, Cục CT&BVNTD đã tiếp nhận và giải quyết 1.428 phản ánh, khiếu nại, yêu cầu của NTD. Nhóm hành vi bị khiếu nại chủ yếu liên quan đến hành vi “không thực hiện đúng cam kết với NTD” chiếm tỷ lệ rất cao, 56,4% tổng số khiếu nại⁵⁴⁷. Theo Báo cáo tổng kết thi hành Luật BVQLNTD 2010, số vụ việc khiếu nại của NTD hàng năm được giải quyết chỉ từ 1.000-1.500 vụ việc. Số lượng này là rất nhỏ so với thực tế giao dịch tiêu dùng tại Việt Nam. Báo cáo tổng kết cũng xác định Luật BVQLNTD 2010 cũng còn nhiều bất cập.

Đối chiếu với các nguyên tắc UNGP và các nghị quyết của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc về các nguyên tắc BVQLNTD⁵⁴⁸, một số bất cập hiện nay đối với công tác BVQLNTD gắn với thực hành kinh doanh có trách nhiệm được phát hiện như sau:

4.1 Các vấn đề bất cập hiện nay

4.1.1 Trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hoá đối với NTD, đặc biệt là các sản phẩm, hàng hoá ảnh hưởng tới trẻ em và sức khoẻ của NTD và các thông tin để kêu gọi NTD có trách nhiệm với một số chỉ tiêu phát triển bền vững

Tiếp theo các phân tích về những bất cập đối với hoạt động truyền thông, quảng cáo, tiếp thị các sản phẩm đối với trẻ em ở Chương II. Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương, Luật BVQLNTD 2010 đã có quy định đối với người bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong việc cung cấp thông tin cho NTD⁵⁴⁹. Tuy nhiên, Luật BVQLNTD 2010 chỉ cấm bên bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cung cấp thông tin không đầy đủ, sai lệch, không chính xác đối với NTD⁵⁵⁰ mà chưa có quy định cụ thể cấm bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin sai lệch, không chính xác, dễ gây hiểu nhầm đối với NTD. Nghị định 99/2011/NĐ-CP cũng quy định nghĩa vụ với một số chủ thể để đảm bảo NTD nhận được hàng hóa, dịch vụ đúng chất lượng được cam kết. Đối với cá nhân hoạt động thương mại độc lập, thường xuyên, họ có nghĩa vụ bảo đảm chất lượng, số lượng, công dụng, an toàn thực phẩm của hàng hóa, dịch vụ mà mình cung cấp cho NTD⁵⁵¹. Bên cung cấp dịch vụ liên tục

⁵⁴⁷ Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng, 'Báo cáo thường niên năm 2020', (2020).

⁵⁴⁸ UNCTAD, 'United Nations guidelines for consumer protection', Thông tin có tại: <https://unctad.org/topic/competition-and-consumer-protection/un-guidelines-for-consumer-protection>, Truy cập ngày: 10/01/2022.

⁵⁴⁹ Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng, Luật số 59/2010/QH12 ngày 17/11/2010 do Quốc hội ban hành, Điều 12, Điều 13.

⁵⁵⁰ Nt. Điều 10.

⁵⁵¹ Nghị định 99/2011/NĐ-CP ban hành bởi Chính phủ ngày 27/10/2011, Điều 4, khoản 1.

sẽ có trách nhiệm phải thường xuyên kiểm tra chất lượng dịch vụ mà mình cung cấp, đảm bảo chất lượng đã cam kết với NTD⁵⁵². Theo báo cáo của Cục CT&BVNTD, trong 343 phản ánh, khiếu nại về hoạt động thương mại điện tử kéo dài từ năm 2019 đến đầu tháng 03/2020, số vụ việc có dấu hiệu liên quan đến việc chưa tuân thủ pháp luật BVQLNTD về cung cấp thông tin là 194 vụ việc, chiếm 57% tổng số vụ việc⁵⁵³.

Đối với hàng hoá, dịch vụ có ảnh hưởng tới sức khoẻ NTD, Luật BVQLNTD 2010 cấm các hành vi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của NTD⁵⁵⁴. Ngoài ra, một số quy định pháp luật khác có liên quan đến hàng hoá có ảnh hưởng tới sức khỏe của NTD như Luật An toàn thực phẩm 2010, Luật Thương mại 2005, Luật Cạnh tranh 2018, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012, BLHS 2015... Mặc dù đã có quy định pháp lý, nhưng tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm vẫn còn lớn. Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, năm 2020, toàn quốc ghi nhận 98 vụ ngộ độc thực phẩm, tổng số người bị ngộ độc là 2712 và làm thiệt mạng 22 người⁵⁵⁵.

Đối với các sản phẩm, hàng hoá dành cho trẻ em, Luật Trẻ em 2016 có những quy định cụ thể liên quan đến một số hành vi bị nghiêm cấm có liên quan đến hoạt động tiêu dùng, như: bán cho trẻ em hoặc cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em; Cung cấp dịch vụ Internet và các dịch vụ khác; sản xuất, sao chép, lưu hành, vận hành, phát tán, sở hữu, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh xuất bản phẩm, đồ chơi, trò chơi và những sản phẩm khác phục vụ đối tượng trẻ em nhưng có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em⁵⁵⁶. Luật Trẻ em 2016 cũng yêu cầu các tổ chức kinh tế “trong quá trình sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đầy đủ quy trình, tiêu chuẩn để bảo đảm cung cấp sản phẩm, dịch vụ an toàn, thân thiện với trẻ em, không gây tổn hại cho trẻ em và không vi phạm quyền của trẻ em theo quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền”⁵⁵⁷. Trong hoạt động kinh doanh thuốc lá, pháp luật đặt ra các quy định phải cung cấp thông tin về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe của trẻ em⁵⁵⁸. Tuy nhiên, theo Báo cáo quốc gia về Thanh niên Việt Nam năm 2015 của Quỹ dân số Liên Hợp quốc tại Việt Nam, tỷ lệ thanh niên hút thuốc lá trong nhóm tuổi 16-19 là 18,2% và tỷ lệ thanh niên từng say rượu trong độ tuổi 16-19 là 41,7%⁵⁵⁹. Như vậy, việc thực thi pháp luật chưa được như kỳ vọng với nhiều lý do, như lực lượng chuyên trách mỏng, việc bố trí nguồn lực, kinh phí cho công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý chưa hiệu quả dẫn đến tình trạng vi phạm các quy định pháp luật vẫn diễn ra⁵⁶⁰.

Trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hoá còn được thể hiện thông qua hoạt động quảng cáo. Luật Thương mại 2005, Luật BVQLNTD 2010 và Luật Quảng cáo 2012 đã đưa ra các quy định cụ thể để BVQLNTD trước các hành vi quảng cáo của thương nhân. Những hành vi quảng cáo không đúng sự thật nhằm lừa dối hoặc gây nhầm lẫn cho NTD đều bị cấm⁵⁶¹. Pháp luật cũng yêu cầu các bên tham gia hoạt động quảng cáo phải tự chịu trách nhiệm về các thông

⁵⁵² Nt. Điều 18, khoản 4.

⁵⁵³ Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công Thương, ‘Báo cáo giám sát thi hành pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với một số doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử’, (2021) tr. 60.

⁵⁵⁴ Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010, Điều 10 (Ct. 596).

⁵⁵⁵ Tổng cục Thống kê, ‘Động thái và thực trạng kinh tế – xã hội Việt Nam 5 năm 2016-2020’, (2021), tr. 451.

⁵⁵⁶ Luật Trẻ em 2016, Điều 6 (Ct. 429).

⁵⁵⁷ Nt. Điều 93, khoản 1.

⁵⁵⁸ Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá 2012, luật số 09/2012/QH13, Điều 10, khoản 2, điểm b.

⁵⁵⁹ Quỹ dân số Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNFPA), ‘Báo cáo quốc gia về Thanh niên Việt Nam’, (2015), tr. 66.

⁵⁶⁰ Thu Ngân, ‘Tỷ lệ nam giới trưởng thành hút thuốc lá có xu hướng giảm mạnh’, Cổng thông tin điện tử Công đoàn Việt Nam, (2021). Thông tin có tại: <http://www.congdoan.vn/tin-tuc/thoi-su-487/ty-le-nam-gioi-truong-thanh-hut-thuoc-la-co-xu-huong-giam-599219.tld>.

⁵⁶¹ Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010, Điều 10, khoản 1 (Ct. 596); Luật Quảng cáo 2012, luật số 16/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 21/6/2012, Điều 8, khoản 9, Luật Thương mại 2005, luật số 36/2005/QH11 ban hành bởi Quốc hội ngày 14/6/2005, Điều 109, khoản 7.

tin do mình cung cấp hoặc xử lý⁵⁶². Trong hoạt động thương mại điện tử, người bán hàng cũng phải tuân thủ các quy định về quảng cáo được nêu trên⁵⁶³. Thực tiễn cho thấy hoạt động quảng cáo tại Việt Nam còn nhiều bất cập, đa số các vi phạm pháp luật về quảng cáo là tạo ra những thông điệp quảng cáo bằng video để phát hành trực tuyến với nội dung không đúng sự thật, thổi phồng sự thật hoặc bịa đặt để khiến NTD nhầm tưởng⁵⁶⁴. Ngoài ra, đối với hoạt động của website khuyến mại trực tuyến. Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ khuyến mại trực tuyến chịu trách nhiệm của bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ cho NTD theo Luật BVQLNTD⁵⁶⁵. Đối với thương nhân, tổ chức, cá nhân có hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, họ có nghĩa vụ phải thực hiện đúng các cam kết về chất lượng hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại theo như thông tin đã cung cấp⁵⁶⁶.

Luật BVQLNTD 2010 đặt ra trách nhiệm của bên kinh doanh hàng hóa là phải ghi nhãn hàng hóa theo quy định pháp luật⁵⁶⁷. Quy định này cũng phù hợp với quy định của Luật Thương mại 2005 yêu cầu tất cả hàng hóa lưu thông trong nước, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đều phải có nhãn hàng hóa trừ một số hàng hóa theo quy định pháp luật⁵⁶⁸.

Văn bản hướng dẫn thi hành các văn bản luật nêu trên đều yêu cầu việc ghi nhãn hàng hóa nhằm mục đích để NTD nhận biết, làm căn cứ lựa chọn, tiêu thụ và sử dụng. Nhãn hàng hóa có thể được ghi các nội dung bắt buộc phải công khai, thông tin quan trọng để NTD biết. Đặc biệt, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa kể cả nhãn phụ có nghĩa vụ phải ghi một cách trung thực, rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng bản chất hàng hóa⁵⁶⁹. Tuy nhiên trên thực tế, các sản phẩm, hàng hoá thường không đầy đủ thông tin mà pháp luật yêu cầu, đặc biệt là các sản phẩm, hàng hoá ảnh hưởng tới trẻ em và ảnh hưởng tới sức khỏe của NTD. Theo một khảo sát của báo Chất lượng và Cuộc sống, một số loại đồ chơi độc hại không nhãn mác được bày bán trên vỉa hè có nguy cơ gây ra ung thư và ngộ độc cấp tính⁵⁷⁰.

Việc truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, hàng hoá có thể bảo vệ tốt hơn quyền lợi NTD. Kể từ năm 2019, Chính phủ đã có Đề án triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc⁵⁷¹. Tuy nhiên, để NTD có được đầy đủ thông tin về sản phẩm, hàng hoá thì cần thiết phải có các thông tin “đầu vào” của quá trình sản xuất, kinh doanh quyết định chất lượng sản phẩm, hàng hoá⁵⁷². Thông tin hàng hoá từ khâu đầu tiên trong chuỗi cung ứng, quá trình hình thành cho đến thông tin sau bán hàng đều có thể truy xuất⁵⁷³. Tuy nhiên, hoạt động truy xuất nguồn gốc thực phẩm tại Việt Nam còn nhiều sơ khai, chưa tuân theo các quy chuẩn vì phần lớn doanh nghiệp chỉ coi hoạt động này như điện tử hóa tem nhãn mà không thể hiện được đúng bản chất của hoạt động truy xuất nguồn gốc, đồng thời, NTD cũng chưa nhận thức đầy đủ về vấn đề này⁵⁷⁴. Thêm

⁵⁶² Luật Quảng cáo 2012, Điều 12 khoản 2 điểm a, Điều 13 khoản 2 điểm b và Điều 14 khoản 2 (Ct. 608).

⁵⁶³ Nghị định 52/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 16/5/2013, Điều 37, khoản 6.

⁵⁶⁴ Hồng Vinh, 'Nắn dòng quảng cáo trực tuyến đang bị "vấn đục"', VNECONOMY, (2021). Thông tin có tại: <https://vneconomy.vn/nan-dong-quang-cao-truc-tuyen-dang-bi-van-duc-647578.htm>. Truy cập ngày: 19/12/2021.

⁵⁶⁵ Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 41, khoản 9 (Ct. 610).

⁵⁶⁶ Nt. Điều 42.

⁵⁶⁷ Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng, Điều 12, khoản 1 (Ct. 596).

⁵⁶⁸ Luật Thương mại 2005, Điều 32, khoản 2 (Ct. 608).

⁵⁶⁹ Nghị định 43/2017/NĐ-CP, Điều 3, 4, 9, 10, 19.

⁵⁷⁰ Huy Phong, 'Những món đồ chơi chứa độc, gây hại cho trẻ'. Thông tin có tại: <https://chatluongvacuocsong.vn/nhung-mon-do-choi-chua-doc-gay-hai-cho-tre-d31205.html>, truy cập ngày 30/03/2022.

⁵⁷¹ Quyết định 100/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/01/2019 phê duyệt Đề án triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc.

⁵⁷² Báo Nhân dân, 'Xây dựng nền tảng tin cậy cho truy xuất nguồn gốc sản phẩm', (2021). Thông tin có tại: <https://nhandan.vn/khoahoc-congnghexay-dung-nen-tang-tin-cay-cho-truy-xuat-nguon-goc-san-pham-649338/>, truy cập ngày 19/12/2021.

⁵⁷³ Báo Công an nhân dân, 'Truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Cần minh bạch thông tin, chống gian lận thương mại', (2021). Thông tin có tại: <https://cand.com.vn/doi-hang-nghiep/truy-xuat-nguon-goc-san-pham-can-minh-bach-thong-tin-chong-gian-lan-thuong-mai-i605603/>, truy cập ngày 19/12/2021.

⁵⁷⁴ Tô Hội, 'Chuyên gia phát hiện 'điều lạ' về nguồn gốc nông sản trong siêu thị', Báo điện tử VnExpress, (2021). Thông tin có tại: <https://vnexpress.net/chuyen-gia-phat-hien-dieu-la-ve-nguon-goc-nong-san-trong-sieu-thi-4381487.html>.

vào đó, cho đến hiện nay, Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia chưa đưa vào vận hành.

Nếu tổ chức, cá nhân không cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho NTD theo đúng thỏa thuận, cam kết, hoặc không khắc phục trong trường hợp cung cấp hàng hóa, dịch vụ không đúng theo thỏa thuận, cam kết thì có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật⁵⁷⁵, trong trường hợp hàng giả thì còn bị áp dụng thêm chế tài hình sự⁵⁷⁶. Tuy nhiên, dường như mức chế tài nêu trên chưa đủ mạnh nên các hành vi phạm về cung cấp thông tin hàng hoá, dịch vụ vẫn còn nhiều. Theo Báo cáo nghiên cứu thói quen sử dụng mạng xã hội của người Việt Nam năm 2018, trong số những người cho rằng mình từng bị lừa đảo khi mua hàng trên mạng xã hội thì 80,9% gặp trường hợp chất lượng hàng hóa không như cam kết và không được đổi trả; 33,7% gặp trường hợp chất lượng hàng hóa không như cam kết, được đổi trả nhưng phải trả phí cho người bán; 24,8% gặp trường hợp đã thanh toán nhưng không nhận được hàng⁵⁷⁷.

4.1.2 Bất cập trong quy định về bảo hành hàng hóa và thu hồi hàng khuyết tật

Theo Luật BVQLNTD 2010, bảo hành hàng hóa có thể xuất phát (i) từ sự thỏa thuận giữa các bên, hoặc (ii) pháp luật quy định hàng hóa bắt buộc phải bảo hành⁵⁷⁸. Luật quy định nghĩa vụ của người bán là cung cấp thông tin về điều kiện, thời hạn, địa điểm, thủ tục bảo hành trong trường hợp hàng hóa bán cho NTD nếu hàng hóa có bảo hành⁵⁷⁹. Ngoài ra, Luật BVQLNTD 2010 cũng đặt ra yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hoá có trách nhiệm phải thu hồi hàng hóa có khuyết tật. Việc thu hồi hàng hóa phải được thực hiện ngay sau khi phát hiện ra khuyết tật hàng hóa. Trong trường hợp, hàng hóa khuyết tật gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của NTD thì người bán có nghĩa vụ phải bồi thường cho NTD đó cho dù người bán không có lỗi hoặc không biết về sự khuyết tật của hàng hóa⁵⁸⁰.

Nếu tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hoá không thực hiện các nghĩa vụ bảo hành hàng hoá hay thu hồi hàng khuyết tật như đã nêu ở trên thì có thể bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tùy thuộc vào hành vi và mức độ vi phạm⁵⁸¹. Theo thống kê của Cục CT & BVNTD, số cuộc gọi đến tổng đài tư vấn, hỗ trợ NTD 1800.6838 có một sự tăng trưởng mạnh từ hơn 11.000 cuộc gọi vào năm 2020 lên con số hơn 13.000 cuộc gọi vào năm 2021⁵⁸². Trong đó, tỷ lệ số vi phạm liên quan đến trách nhiệm bảo hành hàng hóa, linh kiện, phụ kiện có sự tăng trưởng cao ở mức 5.5% vào năm 2020⁵⁸³ lên mức 9.8% vào năm 2021⁵⁸⁴. Đa phần các hành vi thiếu trách nhiệm trong việc bảo hành bao gồm hành vi từ chối thực hiện bảo hành, không thực hiện nghĩa vụ bảo hành, không cung cấp giấy bảo hành⁵⁸⁵. Con số trên minh chứng cho một thực trạng các quy định liên quan đến cung cấp bằng chứng giao dịch, bảo hành, thu hồi hàng hóa

⁵⁷⁵ Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 do Chính phủ ban hành, Điều 9, 11, 13, 61; Bộ luật Hình sự 2015, Điều 192, 193, 194, 195.

⁵⁷⁶ Nghị định 98/2020/NĐ-CP, Điều 9 (Ct. 622).

⁵⁷⁷ Macromill South East Asia, Báo cáo nghiên cứu thói quen sử dụng mạng xã hội của người Việt Nam năm 2018.

⁵⁷⁸ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010, Điều 12, khoản 5 (Ct. 596).

⁵⁷⁹ Nt. Điều 21.

⁵⁸⁰ Nt. Điều 22, 23.

⁵⁸¹ Nghị định 98/2020/NĐ-CP, Điều 57 (Ct. 622).

⁵⁸² Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, 'Báo cáo thường niên năm 2021', tr. 37.

⁵⁸³ Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, 'Báo cáo thường niên năm 2020', tr. 52 (Ct. 594).

⁵⁸⁴ Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, 'Báo cáo thường niên năm 2021', tr. 41 (Ct. 629).

⁵⁸⁵ Trung tâm thông tin, tư vấn và đào tạo, Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, 'Tình hình hoạt động tiếp nhận, tư vấn và giải quyết yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của người tiêu dùng tại Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng năm 2020', Trang thông tin điện tử Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, (2021). Thông tin có tại: http://www.vcca.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category_id=9343771e-96be-48b5-a35d-b8ea9bc1aa93&id=ac93f7fb-5909-4452-a1bd-ee55e87565b4.

khuyết tật được thiết kế lỏng lẻo và sơ sài khiến các chủ thể liên quan gặp khó trong việc thực hiện⁵⁸⁶.

4.1.3 Bảo vệ thông tin người tiêu dùng

BLDS 2015 yêu cầu các bên trong hợp đồng có trách nhiệm bảo mật thông tin và không sử dụng thông tin mật vào mục đích riêng của mình hoặc mục đích trái pháp luật⁵⁸⁷. Vấn đề này cũng được quy định tại Luật Thương mại 2005, theo đó, bên cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ giữ bí mật về thông tin mà mình biết được trong quá trình cung ứng dịch vụ nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định⁵⁸⁸. Trong khi đó, Luật BVQLNTD 2010 quy định NTD phải được bảo vệ thông tin. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân muốn thu thập, sử dụng thông tin của NTD thì phải thông báo và công khai trước khi thực hiện. Việc sử dụng thông tin của NTD phải có sự đồng ý của NTD⁵⁸⁹. Nếu không bảo vệ thông tin NTD theo quy định pháp luật, tổ chức, cá nhân có thể bị xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện đang có một số bất cập như quy định về bảo vệ thông tin cá nhân chưa có sự đồng bộ giữa BLDS 2015, Luật Công nghệ thông tin 2006, Luật An toàn thông tin mạng 2015, Luật BVQLNTD 2010 với Nghị định 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định 64/2007/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định 90/2010/NĐ-CP, Nghị định 185/2013/NĐ-CP, Nghị định 124/2014/NĐ-CP, và Nghị định 15/2020/NĐ-CP⁵⁹⁰; thiếu quy định về thu thập thông tin NTD nằm ngoài không gian mạng; thiếu quy định bảo vệ thông tin liên quan đến sinh trắc học như vân tay, khuôn mặt, giọng nói; thiếu quy định về thu thập thông tin đối với trẻ em; thiếu quy định cho phép NTD có quyền để yêu cầu bên thu thập, sử dụng thông tin đó xóa, gỡ bỏ thông tin cá nhân của mình; và chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với chủ thể có hành vi sai trái trong việc thu thập và sử dụng thông tin của NTD⁵⁹¹. Thực tế cho thấy, NTD luôn phải cung cấp các thông tin của mình cho các doanh nghiệp, các thông tin này dễ dàng bị khai thác và xâm phạm với nhiều mục đích khác nhau như đánh cắp, tiết lộ trái phép, trở thành tài sản bị mua bán. Theo thống kê trong Quý II năm 2017 của Công ty Kaspersky Lab, Việt Nam trở thành quốc gia có nguồn thư rác đứng đầu thế giới (12,37%)⁵⁹².

4.1.4 Hoạt động kinh doanh trực tuyến

Cùng với sự phát triển của công nghệ, các hoạt động kinh doanh trực tuyến cũng ngày càng phát triển trong những năm gần đây. Đặc biệt, do đại dịch Covid-19 bùng nổ mà nhiều NTD cũng đã dần quen với việc mua hàng trực tuyến trên các nền tảng sàn giao dịch thương mại điện tử và mạng xã hội⁵⁹³. Pháp luật cũng đã có quy định riêng dành cho các chủ thể tham gia giao dịch trên nền tảng trực tuyến để đảm bảo hàng hóa không phải hàng giả, hàng hóa vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh⁵⁹⁴. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị quyết 54/NQ-CP ngày 12/04/2022 ban hành chương trình hành động Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, trong đó, một trong

⁵⁸⁶ Lê Anh, 'Góc nhìn đại biểu: Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong môi trường thương mại điện tử, Cổng thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam', 2021. Thông tin có tại <https://quochoi.vn/hoatdongdbqh/Pages/tin-hoat-dong-dai-bieu.aspx?ItemID=56552>.

⁵⁸⁷ Bộ luật Dân sự 2015, Điều 387, khoản 2 (Ct. 569).

⁵⁸⁸ Luật Thương mại 2005, Điều 78, khoản 4 (Ct. 608).

⁵⁸⁹ Luật BVQLNTD 2010, Điều 6; Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 69, 70, 72.

⁵⁹⁰ Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật, 'Báo cáo Kết quả rà soát quy định pháp luật đảm bảo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư', (2020), tr. 23.

⁵⁹¹ Nguyễn Văn Cương, 'Thực trạng pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân ở Việt Nam hiện nay và hướng hoàn thiện', Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 15 (415), (2020).

⁵⁹² Lê Thị Diễm Hằng, Ngô Hà Chi, Nguyễn Hà Giang, Trần Mai Huyền, 'Nhận diện cơ bản về thông tin cá nhân và hành vi xâm phạm thông tin cá nhân', Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, (2022). Thông tin có tại: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/nhan-dien-co-ban-ve-thong-tin-ca-nhan-va-hanh-vi-xam-pham-thong-tin-ca-nhan5893.html>.

⁵⁹³ Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công thương, 'Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam năm 2021', (2021) tr. 41.

⁵⁹⁴ Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 4, khoản 1, điểm b (Ct. 610).

những mục tiêu quan trọng là xây dựng các giải pháp phát triển thương mại điện tử, khai thác hiệu quả các phương thức thanh toán điện tử và các phương tiện, dịch vụ thanh toán mới, chống hàng giả và BVNTD trong thương mại điện tử. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn tồn tại nhiều vụ việc bán hàng giả, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ, hàng cấm trên các trang thương mại điện tử và mạng xã hội. Theo thống kê của Tổng cục Quản lý thị trường, 06 tháng đầu năm 2020, lực lượng quản lý thị trường cả nước đã thực hiện xử lý 2.213 vụ việc vi phạm về hành vi lợi dụng thương mại điện tử để kinh doanh hàng hóa nhập lậu, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả⁵⁹⁵. Việc kiểm tra, kiểm soát, xử lý hành vi vi phạm gặp khó khăn do việc xác định hành vi vi phạm trong lĩnh vực thương mại điện tử cần sự phối hợp của nhiều đơn vị (Công thương, Quản lý thị trường, Công an tỉnh, Thông tin truyền thông,...) do hành vi vi phạm trên không gian mạng hết sức phức tạp⁵⁹⁶.

Trong hoạt động thương mại điện tử, pháp luật cũng đặt ra thêm các quy định về việc giải quyết khiếu nại, khiếu kiện đối về quyền lợi NTD. Các sàn giao dịch thương mại điện tử được yêu cầu công bố công khai cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình giao dịch trên sàn giao dịch thương mại điện tử⁵⁹⁷. Theo đó, nếu phát sinh tranh chấp thì sàn giao dịch thương mại điện tử có nghĩa vụ cung cấp thông tin người bán và tích cực hỗ trợ NTD giải quyết tranh chấp với người bán. Ngoài ra, sàn giao dịch thương mại điện tử nếu có chức năng đặt hàng trực tuyến thì cần phải bố trí đầu mối tiếp nhận yêu cầu và cung cấp thông tin trực tuyến cho cơ quan Nhà nước về các đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; đại diện cho người bán nước ngoài giải quyết khiếu nại của NTD; là đầu mối tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của NTD nếu có nhiều hơn 02 bên tham gia⁵⁹⁸. Việc giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại điện tử cũng vẫn được thực hiện thông qua thương lượng giữa các bên, hòa giải, trọng tài hoặc tòa án tương tự như ở Luật BVQLNTD 2010⁵⁹⁹.

Pháp luật cũng đã có quy định sàn giao dịch thương mại điện tử có trách nhiệm xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp⁶⁰⁰. Từ thực tiễn tốt của một số quốc gia phát triển cho thấy, cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) có nhiều ưu điểm vượt trội so với cơ chế giải quyết tranh chấp truyền thống trong việc BVQLNTD⁶⁰¹. Tuy nhiên, các quy định cụ thể về xây dựng ODR áp dụng trong 4 phương thức giải quyết tranh chấp về QLNTD chưa được rõ ràng.

4.1.5 Cơ chế khắc phục chưa hiệu quả

Để khắc phục những bất cập nêu trên, tại Bộ Công Thương, số lượng vụ việc khiếu nại của NTD tới Bộ tăng từ 26 vụ trong năm 2011 lên 263 vụ vào năm 2012, 450 vụ vào năm 2013 và duy trì trung bình gần 1.500 vụ trong giai đoạn 2014-2018. Tỷ lệ giải quyết thành công các vụ việc tại Bộ trung bình năm là trên 90%. Tại các Sở Công Thương, số lượng vụ việc khiếu nại được tiếp nhận gia tăng rõ nét, cụ thể, từ số lượng khiếu nại trung bình 100 vụ việc mỗi năm trong 2011-2012 đã tăng lên hơn 500 vụ việc trong giai đoạn 2015-2018. Tỷ lệ giải quyết thành công các vụ việc là 85%. Tuy nhiên, số thống kê trên chưa phản ánh được hết số liệu tranh chấp thực tế về BVQLNTD trong xã hội vì ngoài Bộ Công thương và Sở Công thương, các cơ quan nhà nước

⁵⁹⁵ Lưu Hiệp, 'Hàng giả, hàng cấm bán tràn lan trên mạng xã hội', Báo Công an nhân dân online, (2020). Thông tin có tại: <https://cand.com.vn/Thi-truong/Hang-gia-hang-cam-ban-tran-lan-tren-mang-xa-hoi-i581357/>.

⁵⁹⁶ Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, 'Báo cáo đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, năm 2022', (2020) tr. 4.

⁵⁹⁷ Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 36, khoản 10 (Ct. 610).

⁵⁹⁸ Nt. Điều 36, khoản 11.

⁵⁹⁹ Nt. Điều 76.

⁶⁰⁰ Nt. Điều 76, khoản 5, điểm a.

⁶⁰¹ Nguyễn Thành Minh Chánh, 'Phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến trong thương mại điện tử tại Việt Nam', Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 21 (445), (2021), tr 38.

khác ở địa phương và các tổ chức xã hội tham gia công tác tiếp nhận và giải quyết khiếu nại về BVQLNTD cho người dân⁶⁰².

Tranh chấp về BVQLNTD cũng là một tranh chấp thương mại, Luật Thương mại 2005 cho phép các bên giải quyết tranh chấp thông qua các biện pháp khác nhau như (i) thương lượng, (ii) hòa giải, (iii) trọng tài, (iv) tòa án⁶⁰³. Luật BVQLNTD 2010 cũng có quy định về cả 04 phương thức này⁶⁰⁴.

Thủ tục thương lượng được quy định tại Luật BVQLNTD 2010 tương đối đơn giản và phụ thuộc vào ý chí giải quyết của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ mà không có sự giám sát của bên thứ ba, như cơ quan nhà nước, Hiệp hội BVNTD, hay tổ chức xã hội tham gia BVQLNTD⁶⁰⁵. Đối với cơ chế hòa giải, nếu các bên lựa chọn tổ chức hòa giải thì chỉ được phép lựa chọn các tổ chức hòa giải được thành lập bởi cơ quan quản lý nhà nước về BVQLNTD hoặc tổ chức xã hội tham gia BVQLNTD⁶⁰⁶. Cho dù hoạt động bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ là một trong những lĩnh vực được điều chỉnh bởi pháp luật thương mại. Luật BVQLNTD 2010 không cho phép các tổ chức hòa giải thương mại được thành lập theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại được phép tiến hành hòa giải các vụ tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ⁶⁰⁷.

Đối với phương thức giải quyết tranh chấp thông qua Tòa án, Luật BVQLNTD 2010 quy định thủ tục giải quyết BVQLNTD theo thủ tục đơn giản là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015⁶⁰⁸. Quy định không thống nhất cũng gây khó khăn cho việc thụ lý và giải quyết các vụ án BVQLNTD.

Ngoài ra, tổ chức tham gia BVQLNTD chưa được phát triển mạnh mẽ để có thể đóng góp vai trò cho công tác BVQLNTD. Một số tỉnh, thành vẫn chưa thành lập Hội Bảo vệ người tiêu dùng, đồng thời, một số Hội vẫn giữ tên gọi và chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn (Hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng). Với tên gọi như vậy, các Hội này sẽ không đủ cơ sở pháp lý để được thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước giao theo quy định của Luật BVQLNTD 2010⁶⁰⁹. Bên cạnh đó, pháp luật cũng chưa quy định cụ thể các tổ chức xã hội khác có tham gia vào hoạt động BVQLNTD thì có vai trò, vị trí pháp lý như thế nào để thực hiện công tác BVQLNTD, như Hội bảo trợ trẻ em, Hiệp hội Thực phẩm minh bạch...

Nhận thức của NTD về pháp luật BVQLNTD còn chưa được tốt. Qua các cuộc khảo sát chỉ có khoảng 15% NTD được đọc Luật BVQLNTD, số còn chưa biết Luật BVQLNTD nên chưa thực hiện được quyền bảo vệ của mình⁶¹⁰. Ngoài ra, việc nâng cao ý thức của NTD về tiêu dùng bền vững là một vấn đề cần được giải quyết⁶¹¹, như sử dụng sản phẩm, hàng hoá tiết kiệm năng lượng, bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá có cam kết không bóc lột lao động trẻ em, không cưỡng bức lao động và chống các ảnh hưởng tiêu cực tới trẻ em... Các vấn đề có liên quan đến tiêu dùng bền vững cũng đã được đề cập tại các chương về Đầu tư chọn lọc, Lao động, Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương và Bảo vệ môi trường.

⁶⁰² Bộ Công thương, 'Báo cáo tổng kết thi hành Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010', (Ct. 649).

⁶⁰³ Luật Thương mại 2005, Điều 317 (Ct. 608).

⁶⁰⁴ Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010, Điều 30 (Ct. 596).

⁶⁰⁵ Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010, Điều 31.

⁶⁰⁶ Nghị định 99/2011/NĐ-CP, Điều 31 (Ct. 598).

⁶⁰⁷ Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010, Điều 35 (Ct. 596).

⁶⁰⁸ Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010, Điều 41; Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 316 (Ct. 269).

⁶⁰⁹ Bộ Công thương, 'Báo cáo tổng kết thi hành Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010', (Ct. 649).

⁶¹⁰ Trang thông tin điện tử Quốc hội, Góc nhìn đại biểu: Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong môi trường thương mại điện tử, 2021, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=56552>, 03/03/2022.

⁶¹¹ Bộ Công thương, 'Báo cáo tổng kết thi hành Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010', (Ct. 649).

4.2 Đề xuất giải pháp

Bổ sung thêm các khuyến nghị đã được đưa ra tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ, một số khuyến nghị sau đây được đề xuất dựa trên cơ sở đánh giá thực trạng về việc thực hiện các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm về BVQLNTD như sau:

4.2.1 Đối với Nhà nước – Nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

- Sửa đổi, bổ sung Luật BVQLNTD 2010 theo định hướng đã được đề ra tại dự thảo Tờ trình về việc xây dựng Luật BVQLNTD (sửa đổi) của Bộ Công thương, bao gồm việc giải quyết các vấn đề bất cập như: (i) quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với NTD chưa được rõ ràng, thống nhất; (ii) quy định về hợp đồng giao kết với NTD chưa được chặt chẽ, chưa phù hợp với nhu cầu sự phát triển của thương mại điện tử (TMĐT); (iii) phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và các tổ chức, cá nhân kinh doanh chưa được phù hợp và chưa hiệu quả; (iv) cơ chế tiếp nhận và giải quyết yêu cầu tại các cơ quan nhà nước chưa được rõ ràng; (v) các quy định liên quan đến giao dịch kinh doanh chưa cập nhật với TMĐT trong bối cảnh phát triển cách mạng công nghiệp 4.0; (vi) vai trò giám sát xã hội trong việc BVNTD chưa được rõ ràng; (vii) một số hành vi xâm phạm quyền lợi của NTD mới phát sinh chưa có quy định; (viii) chưa thể hiện rõ trách nhiệm của NTD trong việc thúc đẩy xu hướng sản xuất, tiêu dùng bền vững. Ngoài ra, việc sửa đổi Luật BVQLNTD 2010 cũng cần bám sát các vấn đề đặt ra trong việc thi hành các cam kết quốc tế về bảo vệ người tiêu dùng và kinh doanh có trách nhiệm, như Các nguyên tắc cấp cao ASEAN về BVNTD và Kế hoạch hành động chiến lược ASEAN về BVNTD 2016- 2025, EVFTA, UKVFTA, CPTPP...
- Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi NTD giai đoạn 2021-2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt⁶¹².
- Hoàn thiện quy định và văn bản hướng dẫn cụ thể của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007 về phương pháp đánh giá về quá trình sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đầy đủ quy trình, tiêu chuẩn để bảo đảm cung cấp sản phẩm, dịch vụ an toàn, thân thiện với trẻ em, không gây tổn hại cho trẻ em và không vi phạm quyền của trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em 2016. Trong quá trình xây dựng hướng dẫn thì cần tham khảo tài liệu Hướng dẫn của UNICEF về tích hợp quyền trẻ em vào các đánh giá tác động và hành động vì trẻ em⁶¹³.
- Củng cố tiêu chuẩn an toàn đối với các mặt hàng thiết yếu, chú trọng việc loại trừ các điểm mù và tăng cường khả năng quản lý liên tục đối với các hàng hóa có khả năng nguy hại đến sức khỏe NTD.
- Đa dạng hóa việc giám sát hàng hóa lưu thông trên thị trường, đặc biệt đối với các mặt hàng tiêu dùng của trẻ em.
- Củng cố cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, khiếu nại về chất lượng hàng hoá và dịch vụ, yêu cầu giải quyết tranh chấp của NTD theo quy định của pháp luật tại các cơ quan nhà nước, đặc biệt ở cấp địa phương, như Sở Công thương, UBND cấp huyện, lực lượng quản lý thị trường.
- Củng cố và tạo điều kiện cho việc hoạt động của Hội BVNTD ở cấp trung ương, tạo điều kiện về pháp lý và nguồn lực để thành lập các Hội BVNTD ở cấp tỉnh và huyện trên khắp toàn

⁶¹² Quyết định 1157/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/07/2021 phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi NTD giai đoạn 2021-2030.

⁶¹³ UNICEF, 'Quyền trẻ em trong các đánh giá tác động - Hướng dẫn tích hợp quyền trẻ em vào các đánh giá tác động và hành động vì trẻ em', (2013). Thông tin có tại: <https://www.unicef.org/vietnam/media/2321/file/%C4%90%C3%A1nh%20gi%C3%A1%20t%C3%A1c%20%C4%91%E1%BB%99n%20g.pdf>.

quốc. Củng cố năng lực làm việc và tạo điều kiện về pháp lý đối với nguồn thu tài chính của Hội BVNTD, bao gồm các nguồn thu từ hoạt động tài trợ, tư vấn, giải quyết khiếu nại và hoà giải. Cho phép việc thành lập các tổ chức xã hội tham gia BVNTD theo ngành hàng để thúc đẩy tính chuyên môn hoá trong hoạt động BVNTD.

- Triển khai có hiệu quả và hiệu lực đối với quy định trách nhiệm quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo Nghị định 13/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/01/2022 hướng dẫn việc thi hành Luật Chất lượng sản phẩm 2007 và Luật Đo lường 2011 và các quy định liên quan đến việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá. Đồng thời, sớm đưa vào vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia để NTD có thể dễ dàng tra cứu thông tin về sản phẩm, hàng hoá.
- Tăng cường các cơ chế giám sát về bảo vệ thông tin của NTD, như yêu cầu doanh nghiệp phải công khai các yêu cầu về thu thập thông tin của NTD, cơ chế bảo vệ thông tin của NTD... Trao quyền đại diện tập thể NTD cho Hiệp hội BVNTD, các tổ chức xã hội tham gia BVNTD khác và các tổ chức xã hội bảo vệ quyền lợi trẻ em có thể khởi kiện yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm thông tin của NTD và các yêu cầu về khắc phục thiệt hại đối với hành vi xâm phạm thông tin của NTD. Ngoài ra, cơ chế khởi kiện tập thể theo hướng một người không nhất thiết phải là người bị thiệt hại (như luật sư) đứng ra khởi kiện các hành vi vi phạm QLNTD cũng cần được thử nghiệm và áp dụng⁶¹⁴.
- Cần xây dựng và quy định danh mục sản phẩm, hàng hoá mà tổ chức, cá nhân kinh doanh phải có trách nhiệm bảo hành theo quy định pháp luật đã được quy định tại Điều 21 Luật BVQLNTD 2010 để nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo đảm sự an toàn của sản phẩm, hàng hoá đối với con người và NTD nắm bắt được quyền lợi về bảo hành.
- Đẩy mạnh công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra của nhà nước đối với bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hoá, đặc biệt trong các hoạt động kinh doanh TMĐT để hạn chế các hoạt động kinh doanh tiêu thụ sản phẩm không bảo đảm chất lượng, đặc biệt những sản phẩm, hàng hoá ảnh hưởng tới trẻ em và sức khỏe con người. Tăng cường các biện pháp chế tài hành chính, bao gồm xử phạt và áp dụng biện pháp ngăn chặn, đối với các hành vi cung cấp thông tin không đầy đủ, không đúng, không rõ ràng về hàng hoá, dịch vụ.
- Xây dựng cơ chế phạt, bồi thường thiệt hại với mức độ cao hơn đối với các trường hợp tính mạng, sức khỏe, tài sản của NTD bị thiệt hại do việc sử dụng hàng hoá, dịch vụ mà không có sự hướng dẫn, cung cấp thông tin từ doanh nghiệp bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ.
- Xây dựng kế hoạch nâng cao nhận thức về quyền lợi và trách nhiệm của NTD để thúc đẩy các hoạt động bảo vệ quyền lợi của NTD ở cơ quan nhà nước và doanh nghiệp. Đồng thời nâng cao ý thức của NTD đối với việc tiêu dùng bền vững, như sử dụng sản phẩm, hàng hoá tiết kiệm năng lượng, bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá có cam kết không bóc lột lao động trẻ em, không cưỡng bức lao động và chống các ảnh hưởng tiêu cực tới trẻ em...

4.2.2 Đối với doanh nghiệp – Trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

- Khuyến khích việc xây dựng và công khai quy tắc, cam kết riêng của doanh nghiệp về bảo vệ quyền lợi NTD. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp thiết lập chức năng tiếp nhận

⁶¹⁴ Quách Thúy Quỳnh, 'Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng bằng các vụ kiện tập thể - kinh nghiệm nước ngoài và các gợi ý hoàn thiện pháp luật', Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 16(248), (2013). Thông tin có tại: <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207380>.

khieu nại của NTD và đưa các thông tin khiếu nại về sản phẩm, hàng hoá có khuyết tật vào quy trình nâng cao chất lượng sản xuất, cung cấp sản phẩm, hàng hoá.

- Khuyến khích các doanh nghiệp công bố chất lượng và cam kết bảo hành sản phẩm, hàng hoá tự nguyện. VCCI, Hội BVNTD hoặc các tổ chức xã hội tham gia BVNTD hay bảo vệ trẻ em hình thành các chỉ số, giải thưởng về thực hành tốt đối với sản xuất, kinh doanh theo định hướng BVNTD.
- Khuyến khích các nhóm doanh nghiệp, các doanh nghiệp thuộc các chuỗi cung ứng, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, hàng hoá với doanh nghiệp kinh doanh nền tảng mạng xã hội, doanh nghiệp kinh doanh sàn giao dịch TMĐT cùng cam kết thực hiện trách nhiệm bảo vệ quyền lợi NTD, như trách nhiệm thông tin, trách nhiệm về thu hồi và đổi hàng, trách nhiệm về sửa chữa và khắc phục, trách nhiệm về ngăn chặn lưu thông sản phẩm nguy hiểm...
- Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng và vận hành hệ thống thu hồi sản phẩm, hàng hoá thân thiện với NTD, như: cung cấp các biểu mẫu phản ánh về vấn đề sản phẩm, hàng hoá cần phải được thu hồi để tìm hiểu nguyên nhân và kết quả của hư hỏng, sự cố...
- Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng các biểu mẫu tiêu chuẩn và sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu để cung cấp thông tin nguyên nhân và kết quả sự cố đối với chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho NTD.
- Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với các doanh nghiệp lưu thông hàng hóa xây dựng hệ thống tiếp nhận khiếu nại, yêu cầu bảo hành, thu hồi sản phẩm để hoạt động BVQLNTD được diễn ra một cách thuận tiện, nhanh chóng.

4.2.3 Đối với Nhà nước và doanh nghiệp – Cung cấp các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa, giảm thiểu, và đền bù cho các đối tượng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động của doanh nghiệp

a. Các biện pháp tư pháp

- Xây dựng quy định về thủ tục giải quyết các vụ án về BVQLNTD theo hướng thủ tục rút gọn tại Toà án và bảo đảm việc áp dụng thủ tục rút gọn trên thực tế. Đặc biệt cần cụ thể hoá các quy định xác định tổ chức, cá nhân bị kiện (như tổ chức, cá nhân sản xuất hay phân phối hàng hoá).
- Cho phép NTD không phải nộp tạm ứng án phí, lệ phí để khởi kiện tại Toà án khi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi NTD, bao gồm tổ chức bảo vệ quyền lợi của trẻ em không phải nộp tạm ứng án phí, lệ phí khi khởi kiện vì lợi ích công cộng.

b. Các biện pháp phi tư pháp

- Hoàn thiện các quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp về BVQLNTD thông qua thương lượng, hoà giải và trọng tài trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật BVQLNTD 2010. Đặc biệt, cần có các quy định liên quan đến cơ chế giải quyết tranh chấp về BVQLNTD thông qua thương lượng, hoà giải và trọng tài theo phương pháp trực tuyến (Online Dispute Resolution-ODR). Ngoài ra, đối với cơ chế hoà giải, cần quy định hoà giải viên tham gia hoạt động hoà giải tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh phải có được đào tạo, tập huấn về kỹ năng hoà giải thương mại hoặc kỹ năng hoà giải về tranh chấp BVQLNTD.

c. Cơ chế hợp tác giữa Nhà nước và doanh nghiệp để khắc phục

- Nhà nước và các hiệp hội, tổ chức xã hội có cơ chế hợp tác về công nhận (như gắn nhãn) các sản phẩm, hàng hoá bảo đảm chất lượng, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng hoặc sản phẩm, hàng hoá được sản xuất từ doanh nghiệp, quy trình sản xuất, khai thác gắn với thực hành kinh doanh có trách nhiệm (như sản phẩm, hàng hoá được sản xuất đem lợi ích cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số...).
- Xây dựng cơ chế phối hợp xử lý vướng mắc, khiếu nại của NTD giữa cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức BVNTD, đặc biệt cần phát triển cơ chế giải quyết khiếu nại, vướng mắc theo hình thức trực tuyến để có thể xử lý nhanh chóng quyền lợi của NTD.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

A. KẾT LUẬN

Báo cáo đánh giá cơ sở quốc gia về kinh doanh có trách nhiệm (NBA) cho thấy có nhiều cơ hội và thách thức để thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam ở cả 3 cột trụ: Nhà nước với nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm; Doanh nghiệp với trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm, và Cơ chế khắc phục.

Nhà nước với nghĩa vụ bảo đảm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Chính sách và pháp luật của Việt Nam thúc đẩy phát triển kinh tế có nhiều quy định thúc đẩy các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm. Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước Việt Nam tăng cường cam kết quốc tế có liên quan đến các nội dung liên quan về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, như các hiệp định thương mại tự do (FTA), hiệp định đầu tư song phương, Nghị định thư Kyoto, Thỏa thuận Paris, Tuyên bố toàn cầu chuyển đổi từ điện than sang năng lượng sạch và Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất..., và các công ước quốc tế của Liên Hợp Quốc và bảo vệ quyền con người, như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế xã hội và văn hoá (CESCR), Công ước về xoá bỏ mọi phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước quốc tế về quyền người khuyết tật (CPRD), các công ước cơ bản of ILO...

Nghiên cứu cho thấy nhiều thách thức đặt ra đối với nghĩa vụ của Nhà nước, như nhiều quy định pháp luật ở cả 5 lĩnh vực đều có sự chồng chéo, mâu thuẫn nên dẫn đến khó thực thi. Một số quy định mới có hiệu lực chưa có hướng dẫn tổ chức thực thi hoặc mới có văn bản hướng dẫn nên công tác thực thi chưa được thực hiện trên thực tế, như trong các lĩnh vực đầu tư, lao động, môi trường.

Nhà nước cũng cần củng cố công tác theo dõi và thi hành pháp luật và công tác xử lý vi phạm ở mức độ xử lý bằng biện pháp hành chính cũng như xử lý bằng biện pháp hình sự trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động kinh doanh để bảo đảm pháp luật được thi hành nghiêm minh, công bằng. Công tác này sẽ tác động tới ý thức tuân thủ pháp luật nói chung và ý thức kinh doanh có trách nhiệm nói riêng của doanh nghiệp.

Nhiều chương trình hành động quốc gia có nội dung liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong các lĩnh vực môi trường, chống biến đổi khí hậu, lao động, bảo vệ quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo vệ người dân tộc thiểu số, bảo vệ người tiêu dùng chưa có sự kết nối có tính hệ thống về thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Nghĩa vụ của Nhà nước đối với công tác thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm là trách nhiệm của nhiều cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp ở các cấp mà không phải riêng một hay một vài cơ quan nhà nước nào.

Doanh nghiệp với trách nhiệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Ở góc độ thực tiễn kinh doanh, nhiều doanh nghiệp hoạt động kinh doanh tại Việt Nam đang thực hành kinh doanh có trách nhiệm, như thực hành kinh doanh với trách nhiệm xã hội (CSR), môi trường xã hội và quản trị (ESG), mục tiêu phát triển bền vững (SDG Compass), kinh doanh và nhân quyền (BHR), tín dụng xanh, tín dụng bền vững, chỉ số phát triển bền vững (CSI), chỉ số

liên chính doanh nghiệp... Hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ đang thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam thực hành kinh doanh có trách nhiệm theo yêu cầu của thực tiễn kinh doanh quốc tế.

Nhận thức về thực hành kinh doanh có trách nhiệm của nhiều doanh nghiệp còn thấp nên hiệu quả của thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở cả 5 lĩnh vực đều chưa cao. Nhiều doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm chỉ để bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, yêu cầu của đối tác kinh doanh trong chuỗi cung ứng mà chưa thực hiện hành vi kinh doanh có trách nhiệm thực chất.

Cơ chế khắc phục và sự phối hợp giữa Nhà nước và Doanh nghiệp

Các cơ chế khắc phục chưa hiệu quả ở nhiều lĩnh vực và đặc biệt là vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm sự hiệu quả của các cơ chế khắc phục. Thủ tục tố tụng tư pháp (Toà án) vẫn còn có nhiều khó khăn cho người dân tiếp cận, đặc biệt là nhóm dễ bị tổn thương. Khó khăn lớn nhất đối với thủ tục tố tụng tư pháp là thủ tục còn phức tạp, mất nhiều thời gian. Thủ tục tố tụng rút gọn chưa được áp dụng trên thực tế. Cơ chế khiếu kiện tập thể chưa được chấp nhận cho các loại vụ việc liên quan đến môi trường, đất đai và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng... Cơ chế giải quyết tranh chấp lựa chọn (trọng tài, hoà giải) ở các lĩnh vực môi trường, đất đai, bảo vệ người tiêu dùng, lao động chưa được Nhà nước hỗ trợ để phát triển.

Xu hướng các doanh nghiệp áp dụng ESG ngày một tăng với các chỉ tiêu, thống số và kế hoạch thực hiện rõ ràng. Vấn đề này đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải nắm bắt được các xu hướng quản trị kinh doanh gắn với thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Các cơ quan nhà nước cần có các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp nắm bắt và thực hiện được các xu hướng này.

Công khai và minh bạch thông tin chưa được chú trọng ở nhiều lĩnh vực, bao gồm đầu tư, lao động, môi trường, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương, bảo vệ người tiêu dùng... Nhiều tranh chấp tập thể trong lĩnh vực đất đai, lao động, môi trường... gây bức xúc xã hội xuất phát từ thông tin liên quan đã không được công khai theo quy định của pháp luật hoặc do thiếu trách nhiệm của doanh nghiệp.

B. ĐỀ XUẤT VÀ KHUYẾN NGHỊ

Một số đề xuất và khuyến nghị chung dưới đây để giải quyết những bất cập được phân tích trong Báo cáo này, bên cạnh các đề xuất và khuyến nghị ở từng chương. Các đề xuất được đưa ra tại Báo cáo này cần được xem xét với tính tổng thể của các đề xuất đã được đề ra tại Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ.

Đối với các cơ quan Nhà nước:

- Chính phủ và các cơ quan liên quan khẩn trương xây dựng và ban hành “Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam” (NAP) theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/08/2021 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025.
- Chính phủ và các cơ quan liên quan cần hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong việc thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm như: xây dựng và ban hành cơ chế chọn lọc, ưu đãi và khuyến khích hoạt động đầu tư có trách nhiệm (như xây dựng các điều kiện, tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư cho từng dự án, lĩnh vực, ưu đãi thu hút đầu tư, kinh doanh có trách nhiệm, vinh danh doanh nghiệp tại cộng đồng), hỗ trợ xây dựng cơ chế tự quản (như quy tắc

ứng xử trong hoạt động kinh doanh, quy tắc đạo đức kinh doanh...), thực hiện cơ chế giám sát, thanh tra công bằng và hiệu quả, nâng cao hiệu quả cơ chế giải quyết khiếu nại về lao động, môi trường, bảo vệ người tiêu dùng... Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) xây dựng các chỉ số bên cạnh chỉ số phát triển bền vững (Vietnam Sustainability Index - VNSI) để đánh giá các công ty có các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm về lao động, môi trường...

- Các cơ quan nhà nước cần tăng cường thu thập, thống kê và hình thành các cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến các nội dung về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, đặc biệt là các thông tin về đầu tư, tình hình lao động, môi trường, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương và các hành vi xâm phạm về quyền lợi người tiêu dùng để Nhà nước và doanh nghiệp có căn cứ khoa học xây dựng được các biện pháp phòng ngừa và khắc phục.
- Chính phủ và các cơ quan nhà nước có liên quan cần tăng cường các hoạt động nâng cao nhận thức, phổ biến giáo dục pháp luật, truyền thông cho cán bộ Nhà nước, doanh nghiệp và người dân về thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở các 5 lĩnh vực đã được nghiên cứu và các lĩnh vực khác trong tương lai.

Đối với doanh nghiệp và các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề

- Nhà nước cần có các biện pháp khuyến khích doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp thuộc VN100, doanh nghiệp niêm yết trên HOSE, HNX, doanh nghiệp đại chúng...), hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề xây dựng kế hoạch, cơ chế về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong nội bộ doanh nghiệp và trong các chuỗi cung ứng.
- Xây dựng các cơ chế tự khắc phục và phòng ngừa, như thủ tục và nguyên tắc giải quyết khiếu nại của doanh nghiệp, các quy chế, quy tắc về quản trị nội bộ, ứng xử, đạo đức kinh doanh (như Bộ Quy tắc ứng xử về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc, Quy tắc về hoạt động quảng cáo, các tiêu chuẩn kỹ thuật về minh bạch thức phẩm, Bộ Quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng) để thực hành kinh doanh có trách nhiệm; thực hành phương pháp đánh giá tác động hoạt động kinh doanh tới việc bảo đảm kinh doanh có trách nhiệm; công khai thông tin..

Khuyến nghị đối với Toà án nhân dân tối cao, các cơ quan tham gia tố tụng, cơ quan và tổ chức tham gia vào hoạt động hỗ trợ tư pháp và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật

Để có thể phát huy hiệu quả của các biện pháp khắc phục nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu và đền bù cho những tác động tiêu cực từ các hoạt động kinh doanh không có trách nhiệm, các cơ chế khắc phục dưới đây cần được nghiên cứu và hoàn thiện như sau:

Cơ chế khắc phục tư pháp

- Bộ Tư pháp, TANDTC và các cơ quan liên quan cần nghiên cứu việc áp dụng cơ chế kiện tập thể trong lĩnh vực môi trường, đầu tư và bảo vệ người tiêu dùng.
- Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng các nguyên tắc về chứng cứ và trách nhiệm cung cấp chứng cứ trong hoạt động tố tụng dân sự và hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho bên yếu thế khi thực hiện quyền khiếu kiện tại Toà án.
- TANDTC cần thúc đẩy việc áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp trong các lĩnh vực lao động, bảo vệ người tiêu dùng.

- TANDTC và các cơ quan có liên quan cần nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các mô hình, thủ tục tố tụng thân thiện, dễ tiếp cận đối với trẻ em, người khuyết tật, người thiểu số, LGBTI và lao động di cư.
- TANDTC và các cơ quan có liên quan cần có các hoạt động nâng cao năng lực giải quyết các vụ án có liên quan đến việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm, đặc biệt là nâng cao hiểu biết về các cam kết quốc tế của Việt Nam cho đội ngũ Thẩm phán.

Cơ chế khắc phục ngoài Toà án

- Bộ Tư pháp, Bộ Lao động thương binh xã hội và các cơ quan có liên quan cần xây dựng chính sách và quy định pháp luật để thúc đẩy sự phát triển của các cơ chế đối thoại, trọng tài và hoà giải chuyên ngành lao động, thương mại, bảo vệ người tiêu dùng, đất đai và môi trường.
- Thanh tra chính phủ cần xây dựng các biện pháp để tăng cường tính hiệu quả của cơ chế giải quyết khiếu nại tại cơ quan nhà nước và thanh tra (bao gồm Thanh tra Nhà nước và Thanh tra chuyên ngành).
- Các cơ quan nhà nước cần chú ý xây dựng các cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh từ người dân và doanh nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước (như đường dây nóng, hộp thư tiếp nhận, hoạt động đối thoại...) đối với việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Khuyến nghị đối với tổ chức xã hội khác

- Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan cần chú ý tăng cường vai trò và năng lực của các trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức xã hội trong các hoạt động liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm, đặc biệt trong các lĩnh vực lao động, môi trường, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương, bảo vệ người tiêu dùng và đặc biệt là bảo vệ quyền lợi của người dân trong các dự án đầu tư có thu hồi đất.
- VCCI và các tổ chức xã hội cần chú ý xây dựng và tăng cường áp dụng các quy tắc tự quản của các hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp và nhóm doanh nghiệp, như Bộ Quy tắc ứng xử về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc, Quy tắc về hoạt động quảng cáo, các tiêu chuẩn kỹ thuật về minh bạch thực phẩm, Bộ Quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng...
- VCCI và các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề nghiên cứu các cơ chế khuyến khích thành viên, hội viên thực hành kinh doanh có trách nhiệm, như thông qua việc đánh giá Chỉ số phát triển bền vững (Vietnam Sustainability Index), Chỉ số kinh doanh liêm chính...
- Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Bộ Lao động thương binh xã hội và các cơ quan nhà nước có liên quan cần hoàn thiện các quy định liên quan đến việc hình thành và hoạt động của tổ chức của người lao động, tổ chức xã hội để phát huy vai trò đại diện cho các đối tượng thuộc nhóm dễ bị tổn thương trong thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Đối với công tác xây dựng NAP:

Bên cạnh các thông tin, khuyến nghị từ Báo cáo này và Báo Cáo Đánh Giá Sơ Bộ, công tác xây dựng NAP của Việt Nam cần chú ý tới một số vấn đề sau:

- Các dự thảo NAP cần được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và các cơ quan nhà nước có liên quan hoặc trang thông tin điện tử chuyên dụng khác để thu thập các ý kiến góp ý rộng rãi từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.
- Tổ soạn thảo Đề án cần chú ý tổ chức các buổi tham vấn đối với các chủ thể hoạt động trong từng lĩnh vực ưu tiên xây dựng trong NAP.
- Tổ soạn thảo Đề án cần tham khảo ý kiến của các bên chịu trách nhiệm về việc thực hiện các hành động trước khi bổ sung vào bảng phụ lục, bao gồm: các hành động, các bên chịu trách nhiệm, và khung thời gian để thực hiện.
- NAP cần phải thống nhất và hài hoà với các chương trình hành động quốc gia có nội dung liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong các lĩnh vực môi trường, chống biến đổi khí hậu, lao động, bảo vệ quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo vệ người dân tộc thiểu số, bảo vệ người tiêu dùng để bảo đảm tính hệ thống về thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam, hạn chế được các hoạt động chồng chéo và hạn chế được các khoảng trống từ các chương trình.
- Tổ soạn thảo Đề án cần tham khảo các kinh nghiệm quốc tế có liên quan đến việc xây dựng NAP và những lĩnh vực được ưu tiên ở các NAP thuộc các quốc gia khác. Khi tham khảo bất kỳ NAP của quốc gia nào thì cần chú ý tới mức độ phát triển của quốc gia đó, đặc biệt chú ý tới các quốc gia có cùng mức độ phát triển với Việt Nam./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A- DANH MỤC VĂN BẢN THAM CHIẾU

A.1 - VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 28/11/2013 do Quốc hội ban hành
2. Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)
3. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EV-FTA)
4. Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 do Quốc hội ban hành được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 số 12/2017/QH14 ngày 20/06/2017 do Quốc hội ban hành
5. Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 do Quốc hội ban hành
6. Bộ luật Tố tụng Hình sự số 101/2015/QH13 ngày 27/11/2015 do Quốc hội ban hành
7. Bộ luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 ngày 25/11/2015 do Quốc hội ban hành
8. Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 do Quốc hội ban hành
9. Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 do Quốc hội ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự
10. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 do Quốc hội ban hành
11. Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/06/2012 do Quốc hội ban hành được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014 do Quốc hội ban hành, Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 do Quốc hội ban hành, và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020
12. Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 do Quốc hội ban hành
13. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018 do Quốc hội ban hành
14. Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/06/2018 do Quốc hội ban hành
15. Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 do Quốc hội ban hành
16. Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 do Quốc hội ban hành
17. Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/06/2015 do Quốc hội ban hành
18. Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 do Quốc hội ban hành
19. Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014 do Quốc hội ban hành
20. Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 do Quốc hội ban hành
21. Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 do Quốc hội ban hành
22. Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 do Quốc hội ban hành

23. Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/06/2012 do Quốc hội ban hành
24. Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 do Quốc hội ban hành
25. Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010 do Quốc hội ban hành
26. Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 do Quốc hội ban hành
27. Luật Người Khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/06/2010 do Quốc hội ban hành
28. Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009 do Quốc hội ban hành
29. Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008 do Quốc hội ban hành
30. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 do Quốc hội ban hành, được sửa đổi năm 2013
31. Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29/6/2006 do Quốc hội ban hành.
32. Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 do Quốc hội ban hành
33. Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 do Quốc hội ban hành được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 32/2009/QH12 ngày 18/06/2009 do Quốc hội ban hành
34. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 17/11/2010 do Quốc hội ban hành
35. Luật Đầu tư nước ngoài số 52-L/CTN ngày 12/11/1996 do Quốc hội ban hành
36. Luật Bảo vệ môi trường số 29-L/CTN ngày 27/12/1993 do Quốc hội ban hành
37. Luật Đất đai số 24-L/CTN ngày 14/07/1993 do Quốc hội ban hành
38. Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam số 4-HĐNN8 ngày 29/12/1987 do Quốc hội ban hành
39. Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010 do Quốc hội ban hành
40. Luật Trẻ em số 102/2016/Qh13 ngày 05/4/2016 do Quốc hội ban hành
41. Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 do Quốc hội ban hành
42. Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 ngày 12/06/2018 do Quốc hội ban hành
43. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007 do Quốc hội ban hành
44. Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/06/2012 do Quốc hội ban hành
45. Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010 do Quốc hội ban hành
46. Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011 do Quốc hội ban hành
47. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII
48. Nghị quyết số 142/2016/QH13 của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.
49. Nghị quyết số 84/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về việc phê chuẩn Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền của người khuyết tật
50. Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22/01/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng do Ban Chấp hành Trung ương ban hành

51. Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật
52. Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/08/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030
53. Nghị quyết số 24/ NQ/TW ngày 03/06/2013 của Ban chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
54. Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/06/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
55. Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ
56. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
57. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn
58. Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/05/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
59. Nghị định số 54/2021/NĐ-CP ngày 21/05/2021 của Chính phủ quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường
60. Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo
61. Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư
62. Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại
63. Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/08/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
64. Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư
65. Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/04/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo
66. Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/04/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên
67. Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lao động, giáo dục nghề nghiệp, hoạt động đưa NLĐ Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động
68. Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa

69. Nghị định số 110/2017/NĐ-CP ngày 04/10/2017 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành lao động – thương binh và xã hội
70. Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa
71. Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 19/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
72. Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến 2020-2021
73. Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia
74. Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường
75. Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường
76. Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước
77. Nghị định số 144/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và chăm sóc trẻ em
78. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/05/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử
79. Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính phủ hướng dẫn Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
80. Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước
81. Nghị định 90/2010/NĐ-CP ngày 18/08/2010 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
82. Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
83. Nghị định 124/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ sửa đổi khoản 6 Điều 31 Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục
84. Nghị định 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử
85. Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại
86. Quyết định số 1157/QĐ-TTg ngày 12/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành
87. Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/08/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030

88. Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030
89. Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”
90. Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc
91. Quyết định 76/QĐ-TTg ngày 11/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
92. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020
93. Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến 2030
94. Quyết định 1157/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/07/2021 phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi NTD giai đoạn 2021-2030
95. Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/08/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án trợ giúp Người Khuyết tật giai đoạn 2012-2020
96. Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
97. Thông tư 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định chi tiết một số điều
98. Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia
99. Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/05/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng
100. Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng
101. Thông tư 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
102. Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/06/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia
103. Thông tư liên tịch số 42/2013/TT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội – Bộ Tài chính quy định chính sách giáo dục cho người khuyết tật

104. Quyết định số 1813/QĐ-BTNMT ngày 18/08/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EV-FTA)
105. Quyết định số 4149/QĐ-BVHTTDL ngày 03/11/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ban hành quy tắc ứng xử trong hoạt động quảng cáo
106. Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/08/2019 của Ban chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
107. Thông báo số 92/TB-VPCP ngày 31/03/2022 của Văn phòng Chính phủ kết luận của thường trực Chính phủ về quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII)
108. Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 23/06/2021 của UBND Tp. Hà Nội về việc hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội

A.2 - CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA

A.2.1 Quyền lao động và tiêu chuẩn lao động

□ Quan hệ lao động

109. Chỉ thị 37-CT/TW ngày 03/09/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới do Ban Chấp hành Trung ương ban hành
110. Quyết định 416/QĐ-TTg ngày 25/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới
111. Kết luận 65-KL/TW năm 2010 ngày 04/03/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở
112. Nghị quyết 01/NQ-ĐCT ngày 18/06/2009 của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam về đổi mới, nâng cao chất lượng thương lượng, ký kết và thực hiện thoả ước lao động tập thể
113. Quyết định 01/QĐ-LĐTBXH ngày 04/01/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP và 02/NQ-CP
114. Chỉ thị 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

□ Điều kiện lao động

115. Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15 ngày 23/03/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về số giờ làm thêm trong 01 năm, trong 01 tháng của NLĐ trong bối cảnh phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội
116. Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 21/05/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và NLĐ trong doanh nghiệp

117. Nghị quyết 28-NQ/TW ngày 23/05/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội
118. Quyết định 294/QĐ-LĐTBXH ngày 03/03/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt Kế hoạch tuyên truyền bảo hiểm xã hội đến năm 2025
119. Quyết định 87/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Thảng hành động an toàn, vệ sinh lao động do Thủ tướng Chính phủ ban hành
120. Quyết định 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030
121. Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020
122. Quyết định 87/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Thảng hành động an toàn, vệ sinh lao động do Thủ tướng Chính phủ ban hành
123. Quyết định 05/QĐ-TTg ngày 05/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2016 - 2020
124. Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021
125. Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/08/2021 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện nghị quyết của quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025

Lao động cưỡng bức, mua bán người, lao động gán nợ

126. Quyết định 525/QĐ-LĐTBXH ngày 05/05/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Kế hoạch thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030
127. Quyết định 2546/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016 - 2020

Lao động trẻ em

128. Quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 27/05/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

A.2.2 Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương

129. Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045
130. Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.
131. Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020

Người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức

132. Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách Bảo hiểm xã hội

133. Chương trình khung hợp tác Việc làm bền vững Giai đoạn 2017 – 2021 được ký kết vào ngày 5/12/2017 bởi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Văn phòng ILO tại Việt Nam; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Dân tộc thiểu số

134. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

135. Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc Hội Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

136. Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 31/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề giai đoạn 2012-2015

Người lao động di cư

137. Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/09/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020.

138. Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020.

Trẻ em

139. Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025”.

140. Quyết định 838/QĐ-LĐTĐ ngày 21/7/2021 về Kế hoạch thực hiện Quyết định 830/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025” do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành

141. Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018-2025

142. Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

Phụ nữ

143. Quyết định số 622/QĐ-TTg, ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

144. Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

145. Quyết định số 1696/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020.

146. Quyết định số: 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025”

□ **Người khuyết tật**

147. Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 5/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030.

148. Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 5/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án trợ giúp Người khuyết tật Giai đoạn 2012-2020.

149. Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 31/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ (như được nêu tại phần dân tộc thiểu số)

A.2.3 Bảo vệ môi trường

150. Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

151. Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050

152. Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030

153. Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/03/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030

154. Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050

155. Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 17/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch quốc gia thực hiện công ước stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

156. Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các - bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030

157. Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 01/06/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

158. Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 11/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

159. Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

160. Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ.

161. Quyết định số 965/QĐ-BTNMT ngày 23/04/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030

162. Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 21/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
163. Quyết định số 2612/2013/QĐ-TTg ngày 30/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sử dụng công nghệ sạch giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
164. Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020
165. Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 06/09/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
166. Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/07/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
167. Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011- 2020 và tầm nhìn đến năm 2050
168. Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
169. Quyết định số 1964/QĐ-TTg ngày 20/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hoá chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước
170. Quyết định số 253/QĐ-BTNMT ngày 05/03/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Chương trình cấp nhãn sinh thái
171. Quyết định số 79/2007/QĐ-TTg ngày 31/05/2007 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 thực hiện Công ước đa dạng sinh học và Nghị định thư Cartagena về An toàn sinh học
172. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành
173. Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/07/2021 phê duyệt Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành
174. Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/05/2021 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng do Chính phủ ban hành
175. Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 13/07/2021 phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành
176. Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/03/2019 phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành
177. Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 phê duyệt Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025

A.2.4 Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

178. Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/08/2021 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện nghị quyết của quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025
179. Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 26/05/2020 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng
180. Quyết định số 1907/QĐ-BCT ngày 21/07/2020 của Bộ Công thương về Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết 82/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng
181. Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/04/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025

A.2.5 Cơ chế khắc phục

182. Quyết định số 1268/QĐ-TTg ngày 02/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng phương thức trọng tài thương mại, hòa giải thương mại

B- DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. An Nhi, *Thiếu quan tâm đến ATVSLĐ, hệ lụy khôn lường*, <http://cucgiamdinh.gov.vn/Thieu-quan-tam-den-ATVSLD-he-luy-khon-luong-428-a263.aspx>.
2. Anh Quang, *Lao động nữ còn bị phân biệt đối xử*, 2017, <https://nld.com.vn/cong-doan/lao-dong-nu-con-bi-phan-biet-doi-xu-2017040314511111.htm>.
3. Anh Tuấn, *Doanh nghiệp trốn đóng bảo hiểm, hàng trăm công nhân khốn khổ*, <https://vtv.vn/kinh-te/doanh-nghiep-tron-dong-bao-hiem-hang-tram-cong-nhan-khon-kho-20211019194621985.htm>.
4. Bạch Đằng, *Chiến dịch thanh tra lao động năm 2019: Công bố doanh nghiệp sai phạm với truyền thông*, Báo Người Lao động điện tử, 2019, <https://nld.com.vn/cong-doan/chien-dich-thanh-tra-lao-dong-nam-2019-cong-bo-doanh-nghiep-sai-pham-voi-truyen-thong-20190328204404643.htm>.
5. Bản án số 03/2021/LĐ-PT ngày 19/3/2021 xét xử Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta679584t1cvn/chi-tiet-ban-an>.
6. *Ban hành Bộ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất*, Báo Hoà Bình, 2021, <http://baohoabinh.com.vn/12/151360/Ban-hanh-Bo-tieu-chi-lua-chon-nha-dau-tu-thuc-hien-du-an-dau-tu-co-su-dung-dat.htm>.
7. Ban Kinh tế Trung ương – USAID, *Chuẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, Nhà xuất bản thông tin và truyền thông, 2017.
8. *Báo cáo công tác BVMT năm 2019 của Chính phủ gửi Quốc hội*, <https://monre.gov.vn/Pages/bao-cao-cong-tac-bao-ve-moi-truong-nam-2019.aspx>.
9. Báo cáo tổng kết thi hành BLLĐ của tỉnh Bắc Ninh.
10. Báo cáo tổng kết thi hành BLLĐ của tỉnh Bình Dương.

11. Báo cáo tổng kết thi hành BLLĐ của tỉnh Bình Phước.
12. Báo Đại đoàn kết, *Thâm dụng lao động*, 2016, <http://daidoanket.vn/xa-hoi/tham-dung-lao-dong-tintuc133939>.
13. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, *Những điểm mới về kinh tế trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, 2021, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/nhung-diem-moi-ve-kinh-te-trong-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang-3781>.
14. Báo điện tử VTV News, *Khai thác khoáng sản: Lãng phí do thiếu đầu tư công nghệ*, 2015, <https://vtv.vn/van-de-hom-nay/khai-thac-khoang-san-lang-phi-do-thieu-dau-tu-cong-nghe-20150304054911189.htm>.
15. Báo Hà Nội mới, *Quyền làm việc của lao động nữ đang bị chối bỏ*, 2017, <https://hanoimoi.com.vn/ban-in/Xa-hoi/552359/quyen-lam-viec-cua-lao-dong-nu-dang-bi-choi-bo>.
16. Bảo Ngọc, *Máy lọc nước Unilever Pureit Vietnam quảng cáo lố: Unilever Việt Nam nói gì?*, <https://kienthuc.net.vn/kinh-doanh/may-loc-nuoc-unilever-pureit-vietnam-quang-cao-lo-unilever-viet-nam-noi-gi-888889.html>.
17. Bộ Công thương trả lời về quy định bảo hành sản phẩm, Báo điện tử Chính phủ, 2014, <https://baochinhphu.vn/bo-cong-thuong-tra-loi-ve-quy-dinh-bao-hanh-san-pham-102162156.htm>.
18. Bộ Công thương, *Báo cáo tổng kết thi hành Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010*, 2021.
19. Bộ Công thương, *Bộ Công thương là cơ quan đầu mối triển khai nhiều Hiệp định thương mại tự do*, 2021, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/bo-cong-thuong-la-co-quan-dau-moi-trien-khai-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do.html> .
20. Bộ Công thương, *Cam kết của Việt Nam tại COP 26 là một bước ngoặt lịch sử*, 2021, <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/cam-ket-cua-viet-nam-tai-cop26-la-mot-buoc-ngoat-lich-su.html>.
21. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2021*, Trang thông tin điện tử đầu tư nước ngoài, 2021, <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/f3cb5873-74b1-4a47-a57c-a491e0be4051/NewsID/5d476094-8272-4d9d-b810-1609ce7b67b3/MenuID>.
22. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Báo cáo số 146/BC ngày 31/12/2017*.
23. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam*, Quý 4/2021.
24. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Báo cáo tổng kết đánh giá 03 năm thi hành Bộ luật Lao động*.
25. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)*, 2018.
26. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Báo cáo tổng kết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (Giai đoạn 2016 - 2020)*, 2020.
27. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội – ILO, *Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở*, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_768792.pdf.

28. Bộ Tài nguyên môi trường - Cục Biến đổi khí hậu, *Tranh thủ tốt nhất cơ hội hiện nay để thực hiện quyết liệt, hiệu quả, thực chất các cam kết tại COP 26*, 2022, <http://www.dcc.gov.vn/tin-tuc/3764/Tranh-thu-tot-nhat-co-hoi-hien-nay-de-thuc-hien-quyet-lyet,-hie-u-qua,-thuc-chat-cac-cam-ket-tai-COP26.html>.
29. Bộ Tài nguyên Môi trường, *Luật Bảo vệ môi trường 2020 đánh dấu bước tiến mới*, 2021, <https://monre.gov.vn/Pages/luat-bao-ve-moi-truong-2020-danh-dau-buoc-tien-moi.aspx>.
30. Bộ Tài nguyên Môi trường, *Thiệt hại về kinh tế và sức khỏe do ô nhiễm không khí*, 2019, <https://monre.gov.vn/Pages/thiet-hai-ve-kinh-te-va-suc-khoe-do-o-nhiem-khong-khi.aspx>.
31. Bộ tài nguyên và môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 -2020*, 2021, https://moit.gov.vn/upload/2005517/fck/files/20211108_Bao_cao_HTMT_2016-2020_F_a4980.pdf.
32. Bộ Tư pháp - UNDP Việt Nam, *Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm*, 2020, https://www.vn.undp.org/content/dam/vietnam/docs/Publications/Prelim%20Assess_Resp%20Bus%20Practice%20VN_2020_Tieng%20Viet.pdf.
33. Bộ Tư pháp, Chính phủ Thụy Điển, UNDP Việt Nam, *Báo cáo Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm*, 2020.
34. Bùi Hoài Nam, Lưu Thị Hương và Nguyễn Thị Thu Thảo, *Thực trạng giải quyết, khắc phục sự cố môi trường liên tỉnh ở một số tỉnh, thành phố và đề xuất giải pháp*, Tạp chí Môi trường, 2020, <http://tapchimoitruong.vn/Thuc-trang-giai-quyet,-khac-phuc-su-co-MTLT-o-mot-so-tinh,-thanh-pho-va-de-xuat-giai-phap>.
35. Bùi Xuân Liêm, *Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại hành chính về đất đai, là giải pháp hạn chế khiếu kiện các vụ án hành chính tại Tòa án*, Trang thông tin điện tử Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Nam, 2020, <https://toaanquangnam.gov.vn/nang-cao-hieu-qua-giai-quyet-khieu-nai-hanh-chinh-ve-dat-dai-la-giai-phap-han-che-khieu-kiem-cac-vu-an-hanh-chinh-tai-toa-an/>.
36. Chí Kiên, *Xây dựng Đề án thành lập thị trường carbon*, Báo Chính phủ, 2022, <https://baochinhphu.vn/xay-dung-de-an-thanh-lap-thi-truong-carbon-102220126183214786.htm>.
37. Chương trình phát triển của Liên Hợp quốc (UNDP) và Bộ Tư pháp, *Báo cáo khảo sát thực trạng quản lý hành chính toà án tại địa phương ở Việt Nam*, 2014, <https://vnlawfind.com.vn/bao-cao-khao-sat-thuc-trang-quan-ly-hanh-chinh-toa-an-nhan-dan-dia-phuong-o-viet-nam/>.
38. Công đoàn Điện lực Việt Nam, *Nhận diện thách thức trước mục tiêu đạt 12 triệu đoàn viên vào năm 2023*, 2021, <http://www.congdoandlnv.org.vn/d4/news/Nhan-dien-thach-thuc-truoc-muc-tieu-dat-12-trieu-doan-vien-vao-nam-2023-1-11117.aspx>.
39. Công Tâm, *Hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn*, Cổng thông tin Thành phố Đà Nẵng, <https://danang.gov.vn/chinh-quyen/chi-tiet?id=8193&c=9>.
40. Cổng thông tin điện tử Công đoàn Việt Nam, *Lịch sử Công đoàn Việt Nam*, 2016, [http://www.congdoan.vn/gioi-thieu/lich-su-cdvn-489/tom-tat-qua-trinh-hinh-thanh-va-phat-trien-cua-giai-cap-cong-nhan-va-to-chuc-cong-doan-viet-nam-\(phan-1\)-32026.tld](http://www.congdoan.vn/gioi-thieu/lich-su-cdvn-489/tom-tat-qua-trinh-hinh-thanh-va-phat-trien-cua-giai-cap-cong-nhan-va-to-chuc-cong-doan-viet-nam-(phan-1)-32026.tld).
41. Cổng thông tin UBND Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, *Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư và dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh BRVT*, <http://khuyencong.baria-vungtau.gov.vn/tieu-chi-lua-chon-nha-dau-tu-va-du-an-dau-tu-tren-dia-ban-tinh-brvt.i957.html>.

42. Công ty Cổ phần Macromill South East Asia, *Báo Cáo Nghiên Cứu Thói Quen Sử Dụng Mạng Xã Hội Của Người Việt Nam, 2018*, <https://vinaresearch.net/public/news/2201-bao-cau-nghien-cuu-thoi-quen-su-dung-mang-xa-hoi-cua-nguoi-viet-nam-2018.vnrs>.
43. Cục An toàn lao động – Bộ LĐTNXH, *Thông báo Tình hình tai nạn lao động năm 2020*, http://antoanlaodong.gov.vn/Images/files/hosoquocgia/TBTNL%C4%90%202020%20_TB%20565%20L%C4%90TBXH.pdf.
44. Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công Thương, *Báo cáo Đánh giá các vấn đề khiếu nại liên quan đến người tiêu dùng nữ*, 2020.
45. Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công Thương, *Báo cáo giám sát thi hành pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với một số doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử*, 4/2021.
46. Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, *Báo cáo thường niên*, 2020.
47. Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, *Báo cáo thường niên*, 2019.
48. Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, *Báo cáo thường niên*, 2018.
49. Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, *Báo cáo thường niên*, 2021.
50. Cục Công nghiệp – Bộ Công thương, *Công nghiệp hỗ trợ, tự chủ nguồn nguyên vật liệu, linh phụ kiện - vấn đề cốt lõi của phát triển công nghiệp bền vững*, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương, 2021, <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/cong-nghiep-ho-tro-tu-chu-nguon-nguyen-vat-lieu-linh-phu-kie.html>.
51. *Dấu chân tiên phong của NS BlueScope trong chiến lược ‘xanh hóa’ nền kinh tế*, Kinh tế Sài Gòn Online, <https://thesaigontimes.vn/dau-chan-tien-phong-cua-ns-bluescope-trong-chien-luoc-xanh-hoa-nen-kinh-te/>.
52. Đại Đồng, *Phụ gia thực phẩm, những con số đáng báo động*, <https://nhandan.vn/tin-chung1/phu-gia-thuc-pham-nhung-con-so-dang-bao-dong-390721/>.
53. Đại học Công nghệ - Trung tâm Sống và Học tập vì Môi trường và Cộng đồng, *Báo cáo “Hiện trạng bụi PM2.5 ở Việt Nam giai đoạn 2019-2020 sử dụng dữ liệu đa nguồn”*, 2021.
54. Đặng Hùng Võ, *Chuyển dịch đất đai: Vương mãc và giải pháp*, Tạp chí Cộng sản, 2022, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/824942/chuyen-dich-dat-dai--vuong-mac-va-giai-phap.aspx>.
55. Đặng Nguyên Anh, *Thị trường lao động - việc làm và quan hệ lao động trong điều kiện hội nhập ở Việt Nam: Thực trạng và một số định hướng chính sách*, Trang Thông tin điện tử Hội đồng Lý luận Trung ương, 2021, <http://hdll.vn/vi/nguyen-cuu---trao-doi/thi-truong-lao-dong---viec-lam-va-quan-he-lao-dong-trong-dieu-kien-hoi-nhap-o-viet-nam-thuc-trang-va-mot-so-dinh-huong-chinh-sach--%E2%80%8B.html>.
56. Đạt Nguyễn, *Mức lương ở Việt Nam bằng một phần bảy mức trung bình trong khu vực*, Báo điện tử VnExpress, 2019, <https://e.vnexpress.net/news/business/data-speaks/vietnamese-salary-a-seventh-of-regional-median-4030498.html#:~:text=A%20Vietnamese%20worker%20earned%20%24242,among%20Asia%20Pacific%20economies%20studied>.
57. Đinh Ngọc Linh, Hoàng Như Quỳnh, *Chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020*, 2021, https://vst.mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/r/m/nckh/ctnc/nckhctnc_chitiet?dDocName=MOFUCM200973&dID=209744.

58. Đinh Văn Minh, *Vi phạm pháp luật về đất đai qua công tác thanh tra và một số giải pháp hoàn thiện*, Trang thông tin điện tử Ban Nội chính Trung ương, 2021, <https://noichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/202108/vi-pham-phap-luat-ve-dat-dai-qua-cong-tac-thanh-tra-va-mot-so-giai-phap-hoan-thien-309902/>.
59. Đỗ Nga, *Thúc đẩy xu hướng chuyển dịch đầu tư cho các ngành kinh tế xanh*, Báo Công Thương, 2021, <https://congthuong.vn/thuc-day-xu-huong-chuyen-dich-dau-tu-cho-cac-nganh-kinh-te-xanh-169803.html>.
60. Đỗ Quỳnh Chi, *Kinh doanh & nhân quyền trong chuỗi cung ứng của các ngành may mặc, giày dép và điện tử tại Việt Nam nghiên cứu cơ bản*, 2019.
61. Duy Biên, *Trạm trộn bê tông gây ô nhiễm khu dân cư*, Báo Hà Nội mới, 2014, <https://hanoimoi.com.vn/ban-in/Ban-doc/697322/tram-tron-be-tong-gay-o-nhiem-khu-dan-cu>.
62. Duy Hưng. *An sinh xã hội cho lao động di cư*. Tạp chí Con số & Sự kiện, ,2021, <http://consosukien.vn/an-sinh-xa-hoi-cho-lao-dong-di-cu.htm>.
63. Gia An, *Trạm trộn bê tông gây ô nhiễm môi trường*, Báo Đồng Nai, 2018, <http://baodongnai.com.vn/bandoc/201812/tram-tron-be-tong-gay-o-nhiem-moi-truong-2924171/>.
64. Hà Linh, *Xây dựng nền tảng tin cậy cho truy xuất nguồn gốc sản phẩm*, Báo Nhân dân, 2021, <https://nhandan.vn/khoahoc-congnghexay-dung-nen-tang-tin-cay-cho-truy-xuat-nguon-goc-san-pham-649338/>.
65. Hoàng Thắng, *Hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất*, Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang, 2021, <https://stp.kien Giang.gov.vn/trang/TinTuc/16/2898/Huong-dan-lua-chon-nha-dau-tu-thuc-hien-du-an-dau-tu-theo-phuong-thuc-doi-tac-cong-tu-va-du-an-dau-tu-co-su-dung-dat.html>.
66. Hội Bảo trợ Người khuyết tật & Trẻ mồ côi Việt Nam, *Tổng kết Chương trình điều tra, khảo sát đường tiếp cận với NKT: 15.123 công trình được khảo sát, 1.834 cán bộ được phỏng vấn*, <http://asvho.vn/tong-ket-chuong-trinh-dieu-tra-khao-sat-duong-tiep-can-voi-nkt-15123-cong-trinh-duoc-khao-sat-1834-can-bo-duoc-phong-van-a1093.html>.
67. Hồng Tú, *Vụ Vedan: Kiện tập thể, được không?*, Báo Pháp luật, 2010, <https://plo.vn/thoi-su/vu-vedan-kien-tap-the-duoc-khong-340833.html>.
68. Hồng Vinh, *Nấn dòng quảng cáo trực tuyến đang bị "vấn đục"*, VNECONOMY, <https://vneconomy.vn/nan-dong-quang-cao-truc-tuyen-dang-bi-van-duc-647578.htm>.
69. Hùng Anh, *Khai thác khoáng sản kém hiệu quả: Hệ lụy của việc cấp phép tràn lan*, An Ninh Thủ Đô, 2016, <https://www.anninhthudo.vn/khai-thac-khoang-san-kem-hieu-qua-he-luy-cua-viec-cap-phep-tran-lan-post285962.antd>.
70. Huy Phong, *Những món đồ chơi chứa độc, gây hại cho trẻ*, <https://chatluongvacuocsong.vn/nhung-mon-do-choi-chua-doc-gay-hai-cho-tre-d31205.html>.
71. ILO và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam, *Báo cáo điều tra Lao động Việt làm năm 2020*, https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2021/08/sach_laodong_2020.pdf.
72. ILO và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Việt Nam, *Khảo sát lao động trẻ em quốc gia Việt Nam 2018: Những phát hiện chính*, Geneva: Tổ chức Lao động quốc tế, 2020.

73. ILO, Báo cáo đánh giá Chương trình Hợp tác Quốc gia về Việc làm bền vững tại Việt Nam giai đoạn 2017-2021, 2021, https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_630362/lang--vi/index.htm.
74. ILO, Báo cáo Đánh giá nhanh tác động của đại dịch Covid-19 tới doanh nghiệp và người lao động trong một số ngành kinh tế chính: Ứng phó, điều chỉnh và khả năng phục hồi năm 2020, 2020, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_757928.pdf.
75. ILO, Báo cáo tóm tắt nghiên cứu: Con đường dẫn đến thành công: Phụ nữ trong kinh doanh và quản lý tại Việt Nam, 2020, https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_761061/lang--vi/index.htm.
76. ILO, Báo cáo tóm tắt nghiên cứu: Giới và thị trường lao động ở Việt Nam, 2021, https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_774433/lang--vi/index.htm.
77. ILO, ILO hoan nghênh Việt Nam bỏ phiếu phê chuẩn công ước cốt lõi về thương lượng tập thể, 2019, https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/newsitems/WCMS_710542/lang--en/index.htm.
78. IPCC, Climate Change 2022, https://report.ipcc.ch/ar6wg3/pdf/IPCC_AR6_WGIII_FinalDraft_FullReport.pdf.
79. Khang Nhi – Công Thọ, Thủ tướng: Bộ máy đông nhưng yếu, không ai chịu trách nhiệm về vấn đề ô nhiễm môi trường, 2020, <https://kinhtedothi.vn/thu-tuong-bo-may-dong-nhung-yeu-khong-ai-chiu-trach-nhiem-ve-van-de-o-nhiem-moi-truong.html>.
80. Kiều Tuyết-Nguyễn Yên, Giao thông cho người khuyết tật vẫn ‘nằm’ trên giấy, <https://vovgiaothong.vn/giao-thong-cho-nguoi-khuyet-tat-khi-quy-dinh-duoc-soan-thao-bang-tu-duy-cua-nguoi-lanh>.
81. Lại Thìn, Lao động nữ vẫn bị phân biệt đối xử và nỗi lo mất việc ở tuổi 30, VOV, 2017, <https://vov.vn/xa-hoi/lao-dong-nu-van-bi-phan-biet-doi-xu-va-noi-lo-mat-viec-o-tuoi-30-600505.vov>.
82. Lan Hương – Hoàng Quỳnh, Phát triển nguồn nhân lực ở vùng DTTS và miền núi: Nhân tố quyết định trong công tác giảm nghèo, Báo Dân tộc và Phát triển, 2021, <https://baodantoc.vn/phan-trien-nguon-nhan-luc-o-vung-dtts-va-mien-nui-nhan-to-quyet-dinh-trong-cong-tac-giam-ngheo-1638293722158.htm>.
83. Lan Hương – Hoàng Quỳnh, Tòa án nhân dân tối cao báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn, Cổng thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam, 2020, <https://quochoi.vn/tintuc/pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=48349>.
84. Lan Phương, Đề xuất Bộ Quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng. Báo Chính phủ, 2021, <https://baochinhphu.vn/de-xuat-bo-quy-tac-ung-xu-ve-bao-ve-tre-em-tren-khong-gian-mang-102302951.htm>.
85. Lê Anh, Góc nhìn đại biểu: Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong môi trường thương mại điện tử, Trang thông tin điện tử Quốc hội, 2021. <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=56552>.
86. Lê Thị Thu Dung, Trang thông tin điện tử VKSNDTC, Tình hình tội phạm mua bán người trong giai đoạn hiện nay và một số giải pháp phòng ngừa, Trang thông tin điện tử VKSNDTC, 2021, <https://vksndtc.gov.vn/thong-tin/tinh-hinh-toi-pham-mua-ban-nguoi-trong-giai-doan-h-d12-t7696.html?Page=1#new-related>.

87. Lê Quân, *Cơ quan nào chịu trách nhiệm khi doanh nghiệp xả thải trộm ra sông*, 2021, <https://thanhnien.vn/co-quan-nao-chiu-trach-nhiem-khi-doanh-nghiep-xa-thai-trom-ra-song-post1063307.htmls>.
88. Lương Thị Thu Hà, *Nâng cao năng lực của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam trong giai đoạn mới*, Cổng thông tin quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp, 2021, <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/599/5582/nang-cao-nang-luc-cua-khu-vuc-kinh-te-tu-nhan-viet-nam-trong-giai-doan-moi.aspx>.
89. Lưu An, *Tháo gỡ vướng mắc trong thanh tra chuyên ngành của bảo hiểm xã hội*, Tạp chí Tài chính online, 2019, <https://tapchitaichinh.vn/bao-hiem/thao-go-vuong-mac-trong-thanh-tra-chuyen-nganh-cua-bao-hiem-xa-hoi-315317.html>.
90. *Liên Hợp Quốc: Đầu tư xe điện mở ra con đường chống biến đổi khí hậu*, 2022, Báo Thanh niên, <https://thanhnien.vn/lien-hop-quoc-dau-tu-xe-dien-mo-ra-con-duong-chong-bien-doi-khi-hau-post1446570.html>.
91. Mai Thế Toàn – Hoàng Thanh Nguyệt (Cục Thẩm định và đánh giá tác động môi trường), *Thực trạng và đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống đánh giá tác động môi trường trong quá trình xét duyệt dự án đầu tư*, 2016, <http://tapchimoitruong.vn/phap-luat--chinh-sach-16/Thực-trạng-và-đề-xuất-kiến-nghị-nhằm--hoàn-thiện-hệ-thống-đánh-giá-tác-động-môi-trường-trong-quá-trình-xét-duyệt-dự-án-đầu-tư-19000>.
92. *Mạng lưới doanh nghiệp Việt Nam hỗ trợ phát triển quyền năng phụ nữ (VBCWE), Quầy rỏi tình dục tại nơi làm việc và những con số biết nói*, 2020. <https://vbcwe.com/tin-tuc/quay-roi-tinh-duc-noi-lam-viec-va-nhung-con-so-biet-noi/31>.
93. Mạnh Hùng, *Cam kết mạnh mẽ của Việt Nam về giảm phát thải ròng về 0 (Net Zero)*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021. <https://dangcongsan.vn/lanh-dao-dang-nha-nuoc/cam-ket-manh-me-cua-viet-nam-ve-giam-phat-thai-rong-ve-0-net-zero-596702.html>.
94. Mai Đăng Lưu, Tạp chí Công thương, *Pháp luật Việt Nam về xóa bỏ lao động cưỡng bức*, Tạp chí Công thương, 2021, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/phap-luat-viet-nam-ve-xoa-bo-lao-dong-cuong-buc-78817.htm>.
95. Minh Hà – Đông Sơn, *Công bố nguyên nhân sự cố môi trường làm hải sản chết bất thường tại 4 tỉnh ven biển miền Trung*, Quân đội nhân dân, 2016, <https://www.qdnd.vn/x-a-hoi/cac-van-de/cong-bo-nguyen-nhan-su-co-moi-truong-lam-hai-san-chet-bat-thuong-tai-4-tinh-ven-bien-mien-trung-482056>.
96. Minh Huệ, *Tiếp tục ngăn chặn lao động trẻ em khi dịch COVID-19 vẫn tiếp diễn*, Việt Nam Plus, 2021, <https://www.vietnamplus.vn/tiep-tuc-ngan-chan-lao-dong-tre-em-khi-dich-covid19-van-tiep-dien/719488.vnp>.
97. Minh Sơn, *Chuỗi siêu thị Con Cưng bị nghi thay đổi nhãn mác sản phẩm*, <https://vnexpress.net/chuoi-sieu-thi-con-cung-bi-nghi-thay-doi-nhan-mac-san-pham-3781202.html>.
98. Ngân Anh, *Việc làm cho nữ giới: Chưa hết những rào cản*, Báo Nhân dân, 2018, <https://nhandan.vn/tin-tuc-xa-hoi/viec-lam-cho-nu-gioi-chua-het-nhung-rao-can-315168/>.
99. Ngân hàng Thế giới, *Chiến lược và Định hướng Chiến lược Thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030*, 2018.
100. Ngân hàng Thế giới, *Đánh giá và phân tích tác động ô nhiễm do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại Việt Nam*, 2008, <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/33931/45075VIET.pdf?sequence=2>.

101. Ngân hàng Thế giới, *Không còn thời gian để lãng phí: Những thách thức và cơ hội đối với phát triển thương mại xanh tại Việt Nam*, 2022, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/806771641998863176/pdf/No-Time-to-Waste-The-Challenges-and-Opportunities-of-Cleaner-Trade-for-Vietnam.pdf#page=20>.
102. Nguyễn Đình Phúc, *Tiếp cận dịch vụ y tế của người lao động tại các khu công nghiệp*, Báo Nghiên cứu Lập pháp điện tử, <http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/210638/Tiep-can-dich-vu-y-te-cua-nguoi-lao-dong-tai-cac-khu-cong-nghiep.html>.
103. Nguyễn Đức, *Bối rối “lọc” dự án FDI*, Báo Đầu tư Chứng khoán, 2019, <https://tinnhanhchungkhoan.vn/boi-roi-loc-du-an-fdi-post220106.html>.
104. Nguyễn Hưng Quang và các tác giả, *Báo cáo Rà soát khung pháp lý và thể chế đối với việc bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý các khu vực bảo tồn và các vùng rừng đặc dụng tại Việt Nam*, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và GIZ, 2011.
105. Nguyễn Hữu Chí, *Tổng quan về lao động di cư trong nước và những thách thức đặt ra ở Việt Nam*, 2017, <http://plkt.hlu.edu.vn/SubNews/Details/16836>.
106. Nguyễn Nga, *Quấy rối tình dục tại nơi làm việc, hành vi ám ảnh người lao động*, Tạp chí điện tử, 2020, <https://laodongcongdan.vn/quay-roi-tinh-duc-noi-lam-viec-hanh-vi-am-anh-nguoi-lao-dong-63224.html>.
107. Nguyễn Thị Hiền Thương, *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do gây ô nhiễm không khí*, Tạp chí Tòa án nhân dân, 2019, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/trach-nhiem-boi-thuong-thiet-hai-do-gay-o-nhiem-khong-khi>.
108. Nguyễn Tiến Lập, *Hoàn thiện khung khổ pháp luật trong bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường bằng tố tụng tòa án*, Báo Diễn đàn doanh nghiệp, 2019, <https://diendandoanhngiep.vn/giai-phap-hoan-thien-khung-kho-phap-luat-trong-boi-thuong-thiet-hai-do-o-nhiem-moi-truong-bang-to-tung-toa-an-162657.html>.
109. Nguyễn Tiến, *Bụi, tiếng ồn gần trung tâm điện lực Vĩnh Tân vượt ngưỡng cho phép*, Giải Gòn Giải phóng, 2020, <https://www.sggp.org.vn/bui-tieng-on-gan-trung-tam-dien-luc-vinh-tan-vuot-nguoc-cho-phep-671111.html>.
110. Nguyễn Văn Cương, *Thực trạng pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân ở Việt Nam hiện nay và hướng hoàn thiện*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 15 (415), 8/2020.
111. Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Hoàng Nam, *Hiện trạng phát thải khí nhà kính tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức*, 2021, https://www.researchgate.net/publication/352491423_Hien_trang_phat_thai_khi_nha_kinh_tai_Viet_Nam_Co_hoi_va_thach_thuc_Current_situation_of_greenhouse_gas_emissions_in_Vietnam_Opportunities_and_challenges.
112. Nhật Thu, *Xanh hoá sản xuất – xu hướng của doanh nghiệp FDI*, Báo Pháp luật Việt Nam, 2021, <https://baophapluat.vn/xanh-hoa-san-xuat-xu-huong-cua-doanh-nghiep-fdi-post416305.html>.
113. Nhóm công tác thực thi Nguyên tắc hướng dẫn của LHQ về Kinh doanh và quyền con người (UNWG), *Hướng dẫn về Kế hoạch hành động quốc gia về Kinh doanh và quyền con người*, 2016, https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Business/UNWG_NAPGuidance.pdf.
114. Như Bình, *Khách hàng muốn được bảo hành phải chịu hành đủ thứ*, <https://tuoitre.vn/khach-hang-muon-duoc-bao-hanh-phai-chiu-hanh-du-thu-1360639.htm>.

115. Nhữ Trang, *Người chuyển giới: Gian nan cơ hội tìm việc làm*. Tạp chí Gia đình, 2015, <https://thegioigiadinh.com.vn/nhat-ky-tre/vuon-lgbt/nguoi-chuyen-gioi--gian-nan-co-hoi-tim-viec-lam-28328>.
116. Ninh Cơ, *Quản lý bền vững các khu bảo tồn thiên nhiên*, Báo Nhân dân, 2020, <https://nhandan.vn/vi-moi-truong-xanh/quan-ly-ben-vung-cac-khu-bao-ton-thien-nhien-450248/>.
117. Ninh Hạ, *UNESCO đề nghị Việt Nam hủy bỏ vĩnh viễn dự án cáp treo vào Sơn Đoòng*, Người Đô thị Online, 2019. <https://nguoidothi.net.vn/unesco-de-nghi-viet-nam-huy-bo-vinh-vien-du-an-cap-treo-vao-son-doong-12453.html>.
118. OECD, *Báo cáo chính sách DNNVV và khởi nghiệp tại Việt Nam*, 2021, <https://www.oecd.org/cfe/smes/VN%20SMEE%20Policy%20highlights%20VN.pdf>.
119. Oxfam Việt Nam, *Tiền lương không đủ sống và hệ lụy nghiêm cứu một số doanh nghiệp may xuất khẩu ở Việt Nam*, 2019.
120. Oxfam-M.Net-DGD, *Báo cáo tổng quan và phân tích chính sách bảo hiểm xã hội*, 2021, <https://vietnam.oxfam.org/latest/policy-paper/report-overview-social-insurance-system-vietnam>.
121. Phạm Anh Cường, Trần Ngọc Cường, Phạm Hạnh Nguyên, Tạp chí Môi trường số 4/2020, *Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên - Một cách tiếp cận mới trong Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)*, 2020, [http://tapchimoitruong.vn/phap-luat--chinh-sach-16/Bảo-vệ-cảnh-quan-thiên-nhiên---Một-cách-tiếp-cận-mới-trong-Dự-thảo-Luật-Bảo-vệ-môi-trường-\(sửa-đổi\)-18360](http://tapchimoitruong.vn/phap-luat--chinh-sach-16/Bảo-vệ-cảnh-quan-thiên-nhiên---Một-cách-tiếp-cận-mới-trong-Dự-thảo-Luật-Bảo-vệ-môi-trường-(sửa-đổi)-18360).
122. Phạm Huyền, *Truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Cần minh bạch thông tin, chống gian lận thương mại*, Báo Công an nhân dân, 2021, <https://cand.com.vn/doanh-nghiep/Truy-xuat-nguon-goc-san-pham-Can-minh-bach-thong-tin-chong-gian-lan-thuong-mai-i605603/>.
123. Phạm Thị Ngoan, *Mở cửa thu hút FDI và vấn đề môi trường*, 2019, <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/mo-cua-thu-hut-fdi-va-van-de-moi-truong-67227.htm>.
124. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, *Báo cáo chống chéo pháp luật về đầu tư kinh doanh*, 2019, <http://vibonline.com.vn/wp-content/uploads/2020/02/VCCI-Báo-cáo-chống-chéo-PL-2019.12.26.pdf>.
125. Phương Anh Linh, *Khách hàng tố bị lộ thông tin thẻ VISA khi đặt phòng qua Agoda, Booking.com*, <https://cafebiz.vn/khach-hang-to-bi-lo-thong-tin-the-visa-khi-dat-phong-qua-agoda-bookingcom-20180202140230057.chn>.
126. Phương Liên, *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi*. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc-vung-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-585171.html>.
127. Quang Hà, *Dân bức xúc vì bị thu hồi đất giá rẻ giao doanh nghiệp kinh doanh*, Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, 2021, https://congan.com.vn/doi-song/dan-buc-xuc-vi-bi-thu-hoi-dat-gia-re-giao-doanh-nghiep-kinh-doanh_122964.html.
128. *Quy định tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận*, Cổng thông tin UBND Tỉnh Ninh Thuận, 2015. <http://portalold.ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/sotttt/Pages/Quy-dinh-tieu-chi-lua-chon-du-an-dau-tu-tren-dia-ban-tinh-Ninh-Thuan.aspx>.
129. Quỳnh Anh, *Bất cập trong chính sách đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Tạp chí Bảo vệ Rừng và Môi trường, 2021, <https://baovemoitruong.org.vn/bat-cap-trong-chinh-sach-dat-dai-cho-dong-bao-dan-toc-thieu-so-o-viet-nam/>.

130. Quỹ dân số Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNFPA), *Báo cáo quốc gia về Thanh niên Việt Nam*, 2015, <https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/B%C3%A1o%20c%C3%A1o%20Qu%E1%BB%91c%20gia%20v%E1%BB%81%20thanh%20ni%C3%AAn%20Vi%E1%BB%87t%20Nam.pdf>.
131. Roland Fritz và Vũ Hoài Đức, *Quy hoạch xây dựng: Đừng để tham vấn cộng đồng chỉ là...làm cho có!*, Tạp chí Người Đô thị, 2021, <https://nguoidothi.net.vn/quy-hoach-xay-dung-dung-de-tham-van-cong-dong-chi-la-lam-cho-co-27668.html>.
132. Scott H.D. Bower, Russell J. Kruger and Stephanie Clark, *When is an Environmental Contamination Claim Too Old to Extend the Limitation Period?* | Bennett Jones, 2017, [When is an Environmental Contamination Claim Too Old to Extend the Limitation Period? | Bennett Jones](https://www.bennettjones.com/en/insights/publications/when-is-an-environmental-contamination-claim-too-old-to-extend-the-limitation-period/).
133. Sở Công thương Tỉnh Hà Nam, *Ban hành quy định tiêu chí lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp*, 2022, <https://sct.hanam.gov.vn/Pages/ban-hanh-quy-dinh-tieu-chi-lua-chon-chu-dau-tu-xay-dung-ha-tang-ky-thuat-cum-cong-nghiep.aspx>.
134. T. Minh, *Công bố các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường*, Báo Điện tử Chính phủ, 2016, <https://baochinhphu.vn/cong-bo-cac-du-an-co-nguy-co-gay-o-nhiem-moi-truong-102210973.htm>.
135. Tạp chí Môi trường & Cuộc sống, *10 sự kiện môi trường nổi bật năm 2020*, 2020, <https://moitruong.net.vn/10-su-kien-moi-truong-noi-bat-nam-2020>.
136. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, *Quyền lao động của người chuyển giới tại Việt Nam hiện nay*, 2021, <http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/210950/Quyen-lao-dong-cua-nguoi-chuyen-gioi-tai-Viet-Nam-hien-nay.html>.
137. Thái Thị Hải Yến, *Những khoảng trống trong chính sách pháp luật về phụ nữ - đề xuất giải pháp*. Tạp chí điện tử Tổ chức nhà nước, 2017, <https://tcnn.vn/news/detail/38558/Nhung-khoang-trong-trong-chinh-sach-phap-luat-ve-phu-nu-de-xuat-giai-phapall.html>.
138. Thanh Hoa, *Đường tiếp cận cho người khuyết tật cần phải được quan tâm hơn*, Báo điện tử Quảng Ninh, 2021, <https://baoquangninh.com.vn/duong-tiep-can-cho-nguoi-khuyet-tat-can-phai-duoc-quan-tam-hon-2529099.html>.
139. Thảo Nguyên, *Tăng trưởng xanh - Chìa khoá của phát triển bền vững*, Tạp chí Tuyên giáo, 2021, <https://tuyengiao.vn/khoa-giao/moi-truong/tang-truong-xanh-chia-khoa-cua-phat-trien-ben-vung-136308>.
140. Thu Hương-Thanh Hoà, *Chăm sóc sức khỏe người lao động trong các khu, cụm công nghiệp: Những vấn đề đặt ra trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 - Kỳ 2: Lấp "lỗ hổng" y tế trong doanh nghiệp*, Cổng thông tin điện tử Phú thọ, 2021, <https://phutho.gov.vn/vi/cham-soc-suc-khoe-nguoi-lao-dong-trong-cac-khu-cum-cong-nghiep-nhung-van-de-dat-ra-trong-boi-can-0>.
141. IOM, *Tính dễ bị tổn thương và rủi ro bị bóc lột của lao động di cư Việt Nam – Nghiên cứu định tính của người lao động trở về*, 2020, <https://vietnam.iom.int/vi/news/iom-viet-nam-cong-bo-nghien-cuu-dinh-tinh-ve-rui-ro-bi-boc-lot-cua-lao-dong-di-cu-viet-nam>.
142. Toà án nhân dân tối cao, *Dự thảo Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và nhiệm kỳ 2016 – 2020; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2021 của các tòa án*, <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND155594>.

143. Tổng cục Thống kê – Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), *Báo cáo lao động phi chính thức 2016*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2017, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/03/bao-cao-lao-dong-phi-chinh-thuc-2016/>.
144. Tổng cục Thống kê, *Báo cáo tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động, việc làm quý IV năm 2021*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-nam-2021-va-chi-so-phat-trien-con-nguoi-viet-nam-2016-2020/>.
145. Tổng Cục thống kê, *Báo cáo tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động, việc làm quý III năm 2020*, https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2020/10/Bao-cao-tac-dong-Covid-quy-3.2020_in-lan-2.docx.
146. Tổng cục Thống kê, *Bình đẳng giới trong lao động và tiếp cận việc làm quản lý doanh nghiệp*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/11/binh-dang-gioi-trong-lao-dong-va-tiep-can-viec-lam-quan-ly-doanh-nghiep/>.
147. Tổng cục Thống kê, *Điều tra Quốc gia người khuyết tật năm 2016*, 2018, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/03/trashed-4/>.
148. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, *Báo cáo quan hệ lao động 2019*, 2021.
149. Trần Đức Long, *Hoàn thiện chức năng thanh tra chuyên ngành của BHXH Việt Nam*, Tạp chí Bảo hiểm xã hội, 2022, <http://tapchibaohiemxahoi.gov.vn/mobile/hoan-thien-chuc-nang-thanh-tra-chuyen-nganh-cua-bhxx-viet-nam-69225.html>.
150. Trần Thế Hệ, *Thực trạng về hoạt động cho vay tiêu dùng tại các công ty tài chính ở Việt Nam*, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/thuc-trang-ve-hoat-dong-cho-vay-tieu-dung-tai-cac-cong-ty-tai-chinh-o-viet-nam-336586.html>.
151. Trần Thị Sáu, *Tham vấn cộng đồng dân cư trong quá trình đánh giá tác động môi trường và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, 2018, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207023>.
152. Trần Thị Tuyết Nhi, *Quảng cáo vi phạm đạo đức trong kinh doanh: Thực trạng và giải pháp*, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/quang-cao-vi-pham-dao-duc-trong-kinh-doanh-thuc-trang-va-giai-phap-309967.html>.
153. Trung Chánh, *Lo ngại ô nhiễm, Tiền Giang đã thu hồi nhà máy giấy 220 triệu đô la*, Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online, 2016, <https://thesaigontimes.vn/chuyen-gia-de-nghi-thu-hoi-du-an-nha-may-giay-dai-duong/>.
154. Trung Hiếu, *Dệt may là ngành gây ô nhiễm môi trường thứ 2 thế giới*, 2019, <https://vov.vn/the-gioi/ho-so/det-may-la-nganh-gay-o-nhiem-moi-truong-thu-2-the-gioi-994584.vov>.
155. Trương Hồng Quang, *Quyền lao động của người chuyển giới tại Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, 2021, <http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/210950/Quyen-lao-dong-cua-nguoi-chuyen-gioi-tai-Viet-Nam-hien-nay.html>.
156. Đồng Thúy, *Thành lập trung tâm y tế trong khu công nghiệp đầu tiên của cả nước*, TTXVN/Viet Nam+, 2022, <https://www.vietnamplus.vn/thanh-lap-trung-tam-y-te-trong-khu-cong-nghiep-dau-tien-cua-ca-nuoc/773337.vnp>.
157. UNCTAD, *Báo cáo Đầu tư Thế giới 2021: Đầu tư phục hồi bền vững*, 2021, https://unctad.org/system/files/official-document/wir2021_en.pdf.

158. UNCTAD, United Nations guidelines for consumer protection, <https://unctad.org/topic/competition-and-consumer-protection/un-guidelines-for-consumer-protection>.
159. UNDP và iSEE, *Xoá bỏ kỳ thị - Quan điểm và đánh giá của người khuyết tật*, Nhà xuất bản Tri Thức, 2017, https://www1.undp.org/content/dam/vietnam/docs/Publications/Xoa%20bo%20ky%20thi_13.4.18.pdf.
160. UNDP Việt Nam – VCCI, *Thông lệ quốc tế và quốc gia về sàng lọc đầu tư – Đánh giá kỹ thuật*, 2021.
161. UNDP Viet Nam, *Tranh chấp thu hồi đất ở Đông Á: Phân tích so sánh và khuyến nghị với Việt Nam*, 2014.
162. UNICEF, *Quyền trẻ em trong các đánh giá tác động – Hướng dẫn tích hợp quyền trẻ em vào các đánh giá tác động và hành động vì trẻ em*, <https://www.unicef.org/vietnam/media/2321/file/%C4%90%C3%A1nh%20gi%C3%A1%20%C3%A1c%20%C4%91%E1%BB%99ng.pdf>.
163. Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) và Ngân hàng Thế giới (World Bank), *Bộ Quy tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng ở Việt Nam*, 8/2019.
164. Ủy ban Dân tộc và UNDP Việt Nam, *Thực trạng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số và khuyến nghị các giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi*, 2010, https://www.undp.org/content/dam/vietnam/docs/Publications/30095_Exe_Summary_of_HRD_research_VIET_for_CG_6_2011_.pdf.
165. Ủy ban quốc gia về Người khuyết tật Việt Nam, *Báo cáo Nghiên cứu đánh giá tình hình thực hiện các quy định của Bộ luật lao động và các văn bản có liên quan về lao động là người khuyết tật*, 2018, <https://acdc.vn/vi/tai-lieu/140/bao-cao-nghien-cuu-danh-gia-tinh-hinh-thuc-hien-cac-quy-dinh-cua-bo-luat-lao-dong-va-cac-van-ban-lien-quan-ve-lao-dong-la-nguoi-khuyet-tat.html>.
166. V. Lê, *Ô nhiễm Dream Town: Dân đòi bồi thường không dễ*, Báo Đồi sống và Pháp luật, 2017, <https://www.doisongphapluat.com/o-nhiem-dream-town-dan-doi-boi-thuong-khong-de-a196513.html>.
167. V. Lê, *Ô nhiễm tiếng ồn: Khẩn cấp và quyết liệt xử lý*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, <https://dangcongsan.vn/cung-ban-luan/o-nhiem-tieng-on-khan-cap-va-quyet-liet-xu-ly-576903.html>.
168. V.V. Tuân, *Xem xét kiến nghị dừng xây cáp treo ở Phong Nha Kẻ Bàng*, Tuổi trẻ, 2017, <https://tuoitre.vn/xem-xet-kien-nghi-dung-xay-cap-treo-o-phong-nha-ke-bang-20171018113938454.htm>.
169. Văn phòng Chính phủ - Cơ quan Hợp tác quốc tế Hoa Kỳ (USAID), *Báo cáo Chỉ số đánh giá Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính 2020*.
170. VCCI và Quỹ châu Á, *Báo cáo “Thích ứng để thành công - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với doanh nghiệp Việt Nam”*, 2020, https://asiafoundation.org/wp-content/uploads/2020/10/Adapting-to-Succeed_Assessing-the-Impact-of-Climate-Change-on-Vietnamese-Businesses_VN_2020.pdf.
171. VCCI và UNICEF, *Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam*, 2021, <http://crbp.com.vn/vi/bo-cong-cu/bao-cao-ve-quyen-tre-em-trong-doanh-nghiep-vua-va-nho-tai-viet-nam>.

172. VCCI, *Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp về những ảnh hưởng của Dịch Covid – 19 đến các vấn đề lao động việc làm tại doanh nghiệp*, 2021, <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/18719-bao-cao-ket-qua-khao-sat-dn-ve-anh-huong-covid-19-den-van-de-lao-dong-viec-lam-tai-dn>.
173. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), *Báo cáo nghiên cứu "Có phải bởi vì tôi là LGBT?" Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, 2016, https://www.vn.undp.org/content/dam/vietnam/docs/Publications/iSEE_Nghien+cuu+PBD_X+dua+tren+SOGI_VN.pdf.
174. Viện Quản lý kinh tế trung ương, *37 khó khăn, vướng mắc phổ biến của doanh nghiệp trong chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư do các quy định thiếu cụ thể, thiếu rõ ràng, bất hợp lý, chồng chéo, mâu thuẫn trong pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, nhà ở và kinh doanh bất động sản, đấu thầu, và quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp*, 2018.
175. Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên, *Chỉ số quản trị tài nguyên*, 2017, https://nature.org.vn/vn/wp-content/uploads/2018/01/300118_Chisoquantritainguyen_webfinal.pdf.
176. VietSE, *Khuyến nghị chính sách Năng lượng tái tạo phi tập trung: Thay đổi logic quy hoạch điện lực Việt Nam*, 2021.
177. Vĩnh Cẩm, *Tại sao Lego chọn Việt Nam để đặt nhà máy trung hoà carbon đầu tiên?*, Sài Gòn Giải Phóng, 2021, <https://www.saigondautu.com.vn/ho-so/tai-sao-lego-chon-viet-nam-de-dat-nha-may-trung-hoa-carbon-dau-tien-99943.html>.
178. VOV, *Sa thải lao động tuổi 35: Xu hướng tất yếu của kinh tế thị trường*, 2018, <https://vov.vn/xa-hoi/lao-dong-nu-van-bi-phan-biet-doi-xu-va-noi-lo-mat-viec-o-tuoi-30-600505.vov>.
179. Vụ Gia đình (Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch), *Tình trạng quấy rối tình dục đối với lao động nữ tại nơi làm việc*, Trang thông tin điện tử về Gia Đình, <http://giadinh.bvhttdl.gov.vn/tinh-trang-quay-roi-tinh-duc-doi-voi-lao-dong-nu-tai-noi-lam-viec/>.
180. Vũ Hải, *Người dân khổ vì trạm trộn bê tông gây ô nhiễm*, Kinh tế & Đô thị, 2021, <https://kinhtedothi.vn/nguoi-dan-kho-vi-tram-tron-be-tong-gay-o-nhiem.html>.
181. Vũ Huy Hùng, *Thách thức môi trường và những vấn đề đặt ra cho ngành Công thương*, <http://vioit.org.vn/vn/chien-luoc-chinh-sach/thach-thuc-moi-truong-va-nhung-van-de-dat-ra-cho-nganh-cong-thuong-4451.4050.html>.
182. Vũ Thủy, *"Trách nhiệm sản phẩm nghiêm ngặt": Kinh nghiệm pháp lý của Mỹ và một số gợi mở cho Việt Nam*, Tạp chí điện tử Pháp lý, 2021, <https://phaply.net.vn/trach-nhiem-san-pham-nghiem-ngat-kinh-nghiem-phap-ly-cua-my-va-mot-so-goi-mo-cho-viet-nam-a253244.html>.
183. Vương Trần, *Đấu tranh với tư tưởng phân biệt đối xử, thái độ coi thường phụ nữ*, Báo Lao động, 2022, <https://laodong.vn/thoi-su/dau-tranh-voi-tu-tuong-phan-biet-doi-xu-thai-do-coi-thuong-phu-nu-1021981.lido>.
184. Wendling, Z. A., Emerson, J. W., de Sherbinin, A., Esty, D. C., et al., *2020 Environmental Performance Index*. New Haven, CT: Yale Center for Environmental Law & Policy, 2020.
185. Xuân Long, *Formosa đứng đầu các vụ gây ô nhiễm năm 2016*, Tuổi Trẻ, 2017, <https://tuoitre.vn/formosa-dung-dau-cac-vu-gay-o-nhiem-nam-2016-1351267.htm>.

186. Xuân Long, *Rất khó tiếp cận các báo cáo đánh giá tác động môi trường*, Tuổi trẻ, 2020, <https://tuoitre.vn/rat-kho-tiep-can-cac-bao-cao-danh-gia-tac-dong-moi-truong-20201118193456218.htm>.
187. Xuân Long, *Sửa Luật Bảo vệ môi trường, cần thêm quy định về công khai báo cáo đánh giá môi trường*, Tuổi trẻ, 2020, <https://tuoitre.vn/sua-luat-bao-ve-moi-truong-can-them-quy-dinh-ve-cong-khai-bao-cao-danh-gia-moi-truong-20201102155231989.htm>.
188. *Kinh nghiệm mua sắm công xanh của một số quốc gia Châu Á*, Tạp chí môi trường, <http://tapchimoitruong.vn/dien-dan--trao-doi-21/Kinh-nghi%E1%BB%87m-mua-s%E1%BA%AFm-c%C3%B4ng-xanh-c%E1%BB%A7a-m%E1%BB%99t-s%E1%BB%91-qu%E1%BB%91c-gia-ch%C3%A2u-%C3%81-14810>
189. *Kết quả xử lý cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng*, <https://monre.gov.vn/Pages/ket-qua-xu-ly-co-so-gay-o-nhiem-moi-truong-nghiem-trong.aspx>
190. Linh Chi, *Thu hồi pin và rác thải điện tử: Cần “chế tài” mạnh hơn*, Báo điện tử Tài nguyên và Môi trường, 2020, <https://baotainguyenmoitruong.vn/thu-hoi-pin-va-rac-thai-dien-tu-can-che-tai-manh-hon-317790.html#:~:text=Theo%20B%C3%A1o%20c%C3%A1o%20c%E1%BB%A7a%20Vi%E1%BB%87n,m%C3%A1y%20fax...>),
191. Liên Minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN), Trách nhiệm mở rộng nhà sản xuất – Tài liệu tóm tắt, https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/epr_brochure_-_vn_-_final.pdf.
192. Panasonic Việt Nam, https://www.panasonic.com/vn/en/corporate/news/articles/20160617-collection-points-for-take-back-of-panasonic-discarded-products.html#.YmO_6fIBY5c, 2016.
193. Samsung Việt Nam, <https://www.samsung.com/vn/support/supportServiceCenter/>, 2016.
194. Tổng cục Thống kê, Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm 2016-2020, 2021.
195. Thu Ngân, *Tỷ lệ nam giới trưởng thành hút thuốc lá có xu hướng giảm mạnh*, Cổng thông tin điện tử Công đoàn Việt Nam, <http://www.congdoan.vn/tin-tuc/thoi-su-487/ty-le-nam-gioi-truong-thanh-hut-thuoc-la-co-xu-huong-giam-599219.tld>
196. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo Đánh giá tác động chính sách Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, 2021.
197. Chương trình Việt Nam tái chế, <https://www.vietnamrecycles.com/en/about>.
198. Tổng Cục Thống kê, Niên giám thống kê 2020.
199. Nguyễn Thị Thu Trang, *Bảo đảm gỡ hợp pháp trong đấu thầu mua sắm sản phẩm gỗ*, 2021; Hội thảo Bảo đảm gỡ hợp pháp trong đấu thầu mua sắm công ở Việt Nam – Thực thi Hiệp định VPA-FLEGT do VCCI tổ chức vào ngày 31/3/2022, https://aevccci.vn/Modules/News/Uploaded/Document/2021040616450277_pdf.pdf.
200. NAP của Hoa Kỳ, phần Môi trường và Biến đổi khí hậu, <https://globalnaps.org/country/usa/>. NAP của Thái Lan, phần Môi trường và Biến đổi khí hậu và phần Biện pháp tư pháp, <https://globalnaps.org/country/thailand/>. Luật Môi trường Pháp, Điều L152-1, [Article L152-1 - Code de l'environnement - Légifrance \(legifrance.gouv.fr\)](https://legifrance.gouv.fr).
201. Đạo luật giới hạn của Canada, <https://www.canlii.org/en/ab/laws/stat/rsa-2000-c-l-12/#document>. Scott H.D. Bower, Russell J. Kruger and Stephanie Clark, *When is an*

- Environmental Contamination Claim Too Old to Extend the Limitation Period?*, Bennett Jones, 2017, [When is an Environmental Contamination Claim Too Old to Extend the Limitation Period? | Bennett Jones.](#)
202. Tô Hội, *Chuyên gia phát hiện ‘điều lạ’ về nguồn gốc nông sản trong siêu thị*, Báo điện tử VnExpress, <https://vnexpress.net/chuyen-gia-phat-hien-dieu-la-ve-nguon-goc-nong-san-trong-sieu-thi-4381487.html>
 203. Trung tâm thông tin, tư vấn và đào tạo, Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, *Tình hình hoạt động tiếp nhận, tư vấn và giải quyết yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của người tiêu dùng tại Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng năm 2020*, Trang thông tin điện tử Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, http://www.vcca.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category_id=9343771e-96be-48b5-a35d-b8ea9bc1aa93&id=ac93f7fb-5909-4452-a1bd-ee55e87565b4.
 204. Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật, *Báo cáo Kết quả rà soát quy định pháp luật đảm bảo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, năm 2020.
 205. Lê Thị Diễm Hằng, Ngô Hà Chi, Nguyễn Hà Giang, Trần Mai Huyền (Đại học Luật Hà Nội), *Nhận diện cơ bản về thông tin cá nhân và hành vi xâm phạm thông tin cá nhân*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/nhan-dien-co-ban-ve-thong-tin-ca-nhan-va-hanh-vi-xam-pham-thong-tin-ca-nhan5893.html>.
 206. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công thương, *Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam năm 2021*.
 207. Lưu Hiệp, *Hàng giả, hàng cấm bán tràn lan trên mạng xã hội*, Báo Công an nhân dân online, <https://cand.com.vn/Thi-truong/Hang-gia-hang-cam-ban-tran-lan-tren-mang-xa-hoi-i581357/>.
 208. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, *Báo cáo đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm*, năm 2022.
 209. IUCN, *Đánh giá hiệu quả các công cụ chính sách được lựa chọn để giải quyết vấn đề ô nhiễm rác thải nhựa đại dương*, https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/viet_nam_policy_assessment_vi_20211102.pdf.
 210. Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại COP 26, <https://nhandan.vn/moi-truong/ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-phuc-hoi-tu-nhien-phai-tro-thanh-uu-tien-cao-nhat--672097/>
 211. 1 COP26 và dấu ấn Việt Nam, https://special.nhandan.vn/COP26_Vietnam/index.html#group-section-CAM-KET-CUA-VIET-NAM-cmS6dEZ0EK
 212. Cục Điện lực và Năng lượng Đan Mạch, *Báo cáo triển vọng năng lượng Việt Nam 2019, 2019*, tr. 44, <https://media.depp3.vn/Images/User/quantri/2022/2/vietnamenergyoutlookreport2019v.pdf>,
 213. *Một số vấn đề về đổi mới công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam*, Tạp chí Tài chính online, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/mot-so-van-de-ve-doi-moi-cong-nghe-cua-doanh-nghiep-viet-nam-310714.html>
 214. Robert H. Klonoff, *Why Most Nations Do Not Have U.S.-Style Class Actions*, 2015, <https://news.bloomberglaw.com/class-action/why-most-nations-do-not-have-us-style-class-actions>

215. ILO, *Social dialogue*, https://www.ilo.org/actemp/areas-of-work/WCMS_731146/lang-en/index.htm
216. ILO, *Công ước số 98 của ILO - Công ước về Quyền Tổ chức và Thương lượng Tập thể (Tài liệu Dự án Thúc đẩy áp dụng các Công ước Cơ bản của ILO trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh Châu Âu - Việt Nam)*, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_721935.pdf
217. ILO, 'Thương lượng tập thể: Hướng dẫn chính sách', 2015, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_567692.pdf
218. Tòa án nhân dân tối cao, *Dự thảo: Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2019 của các tòa án*, 12/2018, <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND058489>
219. Tòa án nhân dân tối cao, *Dự thảo: Báo cáo tổng kết công tác năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2022 của các tòa án*, 2022
220. Trung tâm hỗ trợ phát triển quan hệ lao động (CIRD), *Giải quyết tranh chấp lao động tại địa phương - triển khai thực hiện Bộ luật Lao động 2019*, Bản tin Quan hệ Lao động số 35 – Quý IV.2020, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_822283.pdf
221. ILO, *Báo cáo chẩn đoán nhanh về Giải quyết tranh chấp lao động tại Việt Nam*, 2019, https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_715203/lang-vi/index.htm
222. VCCI, *Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp về những ảnh hưởng của Dịch Covid – 19 đến các vấn đề lao động việc làm tại doanh nghiệp*, 08/2021, <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/18719-bao-cao-ket-qua-khao-sat-dn-ve-anh-huong-covid-19-den-van-de-lao-dong-viec-lam-tai-dn>
223. ILO, *Báo cáo Đánh giá nhanh tác động của đại dịch Covid-19 tới doanh nghiệp và người lao động trong một số ngành kinh tế chính: Ứng phó, điều chỉnh và khả năng phục hồi năm 2020*, 2020, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_757928.pdf
224. ILO, *Báo cáo Tiền lương toàn cầu 2020-21 – Tiền lương và lương tối thiểu trong thời kỳ Covid-19*, 2020, https://www.ilo.org/global/publications/books/WCMS_762534/lang-en/index.htm
225. Tổng cục Thống kê, *Báo cáo Lao động việc làm các năm 2015-2021*.
226. Tổng cục Thống kê Việt Nam và Văn phòng Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, *Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021 Thanh thiếu niên*, 2021
227. Ngân hàng thế giới, *Khoảng cách giới về thu nhập ở Việt Nam: tại sao phụ nữ Việt Nam làm việc trong những ngành nghề có thu nhập thấp hơn?*, Báo cáo Tóm tắt Chính sách số 2, 2018
228. ILO, *Thời giờ làm việc tại Việt Nam – Tài liệu thảo luận chính sách*, 2019, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_730900.pdf

229. ILO, *Chế độ thai sản và nuôi con trong quan hệ lao động: Luật pháp và thông lệ trên toàn thế giới*, 2014, https://www.ilo.org/global/publications/ilo-bookstore/order-online/books/WCMS_242615/lang--en/index.htm
230. UNICEF, *Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam*, 2021, <http://crbp.com.vn/vi/bo-cong-cu/bao-cao-ve-quyen-tre-em-trong-doanh-nghiep-vua-va-nho-tai-viet-nam>
231. UNICEF, *Tác động của ngành May mặc và Giày dép đến Trẻ em Việt Nam*, 2016, <https://www.unicef.org/vietnam/vi/reports/t%C3%A1c-%C4%91%E1%BB%99ng-c%E1%BB%A7a-ng%C3%A0nh-may-m%E1%BA%B7c-v%C3%A0-gi%C3%A0y-d%C3%A9p-%C4%91%E1%BA%BFn-tr%E1%BA%BB-em-vi%E1%BB%87t-nam>
232. ILO, *Mặc dù thời gian nghỉ thai sản dài, Việt Nam vẫn tụt hậu về chế độ cho các ông bố*, https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_243008/lang--vi/index.htm
233. Investing in women (IW), *Báo cáo Thái độ với bình đẳng: Hiểu về các chuẩn mực xã hội, góc nhìn và thực tiễn về giới ở Indonesia, Philippines và Việt Nam*, 2019, https://investinginwomen.asia/wp-content/uploads/2019/11/20191125_IW_SNAPS-Report.pdf
234. Bộ LĐ-TB&XH, *Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam Quý 4/2021*, 2022.
235. ILO, *Báo cáo tóm tắt nghiên cứu: Giới và thị trường lao động ở Việt Nam*, 2021.
236. Bộ LĐ-TB&XH, *Thông báo Tình hình tai nạn lao động và Bệnh nghề nghiệp của Bộ LĐ-TB&XH trong các năm 2014-2021*.
237. Bộ KH&ĐT, *Báo cáo Quốc gia năm 2020 về tiến độ 05 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững*, 2021, <https://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/NationalSDGReport.html>
238. Google, Temasek, Bain&Company, *e-Conomy SEA 2021 – Roaring 20s: The SEA Digital Decade*, tr.127, https://services.google.com/fh/files/misc/e_conomy_sea_2021_report.pdf?utm_source=twg&utm_medium=article&utm_campaign=2021, truy cập ngày 29/04/2022.
239. Đỗ Hải Hà – Đinh Thị Chiến, *Điều chỉnh pháp luật đối với các dạng thức việc làm mới trong kinh tế GIG: Trường hợp của nghề xe ôm công nghệ*, <https://htpldn.moj.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/Bantim/Attachments/96/T%C3%A0i%20li%E1%BB%87u%20h%E1%BB%99i%20th%E1%BA%A3o%20KTCS.pdf>
240. Bùi Tôn Hiến - Trịnh Thu Nga, *Digitalisation and Informal Labour in Gig Economy in Vietnam*, Báo cáo quốc gia số 3/2021, Tổ chức Hanns Seidel Foundation
241. Báo thanh niên, *TP.HCM bùng phát dịch Covid-19: Xe ôm công nghệ, shipper được hỗ trợ bao nhiêu tiền?*, 2021, <https://thanhnien.vn/tphcm-bung-phat-dich-covid-19-xe-om-cong-nghe-shipper-duoc-ho-tro-bao-nhieu-tien-post1080200.html>
242. Lê Thị Hoài Thu, *Quyền tiếp cận an sinh xã hội của lái xe công nghệ dưới góc nhìn pháp lý*, Tạp chí Lao động&Xã hội, 2022, <http://laodongxahoi.net/quyen-tiep-can-an-sinh-xa-hoi-cua-lai-xe-cong-nghe-duoi-goc-nhin-phap-ly-1322765.html>
243. Joe Buckley, *Mapping ride-hailing app driver strikes in Vietnam*, 2020, <https://www.newmandala.org/mapping-ride-hailing-app-driver-strikes-in-vietnam/#:~:text=On%207%20December%2C%20Grab%20drivers,the%20streets%20of%20the%20capital> (Anh xem giúp em có được đưa tài liệu tham khảo này vào không nhé ạ)

244. Báo Lao động, *Nhọc nhàn những cuộc xe ôm công nghệ*, 2019; <https://laodong.vn/cong-doan/nhoc-nhan-nhung-cuoc-xe-om-cong-nghe-758305.lido>,
245. Báo Kinh tế & Đô thị, *Hà Nội: Tài xế grab bị cướp đâm nguy kịch trên đê sông Đuống trong đêm vắng*, 2020, <https://kinhtedothi.vn/ha-noi-tai-xe-grab-bi-cuop-dam-nguy-kich-tren-de-song-duong-trong-dem-vang.html>
246. Báo Thanh niên, *Tài xế xe ôm công nghệ bị cướp đâm chết: 'Khó nhận biết được cướp'*, <https://thanhnien.vn/tai-xe-xe-om-cong-nghe-bi-cuop-dam-chet-kho-nhan-biet-duoc-cuop-post1039757.html>, truy cập ngày 29/04/2022.
247. FES, *Benefits of platform work for workers need to be assessed with caution*, 2022, <https://asia.fes.de/news/platform-economy-vietnam>
248. Sedex, *Guidance on Operational Practice and Indicators of Forced Labour (Version 2.0, June 2017)*, tr. 7, <http://www.sedex.com/wp-content/uploads/2016/03/Sedex-Guidance-on-Operational-Practice-and-Indicators-of-Forced-Labour.pdf>.
249. McAuliffe, M. và A. Triandafyllidou, 2021, *World Migration Report 2022*, IOM, Geneva
250. ILO, *TRIANGLE in ASEAN Quarterly Briefing Note*, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/documents/genericdocument/wcms_735109.pdf,
251. ILO, *ILO commits to support Viet Nam's effort to promote safe labour migration*, 2020, https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_747465/lang--en/index.htm
252. Testaverde, Mauro, Harry Moroz, Claire H. Hollweg, Achim Schmillen, 2017, *Di dân để tìm kiếm cơ hội: Vượt qua rào cản dịch chuyển lao động ở Đông Nam Á - Báo cáo tóm tắt*, Ngân hàng Thế giới, <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/28342/211106ovVN.pdf?sequence=7>
253. ILO, *ILO commits to support Viet Nam's effort to promote safe labour migration*, 2020, https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_747465/lang--en/index.htm, truy cập ngày 06/05/2022.
254. CIEM, *Nghiên cứu vấn đề về giới trong di cư trong nước và tái cơ cấu kinh tế tại Việt Nam - Nghiên cứu định Bnh về trải nghiệm của người lao động trở về*, 2021
255. UNDP, *Đánh giá tác động kinh tế xã hội của đại dịch COVID-19 đối với hộ gia đình và doanh nghiệp dễ bị tổn thương ở Việt Nam Phân tích có tính tới yếu tố giới – Báo cáo tóm tắt*, 2020, <https://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/covid-19-socio-economic-impact-on-vulnerable-households-and-ent.html?fbclid=IwAR1gmZGc9af1beFMwvKOEV5n9Gjao06LrDnUHsGG2au6iW8HyZ0jhyXcxrU>
256. Tổng cục thống kê, *Thông cáo báo chí kết quả nghiên cứu chuyên sâu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/12/thong-cao-bao-chi-ket-qua-nghien-cuu-chuyen-sau-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/>
257. Tổng cục thống kê, *Quý Dân số Liên hợp quốc, Điều tra di cư nội địa quốc gia 2015: Các kết quả chủ yếu*, 2016
258. UN, *Phân tích của Liên hợp quốc về tác động xã hội của Đại dịch Covid-19 đối với Việt Nam và các khuyến nghị chính sách chiến lược*, 2020, tr.9,

<https://www.unicef.org/vietnam/media/6006/file/Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20c%E1%BB%A7a%20LHQ%20v%E1%BB%81%20t%C3%A1c%20%C4%91%E1%BB%99ng%20x%C3%A3%20h%E1%BB%99i%20c%E1%BB%A7a%20%C4%91%E1%BA%A1i%20d%E1%BB%8Bch%20COVID-19.pdf>

259. IOM, Debt and the migration experience: insights from South-East Asia, 2019, tr. 38, <https://publications.iom.int/books/debt-and-migration-experience-insights-south-east-asia#:~:text=Email-,%20Debt%20and%20the%20Migration%20Experience%3A%20Insights%20from%20South%2DEast%20Asia,finance%20costly%20cross%2DBorder%20moves>, truy cập ngày 06/05/2022.
260. IOM, *Labour Market Assessment - Identifying opportunities for vulnerable Vietnamese from selected provinces of Viet Nam*, 2021, [Labour Market Assessment: Identifying Opportunities for Vulnerable Vietnamese from Selected Provinces of Viet Nam | IOM Publications Platform](#)
261. ILO, *Cơ chế khiếu nại đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài: Tổng quan về luật pháp và thực tiễn*, 2015, tr.41, https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_486732/lang--vi/index.htm, truy cập ngày 07/05/2022.
262. Công ty TNHH Macromill South East Asia Việt Nam, *Báo cáo nghiên cứu thói quen sử dụng mạng xã hội của người Việt Nam*, năm 2018
263. Bộ Nội vụ, *Báo cáo quốc gia về Thanh niên Việt Nam*, năm 2015